



ĐỨC BAHÁ'U'LLAH VÀ KỶ NGUYÊN MỚI

BAHA'U'LLAH AND NEW ERA



MỤC LỤC

VÌ TÌNH HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG	8
LỜI TỰA ÁN BẢN 1937	9
LỜI TỰA ÁN BẢN 1950	10
LỜI TỰA ÁN BẢN 1970	11
LỜI NÓI ĐẦU	12
CHƯƠNG I: TIN MỪNG.....	13
BIẾN CỐ LỚN NHẤT TRONG LỊCH SỬ	13
THẾ GIỚI CHUYỂN BIẾN.....	14
VÙNG THÁI DƯƠNG CÔNG NGHĨA	15
SỨ MẠNG CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH	16
SỰ ỨNG NGHIỆM LỜI TIÊN TRI.....	16
NHỮNG CHỨNG MINH VỀ SỨ MẠNG TIÊN TRI	18
SỰ KHÓ KHĂN TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU	19
MỤC ĐÍCH CỦA SÁCH NÀY	19
CHƯƠNG II: ĐỨC BAB (Báp) ĐẰNG TIỀN PHONG.....	21
SINH QUÁN CỦA TÂN MẶC KHẢI.....	21
THỜI THƠ ẤU	22
TUYÊN NGÔN.....	23
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO BABI.....	23
NHỮNG CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐỨC BAB	24
SỰ NGƯỢC ĐÃI GIA TĂNG.....	24
SỰ TỬ ĐẠO CỦA ĐỨC BAB	25
THÁNH LÃNG TRÊN NÚI CARMEL	26
THÁNH THƯ CỦA ĐỨC BAB	26
ĐẰNG MÀ THƯỢNG ĐẾ SẼ BIỂU HIỆN.....	27
PHỤC SINH, THIÊN ĐÀNG VÀ ĐỊA NGỤC	27
NHỮNG GIÁO HUẤN VỀ XÃ HỘI VÀ ĐẠO ĐỨC.....	28
THỐNG KHỔ VÀ THẮNG LỢI.....	28
CHƯƠNG III: ĐỨC BAHÁ'U'LLAH: VINH QUANG CỦA THƯỢNG ĐẾ.....	30
SỰ GIÁNG SINH VÀ THIẾU THỜI	30
BỊ KẾT TỘI LÀ BABI VÀ BỊ GIAM CÀM.....	31
CUỘC LƯU ĐÀY QUA BAGHDAD (Bá-đá).....	32
HAI NĂM NƠI HOANG VẮNG.....	32
SỰ ĐỐI LẬP CỦA NHÓM MULLAS	33
BẢN TUYÊN NGÔN Ở VƯỜN RIDVAN (Riz-von) TẠI BAGHDAD	34

CONSTANTINOPLE (Công-xtan-ti-nốp) và ADRIANOPE (A-đri-a-nốp).....	35
NHỮNG BỨC THƯ GỎI CHO CÁC HOÀNG ĐẾ	35
THỜI GIAN BỊ TÙ Ở AKKA.....	36
NHỮNG SỰ KHẮC NGHIỆT ĐƯỢC NÓI DỊU	37
CỬA NHÀ TÙ MỞ RỘNG	37
ĐỜI SỐNG Ở BAHJI	39
SỰ THĂNG THIÊN	41
SỨ MỆNH TIÊN TRI CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH	41
SỨ MẠNG CỦA NGÀI.....	45
THÁNH THƯ CỦA NGÀI.....	46
TINH THẦN BAHÁ'I.....	48
CHƯƠNG IV: ĐỨC ABDUL-BAHA: NGƯỜI PHỤNG SỰ THƯỢNG ĐẾ	49
GIÁNG SINH VÀ THIẾU THỜI.....	49
THỜI THANH NIÊN	50
KẾT HÔN	51
TRUNG TÂM GIAO ƯỚC	52
CẢNH NGỤC TÙ NGHIÊM NGẶT LẠI TÁI DIỄN	52
ỦY BAN ĐIỀU TRA THỔ NHĨ KỶ	55
NHỮNG CUỘC DU HÀNH BÊN TÂY PHƯƠNG	55
TRỞ VỀ THÁNH ĐỊA	56
NHỮNG NĂM CHINH CHIẾN Ở HAIFA.....	58
ĐỨC ABDUL-BAHA NHẬN TƯỚC PHONG CỦA NƯỚC ANH.....	58
NHỮNG NĂM CUỐI CÙNG.....	59
ĐỨC ABDUL-BAHA THĂNG THIÊN	59
CÁC THÁNH THƯ VÀ GIÁO TỬ	61
CƯƠNG VỊ CỦA ĐỨC ABDUL-BAHA	61
ĐẰNG GƯƠNG MẪU CỦA ĐỜI SỐNG BAHÁ'I	63
CHƯƠNG V: NGƯỜI BAHÁ'I LÀ GÌ?.....	64
SỐNG ĐỜI SỐNG CHÂN CHÍNH	64
TÔN SÙNG THƯỢNG ĐẾ	65
TÌM CHÂN LÝ	66
KÍNH YÊU THƯỢNG ĐẾ	67
THOÁT TỤC	69
PHỤC TÙNG	69
PHỤNG SỰ.....	70
TRUYỀN GIÁO.....	71

LỊCH THIỆP VÀ KÍNH CÂN	72
MẮT KHÔNG NHÌN TỘI LỖI	74
KHIÊM NHƯỜNG.....	75
LÒNG CHÂN THẬT VÀ CHÍNH TRỰC	76
TỰ BIẾT MINH.....	77
CHƯƠNG VI: SỰ CẦU NGUYỆN.....	79
CHUYỆN TRÒ VỚI THƯỢNG ĐẾ	79
CẦU NGUYỆN VÀ SUY TƯỞNG.....	80
SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ MỘT ĐẢNG TRUNG GIAN	81
BẮT BUỘC VÀ CẦN THIẾT PHẢI CẦU NGUYỆN.....	82
CẦU NGUYỆN LÀ NGÔN NGỮ CỦA TÌNH YÊU	83
CẦU NGUYỆN CHUNG	84
GIẢI THOÁT KHỎI TAI HỌA.....	85
CẦU NGUYỆN VÀ LUẬT THIÊN NHIÊN.....	86
KINH CẦU NGUYỆN BAHÁ'Í.....	87
I - Đức Tính Tâm Linh.....	87
II - Buổi Trưa.....	87
III - Thống nhất Nhân loại.....	87
IV - Tha thứ.....	88
CHƯƠNG VII: SỨC KHỎE VÀ PHÉP CHỮA BỆNH	90
THỂ XÁC VÀ LINH HỒN.....	90
TÍNH THUẦN NHẤT CỦA MỌI CUỘC SỐNG	90
ĐỜI SỐNG GIẢN DỊ.....	90
RƯỢU VÀ CHẤT MA TÚY	91
GIẢI TRÍ.....	91
SỰ SẠCH SẼ	92
HIỆU QUẢ SỰ TUÂN TÙNG CÁC GIỚI RĂN CỦA ĐẢNG TIÊN TRI	92
ĐẢNG TIÊN TRI LÀ LƯƠNG Y.....	93
CHỮA BỆNH BẰNG CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬT CHẤT.....	94
CHỮA BỆNH BẰNG NHỮNG PHƯƠNG TIỆN KHÔNG PHẢI VẬT CHẤT.....	95
QUYỀN NĂNG CỦA ĐỨC THÁNH LINH.....	96
THÁI ĐỘ CỦA BỆNH NHÂN.....	97
ĐẢNG CHỮA BỆNH	98
LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỌI NGƯỜI ĐỀU ĐƯỢC GIÚP ĐỠ	99
THỜI ĐẠI HOÀNG KIM.....	100
SỬ DỤNG CHÍNH ĐẢNG SỨC KHỎE	100

CHƯƠNG VIII: THỐNG NHẤT TÔN GIÁO	102
ỐC GIÁO PHÁI Ở THẾ KỶ XIX.....	102
SỨ ĐIỆP CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH.....	103
NHÂN LOẠI CÓ THỂ BIẾN CẢI ĐƯỢC KHÔNG?	103
NHỮNG BƯỚC ĐẦU TIÊN ĐẾN SỰ THỐNG NHẤT	104
VẤN ĐỀ QUYỀN THIÊNNG	105
MẶC KHẢI TIẾN BỘ LIÊN TỤC	106
SỰ KHÔNG SAI LẦM CỦA CÁC ĐẢNG TIÊN TRI.....	108
BIỂU HIỆN TỐI THƯỢNG	109
TÌNH HÌNH MỚI.....	110
SỰ SUNG MÃN CỦA MẶC KHẢI BAHÁ'I.....	111
GIAO ƯỚC BAHÁ'I.....	111
KHÔNG CÓ CHẾ ĐỘ TU SĨ CHUYÊN NGHIỆP	113
CHƯƠNG IX: NỀN VĂN MINH CHÂN CHÍNH.....	115
TÔN GIÁO, CĂN BẢN CỦA VĂN MINH.....	115
CÔNG BẰNG	116
CHÍNH QUYỀN	117
TỰ DO CHÍNH TRI.....	119
NHÀ LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI DÂN	120
SỰ BỔ NHIỆM VÀ THẲNG TRẬT	121
VẤN ĐỀ KINH TẾ	121
TÀI CHÁNH CÔNG DỤNG	122
TÌNH NGUYỆN CHIA PHẦN.....	122
CÔNG VIỆC CHO MỌI NGƯỜI	123
ĐẠO ĐỨC LUẬN VỀ SỰ GIÀU CÓ.....	123
BÃI BỎ CHẾ ĐỘ NÔ LỆ KỸ NGHỆ.....	124
VẬT DI TẶNG VÀ DI SẢN	125
BÌNH ĐẲNG NAM NỮ	126
PHỤ NỮ VÀ THỜI ĐẠI MỚI.....	127
THỦ TIÊU CÁC PHƯƠNG PHÁP BẠO LỰC.....	128
GIÁO DỤC	128
NHỮNG BIỆT DỊ BẨM SINH TRONG BẢN CHẤT	130
HUẤN LUYỆN NHÂN CÁCH	130
MỸ THUẬT, KHOA HỌC, CÔNG NGHIỆP	131
ĐỐI XỬ VỚI KẸ PHẠM TỘI	131
ẢNH HƯỞNG BÁO CHÍ.....	132

CHƯƠNG X: CON ĐƯỜNG HÒA BÌNH.....	134
BẤT HÒA HAY THUẬN HIỆP.....	134
NỀN HÒA BÌNH LỚN NHẤT.....	135
THÀNH KIẾN TÔN GIÁO.....	135
THÀNH KIẾN QUỐC GIA VÀ CHỦNG TỘC.....	137
THAM VỌNG ĐẤT ĐAI.....	138
THẾ GIỚI NGŨ.....	139
LIÊN MINH CÁC NƯỚC TOÀN THẾ GIỚI.....	141
TRỌNG TÀI QUỐC TẾ.....	142
HẠN CHẾ VŨ KHÍ.....	143
BẤT ĐỀ KHÁNG.....	144
CHIẾN TRANH CHÍNH NGHĨA.....	145
SỰ THỐNG NHẤT ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG.....	146
CHƯƠNG XI: PHÁN LỆNH VÀ CÁC GIÁO HUẤN KHÁC.....	148
ĐỜI SỐNG TU HÀNH.....	148
HÔN NHÂN.....	149
LY HÔN.....	150
LỊCH BAHÁ'Í.....	150
HỘI ĐỒNG TINH THẦN.....	152
LỄ BAHÁ'Í, NGÀY KỶ NIỆM VÀ THỜI KỶ CHAY GIỚI.....	153
CÁC LỄ BAHÁ'Í.....	154
CHAY GIỚI.....	155
HỘI HỢP.....	156
LỄ 19 NGÀY.....	157
MASHRIQUL-ADHKAR.....	157
ĐỜI SỐNG SAU KHI CHẾT.....	158
THIÊN ĐÀNG VÀ ĐỊA NGỤC.....	160
TÍNH CHẤT ĐỒNG NHẤT CỦA HAI THẾ GIỚI.....	161
ĐIỀU ÁC KHÔNG THỰC HỮU.....	163
CHƯƠNG XII: TÔN GIÁO VÀ KHOA HỌC.....	165
TƯƠNG TRANH DO HIỆU LÀM.....	165
BÁCH HẠI CÁC ĐẮNG TIÊN TRI.....	166
SỰ HÒA GIẢI CHÓM NỔ.....	167
TÌM TÒI CHÂN LÝ.....	168
CHỦ NGHĨA BẤT KHẢ TRI.....	168
Ý NIỆM VỀ THƯỢNG ĐẾ.....	169

BIỂU HIỆN CỦA THƯỢNG ĐẾ	169
TẠO LẬP VỮ TRỤ.....	170
SỰ TIẾN HÓA CỦA LOÀI NGƯỜI.....	171
THÂN THỂ VÀ LINH HỒN	173
NHÂN LOẠI ĐỒNG NHẤT	174
KỶ NGUYÊN THỐNG NHẤT	174
CHƯƠNG XIII: CÁC LỜI TIÊN TRI ỨNG NGHIỆM VÀO MẶC KHẢI BAHÁ'Í.....	176
GIẢI THÍCH CÁC LỜI TIÊN TRI	176
NGÀY CHÚA ĐẾN	177
CÁC LỜI TIÊN TRI LIÊN QUAN ĐẾN CHÚA CỨU THẾ.....	177
CÁC LỜI TIÊN TRI LIÊN QUAN ĐẾN ĐỨC BAB VÀ ĐỨC BAHÁ'U'LLAH.....	178
VINH QUANG THƯỢNG ĐẾ	179
CÀNH CÂY	180
NGÀY CỦA THƯỢNG ĐẾ	181
NGÀY PHÁN XÉT	182
ĐẠI PHỤC SINH.....	183
ĐỨC CHÚA TÁI LÂM.....	184
THỜI CUỐI CÙNG.....	186
CÁC DẤU HIỆU TRÊN TRỜI VÀ DƯỚI ĐẤT.....	187
ĐANG ĐƯỢC HỨA HẸN SẼ TỚI NHƯ THẾ NÀO	189
CHƯƠNG XIV: LỜI TIÊN TRI CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH VÀ ĐỨC ABDUL-BAHA	193
THÁNH NGÔN CỦA THƯỢNG ĐẾ CÓ NĂNG LỰC SÁNG TẠO	193
NAPOLEON ĐỆ TAM.....	195
NƯỚC ĐỨC.....	196
NƯỚC BA TƯ	196
NƯỚC THỔ NHĨ KỲ.....	197
MỸ CHÂU	199
CHIẾN TRANH 1914-1918	199
CÁC BIẾN LOẠN XÃ HỘI SAU CHIẾN TRANH.....	200
THỜI THÀNH LẬP VƯƠNG QUỐC CỦA THƯỢNG ĐẾ ĐÃ TỚI.....	203
AKKA VÀ HAIFA.....	204
CHƯƠNG XV: NHẬN XÉT VỀ QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI.....	206
PHÁT TRIỂN CHÁNH ĐẠO.....	206
ÂN TỬ TIÊN TRI CỦA ĐỨC BAB VÀ ĐỨC BAHÁ'U'LLAH.....	207
VIỄN ẢNH TRÁNG LỆ.....	208
SỰ CANH TÂN TÔN GIÁO.....	209

SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ MỘT TÂN MẶC KHẢI.....	209
CHÂN LÝ CHUNG CHO MỌI NGƯỜI	209
CHỨC THƯ VÀ GIAO ƯỚC CỦA ĐỨC ABDUL-BAHA	210
VỊ GIÁO HỘ CỦA THƯỢNG ĐẾ	212
NHỮNG VỊ GIÁO THỦ CỦA CHÁNH ĐẠO	213
HỆ THỐNG QUẢN TRỊ BAHÁ'Í	214
NỀN TRẬT TỰ THẾ GIỚI CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH.....	220
LỜI BẠT.....	228
CHÚ THÍCH:.....	231

VÌ TÌNH HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG

Qua các thời đại, Chánh Đạo của Thượng Đế đã được tin nhận như một trong những năng lực lớn nhất để chữa lành các căn bệnh cho xã hội loài người. Nhưng Chánh Đạo Baha'i đã tiến xa hơn – Chánh Đạo đưa ra những quan điểm thế giới về các lãnh vực liên quan đến con người hiện đại:

- Công lý cơ bản
- Đoàn kết quốc tế
- Những phương thức bất bạo động
- Tự do chính trị
- Cải cách kinh tế
- Giáo dục

Sách “ĐỨC BAHÁ’U’LLAH VÀ KỶ NGUYÊN MỚI” trình bày lời phát biểu độc đáo, khẳng định rằng Chánh Đạo Baha'i thực sự giúp đỡ cho một thế giới đang rối loạn.

LỜI TỰA ẢN BẢN 1937

Qua việc ấn hành quyển “Đức Baha’u’llah và Kỷ nguyên Mới” hơn mười năm trước, Chánh Đạo Baha’i đã đưa ra luận điểm sâu sắc, minh bạch của một người nghiên cứu giáo lý. Công nhận giá trị của quyển sách như là lời giới thiệu Chánh Đạo một cách thỏa đáng, người Baha’i ở Đông phương cũng như Tây phương thấy rằng quyển sách của Tiến sĩ Esslemont hữu dụng đến nỗi đã dịch ra ba mươi thứ tiếng khác nhau.

Như chính Tiến sĩ Esslemont nhận định, Chánh Đạo đã bước sang giai đoạn lịch sử mới sau sự Thăng thiên của Đức Abdul-Baha. Kết quả là quan điểm của tác giả, một số đã biên soạn trước năm 1921 (ấn hành lần đầu năm 1923), có một số mặt không còn phù hợp với tính chất tiến hóa của Chánh Đạo. Sự biện giải của ông về một số biến cố và điều kiện xã hội lúc đó, nay có vẻ không hoàn toàn xác đáng nữa. Một số sai lầm khó tránh cũng đã bị đưa vào tác phẩm, và sự giải thích của ông về cương vị của Đức Bab và Đức Abdul-Baha đã được thay thế trong tâm trí người Baha’i do những chú giải có thẩm quyền của Đức Shoghi Effendi, Đức Giáo hộ đầu tiên của Chánh Đạo.

Vì vậy, ấn bản này đã đưa ra một số sửa đổi do Hội đồng Tinh thần Tôn giáo Baha’i Quốc gia Hoa kỳ thực hiện, dưới sự cố vấn và phê chuẩn của Đức Shoghi Effendi.

Những nhuận sắc này không làm thay đổi phác thảo ban đầu trong sách của ông Esslemont, cũng không ảnh hưởng tới nội dung chính yếu của tác phẩm. Mục đích sự hiệu chỉnh chỉ làm phong phú thêm luận điểm của tác giả trong một số đoạn bằng cách đưa thêm vào những tư liệu nêu rõ tri thức trọn vẹn mới có từ sau cái chết đau buồn của ông, và thêm một số đoạn văn mới dịch mà ông đã trích dẫn trong các Thánh thư Baha’i.

Ủy ban Xuất bản Baha’i
Tháng giêng, 1937

LỜI TỰA ẤN BẢN 1950

Qua ấn bản này, Ủy ban Xuất bản Baha'i Hoa kỳ đã nhận lại tác quyền và các quyền lợi khác của sách "Đức Baha'u'llah và Kỷ nguyên Mới" từ Công ty hữu hạn của các ông George Allen và Unwin, Luân đôn, Anh quốc, là những người đã ấn hành quyển sách lừng danh của Tiến sĩ Esslemont hơn hai mươi năm trước. Qua sự thương lượng với Nhà Xuất bản Anh quốc, từ năm 1928 Ủy ban đã cho in lại mười một lần, cộng với ấn bản đầu tiên của Hoa kỳ do Brentano, Nữu Ước nhập vào.

Ấn bản này không thay thế ấn bản gốc, nhưng nó đã được hiệu đính dưới sự hướng dẫn của Đức Giáo hộ của Chánh Đạo năm 1937, vì thời gian đòi hỏi một quyển sách sâu sắc phải được soạn lại để cho những dẫn giải về điều kiện của thế giới được hoàn thành hợp thời. Tác phẩm của Tiến sĩ Esslemont tồn tại như một lời giới thiệu đáng tin cậy về lịch sử và giáo lý của Chánh Đạo Baha'i. Sách này được dịch ra khoảng ba mươi thứ tiếng, đã chứng tỏ sức hấp dẫn của nó đối với những người nghiên cứu ở Đông phương cũng như Tây phương.

Cần nói thêm là việc hiệu đính tác phẩm này trong tương lai cần phải được sự chấp thuận của Đức Shoghi Effendi. Ủy ban không có quyền sửa đổi cho hợp sở thích của tín đồ Baha'i các nước khác theo nhu cầu riêng của nơi đó.

Ủy ban Xuất bản Baha'i
Tháng 12.1950

LỜI TỰA ẤN BẢN 1970

Từ năm 1937 không hề có lần hiệu đính nào đối với tác phẩm của Tiến sĩ Esslemont chỉ trừ năm 1950 có một vài sửa đổi nhỏ. Mặt khác, sự quảng bá và phát triển của Chánh Đạo Baha'i thật là to lớn kể từ thời gian ấy, và trong văn khố Baha'i đã có thêm một di sản phong phú những khảo luận, bản dịch, tường thuật lịch sử do chính ngọn bút của Đức Shoghi Effendi, Giáo hộ của Chánh Đạo và là người được chỉ định để giải thích các Thánh thư.

Bởi vậy, xét cần phải nâng quyền sách lên cho kịp thời gian tính để nó được hữu dụng đối với độc giả hiện đại. Việc này đã được thực hiện với rất ít đổi thay so với nguyên bản, và đặc biệt dùng cách chú thích ở cuối trang và lời cuối sách để đưa ra những thông kê hiện thời và những phát triển trong việc triển khai các cơ cấu của Chánh Đạo Baha'i.

Sách của Tiến sĩ Esslemont tiếp tục được dùng rộng rãi nhất làm một trong những sách giới thiệu Chánh Đạo Baha'i, mà bằng chứng là con số bản dịch năm 1937 mới được ba mươi nay đã lên tới năm mươi tám thứ tiếng.

Nhà Xuất bản Baha'i

LỜI NÓI ĐẦU

Tháng chạp, năm 1914, nhân thảo luận cùng các bạn đã từng gặp Đức Abdul-Baha và nhờ mượn được một ít sách, tôi làm quen với giáo lý Baha'i. Ngay từ phút đầu, tôi đã được thu hút bởi sự sâu sắc, uy lực và vẻ đẹp của những giáo lý đó. Tôi có cảm tưởng rằng những giáo lý này thích ứng với những nhu cầu chính yếu của thế giới hiện tại một cách đầy đủ và thỏa đáng hơn bất cứ tôn giáo nào mà tôi từng biết. Sau này, sự nghiên cứu của tôi chỉ khơi sâu và khẳng định thêm cảm tưởng ấy.

Trong khi tìm hiểu sâu rộng hơn về giáo lý này, tôi vấp phải khó khăn lớn lao trong việc tìm kinh sách cần thiết và tôi nảy ra ý nghĩ gom góp những điều đã học hỏi thành một cuốn sách để làm dễ dàng công việc nghiên cứu của người khác. Lúc sự giao thông với Palestine được tái lập sau chiến tranh, tôi đã viết thư đến Đức Abdul-Baha và gửi kèm theo một bản sao chín Chương đầu của sách này mà bản thảo lúc ấy hầu như đã hoàn thành. Tôi nhận được một bức thư phúc đáp đầy thiện cảm và khích lệ, với lời mời thân ái đến thăm Ngài tại Haifa và mang theo toàn bộ bản thảo. Tôi hân hoan nhận lời mời và đã được đặc ân là khách của Đức Abdul-Baha trong hai tháng rưỡi vào mùa đông năm 1919-1920. Trong thời gian lưu trú tại đây, tôi đã được thảo luận với Đức Abdul-Baha nhiều lần về cuốn sách. Ngài đã ban cho tôi khá nhiều ý kiến giá trị để cuốn sách được hoàn hảo và gợi ý là khi đã duyệt lại trọn cuốn thì đem dịch ra tiếng Ba Tư để Ngài có thể đọc và hiệu đính những điều cần thiết. Sách này được duyệt và dịch ra tiếng Ba Tư như Ngài đã dạy, và dù bận rất nhiều việc, Đức Abdul-Baha cũng đã dành thì giờ để sửa chữa gần ba chương rưỡi trước khi Ngài thăng thiên (chương I, II, V và một phần chương III).

Tôi rất tiếc là Đức Abdul-Baha đã không duyệt lại được trọn bản thảo để giá trị sách này có thể tăng lên gấp bội. Tuy nhiên, Hội đồng Tinh thần Tôn giáo Baha'i Anh quốc cũng đã duyệt lại kỹ càng toàn bộ và đồng ý cho xuất bản.

Tôi chịu ơn sâu xa đối với Cô E. J. Rosenberg, các Bà Claudia S. Coles, Ông Mirza Lotfullah S. Hakim, các Ông Roy Wilhelm và Mountford Mills và nhiều bạn hiền khác đã giúp tôi nhiều trong việc biên soạn sách này.

Còn về cách phiên âm những tên người, các từ ngữ Á Rập và Ba Tư, thì phương pháp dùng ở đây là phương pháp vừa được Đức Shoghi Effendi khuyến dụng trong khắp thế giới Baha'i.

J. E. ESSLEMONT
Fairford, Cults, gần Aberdeen

CHƯƠNG I: TIN MỪNG

“Đấng Hứa hẹn cho tất cả các dân tộc trên thế giới đã xuất hiện. Tất cả các dân tộc và các cộng đồng đang mong chờ một Thiên Khải, thì Ngài, Đức Baha’u’llah, Đấng Thánh sư và Đấng Giáo dục tối cao của nhân loại, đã xuất hiện.”

-Đức Abdul-Baha-

BIẾN CỐ LỚN NHẤT TRONG LỊCH SỬ

Nếu chúng ta nghiên cứu sự “tiên hóa của loài người” như đã ghi trong sử sách, thì thấy rõ rằng yếu tố quan trọng nhất cho sự tiến hóa của nhân loại là sự xuất hiện, từng thời kỳ một, những nhân vật có tư tưởng vượt quá những tư tưởng được thừa nhận lúc đương thời, là những bậc phát giác và khải lộ những chân lý mà nhân loại chưa từng biết. Sự tiến hóa của nhân loại vốn chủ yếu tùy thuộc nơi nhà phát minh, bậc tiên phong, bậc thiên tài, Đấng Tiên tri. Carlyle viết:

“Chúng tôi nghĩ rằng đây là sự thật, sự thật hoàn toàn... rằng một bậc Trí huệ tuyệt vời và thụ thác một Chân lý thiêng liêng mà người đời chưa biết tới, thì mạnh hơn không những mười người, không những muôn người, mà mạnh hơn mọi người không có diễm phúc đó. Đứng giữa loài người, Vị đó được phó thác một uy quyền vô hình, huyền diệu như đã có một thanh thần kiếm được tinh luyện ở Cõi trời mà không khiên nào, mà không thành đồng nào chống đỡ nổi.”

-Trích sách Thời Triệu-

Trong lịch sử khoa học, mỹ thuật, âm nhạc, chúng ta thấy rất nhiều dẫn chứng về sự thực đó, nhưng không thấy trong lãnh vực nào, sự ưu việt của bậc vĩ nhân, và sứ mạng Người ấy đem tới, biểu lộ một cách minh nhiên như trong lãnh vực tôn giáo. Trải qua các thời đại, bất cứ lúc nào đời sống tâm linh loài người sa sút, đạo đức suy đồi, thì Đấng Tiên tri, Nhân vật vô cùng huyền bí và kỳ diệu lại xuất hiện.

Một mình đối phó với cả thế giới, không có ai chỉ giáo, hướng dẫn, thông cảm hoàn toàn hay chia sẻ trách nhiệm với Ngài. Như một Người sáng giữa các kẻ mù, Ngài đứng lên công bố phúc âm về công bình và chân lý.

Trong các Đấng Tiên tri, một số Vị đã phát huy ánh sáng siêu việt. Cứ mấy thế kỷ thì có một Đấng Mặc khải Thiêng liêng như Krishna, Zoroaster, Moses, Jesus, Muhammad, xuất hiện ở Đông phương như vùng Thái dương tâm linh, để soi sáng những đầu óc tối tăm và thức tỉnh những tâm hồn mê muội. Dù chúng ta quan niệm thế nào về giá trị so sánh của các Đấng Giáo tổ này, chúng ta cũng phải công nhận rằng các Ngài là những yếu tố hiệu nghiệm nhất trong việc giáo hóa nhân loại. Tất cả các Đấng ấy đều nhất trí rằng những Lời công bố của các Ngài

không phát xuất từ nơi mình, mà các Ngài chỉ diễn tả một Thiên khai, một Sứ điệp Thiên liêng mà các Ngài là những Đấng Trung bửu.

Kinh sách của các Ngài cũng chứa đựng rất nhiều lời ám chỉ và hứa hẹn về một Đấng Đại Giáo huấn của thế gian sẽ giáng thế “khi các thời đại đã viên mãn”, để tiếp tục cơ nghiệp của các Ngài cho đến lúc kết quả. Đấng này sẽ thiết lập một kỷ nguyên công bằng và hòa bình trên địa cầu, hợp thành một gia đình tất cả các chủng tộc, tôn giáo, quốc gia và bộ lạc ngỗ hầu “chỉ có một đàn chiên và một Đấng Chăn chiên”, và mọi người đều hiểu biết và kính yêu Thượng Đế, “từ kẻ kém cỏi nhất đến người vĩ đại nhất”. Chắc chắn, “trong những ngày sau chót”, sự xuất hiện của “Đấng Giáo dục Nhân loại” phải là một biến cố lớn lao nhất trong lịch sử loài người. Nay chính vì “Tin mừng” đó mà Tôn giáo Baha’i tuyên bố cùng thế giới rằng: “Đấng Giáo dục” này đã thực sự xuất hiện, và Thiên khai của Ngài đã được truyền rao và ghi chép, và những ai khao khát chân lý đều có thể nghiên cứu, rằng “Ngày của Thượng Đế” đã rạng và “Mặt trời Công nghĩa” đã mọc.

Cho đến nay chỉ có một ít người ở trên đỉnh núi mới nhận thức được vàng Thái dương Huy hoàng, nhưng ánh sáng thì đã chiếu khắp Vũ trụ. Chẳng bao lâu nữa vàng Thái dương ấy sẽ lên khỏi núi, rực rỡ chiếu khắp đồng nội và thung lũng, đem lại sự sống và ơn dắt dẫn cho cả nhân loại.

THẾ GIỚI CHUYỂN BIẾN

Trong thế kỷ thứ 19 và tiền bán thế kỷ 20,¹ (1) thế giới đã trải qua bao nhiêu sự hãi hùng của một kỷ nguyên đang hấp hối suy tàn, và sự đau đớn của một vận hội mới đang thành hình là điều hiển nhiên đối với mọi người. Những nguyên lý cũ kỹ của thói hám vật chất và vị kỷ, các thành kiến cổ hủ bè phái, lòng ái quốc cực đoan và thù nghịch, đang suy sụp, mất tín nhiệm vì những cảnh hoang tàn mà các chủ nghĩa đó đã tạo ra; và khắp nơi hiện ra dấu hiệu của một tinh thần mới về đức tin, bác ái, đại đồng, đang phá vỡ mọi ràng buộc và ranh giới cũ. Những sự thay đổi triệt để ở mức độ lớn lao chưa từng thấy đã diễn ra trong khắp các lãnh vực của đời sống con người. Kỷ nguyên cũ chưa chấm dứt hẳn, mà đang tranh đấu một mất một còn với vận hội mới. Những sự xấu xa còn nhiều, lớn lao và dữ dội, nhưng đều bị phơi bày, tra xét, công kích, xua đuổi với nhiệt huyết và niềm hy vọng mới. Mây mù còn dày, to lớn, góm ghê, nhưng ánh sáng đang xuyên qua, chiếu rọi con đường tiến bộ, soi rõ các trở ngại, cạm bẫy hằng ngăn cản bước tiến của nhân loại.

Thế kỷ thứ 18 lại khác hẳn, không có lấy một tia sáng rọi vào. Sự mê muội tinh thần và đạo đức đang bao trùm khắp thế giới. Lúc ấy có thể ví như thời gian tối tăm nhất trước buổi bình minh, khi một số ngọn đèn và ánh nền hiem hơi còn sáng, chỉ khiến thấy rõ bóng tối. Trong quyển “Frederic Đại Đế”, Carlyle đã trình bày về thế kỷ 18 như sau:

¹ Số 1 ở trên đây là chú thích số ở cuối sách, tương tự cho các số khác

“Thế kỷ đó không có lịch sử và cũng không thể có được. Một thế kỷ đầy dẫy những dối trá... hơn bất cứ thế kỷ nào trước. Mà cũng không ý thức những lỗi lầm của mình, vì đã tiêm nhiễm lỗi lầm quá nặng, nó chìm đắm trong sự hôn mê ám chướng; một cuộc Cách mạng Pháp thế tất phải chấm dứt nó... Tôi tạ ơn về sự kết thúc thích đáng của một thế kỷ như vậy... Một lần nữa, cần phải có một Thiên khải để ngăn cản những đũa con lười biếng phù phiếm của nhân loại để chúng khỏi sa vào tình trạng thú tính”.

-Frederic Đại Đế, Quyển I, chương 1-

Thời hiện tại so với thế kỷ thứ 18 như là bình minh đến sau đêm tối, hoặc như lúc đông qua xuân tới. Thế giới đang rung động theo một nhịp sống mới, phần khích bởi một lý tưởng và niềm hy vọng mới. Những điều mà ít năm trước đây dường như là không tưởng, bây giờ thành những sự kiện xác thực. Những ý niệm khác tưởng chừng phải hàng mấy thế kỷ mới thực hiện được, bây giờ đã thành những vấn đề “chính trị thực tế”. Người ta bay lên trời, thám hiểm đáy biển, đánh điện tín vòng quanh trái đất nhanh như chớp. Trong khoảng mấy mươi năm, chúng ta đã chứng kiến bao nhiêu điều kỳ diệu không sao kể hết được.

VÙNG THÁI DƯƠNG CÔNG NGHĨA

Nguyên nhân nào bỗng nhiên thức tỉnh toàn thế giới? Người Baha’i tin rằng điều đó do Thánh linh cảm ứng qua Đấng Tiên tri Baha’u’llah. Ngài Giáng sinh năm 1817 ở Ba Tư (Persia, nay là Iran) và Thăng thiên năm 1892 ở Thánh địa Haifa.

Đức Baha’u’llah phán rằng Đấng Tiên tri hay là “Đấng Biểu hiện của Thượng Đế”, là Đấng mang ánh sáng của thế giới tâm linh như mặt trời mang ánh sáng của thế giới vật chất. Giống như mặt trời vật chất chiếu sáng trên trái đất, làm tăng trưởng và phát triển tất cả các sinh vật, vàng “Thái dương Chân lý”, Đấng “Biểu hiện của Thượng Đế” soi sáng thế giới linh hồn và tâm hồn, giáo dục tư tưởng, đức hạnh và tính tình con người. Giống như những tia sáng mặt trời vật chất có ảnh hưởng xuyên suốt các nơi tối tăm, u ám nhất trên khắp địa cầu, đem lại nhiệt khí và sự sống cho cả những vật không hề thấy mặt trời, sự cảm ứng của Thánh linh cũng thế, qua Đấng “Biểu hiện của Thượng Đế”, ảnh hưởng đến đời sống của mọi người, cảm hóa những tâm hồn nhạy cảm, ngay cả những nơi mà Danh Đấng Tiên tri chưa được biết tới. Sự giáng thế của Đấng Biểu hiện giống như sự xuất hiện của mùa xuân. Đó ngày Phục sinh, ngày mà những người chết về tâm linh được nâng dậy trong một đời sống mới, là ngày mà thực thể của mọi Tôn giáo thờ phụng Thượng Đế được canh tân và khôi phục, ngày mà “trời mới và đất mới” xuất hiện.

Nhưng trong cõi thiên nhiên, mùa xuân không những làm phát khởi một cuộc sống mới, mà còn hủy diệt và xóa sạch vật nào suy nhược và cằn cõi. Vì cùng một vàng Thái dương mà vừa làm nở hoa nảy lộc, vừa làm tan rã cái gì khô héo và vô

dụng, nó làm tan băng tuyết mùa đông, gây ra thủy tai, bão táp, rửa sạch và tẩy uế địa cầu. Trong thế giới tâm linh cũng vậy. Ánh sáng tâm linh cũng gây ra những xáo động và biến cải. Vì vậy, Ngày Phục sinh cũng là Ngày Phán xét. Trong ngày đó, những mô phỏng chân lý, sự hủ hóa, những tư tưởng và tập quán lỗi thời đều bị loại trừ và hủy bỏ, những băng tuyết thành kiến và mê tín chồng chất trong mùa đông sẽ bị tan rã và biến dạng, những năng lực bị kìm hãm từ lâu nay được giải phóng để tràn ngập và canh tân thế giới.

SỨ MẠNG CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH

Đức Baha'u'llah đã nhiều lần tuyên bố rõ ràng rằng: Ngài là Đấng Giáo dục, Đấng Huấn luyện các dân tộc đã được chờ đợi từ lâu. Ngài là Trung gian truyền Ân điển kỳ diệu, siêu việt hơn những lần giáng phúc trước, trong đó tất cả những hình thức tôn giáo cũ đều qui tụ như các dòng sông chảy về biển cả. Ngài đặt nền tảng vững vàng cho sự thống nhất toàn thế giới và khai mạc kỷ nguyên hòa bình vinh quang trên trái đất, thiện chí giữa loài người, kỷ nguyên mà các Đấng Tiên tri đã hứa hẹn và các thi nhân từng ca tụng.

Tìm hiểu chân lý, thống nhất nhân loại, thống nhất tôn giáo, chủng tộc, quốc gia, phương Đông và phương Tây, hòa hợp tôn giáo và khoa học, xóa bỏ thành kiến và mê tín, nam nữ bình đẳng, thiết lập công lý và sự liêm chính, thành lập Tối cao Pháp viện, thống nhất ngôn ngữ, cưỡng bách giáo dục: những điều này và các giáo lý khác đã được Ngòi bút của Đức Baha'u'llah mặc khải vào nửa cuối của thế kỷ trước, trong nhiều sách và thư tín. Một số thư tín đó được gửi cho các Vua chúa, các Nhà cầm quyền trên thế giới.

Sứ điệp của Ngài vô song về phương diện thâm nhiệm và rộng lớn, phù hợp lạ lùng với những dấu hiệu và nhu cầu của thời đại. Chưa bao giờ loài người phải giải quyết những vấn đề quan trọng và phức tạp như bây giờ. Chưa bao giờ những giải pháp đề nghị lại nhiều và tương phản như bây giờ. Chưa bao giờ nhân loại cảm thấy cần thiết cấp bách một Đấng Đại Giáo sư cho cả thế giới như hiện nay. Và, có lẽ, chưa bao giờ sự ngưỡng vọng Đấng Tôn sư lại được toàn thể tin tưởng như bây giờ.

SỰ ỨNG NGHIỆM LỜI TIÊN TRI

Đức Abdul-Baha viết:

“Cách đây 2000 năm, khi Chúa Cứu thế xuất hiện, mặc dầu người Do Thái giáo mong chờ Người, và hằng ngày khóc lóc “cầu xin Thượng Đế cho Đấng Cứu thế mau giáng phạm”, nhưng tới khi Mặt trời Chân lý hiện ra, thì họ lại phủ nhận, quyết liệt chống đối Ngài, đem Đấng Chúa Thánh thân, Ngòi Lời của Thượng Đế hành hình trên Thập tự giá, họ gọi Ngài là quỷ Beelzebub, như sách Phúc âm đã ghi. Và đây là nguyên do: họ nghĩ rằng “Mặc khải của Chúa Cứu thế”, theo như

Kinh Torah đã ghi rõ, phải được xác nhận bằng một số dấu hiệu, và bao giờ những dấu hiệu đó chưa hiện ra, thì ai tự xưng “Đấng Cứu thế” tức là kẻ lừa gạt. Một trong những dấu hiệu đó là “Chúa Cứu thế” phải đến từ một nơi không ai biết, thế mà chúng ta biết nhà của người này ở Na-da-rét (Nazareth), và Na-da-rét đã bao giờ sản sinh cái gì tốt đẹp chưa? Dấu hiệu thứ hai là “Người sẽ trị vì bằng roi sắt”, nghĩa là bằng gươm, nhưng “Đấng Cứu thế” này, cả đến một cái gậy gỗ cũng không có. Điều kiện khác nữa là, “Người phải ngự trị trên ngôi Đa-vít (David) và thiết lập triều đại Đa-vít”. Nay đừng nói chi đến ngai, ngay đến một cái chiếu người cũng chẳng có mà ngồi. Một điều kiện khác là: “Người tuyên bố thi hành tất cả Luật pháp Kinh Torah”, thế mà người này hủy bỏ luật đó và cả ngày Sa-bát (ngày thứ bảy, ngày nghỉ của tuần lễ Do Thái), mặc dầu Kinh Torah đã chép: “Người nào tự xưng là Tiên tri làm phép lạ, mà hủy bỏ Lễ Sa-bát, sẽ bị tử hình”. Một dấu hiệu khác nữa là: “Dưới triều đại của Ngài, công lý sẽ tiến đến độ mà sự công bình chính trực lan tràn từ loài người đến thế giới cầm thú, rắn và chuột sống chung một hang, đà đà và chim ó ở cùng một ổ, sư tử và linh dương ăn chung trong một cánh đồng, sói và cừu uống chung một dòng suối”. Vậy mà nay, sự bất công và tàn ác tệ hại đến nỗi người ta đóng đinh người trên Thập tự giá. Lại có điều kiện khác nữa là, trong thời Đấng Cứu thế, dân Do Thái phồn thịnh và chiến thắng tất cả các dân tộc trên hoàn vũ, nhưng nay họ đang sống trong cảnh khốn khổ, làm tôi mọi cho đế quốc La Mã. Bởi vậy hỏi rằng Đấng Cứu thế này giống Đấng Cứu thế trong Kinh Torah ở chỗ nào?

Vì vậy mà người Do Thái phản đối “Mặt trời Chân lý”, mặc dầu Đấng Thánh linh ấy chính là “Đấng” đã được báo trước trong Kinh Torah. Nhưng vì họ không hiểu ý nghĩa những dấu hiệu đó, nên họ đã hành hình Ngôi Lời. Nay tín đồ Baha’i xác nhận rằng những dấu hiệu đó đã hoàn thành trong Biểu hiện của Đấng Cứu thế, nhưng không theo cách dân Do Thái hiểu, vì sự diễn tả trong Kinh Torah là theo nghĩa bóng. Ví dụ: dấu hiệu về Vương quyền; người Baha’i cho rằng Vương quyền của Chúa Cứu thế là Vương quyền thiên thượng và bất diệt, chứ không phải Vương quyền phù du như của Nã-phá-luân (Napoleon). Vương quyền của Chúa Cứu thế thiết lập đã gần 2000 năm, hiện nay vẫn còn, và Đấng Thánh trí ấy sẽ được suy tôn mãi mãi trên “Ngai vĩnh cửu”.

Tương tự như thế, tất cả những dấu hiệu khác cũng đã biểu hiện, nhưng người Do Thái không hiểu. Mặc dầu 20 thế kỷ đã trôi qua gần hết kể từ ngày Chúa Cứu thế xuất hiện với tất cả vẻ huy hoàng thiên thượng, thế mà người Do Thái tới nay vẫn mong chờ Chúa Cứu thế giáng phàm, họ tự cho là đúng và Chúa là giả mạo.”

(Đức Abdul-Baha viết để đưa vào chương sách này)

Nếu người Do Thái yêu cầu Đức Chúa giải thích, hẳn Ngài đã giảng rõ những lời tiên tri liên quan đến Ngài. Chúng ta hãy lấy đó làm một bài học, và trước khi quả quyết rằng những lời tiên tri về sự biểu hiện của Đấng Giáo dục trong Ngày cuối cùng chưa ứng nghiệm, chúng ta hãy nghiên cứu những Lời do chính Đức Baha’u’llah đã viết để giải thích những lời tiên tri đó, vì có nhiều lời tiên tri được công nhận là “bí ẩn”, và chỉ có Đấng Giáo huấn Chân chính mới có thể vén màn bí mật và giải thích ý nghĩa chân xác của những lời đó.

Đức Baha'u'llah đã viết nhiều đề giải thích rõ những lời tiên tri xưa, nhưng không phải để nhờ đó mà chứng minh Sứ mạng Giáo tổ của Ngài. Đối với tất cả những người có khả năng nhận thức, thì vàng Thái dương đã tự chứng minh. Khi xuất hiện, vàng Thái dương đâu có cần đến những lời tiên tri xưa để bảo đảm rằng mình chiếu sáng. Đấng Biểu hiện của Thượng Đế khi xuất hiện cũng vậy. Dầu tất cả các lời tiên tri rơi vào quên lãng, tự Ngài sẽ là bằng chứng dồi dào đầy đủ đối với những ai mà linh giác còn sáng láng.

NHỮNG CHỨNG MINH VỀ SỨ MẠNG TIÊN TRI

Đức Baha'u'llah khuyên rằng không ai nên tin tưởng lời phán và dấu hiệu của Ngài một cách mù quáng. Trái lại, một trong những điều chính yếu trong giáo lý của Ngài là cảnh cáo việc chấp nhận quyền uy nào đó một cách thiếu suy xét, và đòi hỏi mỗi người muốn xác định chân lý, phải mở mắt, lắng tai, tự mình phán đoán một cách can đảm và độc lập.

Ngài khuyên phải nghiên cứu chu đáo, Ngài không giấu mình, nhưng cho thấy những bằng chứng cao cả về Sứ mạng Giáo tổ của Ngài, qua các giáo huấn, cơ nghiệp và hiệu lực thay đổi đời sống, tính tình nhân loại. Sự thử thách mà Ngài đề nghị cũng giống như lời dạy của các Đấng Giáo tổ xưa.

Đức Moses đã dạy:

“Khi lời một vị tiên tri nhân danh Thượng Đế tuyên bố mà không thực hiện, thì đó là điều mà Đấng Bất diệt không hề nói đến, vị tiên tri ấy đã vì lòng tự kiêu mà tuyên bố như vậy, đừng sợ họ.”

Phục truyền Luật lệ Ký (Deuteronomy) XVIII, 22

Chúa Cứu thế cũng chứng tỏ mình một cách rõ ràng như vậy, và Ngài đã khuyên loài người dùng cách đó để xét lời tuyên bố của Ngài. Ngài dạy:

“Các ngươi hãy đề phòng bọn tiên tri giả mạo, họ đến với các ngươi dưới lột cừu, nhưng bên trong họ là loài lang sói đạo tặc. Các ngươi xét những thành tích và nhận định họ. Có ai hái nho trên cành gai hay là quả vả trên cây gai không? Cây tốt sanh quả tốt, nhưng cây xấu sanh quả xấu. Ấy vậy các ngươi nhờ xem trái mà biết cây.”

Ma thi ơ VII: 15-20

Trong các chương sau, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu xem sự tự nhận là Giáo tổ của Đức Baha'u'llah sẽ đứng vững hay sụp đổ trước phương pháp xem xét này: xem những việc mà Ngài đã nêu có thực hiện hay không, thành tích của Ngài tốt hay xấu; nói một cách khác, xem những lời tiên tri của Ngài có ứng nghiệm không, giáo qui của Ngài đã thiết lập chưa, cơ nghiệp của Ngài có giúp ích cho việc giáo dục, cải thiện đời sống nhân loại và chấn hưng đạo lý không?

SỰ KHÓ KHĂN TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU

Tất nhiên, những người muốn học hỏi để tìm hiểu sự thật về Chánh Đạo Baha'i, sẽ gặp nhiều khó khăn. Giống như tất cả những cải cách vĩ đại về đạo đức và tinh thần, Chánh Đạo Baha'i đã bị xuyên tạc lớn lao. Có điều mà bạn hữu và kẻ thù đều công nhận là Đức Baha'u'llah và các môn đệ của Ngài đã chịu nhiều hành hạ và đau khổ ghê gớm. Tuy nhiên, khi đề cập tới giá trị của Phong trào và tôn chất của các Đấng Sáng lập, thì quan điểm của các tín đồ và của những người phản kháng lại hoàn toàn khác nhau. Tình trạng tương tự đã xảy ra vào thời Chúa Cứu thế. Về việc đóng đinh Chúa và sự hành hạ, tuần đạo của những người theo Chúa, các sử gia Thiên chúa giáo và Do Thái giáo đều công nhận là có thực. Nhưng lúc tín đồ của Chúa cho rằng Chúa đã thực hiện và phát triển giáo huấn của Moses và các tiên tri, thì những kẻ phủ nhận lại cho rằng Chúa đã vi phạm luật pháp và giáo qui, nên Người đáng tội chết.

Trong phạm vi tôn giáo cũng như trong phạm vi khoa học, chân lý chỉ biểu lộ cho những người tìm tòi khiêm tốn và kính cẩn. Những người này sẵn sàng loại bỏ tất cả những thành kiến và mê tín, họ chẳng khác gì những kẻ bán tất cả những gì mình có để mua một “viên ngọc quý giá”. Muốn thấu triệt Chánh Đạo Baha'i chúng ta phải nghiên cứu với tinh thần sùng thượng chân lý một cách vô tư và chân thành, kiên nhẫn trên đường tìm tòi và tin tưởng nơi sự hướng dẫn thiêng liêng. Trong các Thánh thư của những Đấng Sáng lập, chúng ta sẽ tìm thấy chìa khóa vén màn bí mật của sự thức tỉnh lớn lao này, và tiêu chuẩn tối cao về giá trị của Chánh Đạo. Tiếc thay, ở đây người tìm tòi lại gặp phải những khó khăn khác, vì họ không đọc được các kinh bản gốc viết bằng tiếng Ả Rập và Ba Tư. Chỉ một ít tác phẩm được dịch ra tiếng Anh, và nhiều bản dịch đã xuất bản không được hoàn hảo lắm về phương diện chính xác và văn chương. Nhưng mặc dầu không hoàn hảo và không chính xác về việc tường thuật lịch sử và dịch thuật, nhưng điều cốt yếu lớn lao đặt nền móng vững chãi cho Chánh Đạo này vượt lên khỏi màn sương mù nghi hoặc và nổi bật như núi cao giữa trời.²

MỤC ĐÍCH CỦA SÁCH NÀY

Các chương sau của sách này cố gắng làm nổi bật một cách hoàn hảo và vô tư những đặc điểm hiển nhiên của lịch sử và nhất là những giáo lý của Chánh Đạo Baha'i, để giúp người đọc nhận xét sáng suốt tầm quan trọng của những giáo lý ấy, và có thể tự nghiên cứu vấn đề này sâu rộng hơn.

Tuy vậy, sự tìm tòi chân lý, dù quan trọng đến đâu, cũng không phải là mục đích và cứu cánh toàn thể đời sống. Chân lý không phải là một vật chết cứng, để sau khi tìm được thì đem vào bảo tàng viện, rồi được dán nhãn hiệu lên, phân thành loại, xếp thành mục, triển lãm rồi bỏ đấy, khô khan và vô dụng. Chân lý là một cái gì có sức sống, phải bắt rễ trong tâm hồn con người và đem lợi ích đến cho đời sống họ trước khi họ lãnh phần thưởng trọn vẹn về sự tìm tòi của mình.

Vậy nên, đối tượng chính trong việc phổ biến sự hiểu biết về một Mạc Khải tiên tri là những ai đã tin tưởng sự chân xác của lời tiên tri, phải thực thi nguyên tắc của nó, “sông đạo và truyền bá tin mừng”, để mau tiến tới ngày vạn phúc mà Ý chí của Thượng Đế được thành sự ở trên trái đất cũng như ở trên trời.

CHƯƠNG II: ĐỨC BAB (Báp) ³ ĐÁNG TIỀN PHONG

“Chính kẻ áp bức đã giết chết Đáng Kính yêu của các thế giới, để sau đây hòng dập tắt ánh sáng của Thượng Đế chiếu giữa chúng sinh và ngăn cản loài người đến Dòng nước Đời sống Thiên thượng trong những Ngày của Thượng Đế, Đáng Khoan dung, Đáng Đại lượng”.

-Lời Đức Baha'u'llah, trích bản gởi cho Ra'is-

SINH QUÁN CỦA TÂN MẠC KHẢI

Nước Ba Tư (Persia, nay là Iran), sinh quán của Mặc Khải Baha'i, chiếm một vị trí độc nhất trong lịch sử thế giới. Trong thời đại toàn thịnh, Ba Tư là nữ hoàng giữa mọi quốc gia, vô song về văn minh, hùng cường và huy hoàng. Nước này hiến cho thế giới nhiều bậc đại đế và đại chính khách, nhiều triết gia, nghệ sĩ, thi sĩ và tiên tri. Zoroaster (Dô-rô-át-xơ), Cyrus và Darius, Hafiz và Firdawsi, Sadi và Umar Khayyam chỉ là một số người con trứ danh của quốc gia này. Những nhà công nghiệp của nước này cũng không ai hơn nổi về phương diện tinh xảo: thảm Ba Tư là vô địch, lưỡi dao thép Ba Tư không nước nào hơn, đồ gốm Ba Tư nổi tiếng nhất thế giới. Khắp vùng Cận và Trung Đông, xứ Ba Tư đã để lại di tích thuở thịnh thời xưa kia.

Nhưng tới thế kỷ 18 và 19, nước Ba Tư đã rơi vào tình trạng suy vi thảm thương. Thuở huy hoàng xưa hình như khó trở lại. Chánh phủ thì tham nhũng và ở trong tình trạng tài chính khó khăn, một số nhà lãnh đạo thì ủy mị, một số khác là những quái vật tàn ác. Các tu sĩ thì ngoan cố và hẹp lượng, nhân dân dốt nát và mê tín. Số đông thuộc phái Hồi giáo Shi'ih (Si-ai),⁴ nhưng cũng có nhiều người theo Bái Hỏa giáo, Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo hoặc những giáo phái khác thù nghịch nhau. Ai ai cũng tự nhận mình là tín đồ của những giáo sư cao siêu đã khuyên họ thờ phượng Thượng Đế duy nhất, và sống đoàn kết trong tình thương, nhưng họ lại lẫn trốn nhau, ghét khinh nhau; giáo phái này chê giáo phái nọ là không tinh khiết, là cầu trệ hay tà đạo.

Sự nguyên rủa và ghét bỏ nhau lan tràn tới mức đáng sợ. Thật là nguy hiểm cho người Do Thái giáo hay tín đồ Bái Hỏa giáo khi đi trong phố một ngày mưa, vì nếu quần áo ướt của họ chạm phải một người Hồi giáo, thì coi như họ làm cho người này bị ô uế, và họ có thể bị giết để đền tội xúc phạm. Nếu một người Hồi giáo nhận tiền nơi tay người Do Thái giáo, hoặc tín đồ Bái Hỏa giáo, hoặc Thiên Chúa giáo, thì họ phải rửa tiền ấy trước khi bỏ vào túi. Nếu người Do Thái giáo thấy con mình đang cho kẻ ăn xin Hồi giáo một ly nước lạnh, thì người này sẽ giật ly khỏi tay con và liệng đi, vì kẻ ngoại đạo chỉ đáng hưởng lời nguyên rủa, chứ

không phải lòng tử tế. Ngay người Hồi giáo cũng chia thành nhiều phái chống báng nhau gay gắt và dữ dội. Tín đồ Bái Hỏa giáo không xen nhiều vào những sự xung đột này, nhưng lại sống thành tập thể riêng biệt, và từ chối giao tiếp với đồng bào theo tín ngưỡng khác.

Mọi vấn đề xã hội và tôn giáo đều ở trong tình trạng suy vi, không phương cứu chữa. Giáo dục thì chênh mảng. Khoa học và nghệ thuật Tây phương bị xem như ô uế và trái với tôn giáo. Công lý bị bẻ cong. Trộm cướp là chuyện thường ngày. Đường sá xấu và mất an ninh trong việc giao thông. Vệ sinh thì thiếu sót một cách khó coi.

Bất chấp mọi điều kể trên, ánh sáng đời sống tinh thần ở Ba Tư vẫn không tắt. Đó đây giữa sự thảng thệ của vật dục và mê tín, vẫn còn có những linh hồn thánh khiết, và nhiều tâm hồn khao khát Thượng Đế, chẳng khác nào An-na (Anna) và Si-mê-ôn (Simeon) trước khi Chúa Cứu thế xuất hiện. Nhiều người mong chờ sự xuất hiện Đấng Sứ giả mà Thượng Đế đã hứa hẹn, và tin tưởng rằng Người đã gần tới. Trên đây là tình trạng của nước Ba Tư vào thời Đức Bab, Đấng Truyền Lệnh Sứ của Tân Kỷ nguyên đã làm đảo lộn cả quốc gia này với lời tiên tri của Ngài.

THỜI THƠ ẤU

Siyyyid Ali Muhammad (Xi-ít A-li Mô-ham-mếch), sau lấy tôn hiệu là Bab (nghĩa là cái Cửa), sinh ở Shiraz (Si-rátx), miền Nam xứ Ba Tư, ngày 20 tháng 10 năm 1819.⁵ Ngài là một Siyyid (Xi-ít), nghĩa là người thuộc dòng dõi của Đấng Tiên tri Muhammad. Thân phụ Ngài là một thương gia danh tiếng, qua đời ít lâu sau khi Ngài ra đời, cho nên Ngài đã được gởi cho một người cậu chăm nom. Cậu Ngài cũng là một thương gia ở Shiraz. Trong buổi thiếu thời, Ngài tập đọc và được giáo dục cấp sơ đẳng theo thông lệ của thời đại dành riêng cho các thiếu nhi.⁶ Năm 15 tuổi, Ngài buôn bán, ban đầu Ngài đi với người giám hộ, về sau Ngài đi với người cậu khác. Vị này ở Bushihr (Bu-sia), một địa điểm trên bờ vịnh Ba Tư.

Buổi thiếu thời, Ngài có tiếng là khô ngô, cử chỉ duyên dáng, mộ đạo khác thường và tính tình cao thượng. Ngài không bao giờ xao lãng việc cầu kinh, chay giới hay những điều răn khác của Hồi giáo. Ngài không những theo đúng Thánh Kinh mà còn sống đúng tinh thần giáo huấn của Đấng Tiên tri. Khoảng 22 tuổi, Ngài cưới vợ. Do cuộc hôn nhân, Ngài có một con trai đã mất sớm, vào năm đầu tiên Ngài rao truyền Sứ mạng.

TUYÊN NGÔN

Đến tuổi 25, theo thiên lệnh, Ngài tuyên bố rằng: “Thượng Đế, Đấng Tối cao, đã chọn Ngài làm Bab”. Trong cuốn “Bút ký của người du lịch”⁷ có đoạn ghi như sau:

“Lấy tôn hiệu là Bab, Ngài muốn nói rằng: Ngài là dòng ân điển bắt nguồn từ một Đấng Vĩ đại còn đang ẩn mình sau bức màn Vinh quang. Đấng ấy nắm giữ những Toàn thiện vô lượng, vô biên. Sợi dây yêu thương buộc Ngài với Đấng ấy, và Ý chí của Đấng ấy điều khiển hành động của Ngài.”

-Bút ký của người du lịch, Thời Đức Bab, trang 3-

Trong thời gian này, sự tin tưởng việc xuất hiện sắp tới của một Thiên sứ đặc biệt thịnh hành trong một giáo phái gọi là Shaykhi (Sê-khi), và chính là do ở một nhân vật lỗi lạc là Mulla Husayn Bushrui (Mô-la Hô-xên Bu-xrui) thuộc giáo phái này, mà Đức Bab đã rao truyền đầu tiên Sứ mạng của Ngài. Nhật ký chính xác của lời tuyên bố trên có ghi trong Kinh Bayan, một trong các Thánh thư của Đức Bab, là hồi 2 giờ 11 phút sau lúc mặt trời lặn, ngày thứ 4 tháng Jamadiyul-Avval, năm 1260 kỷ nguyên Hồi giáo.⁸ Đức Abdul-Baha (Ap-đun Ba-ha) cũng sinh vào đêm ấy, nhưng giờ đúng thì chưa được xác nhận. Sau ít ngày chuyên tâm nghiên cứu và tìm tòi đây khát khao, Mulla Husayn tin chắc chắn là vị Sứ giả mà tín đồ phái Shi'ih (Si-ai) mong mỏi từ lâu, đã thật sự xuất hiện. Sự hoan hỷ nhiệt thành về khám phá này của ông chẳng bao lâu đã được nhiều bạn hữu hưởng ứng. Chẳng mấy chốc đa số dân chúng giáo phái Shaykhi đã tiếp nhận Đức Bab và được gọi là Babi (Ba-bi); liền đây danh tiếng của Đấng Tiên tri trẻ tuổi đã lan nhanh khắp chốn như ngọn lửa dữ.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO BABI

Mười tám môn đệ của Đức Bab (kể cả Ngài nữa là 19 vị) đã được gọi bằng tôn hiệu là “Mẫu tự của Người sống”. Đức Bab phái các môn đệ đi khắp Ba Tư và Tân cương để loan báo rằng Ngài đã giáng thế. Trong lúc ấy, chính Ngài đi viếng đất thánh “Mecca”, tới nơi vào tháng chạp năm 1844, và tại đây Ngài tuyên bố công khai Sứ mạng của Ngài. Sự tuyên bố này đã gây xúc động lớn lao khi Ngài trở về Bushihr (Bu-sia). Lửa hùng biện và những Thánh thư đầy cảm hứng của Ngài, trước tác mau lẹ lạ lùng, sự hiểu biết khôn ngoan kỳ diệu, lòng can đảm và nhiệt thành của Ngài như một Nhà cải cách đã tạo niềm phấn khởi mạnh mẽ nhất trong các môn đồ của Ngài, nhưng đồng thời cũng đã gây hoang mang và thù nghịch trong các tín đồ Hồi giáo chính thống. Các nhà thông thái Shi'ih tố cáo Ngài kịch liệt và thuyết phục viên Tổng trấn ở Fars tên là Husayn Khán, một nhà cai trị cường tín và độc đoán, đàn áp giáo thuyết mới. Từ đây Đức Bab đã phải chịu cảnh giam cầm, phát vãng, xử đoán trước tòa án cùng biết bao nhiêu khổ hình và nhục nhã, để chung cục chịu Tử vì đạo vào năm 1850.

NHỮNG CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐỨC BAB

Sự bất bình tăng lên gấp bội khi Đấng Cải cách trẻ tuyên bố chính mình là Đấng Mihdi (Mi-đi) mà Đức Muhammad đã tiên đoán là sẽ giáng thế. Tín đồ Shi'ih tin rằng Đấng Mihdi là vị Imam⁹ thứ 12, theo sự tin tưởng của họ, đã bí mật biến mất khỏi trần gian khoảng 1000 năm trước. Họ tin rằng Ngài còn sống và sẽ xuất hiện trở lại trong hình hài cũ, và họ giải thích theo nghĩa đen những lời tiên tri liên quan đến sự ngự trị, vinh quang, những cuộc chinh phục và những “dấu hiệu” sự giáng lâm của Ngài, chẳng khác nào người Do Thái giáo vào thời Chúa Cứu thế đã giải thích tương tự những lời tiên tri về Đấng Messiah (Mét-xi-a). Họ hy vọng Ngài hiện ra để cầm quyền ở thế gian với một đạo binh vô cùng đông đảo, và tuyên bố Mặc khải của Ngài, rằng Ngài có thể làm cho xác người chết sống lại, và.v.v... Nhưng vì các dấu hiệu đó không hiện ra theo nghĩa đen, nên tín đồ Shi'ih chối bỏ Đức Bab với một sự khinh dễ tương tự như người Do Thái giáo đã đối xử với Đức Chúa. Tín đồ của Đức Bab, trái lại, giải thích các lời tiên tri theo nghĩa tượng trưng. Họ xem uy quyền của Đấng Hứa hẹn cũng như uy quyền “Người Của Ưu phiền” xứ Ga li lê, là một uy quyền huyền nhiệm; sự vinh quang của Ngài có tính chất tinh thần chứ không phải trần tục, sự chinh phục của Ngài là chinh phục những đô thị tâm hồn con người; vì vậy họ thấy được nhiều bằng cứ về Sự mạng của Đức Bab trong đời sống và những giáo huấn kỳ diệu trong đức tin không lay chuyển, lòng cương quyết không nao núng, và trong quyền lực làm dấy lên đời sống tâm linh mới mẻ cho những kẻ đang bị chôn vùi dưới những nắm mồ lăm lăm và mê muội.

Nhưng Đức Bab không phải chỉ tự xưng mình là Midhi, Ngài còn lấy tôn hiệu là “Nuqtiyiula” (Núc-ti-iu-la) hay là “Điểm Tiên khởi”. Tôn hiệu này trước kia do chính các tín đồ tôn xưng Đức Muhammad.

Ngay các vị Imam cũng ở bậc dưới “Điểm”, là Đấng đã ban cho họ sự cảm ứng và uy quyền. Xưng mình là Điểm, Đức Bab đã tự liệt vào hàng các Đấng Sáng lập tôn giáo vĩ đại như Đức Muhammad, vì lý do này mà người Shi'ih coi Ngài như kẻ bịp bợm, tương tự Đức Moses và Chúa Cứu thế trước kia cũng bị gán buộc như thế. Ngài cũng khai thủy lịch pháp, cải tổ dương lịch, và ấn định năm đầu Tân Kỷ nguyên từ năm Ngài tuyên bố Sự mạng.

SỰ NGƯỢC ĐÁI GIA TĂNG

Vì những lời tuyên bố của Đức Bab, và sự hưởng ứng của mọi tầng lớp nhân dân, giàu cũng như nghèo, có học cũng như vô học, theo giáo lý của Ngài một cách nhanh chóng đáng lo ngại, nên các âm mưu đàn áp mỗi ngày một trở nên tàn khốc và quyết liệt hơn. Nhà cửa bị cướp bóc và hủy hoại, đàn bà bị bắt mang đi. Tại Tihran, Fars, Mazindaran và nhiều nơi khác, một số đông tín đồ bị xử tử. Một số khác bị chặt đầu, treo cổ, bỏ vào thần công làm đạn bắn, bị thiêu hay chặt từng miếng. Mặc dù mọi mưu toan đàn áp, phong trào vẫn phát triển. Chính nhờ những

ngược đãi trên mà nhiều lời tiên tri về sự giáng thế của Đấng Mihdi được ứng nghiệm cụ thể, khiến đức tin của các tín đồ càng bền vững hơn. Cho nên có truyền thuyết mà Jabir đã ghi chép và được tín đồ Shi'ih coi là chính xác như sau:

“Ngài sẽ là biểu hiện sự hoàn hảo của Đức Moses, sự tôn quý của Chúa Cứu thế, và đức kiên nhẫn của Job (Gióp); các vị thánh trong thời Ngài sẽ bị hãm hại, đầu họ sẽ được dùng để trao đổi làm tặng vật, cũng giống như đầu của người Thổ Nhĩ Kỳ và người Deylamite đã được trao đổi làm tặng vật, họ sẽ bị giết và hỏa thiêu, và sống trong cảnh lo lắng, sợ hãi kinh hoàng, đất sẽ nhuốm máu của họ, và những lời than vãn vang lên giữa vợ con họ; chính họ mới là những vị thánh của tôi”.

-Tân lịch sử về Đức Bab do giáo sư E. G. Browne dịch, tr.132

SỰ TỬ ĐẠO CỦA ĐỨC BAB

Ngày 9 tháng 7, năm 1850 (tức ngày thứ sáu, 28 tháng Shaban năm 1266 kỷ nguyên Hồi giáo), năm Đức Bab 31 tuổi, Ngài trở thành nạn nhân sự giận dữ cuồng tín của những người bất bớ Ngài. Với một tín đồ mộ đạo trẻ tuổi, tên là Aqa Muhammad Ali (A-ga Mô-ha-mét A-li) tha thiết xin được tử đạo cùng Ngài, Ngài được dẫn tới sân một trại lính cũ ở Tabriz (Ta-briz). Vào khoảng 2 giờ trước Ngọ, cả hai bị treo xóc nách, khiến đầu Muhammad Ali kề vào ngực của Đấng Thầy kính yêu. Một trung đoàn binh sĩ người Armenia đứng xếp hàng và được lệnh bắn. Liền đấy những tiếng súng vang lên, nhưng khi khói tan, người ta thấy Đức Bab và tín đồ của Ngài vẫn còn sống. Đạn chỉ làm đứt dây và hai Vị đã rơi xuống đất vô sự. Ngài và môn đồ tới một phòng gần đó, và ở đấy trò chuyện với một đạo hữu. Lúc gần trưa hai vị lại bị treo lên. Các binh sĩ người Armenia thấy kết quả những phát súng họ bắn là một phép lạ, nên không muốn bắn nữa; vì vậy một tốp lính khác đã được điều tới và thi hành lệnh bắn. Lần này các phát súng có hiệu lực. Thi thể hai Người đã bị đạn xuyên thủng và hủy hoại một cách kinh khủng, mặc dầu mặt của hai Vị gần như không bị động tới.

Bởi thành tích ghê tởm đó mà sân trại lính Tabriz đã biến thành Núi Sọ thứ hai. Kẻ thù Đức Bab hoan hỉ về sự thắng lợi tội lỗi của họ và nghĩ: “Cây Đức tin Babi đã bị chặt tại gốc, thì việc nhỏ rẽ sẽ dễ dàng”. Nhưng thắng lợi của họ chẳng được bao lâu! Họ không nhận thức được rằng “Cây Chân lý” đâu thể bị đốn ngã bằng rìu vật chất. Phải chi họ biết rằng chính hành động sát nhân của họ là phương tiện để vun bồi Chánh Đạo lớn mạnh hơn. Sự tử đạo của Đức Bab đã thực hiện nguyện vọng thiết tha của Ngài và khuyến khích các môn đồ hăng hái thêm.

Thế nên, luồng gió bất bớ cay đắng chỉ thổi cho ngọn lửa nhiệt thành, tinh thần càng mãnh liệt hơn. Càng cố gắng để dập tắt, thì lửa càng bốc cao.

THÁNH LĂNG TRÊN NÚI CARMEL

Sau khi Đức Bab tử đạo, linh cốt của Ngài và của môn đệ trung thành đã bị vứt bỏ trên miệng hào, ngoài vòng thành. Ngày thứ hai, vào lúc nửa đêm, linh cốt của hai Người đã được vài tín đồ đem đi giấu nhiều năm tại những nơi bí mật ở Ba Tư, và sau cùng được đưa một cách nguy hiểm và khó khăn về Thánh địa. Ở đây linh cốt của hai Vị đã được mai táng tại một nơi u nhã trên sườn Núi Carmel, không xa Hang Elijah (Ê-li-a) bao nhiêu, và chỉ cách ít dặm nơi Đức Baha'u'llah (Ba-ha-u-la) đã sống những năm cuối cùng, và hiện nay, linh thể của Ngài an nghỉ tại đây. Trong số hàng ngàn tín đồ trên thế giới đến chiêm ngưỡng Thánh lăng của Đức Baha'u'llah, không ai quên đến cầu nguyện nơi Thánh lăng Đấng Tiên phong thân yêu và tận tụy của Ngài là Đức Bab.

THÁNH THƯ CỦA ĐỨC BAB

Thánh thư của Đức Bab rất nhiều; dù không nghiên cứu và suy nghĩ trước, Ngài đã viết những bài bình luận sâu sắc, hoặc những bản kinh hùng biện một cách mau lẹ. Đây là bằng chứng về sự thiên ứng của Ngài.

Yếu lĩnh các Thánh thư của Ngài có thể tóm tắt như sau:

“Vài Thánh thư của Ngài là những bài bình luận, giải thích Kinh Quran (Cô-ran); một số khác là những bản kinh cầu nguyện, giải thích ý nghĩa thực sự của vài đoạn; một số khác là những bài khích lệ, cảnh cáo, nghị luận về những mặt khác nhau trong Giáo pháp Duy nhất của Thượng Đế, những bài khuyến khích sửa đổi tính tình, dứt bỏ thế sự, và tùy thuộc vào sự cảm ứng của Thượng Đế. Nhưng bản chất và mục đích những Thánh thư của Đức Bab là đề cao và diễn tả Lẽ thật sắp hiện ra, đây là đối tượng và mục đích duy nhất của Ngài, đồng thời cũng là điều mong muốn mà Ngài hằng ấp ủ. Vì Ngài xem sự xuất hiện của chính Ngài là sự giáng thế của Người báo “tin mừng”, và xem thực chất của Ngài là Phương tiện để thể hiện những điều hoàn hảo vĩ đại của Đấng ấy. Và thật sự Ngài không bao giờ ngừng tôn thờ Đấng ấy, ngày và đêm, và thường giảng giải cho các môn đệ là phải kỳ vọng vào sự xuất hiện của Đấng ấy, như Ngài đã viết trong Thánh thư của Ngài: “Ta chỉ là một chữ trong cuốn Sách đầy mãnh lực ấy, một giọt nước của Đại dương vô biên, và khi Đấng ấy xuất hiện, thì thực chất những màu nhiệm, những bí ẩn và những tâm tình của Ta sẽ trở nên rõ ràng, và mầm tôn giáo này sẽ phát triển qua các trình độ và đạt tới ‘hình thức thích đáng nhất’, và được trang điểm bằng chiếc áo ‘Ngợi ca Thượng Đế, Đấng Tạo hóa tuyệt luân’... và được sự khuyến khích nhiệt thành của Đấng ấy, việc tưởng niệm Người giống như ánh nến trong những đêm tối tăm tại thành lũy Mah-ku (Ma-cu), và tưởng nhớ Người cũng như có Bạn tri âm trong khi bị cùm xích ở nhà ngục Chihriq (Chiric). Vì vậy Ngài đạt tới tầm quang bác tâm linh; với rượu của Đấng ấy, Ngài đã say sưa; và khi nhớ tới Người là Ngài thấy hoan hỉ”

-Bút ký của một người du lịch - Một giai đoạn về Đức Bab, trang 54-

ĐÁNG MÀ THƯỢNG ĐẾ SẼ BIỂU HIỆN

Đức Bab đã được so sánh với Thánh Giảng Tẩy giả, nhưng cương vị của Đức Bab không phải chỉ là cương vị của một Truyền Lệnh Sứ hay một Đấng Tiên Phong. Chính Đức Bab là Biểu hiện của Thượng Đế, Đấng Sáng lập một tôn giáo độc lập, mặc dầu tôn giáo này giới hạn trong một thời gian ngắn. Tín đồ Baha'i tin rằng Đức Bab và Đức Baha'u'llah là những Đấng Đồng Sáng lập nền Chánh Đạo của mình. Những lời sau đây của Đức Baha'u'llah chứng minh sự thật đó: “Khoảng thời gian ngắn ngủi đã phân cách Mặc khải quyền năng và kỳ lạ này với Mặc khải của chính Ta trước đây là một bí mật mà không ai có thể giải thích, và là một màu nhiệm mà không trí óc nào có thể hiểu thấu đáo. Thời gian của Mặc khải đã được định trước, và không thể khám phá lý do, nếu không phải là đã được thông tri bằng nội dung Ân thư của Ta”.

Tuy nhiên, trong những điểm nói về Đức Baha'u'llah, Đức Bab bày tỏ đức xả kỷ hoàn toàn bằng cách tuyên bố rằng, trong ngày “Đấng được Thượng Đế Biểu hiện”: “Nếu kẻ nào được nghe một câu kinh của Đấng ấy và đọc lại câu kinh đó, thì còn hơn là đọc cả ngàn lần trọn quyển Kinh Bayan (tức Mặc khải của Đức Bab).”

-Bút ký của một người du lịch - Một giai đoạn về Đức Bab, trang 349-

Ngài hoan hỉ chịu đựng mọi khổ nhục, để nhờ đó Ngài có thể san phẳng, dù phần nào, đường đi cho “Đấng mà Thượng Đế sẽ Biểu hiện”, mà theo Ngài là Nguồn cảm hứng duy nhất của Ngài, đồng thời cũng là Đối tượng duy nhất cho lòng mến yêu Ngài.

PHỤC SINH, THIÊN ĐÀNG VÀ ĐỊA NGỤC

Một phần quan trọng trong giáo lý của Đức Bab là những lời giải thích các danh từ Phục Sinh, Ngày Phán xét, Thiên đàng và Địa ngục. Ngài phán, Phục Sinh có nghĩa là Biểu hiện mới của Mặt trời Chân lý. Sự phục sinh của người chết có nghĩa là sự thức tỉnh tinh thần của những kẻ ngủ say trong đáy mộ u mê, thờ ơ và dục vọng. Còn Ngày Phán xét là Ngày của Đấng Biểu hiện mới, tùy theo tiếp nhận hay từ bỏ Mặc khải của Ngài, mà chiêm được biệt riêng khỏi dê, vì chiêm nhận được tiếng nói của Đấng Chấn chiền Hiên từ và sẽ theo Người. Thiên đàng là sự vui sướng được biết Thượng Đế và yêu kính Ngài, như đã bày tỏ qua Đấng Biểu hiện của Ngài, và do đó tiến tới toàn thiện, toàn mỹ, và sau khi chết, con người được chấp nhận vào sống đời đời trong Vương quốc của Thượng Đế. Địa ngục chỉ là sự không hiểu biết Thượng Đế, và vì vậy, không đạt đến sự hoàn hảo thiên thượng và mất Ân huệ vĩnh viễn. Ngài tuyên bố rõ ràng rằng ngoài những định nghĩa trên, các danh từ này không còn nghĩa nào khác; còn những tư tưởng thịnh hành liên quan đến sự phục sinh của thể xác, của một Thiên đường và Địa ngục cụ thể, hay tương tự, chỉ là những bịa đặt của óc tưởng tượng thôi. Ngài dạy rằng

sau khi thác đi, con người có một đời sống khác, và trong đời sau, những tiến bộ vươn tới toàn thiện, toàn mỹ sẽ không có bờ bến.

NHỮNG GIÁO HUẤN VỀ XÃ HỘI VÀ ĐẠO ĐỨC

Đức Bab dạy môn đồ, qua các Thánh thư của Ngài, rằng họ phải khác người về tình thương đồng loại và lịch thiệp. Phải trau dồi nghệ thuật và nghề thủ công hữu ích. Giáo dục sơ cấp phải được phổ thông. Bắt đầu từ kỷ nguyên Thiên mạng mới mẻ và kỳ diệu này, phụ nữ phải có tự do đầy đủ hơn. Người nghèo khó phải được tiếp tế bằng ngân quỹ chung, nhưng cấm ngặt hành khất và các thức uống có men rượu gây say.

Nguyên động lực hướng dẫn người Babi chân chính phải là tình thương thuần túy, không vì hy vọng được tưởng thưởng hay sợ bị trừng phạt. Vậy nên Ngài đã phán trong Kinh Bayan rằng:

“Phải phụng thờ Thượng Đế dù đến đổi phần thưởng là hỏa thiêu cũng không thay đổi lòng tôn thờ Ngài. Nếu các người vì sợ mà tôn thờ Thượng Đế, thì không đáng được tới ngưỡng cửa thánh khiết của Thượng Đế... Cũng như vậy, nếu các người mong đạt tới Thiên đường, và vì vậy mà tôn thờ Thượng Đế, thì các người đã xem tạo phẩm của Thượng Đế là đồng hàng với Ngài.”

-Những người Babi ở Ba Tư, quyển II, của giáo sư E. G. Browne, tập XXI, trang 931-

THÔNG KHỔ VÀ THẮNG LỢI

Đoạn trích dẫn cuối cùng này biểu lộ cái tinh thần đã kích thích suốt cuộc đời Đức Bab. Biết và yêu Thượng Đế, chiếu sáng những đặc tính của Ngài và dọn đường cho Đấng Biểu hiện sắp tới, đây là mục đích và đối tượng duy nhất của cuộc đời Đức Bab. Đối với Ngài sống không có gì là đáng sợ, chết không là nọc độc, vì tình thương đã loại trừ sợ hãi, và ngay sự tử đạo cũng chỉ là niềm hoan lạc được đặt toàn thể thân mạng Ngài dưới chân Đấng mà Ngài kính yêu.

Thật kỳ lạ! Tâm hồn cao cả và tinh khiết ấy, Đấng Thầy cảm ứng về Lẽ thật Thiên thượng ấy, đã hiến cả tâm hồn yêu thương Thượng Đế và đồng loại, lại bị ghét bỏ và xử tử do những người đương thời tự xưng là có tín tâm! Chắc hẳn không có gì khác hơn là sự thiếu suy nghĩ và thành kiến ngoan cố mới có thể làm con người mù quáng, không nhận ra Ngài là một Đấng Tiên tri, một Đấng Sứ giả Thánh của Thượng Đế. Ngài không có chút vĩ đại hay niềm vinh quang nào thuộc thế tục; nhưng làm cách nào để chứng minh uy quyền tâm linh và sự thống trị tinh thần của Ngài, nếu không phải là khả năng thoát khỏi mọi ràng buộc của trần gian, và chiến thắng mọi sự chống đối của thế nhân, dù mạnh mẽ và ác độc nhất? Làm thế nào để chứng minh tình yêu thiên thượng cho một thế giới vô tín, nếu không

phải là khả năng nhận chịu những tai họa và ưu phiền cực độ, sự ghét bỏ của kẻ thù và sự phản phúc của những bạn bè vờ vĩnh, hầu có thể bình tĩnh vượt lên tất cả mọi điều trên, không nản lòng, không cay đắng, sẵn sàng tha thứ và cầu phúc cho mọi người?

Đức Bab đã chịu đựng và Đức Bab đã thắng. Hàng ngàn người đã chứng tỏ tình thương thành khẩn của họ đối với Ngài, bằng cách hy sinh thân mạng và mọi vật sở hữu để phụng sự Ngài. Vua Chúa phải thêm muốn Uy quyền của Ngài đối với tâm hồn và đời sống của con người. Hơn nữa, “Đấng mà Thượng Đế sẽ Biểu hiện” đã xuất hiện, đã xác nhận các chủ trương và chấp nhận sự sùng kính của Đấng Tiên phong, và làm cho Đấng ấy đồng dự Vinh quang với Ngài.

CHƯƠNG III: ĐỨC BAHÁ'U'LLAH: ¹⁰ VINH QUANG CỦA THƯỢNG ĐẾ

“Hỡi những kẻ đương mong đợi, đừng chần chừ nữa, vì Ngài đã tới. Hãy nhìn Đền thờ của Ngài và Vinh quang Ngài ở tại đây. Đây là Cựu Vinh Quang trong Tân Biểu hiện.”

Đức Baha'u'llah

SỰ GIẢNG SINH VÀ THIẾU THỜI

Mirza Husayn Ali (Miéc-da Hô-xên A-li), sau này lấy tôn hiệu là Baha'u'llah nghĩa là “Vinh Quang của Thượng Đế”, là trưởng nam của Mirza Abbas (Miéc-da Ap-bátx) ở vùng Nur (Nua), là một vị Vazir (Va-dia) hay Thượng Thư lúc bấy giờ. Gia đình Ngài giàu có và danh giá, nhiều người giữ những địa vị quan trọng trong Chính phủ, Quân đội, các Cơ quan Hành chính tại Ba Tư. Ngài sinh tại Tihran (Têh-ran), kinh đô của Ba Tư vào khoảng giữa rạng đông và mặt trời mọc ngày 12 tháng 11 năm 1817 (tức ngày thứ 2, tháng Muharram (Mu-ha-ram), năm 1233 kỷ nguyên Hồi giáo). Ngài không bao giờ tới trường và chỉ hấp thụ được ít giáo huấn trong gia đình. Tuy vậy, ngay khi còn bé, Ngài đã tỏ ra có sự khôn ngoan và hiểu biết kỳ lạ. Thân phụ Ngài qua đời lúc Ngài còn ít tuổi. Một mình Ngài phải lo săn sóc các em trai và gái hãy còn thơ dại, trông nom đất đai bao la của gia đình. Một lần kia, Đức Abdul-Baha, con trai trưởng của Đức Baha'u'llah, kể lại với tác giả sách này vài đặc điểm về buổi thiếu thời của Thân phụ như sau:

“Lúc thơ ấu, Ngài đã có lòng tốt và rất hào hiệp. Ngài ưa sống ngoài trời, phần lớn thời giờ của Ngài là ở ngoài ruộng vườn. Ngài có khả năng hấp dẫn dị thường mà ai cũng nhận thấy. Dân chúng luôn luôn xúm quanh Ngài. Các thượng thư và những nhân vật trong Triều đình cũng đến bao quanh Ngài. Khi Ngài được 13 hay 14 tuổi, Ngài nổi tiếng về tri thức của Ngài. Ngài thông thạo về tất cả các vấn đề và giải quyết được mọi khó khăn mà người ta hỏi Ngài. Trong các cuộc họp đông người, Ngài thảo luận các vấn đề với các vị Ulama (U-la-ma), và giải thích những điểm rắc rối về tôn giáo. Những người này thường theo dõi lời Ngài với niềm thích thú lớn nhất.

“Khi Đức Baha'u'llah 22 tuổi, thân phụ Ngài qua đời, và Chính phủ mong Ngài nối nghiệp thân phụ làm Thượng thư, theo tục lệ Ba Tư, nhưng Đức Baha'u'llah từ chối. Thấy thế, vị Thủ tướng nói: “Hãy để Ngài tự do. Địa vị ấy không xứng đáng với Ngài. Ngài có mục đích cao cả hơn. Tôi không hiểu Ngài, nhưng tôi tin tưởng Ngài đã được chỉ định thi hành một sứ mạng cao trọng. Hãy để Ngài yên”.

BỊ KẾT TỘI LÀ BABI VÀ BỊ GIAM CẦM

Khi Đức Bab tuyên bố Sứ mạng năm 1844, Đức Baha'u'llah đã 27 tuổi, Ngài can đảm theo Đức tin mới và ít lâu sau được xem là một trong số những đại diện mạnh mẽ và dũng cảm nhất.

Vì Chánh Đạo, Ngài đã bị cầm tù hai lần và một lần bị tra tấn hồi tháng 8 năm 1852, khi một biến cố đầy hậu quả kinh khủng đã xảy ra cho các tín đồ Babi. Một tín đồ của Đức Bab là Sadiq (Xa-đíc), quá đau đớn vì được chứng kiến sự tuấn đạo của Đức Thầy Kính yêu, đã trở nên mất trí. Muốn trả thù cho Thầy, người ấy đã rình bắn Quốc vương Ba Tư bằng súng lục. Vì súng nạp đạn nhỏ, nên viên đạn đã trúng đích, mà nạn nhân không bị thương tích trầm trọng gì. Chàng trai lại lòi Quốc vương té xuống ngựa, nhưng anh liền bị cận vệ bắt và xử tử tức thời. Tất cả môn đồ của Đức Bab đều bị trút trách nhiệm một cách bất công về chuyện đó, nên những cuộc tàn sát khủng khiếp đã xảy ra ở Tihiran. Tám mươi người Babi đã bị xử tử sau khi bị tra tấn rất dã man. Nhiều người khác bị cầm tù, trong số này có Đức Baha'u'llah. Sau đó, Ngài đã viết:

“Nhân danh sự ngay thẳng của Thượng Đế, Chúng Ta không dính líu gì với hành động xấu ấy, và Tòa án đã chứng minh sự vô tội của Chúng Ta. Dầu vậy họ vẫn bắt Chúng Ta. Từ Niyavaran (Ni-a-va-ran), nơi cung điện vua ngự lúc bấy giờ, Chúng Ta bị xiềng xích, đầu trần, chân không và dẫn tới nhà tù ở Tihiran. Một người hung dữ cưỡi ngựa áp giải Chúng Ta đi, giật mũ của Chúng Ta, còn bọn đao phủ cùng lính canh hối thúc Chúng Ta tới một nơi dơ dáy không đâu bằng. Chúng Ta bị giữ ở đây bốn tháng. Thật ra, nhà tù mà Kẻ bị áp bức này cùng thân hữu bị giam cầm chưa bằng một cái hồ chật hẹp và tối tăm. Mới đến nơi, trước hết Chúng Ta bị dẫn đi theo một hành lang tối tăm, rồi từ đó Chúng Ta bước xuống ba dãy cầu thang nữa để đến chỗ giam dành cho Chúng Ta. Ngục thất ấy tối đen như mực, giam giữ khoảng một trăm năm mươi người, toàn là trộm cắp, sát nhân và cướp đường. Dù đông người như vậy, không có lối ra nào khác hơn là chỗ Chúng Ta đi vào. Khó bút nào tả nổi nơi giam cầm ấy, và không ai nói lên được mùi thối tha của chốn này. Đa số những người này không có quần áo hay giường nằm. Thượng Đế mới biết được những điều mà Chúng Ta đã chịu đựng ở nơi tối tăm và hôi thối cực điểm ấy.

“Ngày và đêm, khi bị giam nơi ngục thất này, Chúng Ta suy nghĩ về thành tích, tình trạng và tính hạnh của những tín đồ Babi, và rất ngạc nhiên ở chỗ những người có trí óc cao thượng và thông minh như thế, lại có thể hành động liều lĩnh và tàn ác xâm phạm đến thân thể Hoàng đế như thế. Nên Kẻ bị áp bức này liền quyết định, khi mãn tù, sẽ nhiệt thành chinh huấn họ.

“Một đêm kia trong giấc mộng, những lời nói phấn khởi đã vang dội khắp nơi: “Quả thật, Chúng Ta sẽ giúp Người chiến thắng bằng chính Người và bằng ngòi bút của Người. Người đừng buồn phiền vì chuyện đã xảy ra, cũng đừng sợ hãi, vì Người được an toàn. Chẳng bao lâu nữa, Thượng Đế sẽ khai quật những

kho tàng của trái đất, tức những người sẽ phù tá Người bởi chính Người và bởi Danh của Người, nhờ đó mà Thượng Đế đã làm sống lại tâm hồn của những kẻ đã biết nhìn nhận Ngài.”

-Trích trong “Bức thư gọi cho Con của Chó Sói” do Đức Shoghi Effendi dịch, trang 20-21-

CUỘC LƯU ĐÀY QUA BAGHDAD (Bá-đa)

Cuộc giam cầm ghê gớm này kéo dài suốt bốn tháng nhưng Đức Baha’u’llah và các bạn của Ngài vẫn hăng hái và phấn khởi trong hạnh phúc tối đại. Gần như mỗi ngày, một hay nhiều người bị tra tấn hay xử tử, và các người khác nhớ là lượt họ sẽ đến. Khi đao phủ tới để tìm một trong những người bạn của Ngài, người được gọi tên nhảy nhót, vui mừng, hôn tay Đức Baha’u’llah, ôm lấy các bạn đồng đạo, và vội vàng ra nơi pháp trường với niềm vui nồng nhiệt.

Kết cuộc Đức Baha’u’llah được chứng nhận là không dự vào âm mưu chống Quốc Vương và Sứ thần Nga cũng xác nhận tư cách trong trắng của Ngài. Hơn nữa, Ngài bị đau nặng khiến người ta cho rằng Ngài có thể chết. Nên đáng lẽ xử tử Ngài, Quốc Vương lại truyền đem đày Ngài đi Iráq-i-Arab (I-rắc-i-Á-rập) ở Mesopotamia (Mê-dô-pô-ta-mi-a); và 15 ngày sau đây, Đức Baha’u’llah cùng quyến thuộc và một số tín đồ khác ra đi. Đoàn người đã phải chịu rét mướt và những khổ cực kinh hồn trong cuộc hành trình dài giữa mùa đông ấy, và lúc tới Baghdad thì họ lâm vào tình trạng quá đói thiếu thốn.

Ngay khi sức khỏe cho phép, Đức Baha’u’llah liền bắt đầu giáo huấn những kẻ tìm tới Ngài, khích lệ các tín đồ, và chẳng bao lâu hòa bình và hạnh phúc ngự trị nơi các tín đồ Babi.¹¹ Tuy vậy, thời gian này chẳng được bao lâu. Người em cùng cha khác mẹ với Đức Baha’u’llah tên là Mirza Yahya cũng gọi là Subh-i-Azal (Xu-bi A-dan), tới Baghdad, và liền sau đây những bất hòa đã phát sinh, do y âm mưu gây ra, giống như sự chia rẽ khi xưa giữa các môn đồ của Chúa Cứu thế. Những bất hòa (về sau trở nên công khai và dữ dội ở Adrianople) đã làm cho Đức Baha’u’llah rất đau đớn, vì mục đích của Ngài là chủ trương sự thống nhất giữa các dân tộc trên thế giới.

HAI NĂM NƠI HOANG VẮNG

Độ một năm sau khi tới Baghdad, Ngài đi một mình tới nơi hoang vắng là sa mạc Sulaymaniyih (Xu-lai-ma-nia), không mang theo mình tí gì trừ một bộ quần áo để thay đổi. Ngài đã viết trong “Kinh Iqan” (Kinh Xác tín)¹² liên quan tới thời kỳ này như sau:

“Những ngày đầu khi tới nơi này, Chúng Ta đã nhận thức được những dấu hiệu về các biến cố sắp tới và đã quyết định ẩn dật trước khi các biến cố ấy xảy

ra. Chúng Ta đi vào nơi hoang vắng, sống một cuộc đời hoàn toàn cách biệt và cô độc trong hai năm. Lệ phiền muộn tuôn mưa từ mắt Chúng Ta và từ trong con tim rướm máu của Chúng Ta dấy lên cả một đại dương thống khổ. Nhiều đêm Chúng Ta không có gì để ăn, và biết bao ngày Chúng Ta không chút nghỉ ngơi. Mặc dầu những u sầu và tai họa liên tục, nhờ Đấng đã nắm vận mệnh Ta trong tay Người, tâm hồn Chúng Ta sung sướng, Chúng Ta hưởng một niềm vui khôn tả. Vì trong cảnh cô đơn, Chúng Ta không biết tới sự lợi hại, sức khỏe, hay bệnh hoạn của bất kỳ người nào khác. Khi cô độc, Chúng Ta thông công với Thánh linh, Chúng Ta quên hết thế gian và tất cả những gì tồn tại trong đó. Tuy vậy, Chúng Ta không biết rằng mắt lưới của Thiên Mệnh vượt quá quan niệm rộng rãi nhất của con người, và mũi tên Thiên Mệnh vượt trên dự định táo bạo nhất của nhân loại. Không ai có thể thoát khỏi cạm bẫy mà Thượng Đế đã đặt, và phương sách giải thoát tâm hồn tốt nhất là phục tùng Ý chí Ngài. Nhân danh sự ngay thẳng của Thượng Đế, Chúng Ta rút đi không định ngày về, và chịu cảnh phân ly không mong ngày tái ngộ. Mục đích ẩn dật của Chúng Ta là tránh làm nguyên nhân bất hòa giữa các tín đồ, quấy rối các bạn bè, làm phương tiện gây hại cho bất kỳ tâm hồn nào, hay làm buồn lòng ai. Ngoài những điều này, Chúng Ta không có ý định hay mục đích nào khác. Nhưng dầu vậy, mỗi người cứ dự tính theo sở thích riêng, và theo đuổi những ảo tưởng cho tới lúc mà lệnh từ Nơi Huyền vi gọi trở về chôn Chúng Ta bỏ đi, Chúng Ta đã phục tùng Ý muốn của Thượng Đế, tuân theo lệnh truyền của Ngài.

“Bút nào có thể tả lại những điều Chúng Ta đã thấy lúc trở về? Hai năm đã qua, và trong thời kỳ này, các kẻ thù của Chúng Ta không ngừng âm mưu tiêu diệt Chúng Ta như mọi người đã chứng kiến”.

-Kinh Xác tín, trang 250-252-

SỰ ĐỐI LẬP CỦA NHÓM MULLAS

Khi Ngài từ nơi ẩn dật trở về, danh tiếng Ngài lừng lẫy hơn bao giờ hết và thiên hạ xa gần đều về Baghdad để được thấy Ngài và nghe Ngài giảng dạy. Người Do Thái giáo, các tín đồ Cơ đốc, Bái Hỏa giáo và Hồi giáo đều chú tâm vào Sứ điệp mới. Tuy vậy, nhóm Mullas (Mu-la, tức những nhà thông thái Hồi giáo) tỏ thái độ thù nghịch và nhất quyết âm mưu lật đổ Ngài. Có lần, họ phái một người trong bọn tới để chất vấn Ngài vài vấn đề; người được phái đến nhận thấy rằng những câu trả lời minh xác và sự khôn ngoan của Ngài rất lạ lùng, mặc dầu những điều này không phải do học vấn mà có, đến nỗi người này phải thú nhận rằng sự hiểu biết và thông minh của Đức Baha'u'llah có một không hai. Dầu vậy, để cho nhóm Mullas này được thỏa mãn về sự xác thực của Sứ mạng Tiên tri của Ngài, người ấy yêu cầu Ngài thực hiện vài phép lạ để làm bằng cứ. Đức Baha'u'llah tỏ ý sẵn sàng chấp nhận đề nghị trên với vài điều kiện và tuyên bố rằng nhóm Mullas phải đồng ý về phép lạ cần làm, phải ký tên và đóng dấu một văn kiện theo đó họ phải chứng nhận, sau khi phép lạ được thực hiện, giá trị sứ mạng của Ngài và ngừng chống đối Ngài, còn Ngài phải cung cấp bằng cứ mà họ muốn, nếu không,

Ngài chịu nhận là một kẻ bịp bợm. Nếu quả mục đích của nhóm Mullas là đạt tới Chân lý thì đây là cơ hội thuận lợi cho họ, nhưng ý định của họ lại khác. Dù đúng, dù sai, nhóm Mullas muốn bảo đảm một quyết định có lợi cho họ. Họ sợ Lẽ thật, nên đã tránh sự thách thức anh dũng trên. Tuy vậy, sự thất bại khiến họ nghĩ ra những âm mưu mới để đàn áp phong trào tận gốc. Vị Tổng Lãnh sự Ba Tư ở Baghdad ủng hộ họ, ông này đã liên tiếp gửi nhiều thư cho Quốc vương, tố cáo Đức Baha'u'llah là có hại hơn bao giờ hết cho Hồi giáo, vẫn gây ảnh hưởng xấu cho xứ Ba Tư, và khẩn khoản đày Ngài đi một nơi xa hơn.

Trong lúc nghe lời xúi giục của nhóm Mullas Hồi giáo, Chính phủ Ba Tư và Thổ Nhĩ Kỳ phối hợp mọi cố gắng để dập tắt phong trào; Đức Baha'u'llah có đặc tính là Ngài vẫn bình tĩnh và thản nhiên, khích lệ tín đồ và viết những lời bất hủ để an ủi và chỉ dẫn họ. Đức Abdul-Baha kể lại trong những điều kiện nào kinh “Ấn Ngôn” đã được viết ra. Đức Baha'u'llah thường đi dạo dọc bờ sông Tigris. Khi trở về, Ngài lộ vẻ hân hoan và viết những lời châm ngôn quý báu, đã đem lại an ủi và chữa lành nhiều tâm hồn đau khổ và lo lắng. Trong bao nhiêu năm, chỉ còn lại một ít bản thảo “Ấn Ngôn”, và người ta phải giấu Kinh này cẩn thận vì sợ nó lọt vào tay những kẻ thù nham nhảm, nhưng hiện nay, trong tất cả các Thánh thư của Đức Baha'u'llah, có lẽ cuốn Kinh nhỏ này là trứ danh nhất và được đọc khắp nơi trên thế giới. “Kinh Xác tín” là một tác phẩm khác của Đức Baha'u'llah, được phổ biến khá rộng và cũng viết trong khoảng thời gian này, vào những ngày lưu trú cuối cùng của Ngài ở Baghdad (1862-1863).

BẢN TUYÊN NGÔN Ở VƯỜN RIDVAN (Riz-von)¹³ TẠI BAGHDAD

Sau nhiều cuộc thương lượng, theo lời yêu cầu của chính phủ Ba Tư, chính phủ Thổ đã ra lệnh cho Đức Baha'u'llah đi sang Constantinople. Khi được tin này, các tín đồ sững sốt. Họ lũ lượt kéo đến nhà Đấng Thầy kính mến, đông đến nỗi gia đình Ngài phải ra cắm trại 12 ngày ngoài thành phố, tại ngôi vườn của Najib Pasha (Na-jip Pa-sa), trong lúc chuẩn bị cuộc hành trình lâu dài ấy. Thời kỳ này đúng vào năm thứ 19 sau Tuyên ngôn của Đức Bab, suốt 12 ngày (từ 21 tháng 4 tới 2 tháng 5, năm 1863), Đức Baha'u'llah loan “tin mừng” cho nhiều tín đồ rằng: Ngài là “Đấng mà Đức Bab tiên báo sẽ xuất hiện”, “Đấng Hứa hẹn của tất cả các Đấng Tiên tri”, “Đấng được Thượng Đế lựa chọn”. Ngôi vườn, nơi bản Tuyên ngôn lịch sử được công bố, tín đồ Baha'i gọi là “Vườn Ridvan”, và Tuyên ngôn đó được tưởng niệm vào dịp “Thánh Lễ Ridvan” cử hành hằng năm suốt mười hai ngày.

Trong thời gian lưu trú tại đây, Đức Baha'u'llah không hề buồn bã và thất vọng, mà tỏ ra rất vui vẻ, trang nghiêm và mạnh mẽ. Các tín đồ cũng sung sướng và phấn khởi. Hàng biển người đã tới với Ngài để tỏ lòng ngưỡng vọng. Tất cả thân hào ở Baghdad, và cả vị Tổng trấn của thành phố, cũng tới tỏ lòng tôn kính đối với Người Tù sắp lên đường.

CONSTANTINOPE (Công-xtan-ti-nốp) và ADRIANOPE (A-đri-a-nốp)

Cuộc hành trình qua Constantinople kéo dài hơn ba tháng. Đoàn lữ hành gồm có Đức Baha'u'llah, những người trong quyền thuộc và 26 tín đồ của Ngài. Khi tới nơi, họ bị giam vào một ngôi nhà nhỏ, chật chội hết chỗ nói. Sau đấy, họ được đưa sang một nơi khá hơn, nhưng bốn tháng sau, họ lại phải dời chỗ, lần này qua Adrianople. Cuộc hành trình này, mặc dầu chỉ mất mấy ngày, là cuộc hành trình khổ cực nhất mà họ đã trải qua. Tuyết rơi liên tiếp rất nhiều, vì thiếu quần áo và lương thực, nên họ đã phải khốn khổ cùng cực. Mùa đông đầu ở Adrianople, Đức Baha'u'llah và 12 thân nhân Ngài phải sống trong ngôi nhà ba căn đầy dòi bọ, thiếu tiện nghi. Sang mùa xuân, Ngài và gia đình được sang ở căn nhà khá hơn. Họ ở Adrianople hơn bốn năm rưỡi. Trong thành phố này, Đức Baha'u'llah lại bắt đầu truyền giáo và qui tụ xung quanh Ngài một số đông tín đồ. Sứ điệp do Ngài công bố được đa số người Babi hân hoan tiếp nhận, và sau đó, họ được gọi là người Baha'i. Tuy nhiên, dưới sự hướng dẫn của người em đồng cha khác mẹ với Ngài, là Mirza Yahya, một số ít người đã chống Ngài kịch liệt và liên kết với những kẻ thù xưa của Ngài, người Shi'ih, để âm mưu lật đổ Ngài. Hậu quả là những cuộc rối loạn lớn lao đã xảy ra, và cuối cùng, Chính phủ Thổ trục xuất cả người Babi và Baha'i khỏi Adrianople, đày Đức Baha'u'llah và các tín đồ Ngài qua Akka (Ac-ca), thuộc xứ Palestine (Pa-lét-xtin); họ tới đây (theo Nabil)¹⁴ vào ngày 31 tháng 8 năm 1868, còn Mirza Yahya và đoàn tùy tùng của ông thì bị đày qua Cyprus (Đảo Síp).

NHỮNG BỨC THƯ GỎI CHO CÁC HOÀNG ĐẾ

Chính ở thời kỳ này, Đức Baha'u'llah đã viết một loạt những bức thư nổi tiếng cho Vua Thổ Nhĩ Kỳ, các Hoàng đế Châu Âu, Đức Giáo hoàng, Quốc vương Ba Tư. Sau đó, trong Thánh kinh Kitab-i-Aqdas (Thánh kinh Thiên liêng Nhất),¹⁵ Ngài viết cho các vua, các nhà cầm quyền và các vị Tổng thống ở châu Mỹ, các vị lãnh đạo tôn giáo và toàn thể nhân loại, tuyên bố Sứ mạng của Ngài và khẩn khoản yêu cầu họ đem hết năng lực để thiết lập một Tôn giáo chân chính, một Chính phủ công bình và một nền Hòa bình quốc tế. Trong bức thư gửi cho Quốc vương Ba Tư, Ngài bào chữa hùng hồn cho chính nghĩa của những người Babi bị áp bức và yêu cầu được đối chất với bọn xúi giục đàn áp họ. Không nói cũng biết là lời yêu cầu này vô hiệu; Badi, người Baha'i trẻ tuổi và nhiệt thành vì Đạo đi trao bức thư của Đức Baha'u'llah, đã bị bắt và bị hành hạ đến chết bằng cách áp gạch nung nóng vào thịt!

Cũng trong bức thư này, Đức Baha'u'llah đã tường thuật một cách cảm động nhất những nỗi đau khổ và ước nguyện của Ngài:

“Hỡi Quốc vương! Ta đã nhìn thấy trên con đường của Thượng Đế những điều mà không mắt nào nhận ra, không tai nào nghe được. Bọn bè đã chối bỏ Ta.

Đối với Ta, các đường lộ đều chật hẹp, hồ an ninh đã khô cạn, cánh đồng thành thoi đã úa vàng. Biết bao tai họa đã giáng xuống Ta, và còn nhiều tai họa nữa sẽ tới! Ta tiến về phía Đấng Toàn năng, Đấng Khoan hồng, trong lúc ấy, sau Ta rắn độc bò theo. Giường nằm của Ta ướt đầm lệ; nhưng không phải Ta khóc cho thân thể Ta. Nhân danh Thượng Đế, đầu Ta ước ao bị dáo đâm vì tình yêu Thượng Đế, Ta không bao giờ đi qua một gốc cây mà lòng không nhắn nhủ với cây rằng: “Ước gì cây được chặt ngã vì Ta, để thân Ta được đóng đinh trên người như cách của Chúa Ta.” Thật vậy, vì Ta thấy nhân loại đang lạc lõng trong mê say mà họ không rõ; họ kích thích dục vọng và từ bỏ Thượng Đế, coi giới răn Ngài như một chuyện đùa cợt, một trò đùa, một món đồ chơi, thế mà họ cho rằng họ xử sự đúng và đang ẩn náu trong một thành trì không ai chiếm nổi. Nhưng họ đã lầm: mai đây họ sẽ nhận biết điều ngày nay họ chối bỏ! Chúng Ta sắp sửa rời bỏ chốn lưu đày xa xôi này (Adrianople) để tới nhà tù ở Akka. Và theo lời người ta nói thì đây là thành phố hiu quạnh, xấu xí nhất thế giới, khí hậu độc địa nhất, còn nước uống thì bẩn khôn tả; hình như đây là thủ đô của chim cú, vì ở đây người ta chỉ nghe tiếng cú kêu. Đây là nơi mà người ta muốn giam Kê Tôi tở này, đóng cửa nhân tù và làm Ta phải chịu mọi thiếu thốn vật chất trong những ngày còn lại của đời Ta. Nhân danh Thượng Đế, dù mệt nhọc làm Ta kiệt sức, dù Ta phải chết đói, dù chỗ nằm của Ta là đá cứng, và bạn bè là muông thú sa mạc, Ta cũng không sờn lòng. Trái lại, Ta sẽ có đủ kiên nhẫn của những người dũng cảm quyết tâm, nhờ vào sức mạnh của Thượng Đế, Đấng Vua Tiên hữu, Đấng Tạo dựng mọi dân tộc, và trong mọi trường hợp, Ta luôn luôn cảm tạ Thượng Đế. Và Ta hy vọng rằng Ân điển Ngài (hãy tán dương Ngài)... sẽ làm cho mọi người thành thật với Ngài, Đấng Toàn năng, Đấng Khoan dung. Thật ra Ngài sẽ trả lời cho những ai cầu khẩn Ngài và ở gần những ai nài xin Ngài. Và Ta khẩn cầu Ngài biến tai họa tối tăm này thành cái mộc đối với chư Thánh của Ngài và che chở họ khỏi những đao kiếm sắc bén. Qua cơn khốn khổ, ánh sáng của Ngài sẽ chói lòa, và sự tán tụng Ngài sẽ hăng hái không ngừng; đây là phương pháp của Ngài trong các thời đại đã qua”.

-Bút ký của một người du lịch - Một giai đoạn về Đức Bab, trang 145-147-

THỜI GIAN BỊ TÙ Ở AKKA

Thời đó, Akka là một thành phố ngục tù để giam cầm những kẻ sát nhân tội tệ nhất từ khắp nơi của Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Khi tới đây, sau một cuộc hành trình khốn khổ bằng đường biển, Đức Baha'u'llah và các môn đệ, khoảng từ 80 đến 84 người, vừa đàn ông, đàn bà, trẻ con bị giam trong trại lính. Nơi này bẩn thỉu và ẩm ướt vô cùng. Giường thì không có, các tiện nghi khác cũng không, thực phẩm thì thiếu và không thích hợp, đến nỗi sau một thời gian, các tù nhân xin được tự mình đi mua lấy lương thực. Những ngày đầu, trẻ con khóc không ngừng, nên không ai ngủ được. Bệnh sốt rét, kiết lỵ và các thứ bệnh khác phát sinh, mọi người đều mắc bệnh, trừ hai người. Ba người chết, những kẻ sống sót thì đau đớn không bút nào tả xiết.

Cảnh giam cầm khắc khe này kéo dài hơn hai năm, khoảng thời gian này, không một người Baha'i nào được phép ra khỏi nhà tù, trừ bốn người hằng ngày đi mua thực phẩm bị hộ tống nghiêm ngặt. Hơn nữa, không ai được phép tới thăm. Nhiều người Baha'i ở Ba Tư đã đi bộ tới thăm Đấng Thầy kính yêu, nhưng họ không được phép bước qua ngưỡng cửa hào lũy bao quanh thành phố. Họ thường đi ra một chỗ ngoài cánh đồng, ngoài cái hào thứ ba, để có thể từ đây nhìn vào những cửa sổ khu nhà giam Đức Baha'u'llah. Ngài đến trước một cửa sổ, các tín đồ ngắm Ngài từ xa, và sau khi khóc thương Đấng Thầy, các tín đồ trở về nhà, lòng nung nấu nhiệt tình mới, sẵn sàng hy sinh và phụng sự.

NHỮNG SỰ KHÁC NGHIỆT ĐƯỢC NÓI DỊU

Cuối cùng sự giam cầm được nói diu. Quân đội Thổ đã bị động viên nên phải trả trại lính cho quân đội. Đức Baha'u'llah cùng gia đình được dời qua nhà riêng, còn các môn đệ thì được đưa tới ở một trại tạm trú trong thành phố. Tại nơi này, Đức Baha'u'llah bị giam giữ thêm bảy năm. Trong một căn nhà nhỏ, cạnh nơi Ngài bị giam, 13 người trong gia đình Ngài, vừa nam, vừa nữ, đã phải tùy tiện mà ở. Ban đầu, họ rất khổ, vì thiếu thực phẩm, thiếu cả những tiện nghi tầm thường nhất. Tuy nhiên, sau đây họ đã được cấp thêm vài phòng khác, nên được tương đối dễ chịu. Từ ngày Đức Baha'u'llah và các môn đệ dời khỏi trại lính, Ngài đã được phép tiếp khách, và lần lần những sự hạn chế khắc khe do Sắc lệnh của Chính phủ Hoàng gia Thổ cũng lỏng lẻo hơn, mặc dầu có lúc họ lại thi hành nghiêm ngặt.

CỬA NHÀ TÙ MỞ RỘNG

Ngay trong thời gian đen tối nhất của cảnh giam cầm, những người Baha'i không hề kinh hoàng, lòng tin tưởng bình tĩnh của họ không bao giờ lay chuyển. Khi còn ở trại lính Akka, Đức Baha'u'llah viết cho vài bạn hữu: “Các bạn đừng sợ! Các cửa ngục sẽ được mở ra. Lều của Ta có ngày sẽ được cắm trên núi Carmel (Các-men), và niềm vui cao độ sẽ thực hiện”.

Lời tuyên bố này là nguồn an ủi cho các đạo hữu và được ứng nghiệm cụ thể đúng kỳ. Đức Abdul-Baha đã thuật lại các cửa nhà tù được mở rộng như thế nào. Sau đây là bản văn do cháu của Ngài là Đức Shoghi Effendi dịch từ tiếng Ba Tư: “Đức Baha'u'llah yêu vẻ đẹp và màu tươi của cây cỏ đồng quê. Một ngày kia, Ngài nhận xét như sau: “Ta không được thấy màu cây xanh từ chín năm nay. Đồng quê là thế giới của linh hồn, còn thành thị là thế giới của thể xác”. Khi nghe thuật lại câu này, Ta hiểu Ngài khao khát cảnh thiên nhiên tới mức nào và tin rằng Ta có thể thành công trong cố gắng làm thỏa mãn ước vọng của Ngài. Bấy giờ, ở Akka, có một người tên là Muhammad Pasha Safwat (Mô-ha-mêch Pa-sa Sáp-wát), kịch liệt chống đối chúng ta. Ông có một biệt thự tên Mazraih (Mátx-rai), cách phía bắc thành phố độ bốn dặm, trong một khung cánh nên thơ, chung quanh có vườn cây và một dòng suối chảy. Ta đi thăm chủ nhân biệt thự tại nhà riêng. Ta bảo ông: “Thưa ngài Pasha, biệt thự của ngài để trống, còn ngài thì ở Akka.”

Ông đáp: “Tôi bị tàn tật, nên không thể rời thành phố. Nếu tôi tới nơi cô tịch ấy, tôi phải xa các bạn bè.” Ta nói: “Ngài ở đây mà biệt thự thì trống, ngài cho chúng tôi mượn được chứ”. Ông có vẻ ngạc nhiên về đề nghị của Ta, nhưng rồi ông cũng chấp thuận. Ta thuê căn nhà với giá rất rẻ, độ năm Anh kim một năm; Ta trả cho ông tiền thuê năm năm và ký ngay hợp đồng. Xong, Ta cho thợ tới sửa sang nhà cửa, vườn tược và cất nhà tắm. Ta cũng chuẩn bị một chiếc xe để Đấng Phúc Mỹ¹⁶ dùng. Một ngày nọ, Ta quyết định đích thân tới thăm nơi ấy. Mặc dầu có lệnh nhiều lần cấm chúng ta không được bước chân khỏi hào lũy vây quanh thành phố, nhưng Ta đã ra khỏi cổng thành. Lính canh đứng đầy, nhưng không ngăn cấm, nên Ta đi thẳng tới biệt thự. Hôm sau, Ta trở lại đây lần nữa, có vài người bạn và công chức cùng đi. Ta không bị ngăn cản hay làm rầy rà, mặc dầu lính gác đứng hai bên cửa thành.

“Một lần khác, Ta tổ chức một bữa tiệc ở Bahji, đặt bàn dưới những cây thông, rồi mời các thân hào và công chức trong tỉnh tới dự. Tối hôm ấy, chúng ta cùng trở lại Akka.

“Một hôm, Ta đến trước Thánh Điện của Đấng Phúc Mỹ và thưa rằng: “Biệt thự Mazraih đã chuẩn bị xong và một chiếc xe đang chờ để rước Ngài tới đây” (bấy giờ ở Akka hay Haifa không có xe). Ngài từ chối và nói: “Ta là một Người Tù”. Ít lâu sau, Ta lại yêu cầu lần nữa, nhưng cũng không kết quả gì hơn. Ta mạnh bạo khấn khoản lần thứ ba, nhưng câu trả lời vẫn là “không”, và Ta không dám nài nỉ nữa. Hồi ấy có một vị Shaykh (Sai-kh) ở Akka, một người có tên tuổi và uy tín, rất kính trọng Đức Baha’u’llah và được Ngài tin nhiệm. Ta tới thăm vị Shaykh và giải thích tình trạng cho ông nghe, và nói: “Ông bạo lắm, tối nay, ông hãy bước tới Thánh Điện, quỳ gối, nắm lấy tay Ngài và đừng buông ra cho tới khi nào Ngài hứa sẽ rời khỏi thành phố!” Ông ấy là người Á Rập... Liên đây, ông đến nhà Đức Baha’u’llah và ngồi cạnh Ngài, cầm lấy tay Đấng Phúc Mỹ, hôn tay Ngài và hỏi: “Tại sao Ngài không rời thành phố?” Đức Baha’u’llah đáp: “Ta là một Người Tù”. Vị Shaykh nói: “Lạy Thượng Đế hãy che chở Ngài! Ai có quyền bắt Ngài làm tù nhân? Chính Ngài tự giam cầm mình. Chính ý muốn của Ngài đã giam hãm Ngài, giờ đây tôi tha thiết yêu cầu Ngài rời nơi đây để tới biệt thự. Đó là một nơi u nhã và xanh tươi. Cây cối duyên dáng, trái cam giống như những quả cầu lửa”. Mỗi khi Đấng Phúc Mỹ nhắc lại câu: “Ta là một Người Tù, điều ấy không thể được”, thì vị Shaykh lại nắm lấy tay Ngài mà hôn. Ông biện luận trọn một giờ. Cuối cùng Đức Baha’u’llah nhận lời: “Khayli Khub (được)”, như vậy, sự bền chí và kiên nhẫn của vị Shaykh đã được đền đáp. Ông vui vẻ tới tìm Ta và báo tin mừng là Đấng Thầy đã bằng lòng. Mặc dầu có lệnh của Abdul-Aziz (Ap-đun A-dítx) nghiêm cấm Ta không được gặp hay nói chuyện với Đấng Phúc Toàn, hôm sau Ta lấy xe và rước Đức Baha’u’llah tới biệt thự. Không ai cản trở cả. Ta để Ngài ở đây và trở về thành phố.

“Ngài ở nơi u nhã ấy trong hai năm. Sau đây, chúng ta quyết định đi Bahji. Lúc ấy bệnh dịch phát khởi ở Bahji; chủ nhân một căn nhà nọ lánh nạn với gia đình, sẵn sàng giao lại căn nhà không điều kiện cho người nào yêu cầu. Chúng ta thuê được căn nhà với một giá rất rẻ, và chính ở nơi này, những cánh cửa tôn nghiêm và uy quyền chân chính đã mở rộng. Trên nguyên tắc, Đức Baha’u’llah

vẫn là Tù nhân (vì những lệnh nghiêm ngặt của Quốc vương Abdul-Aziz chưa hủy bỏ), nhưng trên thực tế thì Ngài đã biểu dương tính cao thượng và phẩm cách trong cuộc sống, và cách cư xử của Ngài khiến Ngài được mọi người trọng vọng, và Chính quyền Palestine phải thêm muốn ảnh hưởng và uy tín của Ngài. Các viên Thống đốc, các tướng quan, các công chức địa phương, khẩn khoản được hân hạnh yết kiến Ngài, nhưng không mấy khi những lời thỉnh cầu trên được chấp thuận. Có một lần, viên Tổng trấn thành phố xin ân huệ này, viện cớ là ông được lệnh trên cùng đi với một Tướng quan tới yết kiến Đấng Phúc Toàn. Lời thỉnh cầu được chấp thuận. Viên tướng quan, một người Âu thân hình to lớn, quá xúc động trước sự oai nghi của Đức Baha'u'llah, đã quì xuống đất, gấn cửa vào. Họ quá khiêm tốn đến nỗi Ngài phải mời nhiều lần họ mới hút điếu “narghileh” (na-ghi-lê). Mặc dầu vậy, họ chỉ đặt điếu vào môi, rồi để ra bên cạnh và khoanh tay một cách kính trọng và khiêm nhường đến nỗi những người hiện diện phải ngạc nhiên.

“Lòng kính ái của bạn bè, sự vị nể và tôn trọng của các công chức và thân hào đối với Ngài, biến người tới chiêm bái và tìm chân lý, tinh thần sùng bái và phụng sự biểu lộ ở xung quanh, cách xử sự oai nghi và vương giả của Đấng Phúc Toàn, hiệu lực mệnh lệnh Ngài ban, con số đông đảo tín đồ thành tâm, tất cả những điều này chứng tỏ Đức Baha'u'llah không phải là một Tù nhân, mà là Vua của các vua. Mặc dầu bị giam hãm trong ngục tù của hai vị vua uy quyền chuyên chế, Ngài đã nói với họ bằng những lời nghiêm khắc như một vị vua nói với bầy tôi. Sau đây, mặc dù nghiêm lệnh ban ra, Ngài vẫn sống ở Bahji như một ông Hoàng. Ngài thường phán: “Thật ra, nhà tù tẻ nhạt nhất đã biến thành Thiên đường Eden”.

“Thật vậy, không có việc nào tương tự như vậy đã xảy ra từ khi sáng thế”

ĐỜI SỐNG Ở BAHJI

Trong những năm đầu của thời gian bị hoạn nạn, Đức Baha'u'llah đã chứng minh bằng cách nào người ta có thể tôn vinh Thượng Đế trong cảnh nghèo nàn và nhục nhã, thì trong những năm về sau ở Bahji, Ngài cũng đã chứng minh bằng cách nào người ta có thể tôn vinh Thượng Đế khi phú quý. Hàng trăm ngàn tín đồ trung thành đã dâng Ngài những số tiền lớn lao để tùy quyền Ngài sử dụng. Mặc dù cuộc sống của Ngài ở Bahji được tả như rất đế vương, theo nghĩa cao cả của danh từ, nhưng không nên tưởng tượng đây là một cuộc sống đầy vật chất và xa hoa. Đấng Phúc Toàn và gia đình Ngài sống rất giản dị, khiêm nhường và không hề chi tiêu xa xỉ ích kỷ. Gần nhà Ngài, các tín đồ lập một ngôi vườn rất đẹp gọi là vườn Ridvan (Thiên đường). Ngài thường ở đây mấy ngày liên tiếp, có khi hàng tuần, ban đêm ngủ trong một túp lều sơ sài dựng lên ngay trong vườn. Có khi Ngài đi xa ra cánh đồng. Nhiều lần Ngài đi thăm Akka và Haifa và cắm trại trên núi Carmel, như Ngài đã tiên đoán trong thời gian bị giam cầm ở Akka. Đức Baha'u'llah đã bỏ nhiều thời giờ để cầu kinh và mặc tưởng, viết các Thánh thư, các bản văn Mặc khải hoặc giáo dục tinh thần các tín đồ. Để Ngài có thời giờ rảnh rang chuyên lo công việc vĩ đại này, Đức Abdul-Baha đảm nhiệm tất cả những công việc khác, kể cả việc tiếp các vị Mullas, các thi sĩ, những nhân viên Chính phủ. Qua các cuộc tiếp xúc với Đức Abdul-Baha, mọi người đều hân hoan thỏa

mãn về những lời giải thích của Ngài, và tuy không được giáp mặt Đức Baha'u'llah, họ cũng đầy thiện cảm với Ngài, vì Đức Abdul-Baha, bằng thái độ và lời nói, đã biết cách làm cho họ hiểu cương vị của Đấng thân sinh Ngài.

Một nhà Đông phương học trứ danh là giáo sư Edward Granville Browne (Ét-wót Gren-vin Brao) của Đại học đường Cambridge (Kem-bridg), đã yết kiến Đức Baha'u'llah ở Bahji năm 1890, và ghi cảm tưởng của ông như sau:

“Người hướng đạo của tôi đứng lại một lúc, trong khi tôi cởi giày. Bằng một cử chỉ nhanh nhẹn, anh kéo bức màn để tôi đi qua rồi khép lại liền. Lúc bấy giờ, tôi đứng trong một căn phòng rộng, ở đầu trên là một trường kỷ thấp, đối diện với cửa là hai ba cái ghế. Mặc dù tôi biết mừng tượng là tôi đi đâu và gặp ai (vì tôi không được thông báo trước rõ ràng), sau vài giây kinh ngạc và sợ hãi, tôi nhận thức được rằng căn phòng không phải bỏ trống. Trong góc, một Người oai vệ và trang nghiêm ngồi trên trường kỷ kê sát tường, đầu đội khăn bằng nỉ mà các tu sĩ Hồi giáo gọi là taj (nhưng cao và chế tạo đặc biệt), phía dưới quần một khăn trắng nhỏ. Về diện mạo Người tôi được chiêm ngưỡng, tôi không bao giờ quên, tuy không miêu tả nổi. Đôi mắt sắc của Ngài như soi thấu tâm can; đôi lông mày rậm của Ngài biểu lộ sức mạnh và uy quyền, những nét nhăn trên mặt và trên trán Ngài hình như chứng tỏ tuổi già, còn râu tóc đen huyền rậm xòa xuống gần ngực như cái chính điều đó. Không cần hỏi tôi đang đứng trước Người nào, tôi đã cúi mình trước Đấng được yêu thương và tôn sùng, khiến vua chúa thềm muốn và ao ước mà không được!

“Một giọng nói êm đềm uy nghi mời tôi ngồi, rồi nói tiếp: “Hãy ngợi ca Thượng Đế vì người đã đạt tới đích. Người đã đến để thăm một Người tù, một Kẻ lưu đày... Chúng Ta chỉ muốn điều hay cho thế giới và hạnh phúc cho mọi dân tộc, nhưng họ đã nghi Chúng Ta gây rối loạn và đáng bị giam cầm đày ải... Chúng Ta ước mong mọi quốc gia thống nhất tín ngưỡng, và mọi người coi nhau như anh em, mọi dây liên lạc thân mật và nhất trí giữa con cái loài người phải được củng cố, mọi bất đồng về tôn giáo phải xóa bỏ, mọi kỳ thị chủng tộc phải chấm dứt. Điều này có hại gì không? Dù sao những điều trên cũng sẽ được thực hiện; những sự xung đột vô ích, những cuộc chiến tranh tàn phá sẽ qua, và thời Tới đại Hòa bình sẽ đến. Các người há chẳng cần như vậy ở Châu Âu sao? Há chẳng phải chính Chúa Cứu thế đã tiên tri như vậy sao? Tuy thế, Chúng Ta thấy các vua chúa và quốc trưởng đã phung phí tiền bạc để tìm cách tiêu diệt loài người hơn là dẫn loài người tới hạnh phúc. Những sự xung đột, những vụ đổ máu, những mối bất hòa phải chấm dứt và mọi người phải được kết hợp thành một chủng tộc và một gia đình... Người ta không nên chỉ đề cao lòng yêu nước, mà nên đề cao tình yêu thương loài người.” Theo chỗ nhớ của tôi, đây là một ít trong những lời tôi đã nghe Đấng Baha truyền dạy. Ai đọc, hãy tự vấn mình xem những giáo lý ấy có đáng xử tử hay tù đày không, và nếu đem truyền bá thì thế giới được lợi hay hại.”

-Lời giới thiệu cuốn “Bút ký của một du khách”, đoạn về Đức Bab, trang 39 -

SỰ THĂNG THIÊN

Về cuối đời Ngài, Đức Baha'u'llah đã sống đơn giản và bình tĩnh như thế cho đến khi qua đời, sau một cơn sốt, ngày 29 tháng 5 năm 1892, thọ 75 tuổi. Trong những Kinh bản mạc khải cuối cùng, có bản Chúc thư và Giao ước của Ngài do chính tay Ngài viết, ký và đóng dấu hãn hời. Chín ngày sau khi Ngài lia trần, con trai Ngài nậ dấu niêm phong trước mặt nhiều người trong gia đình và một số bạn bè, và nội dung tài liệu ngăn ngừi nhưng khác thường ấy, đợc công bố.

Bản Chúc thư này cử Đức Abdul-Baha làm đại diện giải thích các giáo huấn của Thân phụ, và ra lệnh cho gia đình, bà con của Đức Baha'u'llah cùng toàn thể tín đồ phải hướng về Ngài và tuân theo Ngài. Quyết định này chặn đứng mọi mưu toan bẻ phái và chia rẽ, và bảo đảm sự thống nhất của Chính nghĩa.

SỰ MỆNH TIÊN TRI CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH

Điều quan trọng là cần có ý niệm rõ ràng về Sự mệnh Tiên tri của Đức Baha'u'llah. Các Lời Ngài phán dạy, cũng như các “Biểu hiện” thiên thượng khác, có thể chia thành hai loại: một loại là những Lời Ngài nói hay viết như một người mà Thượng Đế đã ủy thác một Sự điệp để rao truyền cho đồng loại; còn loại kia là các Lời nói của Ngài do chính Thượng Đế phán ra.

Đức Baha'u'llah viết trong Kinh Iqan (Kinh Xác tín):

“Trong những trang trên, Chúng Ta đã thấy hai cương vị khác nhau chỉ định cho mỗi Mặt trời xuất hiện lúc Rạng đông thánh khiết đời đời. Một trong các cương vị thống nhất chính yếu đã đợc giải thích rồi.” Chúng Ta không phân biệt mảy may các Đấng Tiên tri của Thượng Đế” (Quran 2:136). Cương vị kia là cương vị phân biệt, thuộc về thế giới tạo vật và các giới hạn của nó. Trong trường hợp thứ hai này, mỗi “Đấng Biểu hiện của Thượng Đế” có cá tính riêng biệt, một Sự mạng thiên định rõ ràng, một Mạc khải tiên định và những giới hạn đã đợc quy định đặc biệt. Mỗi Đấng Biểu hiện mang một Danh khác, có một Đặc tính riêng biệt, hoàn thành một Sự mạng nhất định, đợc giao phó một Mạc khải riêng biệt. Như Thánh Kinh đã viết: “Chúng Ta nâng cao vài Đấng Tiên tri lên trên các Đấng khác. Thượng Đế đã phán với vài Đấng này, đã đưa vài Đấng kia lên làm cho các Ngài thành cao cả. Còn với Chúa Giê-su, con bà Maria, Chúng Ta đã ban những dấu hiệu hiển nhiên, và Chúng Ta đã làm cho Ngài thêm mạnh mẽ bằng Thánh linh.” (Quran 2: 253).

“Cho nên, xét trên quan điểm thống nhất và siêu thoát cao cả của các Ngài, các đặc chất Thiên tính, Tồi cao, Đơn Nhất tính, Nguyên thể sâu kín, đã và còn ứng dụng cho các Nguyên thể sinh tồn đó, vì hết thảy các Tính ấy đều ngự trên Ngôi Mạc khải thiên thượng và thiết lập trong màu nhiệm thiêng liêng. Nghĩa là

Mặc khải của Thượng Đế biểu hiện trong sự xuất hiện của các Đấng ấy, và sự Mỹ lệ của Ngài được biểu lộ trên dung mạo của các Đấng ấy...

“Xét về cương vị thứ hai của các Đấng ấy, cương vị phân biệt, phân hóa, giới hạn tạm thời, các nét đặc sắc và các tiêu chuẩn, các Đấng ấy biểu hiện một lòng tận tụy tuyệt đối, xả kỷ tột độ, hy sinh hoàn toàn. Ngay Đức Muhammad cũng đã phán: “Ta là nô bộc của Thượng Đế. Ta cũng chỉ là người như các anh em...” (Quran S-41)

“Nếu một trong các Đấng Biểu hiện trùm khắp nói: “Ta là Thượng Đế”, thì Ngài nói thật, không còn nghi ngờ gì nữa. Vì đã nhắc đi nhắc lại rằng, nhờ Mặc khải, Danh hiệu và Đặc tính của Đấng ấy, sự Mặc khải của Thượng Đế, Danh hiệu và Đặc tính của Ngài được sáng tỏ trên thế gian. Bởi vậy Ngài đã mặc khải: “Những tia chớp ấy là của Thượng Đế chứ không phải của Người!” (Quran 8:17). Và Ngài cũng phán: “Sự thực kẻ nào làm điều dơ bẩn đối với Người thì chúng đã làm điều dơ bẩn đối với Thượng Đế” (Quran 48:10). Và nếu có Đấng nào phán: “Ta là Sứ giả của Thượng Đế”, Đấng ấy cũng nói thật, sự thật không thể nghi ngờ được. Ngay cả có khi Ngài còn phán: “Đức Muhammad chẳng phải là cha của người nào trong các người nhưng Ngài là Sứ giả của Thượng Đế”. Nhận xét dưới sự soi sáng này, các Ngài là Sứ giả của Đấng Vua lý tưởng ấy, của Bản thể bất biến ấy. Và nếu tất cả các Ngài cùng tuyên bố: “Ta là Dấu ấn của các Đấng Tiên tri”, các Ngài quả đã không tỏ lộ điều gì ngoài sự thật, vượt lên khỏi cái bóng mờ nhạt nhất của sự hoài nghi. Bởi vì tất cả các Ngài chỉ là một Người, một Linh hồn, một Tinh thần, một Thực thể, một Mặc khải. Tất cả các Ngài đều là Biểu hiện của “Sự bắt đầu” và “Sự kết thúc”, của “cái Nhất” và “cái Cuối cùng”, của “cái Thấy được” và “cái Giấu kín” tất cả những cái ấy thuộc về Đấng Tinh thần của mọi Tinh thần sâu xa nhất, Tinh hoa của mọi Tinh hoa vĩnh cửu. Nếu các Đấng ấy nói rằng: “Chúng Ta là nô bộc của Thượng Đế” (Quran 33:40), thì các Ngài nói thật không thể chối cãi, vì Sứ mạng các Đấng ấy hoàn thành trong một trạng thái hoàn toàn khiêm tốn, khuất phục đến nỗi không một người nào đạt tới. Như vậy, lúc mà Nguyên thể sinh tồn đó chìm sâu trong Đại dương của Thánh Chúa xa xưa và bất tử, hay bay lượn trên phạm vi tối cao của các mâu nhiệm thiên thượng, thì các Ngài công bố rằng Lời nói của các Ngài là Tiếng nói của Thần tính, tiếng gọi của chính Thượng Đế vậy. Nếu tuệ nhãn của chúng ta mở ra, chúng ta hẳn nhận thấy rằng, trong tình trạng trạng đó, các Ngài tự coi mình hoàn toàn bị lu mờ và không hiện hữu trước mặt Đấng Ngự trị trên muôn vật, Đấng Bất hoại...

“Tóm lại, trước Đấng Toàn năng, các Đấng ấy tự coi mình hoàn toàn là hư không và coi sự đề cập tới mình nơi Triều đường ấy là một điều phạm thượng. Ở nơi Triều đường ấy, sự thì thảo nhỏ nhẹ nhất về tự ngã là bằng chứng về sự tự khẳng định cái ta và sự tồn tại độc lập. Trong con mắt những Đấng đã đạt tới chốn Triều đường ấy, một sự gợi ý như thế là một tội nghịch nghiêm trọng. Và còn nghiêm trọng biết bao nếu không nhắc gì ngoài sự Hiện diện ấy, nếu tâm hồn con người, lưỡi con người, trí óc con người, linh hồn con người còn bận rộn về ai khác ngoài Đấng Kính yêu tột bậc, nếu mắt con người nhìn thấy dáng vẻ nào ngoài sự Mỹ lệ của Ngài, nếu tai con người còn lắng nghe điệu nhạc du dương nào ngoài

Thanh âm của Ngài, và nếu chân con người còn bước đi trên con đường nào khác ngoài con đường của Ngài.

“Trong ngày này, ngọn gió của Thượng Đế đã thổi lên và tinh thần Ngài đã bao trùm vạn vật. Đó là sự tuôn đổ của thiên ân Ngài mà không bút nào tả nổi, không lưỡi nào nói hết.

“Bởi cương vị này, các Ngài công bố rằng các Ngài là Tiếng nói của Thượng Đế, và cũng như thế, khi ở cương vị là Đấng Sứ giả, các Ngài công bố rằng các Ngài là Sứ giả của Thượng Đế. Trong mọi trường hợp, các Ngài công bố điều gì thích nghi với hoàn cảnh, và gắn những lời công bố ấy cho chính các Ngài, những công bố từ thực tại của Mặc khải thiêng liêng đến thực tại của tạo vật, từ lãnh vực của Thần tính đến lãnh vực của sự hiện hữu thể tục.

“Như vậy, tất cả những điều các Ngài nói về Thiên Quốc, về Thiên Chúa, về các Đấng Tiên tri, về các Sứ giả, về chức Giáo hộ, về nhiệm vụ Tông đồ hay Phụng vụ, tất cả những Lời đó đều đúng, không nghi ngờ mây may. Bởi vậy, những Lời kinh mà Chúng Ta trích dẫn ra đây để bảo vệ cho lý luận của Chúng Ta cần phải được nghiên cứu chín chắn để cho những Lời dạy khác nhau của các Đấng Biểu hiện của Đấng Vô hình và của các Đấng Bình minh của Thánh thể không còn làm xáo động tâm hồn và rối loạn trí óc.”

-Kitab-i-Iqan (Kinh Xác tín) 176-181-

Khi Đức Baha'u'llah lấy tư cách làm người mà nói, thì điều Ngài đòi hỏi cho chính mình là một địa vị hoàn toàn khiêm tốn, “diệt ngã trong Thượng Đế”... Điều phân biệt Đấng Biểu hiện trong nhân tính của Ngài với các người khác là sự xả kỷ trọn vẹn và tính cách hoàn hảo của các quyền năng Ngài. Trong mọi trường hợp, Ngài có thể nói, như trước kia Chúa Giê-su phán trong vườn Gethsemane (Ghết-sê-ma-nê): “Tuy vậy, xin cho Ý chí của Cha được thực hiện, chứ không phải ý chí của con”, cho nên trong thư gửi cho Quốc vương, Đức Baha'u'llah viết:

“Hỡi Quốc vương! Thực ra Ta chỉ là một người như mọi người triền miên trên giường ngủ. Các luồng gió của Đấng Tối Vinh quang thổi qua người Ta, và dạy Ta biết mọi sự đã qua. Điều này không do Ta mà ra, nhưng do Đấng Toàn năng và Toàn trí. Ngài ra lệnh cho Ta phải tuyên bố giữa trời và đất, và vì điều này, số phận dành cho Ta làm cho những kẻ biết đến phải chảy nước mắt. Ta không từng học các khoa học mà người đời biết, cũng không cấp sách đến trường nào... Ta chỉ là chiếc lá mà làn gió Ý chí của Chúa ngưởi, Đấng Toàn năng, Đấng Đáng ca ngợi đã lay động. Nó có thể im lìm khi bị gió bão thổi mạnh không? Nhân danh Đấng Chúa của tất cả các Danh hiệu và các Đặc tính! Trái lại, gió thích làm cho lá chuyển dời thì nó phải chuyển dời. Vật phù du thì chỉ là hư không trước mặt Đấng Hằng hữu. Mệnh lệnh quyết liệt của Ngài đã ban, bắt buộc Ta phải nói ra đề Ca tụng Ngài giữa các dân tộc. Thực ra Ta chỉ như một kẻ chết trước sự Truyền phán của Ngài. Bàn tay Ý chí của Chúa ngưởi, Đấng Đại từ, Đấng Đại bi xoay trở Ta. Ai lại tự ý nói ra những điều làm cho mọi người, thấp cũng như cao,

chống đối mình? Không, nhân danh Đấng truyền dạy các mầu nhiệm đời đời cho Ngôi bút, chỉ có ai được Đấng Toàn lực, Đấng Toàn năng thêm sức mới dám làm như vậy.”

-Kinh bản gửi Quốc vương, đã trích dẫn trong sách “Ngày Hứa hẹn đã đến”, trang 40-41-

Như Chúa Giê-su rửa chân cho các môn đồ, Đức Baha’u’llah thỉnh thoảng nấu ăn cho các tín đồ và giúp họ những việc hèn mọn. Được phụng sự, Ngài lấy làm vinh hạnh. Ngài khiêm tốn hơn các đầy tớ của Ngài, nếu cần, vui lòng ngủ dưới đất, ăn bánh không và uống nước lã; hay đôi khi dùng cái Ngài gọi là “thực phẩm thiêng liêng”, nghĩa là nhịn đói. Người ta nhận biết sự khiêm tốn hoàn toàn của Ngài trong sự tôn kính thiên nhiên, bản chất con người, và nhất là các thánh nhân, các Đấng Tiên tri và các bậc tuấn đạo. Đối với Ngài, mọi sự, từ cái hèn mọn nhất đến cái vĩ đại nhất, đều nói về Thượng Đế.

Nhân tính của Ngài được Thượng Đế lựa chọn làm Phát Ngôn Nhân và Ngôi bút thiên thượng. Không phải tự ý riêng mà Ngài đảm đương địa vị khó khăn và khổ não vô song này. Như Chúa Giê-su đã phán: “Lạy Cha, nếu có thể, xin hãy cất ly này khỏi tay con”.

Đức Baha’u’llah cũng phán như thế: “Nếu có một nhà giải thích hay phát ngôn viên nào khác, Chúng Ta đã chẳng đem mình làm đầu đề cho dân chúng phê bình, diễu cợt và vu khống.”

-Kinh bản Ishraqat-

Nhưng tiếng gọi thiên thượng rõ ràng và thúc bách, nên Đức Baha’u’llah đã tuân tùng. Ý chí của Thượng Đế trở thành Ý chí của Ngài, và sự thích thú của Thượng Đế thành sự thích thú của Ngài, và trong tinh thần “phục tùng hơn hờ” Ngài tuyên bố:

“Quả thực: Linh hồn yêu dấu và trái tim ước muốn tất cả những gì xảy ra trên đường của Thượng Đế. Trên đường Ngài, thuốc độc là mật ong thuần túy, và mọi khổ não là một ngum nước trong”

-Thư gửi “Con Trai Chó sói”, trang 17-

Nhiều lúc khác, như chúng tôi đã nói, Đức Baha’u’llah phán “trên cương vị Thần tính”. Khi Ngài phán trên cương vị đó, nhân tính của Ngài bị xóa bỏ hoàn toàn. Qua Ngài, Thượng Đế nói với tạo vật, tuyên bố tình yêu của Ngài đối với họ, dạy họ biết các đặc tính của Ngài, tỏ rõ Ý chí của Ngài, ban bố luật pháp của Ngài để hướng dẫn họ, yêu cầu họ kính yêu Ngài, trung thành với Ngài và phụng sự Ngài.

Trong các Thánh thư của Đức Baha’u’llah, lời nói thường đổi từ hình thức này sang hình thức khác. Đôi khi, hiển nhiên là một người đang nói, rồi văn pháp

chuyển qua ngôi thứ nhất, như chính Thượng Đế phán vậy. Dù khi Ngài nói với tư cách là người, tuy nhiên, Đức Baha'u'llah cũng nói như một Sứ giả của Thượng Đế, như một gương mẫu sống về sự phục tùng hoàn toàn Ý chí của Thượng Đế. Trọn cuộc sống của Ngài, do Thánh Linh tác động. Vì thế, không thể quy định một giới hạn rõ rệt giữa những yếu tố thiên thượng và nhân thế trong đời sống hay trong các giáo huấn của Ngài. Thượng Đế truyền cho Ngài:

“Hãy phán: Dân chúng chỉ thấy Đền thờ Thượng Đế trong đền thờ của Ta, sự Mỹ lệ của Ngài trong vẻ mỹ lệ của Ta, Thực thể của Ngài trong thực thể của Ta, và Chính Minh Ngài trong bản thân Ta, sự Vận động của Ngài trong sự vận động của Ta, sự Phục tùng của Ngài trong sự phục tùng của Ta, và Ngôi bút của Ngài, Ngôi bút Quý báu, Ngôi bút được Ca tụng trong ngôi bút của Ta.

“Hãy phán: Trong linh hồn Ta chỉ có Chân lý và trong người Ta không có gì biểu hiện ngoài Thượng Đế”.

-Saratul Haykal, Đền thờ Thượng Đế, tr.30-

SỨ MẠNG CỦA NGÀI

Sứ mạng của Đức Baha'u'llah trên thế gian này là đem lại sự Thống nhất, Thống nhất toàn thể nhân loại trong Thượng Đế và do Thượng Đế. Ngài nói:

“Quả Toàn vinh của Cây Trí thức là Lời cao cả này: Toàn thể các người là quả cùng một cây, lá cùng một cành. Con người không nên lấy làm vinh hạnh vì lòng yêu xứ sở, mà là vì tình yêu nhân loại”.

Các Đấng Tiên tri trước đã thông báo một thời đại thanh bình trên trái đất, thiện chí giữa loài người, và các Đấng ấy đã hy sinh mạng sống của mình, để làm cho ngày ấy mau tới, nhưng mỗi một và toàn thể các Đấng ấy, đã quả quyết rằng thời đại có phước đó chỉ đạt được sau “cuộc Tái lâm của Đấng Chúa” trong những ngày cuối cùng, lúc mà kẻ ác bị xử đoán và người thiện được ban thưởng.

Đức Zoroaster đã tiên đoán 3000 năm xung đột trước ngày giáng lâm của Đấng Shah Bahram, Đấng Cứu vớt thế gian sẽ chiến thắng ác thần Arhiman, và thiết lập triều đại công chính và hòa bình.

Đức Moses tiên đoán một thời kỳ lưu đày, bắt bớ và áp bức lâu dài cho con cái Israel, trước khi Chúa các Cơ binh xuất hiện để tập hợp họ từ khắp các nước, tiêu diệt bọn áp bức và thiết lập Vương quốc của Ngài trên trái đất.

Chúa Cứu thế phán: “Đừng tưởng rằng Ta đến để đem Hòa bình cho thế gian. Ta không đến vì Hòa bình mà vì đao kiếm” (Ma-thi-ơ 10: 34), và Ngài tiên đoán một thời kỳ chiến tranh, và tiếng đồn đại về chiến tranh, khổ não và ưu sầu

sẽ tiếp tục cho tới khi Con của Người đến “trong Vinh quang của Đấng Chúa Cha”.

Đức Muhammad tuyên bố rằng, vì những hành động xấu xa của người Do Thái và người Gia Tô, nên Đấng Allah đã gieo rắc thù oán và căm hờn giữa họ, và tình trạng đó sẽ kéo dài cho tới ngày Phục Sinh, khi Ngài hiện ra để phán xét tất cả.

Mặt khác, Đức Baha'u'llah cũng báo cho biết rằng Ngài là Đấng được Hứa hẹn của tất cả các Đấng Tiên tri này, là Biểu hiện Thiên thượng của một kỷ nguyên, trong đó triều đại hòa bình sẽ được thiết lập thực sự. Lời tuyên bố đó duy nhất và chưa từng có bao giờ, tuy nhiên, nó phù hợp một cách kỳ diệu với các dấu hiệu thời đại, và với các dự ngôn của tất cả các Đấng Đại Tiên tri. Đức Baha'u'llah mặc khải một cách rõ ràng, hàm súc vô song các phương tiện để kiến tạo hòa bình và thống nhất nhân loại.

Quả thực, từ khi Đức Baha'u'llah xuất hiện cho tới nay, chiến tranh và sự tàn phá xảy ra trên qui mô rộng lớn hơn bao giờ hết, nhưng đó chỉ là sự ứng nghiệm điều mà tất cả các Đấng Tiên tri đã báo trước sẽ xảy đến vào buổi Hùng đông “Ngày vĩ đại và khủng khiếp của Thượng Đế”. Vì thế, các biến cố hiện thời xác nhận ý kiến cho rằng “sự giáng lâm của Thượng Đế” chẳng những gần đến, mà lại là một việc đã thực hiện. Theo ví dụ của Chúa Cứu thế, thì vị Chúa tể Vườn nho sẽ tiêu diệt một cách khốn nạn bọn làm công độc ác, trước khi phó thác Vườn nho cho những người khác, là những kẻ sẽ nộp quả cho Ngài đúng mùa. Lời đó há chẳng có nghĩa là khi Chúa tới, thì các Chính phủ chuyên chế, bọn tu sĩ và bọn thông giáo cố chấp, tham lam, bọn bạo chúa sẽ bị tiêu diệt thảm khốc hay sao? Vì họ, những kẻ trải qua bao thế kỷ, đã cai trị thế gian một cách bất xứng, chiếm đoạt hoa lợi, như bọn tá điền xấu xa kia.

Còn có thể xảy ra những biến cố kinh khủng, những hoạn nạn chưa từng thấy trên trái đất trong ít lâu, nhưng Đức Baha'u'llah quả quyết với chúng ta rằng: “Chẳng bao lâu nữa, các sự xung đột vô ích, các cuộc chiến tranh tàn hại đó sẽ qua đi, và nền Hòa bình Tối Đại sẽ tới”. Chiến tranh đã đạt tới một khả năng tàn phá khốc liệt đến nỗi nhân loại ngày nay phải tìm phương tránh khỏi, không thì sẽ chết.

“Thời kỳ viên mãn” đã đến và Đấng Giải phóng từng được Hứa hẹn đã xuất hiện.

THÁNH THƯ CỦA NGÀI

Các Thánh thư của Đức Baha'u'llah hàm súc nhất trong mọi phạm vi, bàn đến mọi khía cạnh đời sống con người, cá nhân cũng như xã hội, các vấn đề vật chất và tinh thần, giải thích các kinh cũ và mới, và tiên tri về tương lai gần và xa.

Kiến thức rộng rãi và tinh xác của Ngài thật kỳ lạ. Ngài có thể dẫn chứng và giải thích, một cách minh xác và quyền năng, Thánh kinh các nền Đạo quen thuộc cho những người thư từ qua lại, hoặc trực tiếp hỏi Ngài, dù rằng hình như không bao giờ Ngài có dịp nghiên cứu các sách mà Ngài dẫn ra. Ngài tuyên bố trong “Thư gửi cho Con của Chó sói” rằng Ngài không bao giờ đọc Kinh Bayan, dù trong các Thánh thư của chính Ngài, Ngài tỏ ra hiểu biết hoàn toàn Mặc khải của Đức Bab (như ta đã thấy, Đức Bab tuyên bố rằng Mặc khải của Ngài, cuốn Kinh Bayan, được cảm ứng bởi Đấng mà Thượng Đế sẽ Biểu hiện). Ngoài cuộc viếng thăm của Giáo sư Edward Granville Browne, mà có bốn dịp Ngài tiếp chuyện trong năm 1890, mỗi dịp lâu từ hai mươi đến ba mươi phút, không bao giờ Ngài có cơ hội thảo luận với các nhà tư tưởng Tây phương, thế mà các Thánh thư của Ngài chứng tỏ sự thấu triệt các vấn đề xã hội, chính trị và tôn giáo của thế giới Tây phương, và ngay chính kẻ thù của Ngài cũng phải công nhận rằng sự khôn ngoan và hiểu biết của Ngài là vô song. Như ai nấy đều biết, các trường hợp Ngài bị cầm tù lâu dài, khiến người ta không thể hoài nghi rằng kho kiến thức trình bày trong các Thánh thư của Ngài là do một nguồn gốc thiêng liêng, hoàn toàn không liên can gì đến các cách thức học tập hay giáo dục thông thường, nhờ sách vở hay nhờ các nhà giáo.¹⁷

Đôi khi Ngài viết bằng tiếng Ba Tư mới, thứ ngôn ngữ thông thường của đồng bào Ngài đã pha lẫn nhiều tiếng Ả Rập. Có lúc bằng tiếng Ba Tư cổ điển thuần túy, để nói với hàng trí thức Bái Hỏa giáo. Ngài cũng viết thông thạo bằng tiếng Ả Rập, khi thì dùng văn bình dân, lúc dùng văn cổ điển, giống như văn Kinh Quran. Căn cứ vào sự bỏ qua hoàn toàn về phương diện học tập văn chương, thì việc Ngài sử dụng hoàn hảo các thứ tiếng và các lối hành văn khác nhau, thì đó quả là điều phi thường.

Trong một số Thánh thư của Ngài, con đường thánh thiện được chỉ dẫn bằng những thuật ngữ giản dị đến nỗi “kẻ lữ hành, dù mất trí khôn, cũng không thể lầm lạc được” (Ê-sai xxxv, 8). Một số Thánh thư khác chứa đựng một kho tàng hình ảnh thi vị, triết lý sâu xa, những điển tích liên quan đến Thánh Kinh Hồi giáo, Bái Hỏa giáo và các tôn giáo khác, hay văn chương và chuyện cổ tích Ba Tư và Ả Rập, phong phú đến nỗi chỉ các thi sĩ, các nhà tư tưởng hay học giả mới có thể thường thức thích đáng. Còn những Thánh thư khác nữa thì bàn đến các giai đoạn tiến bộ của đời sống tinh thần, và chỉ có những người đã trải qua các giai đoạn trước, mới hiểu được. Các Thánh thư của Đức Baha’u’llah, giống như bàn tiệc đầy dẫy thực phẩm và các món cao lương mỹ vị, có thể thỏa mãn nhu cầu và thị hiếu của tất cả những người chân thành tìm chân lý.

Vì thế mà Chánh Đạo của Ngài ảnh hưởng tới giới trí thức, các thi sĩ duy linh và các văn sĩ danh tiếng. Ngay một số lãnh đạo phái Sufi và các phái khác, chánh khách kiêm văn gia, cũng đều hấp dẫn bởi ngôn từ dịu ngọt, sâu sắc, đầy ý nghĩa thiêng liêng siêu việt của Ngài.

TINH THẦN BAHÁ'Í

Từ nơi bị giam cầm ở Akka xa xôi, Đức Baha'u'llah đã làm chuyển động tận gốc tổ quốc Ba Tư của Ngài, và chẳng những nước Ba Tư thôi, mà cả hoàn cầu. Tinh thần đó làm cho Ngài và các môn đệ phấn khởi, ôn hòa, lịch thiệp, kiên nhẫn vô cùng, tuy vậy, tinh thần đó dạt dào một sinh lực lạ thường và khả năng siêu việt. Tinh thần đó thực hiện những điều hình như không thể làm được. Tinh thần đó biến đổi bản tính con người. Những người chịu ảnh hưởng của tinh thần đó, đã trở nên những con người mới. Họ thâm nhuần một tình yêu, một đức tin và một nhiệt tình, mà các sự vui mừng và đau khổ trên trần thế, nếu đem so sánh, chỉ là tro bụi. Họ sẵn sàng đối diện với sự đau khổ suốt đời hay với cái chết dữ dội, với một tâm hồn tuyệt đối bình tĩnh, hay đúng hơn, với một niềm vui hơn hờ, trong sức mạnh của một niềm tin vững cảm nơi Thượng Đế.

Kỳ diệu hơn cả là tâm hồn họ tràn ngập niềm vui trong cuộc đời mới mẻ, đến nỗi lòng họ không có chỗ để chứa đựng tư tưởng chua chát hay thù oán đối với những kẻ áp bức. Dù ở trong trường hợp tự vệ chính đáng, họ vẫn triệt để không dùng bạo lực. Và chẳng những không than thân trách phận, họ còn cho mình là những người may mắn nhất trần gian, được đặc ân tiếp nhận Tân Mực Khải vinh quang đó, và hy sinh đời sống hoặc đổ máu ra để chứng minh Chân lý của Mực Khải.

Tâm hồn họ ca hát hoan lạc, vì họ tin rằng Đấng Thượng Đế, Đấng Tối cao, Đấng Hằng hữu, Đấng Kính yêu đã dùng miệng lưỡi người trần để nói với họ, kêu gọi họ làm nô bộc và làm bạn hữu Ngài. Họ biết rằng Đấng ấy tới để thiết lập Nước Trời trên trái đất và đem lại thiên ân Hòa bình vô giá cho một thế giới kiệt quệ vì xung đột và chiến tranh.

Đó là nền Chánh Đạo mà Đức Baha'u'llah đã cảm ứng. Ngài công bố sứ mạng của chính Ngài, như Đức Bab đã tiên báo, và nhờ công lao tận tụy của Đấng Đại Tiên phong đó, hằng ngàn người sẵn sàng nghênh đón sự giáng lâm của Ngài - hằng ngàn người đã gạt bỏ mê tín và thành kiến, và với tâm hồn trong sạch, tinh thần ngay thật, họ chờ đợi Đấng Biểu hiện của Vinh quang mà Thượng Đế đã hứa hẹn. Nghèo đói và xiềng xích, đời sống eo hẹp, sự sỉ nhục bề ngoài không thể giấu nổi Vinh quang Thiêng liêng của Thượng Đế trong họ - trái lại, hoàn cảnh trần thế đen tối này chỉ làm nổi bật Ánh sáng Huy hoàng thật sự của Ngài.

CHƯƠNG IV: ĐỨC ABDUL-BAHA: NGƯỜI PHỤNG SỰ THƯỢNG ĐẾ

Khi Đại dương Hiện diện của Ta rút xuống và Thánh kinh Mặc khải của Ta hoàn tất, các ngươi hãy hướng về Đấng đã được Thượng Đế chỉ định, Đấng đâm cành từ Rễ Xưa.

-Đức Baha'u'llah, Kinh Kitab-i-Aqdas-

GIÁNG SINH VÀ THIẾU THỜI

Abbas Effendi (Áp-bátx Ép-phen-đi), sau này được mệnh danh là Abdul-Baha (nghĩa là Đấng Phụng sự Thượng Đế), là trưởng nam của Đức Baha'u'llah. Ngài sinh tại Tihiran, ngày 23 tháng 5 năm 1844, lúc gần nửa đêm,¹⁸ chính buổi tối mà Đức Bab công bố Sứ mạng của Ngài.

Lúc Ngài lên chín tuổi, Thân phụ Ngài đã bị giam tại hầm giam ở Tihiran. Tuy còn nhỏ nhưng Ngài rất hiếu thảo. Một bọn điên cuồng đến tàn phá nhà Ngài, gia đình bị cướp bóc hết của cải và lâm vào cảnh khánh kiệt. Đức Abdul-Baha thuật lại rằng, một hôm, Ngài được phép vào sân nhà tù để thăm Thân phụ kính yêu của Ngài, lúc Người ra ngoài để làm việc hằng ngày. Vóc dáng Đức Baha'u'llah thay đổi một cách kinh sợ. Người yếu đến nỗi bước đi khó khăn; râu tóc rối bù, cổ sưng phù lên vì một chiếc còng nặng bằng thép thắt lại, thân Người còng xuống vì trọng lượng của xiềng xích. Cảnh đó đã ghi vào tâm trí Cậu bé đã cảm một ấn tượng không thể nào quên.

Trong năm đầu lưu trú tại Baghdad, mười năm trước khi Đức Baha'u'llah công bố Sứ mạng của Người, Đức Abdul-Baha bảy giờ mới chín tuổi, linh cảm sáng suốt đã cho biết rằng Thân phụ Ngài đích thực là Đấng Hứa hẹn mà sự Biểu hiện được toàn thể môn đệ của Đức Bab mong đợi. Chừng 60 năm sau, Ngài tả lại lúc mà sự tin tưởng đó đột nhiên tràn ngập bản thể Ngài như sau:

“Ta là Người Phụng sự Đấng Phúc Toàn. Lúc ở Baghdad Ta còn là một Thiếu nhi, và bảy giờ Người cho Ta biết Thiên mệnh và Ta tin Người. Liên khi Người tuyên bố với Ta điều đó, Ta phủ phục xuống chân thánh của Người, khẩn khoản nài xin Người nhận máu Ta làm vật hy sinh trên Đường của Người! Hy sinh! Ta cảm thấy êm dịu biết bao khi nói đến tiếng ấy. Không có ân sủng nào đối với Ta lớn hơn ân sủng đó. Không biết Ta có thể quan niệm vinh dự nào lớn hơn vinh dự được trông thấy cổ này bị xiềng xích vì cố Người, chân này bị trói buộc vì kính yêu Người, thân này bị chém nát hay ném xuống đáy bể vì Chánh Đạo của Người! Nếu chúng ta thực sự là những người thành kính yêu Người, nếu Ta thật

sự là Tôi tớ trung thành của Người, thì Ta phải hy sinh mạng sống và toàn thể con người của Ta nơi phúc môn của Người.”

-Nhật ký của Mirza Ahmad Sohrab, tháng giêng năm 1914-

Vào thời kỳ ấy, bạn hữu của Đức Abdul-Baha bắt đầu gọi Ngài là “Mâu nhiệm của Thượng Đế”, tôn hiệu đó do Đức Baha’u’llah ban cho Ngài và thường được xưng tụng trong thời gian lưu trú tại Baghdad.

Khi Thân phụ Ngài rời suốt hai năm ở nơi hoang vắng, thì lòng Abbas rất đau khổ. An ủi lớn lao nhất của Ngài là chép lại và học thuộc lòng các Bản kinh của Đức Bab, và Ngài dùng phần lớn thì giờ vào việc trầm tư mặc tưởng. Sau này lúc Thân phụ Ngài trở về thì Ngài rất sung sướng.

THỜI THANH NIÊN

Từ đó trở đi, Ngài trở thành bạn đường thân cận nhất của Thân phụ Ngài, hay nói đúng hơn, chính Ngài là người bảo vệ cho Thân phụ. Mặc dù còn niên thiếu, Ngài đã tỏ ra khôn ngoan và sáng suốt lạ lùng, và chính Ngài đảm trách việc đón tiếp rất đông khách khứa đến viếng Thân phụ Ngài. Nếu Ngài nhận thấy họ thực sự là những người đi tìm Chân lý thì Ngài giới thiệu họ với Phụ thân, nếu không, Ngài không cho phép họ quấy rầy Đức Baha’u’llah. Nhiều lần Ngài giúp Phụ thân trả lời các câu hỏi và giải quyết các vấn đề do tân khách đặt ra. Ví dụ, một vị lãnh tụ giáo phái Sufi, tên là Ali Shawkat Pasha, xin Ngài giải thích cho câu: “Ta là một Mâu nhiệm”, trong một truyền thuyết Hồi giáo rất phổ biến,¹⁹ Đức Baha’u’llah quay về phía “Mâu nhiệm của Thượng Đế” là Abbas, và bảo Ngài viết lời giải nghĩa... Chàng thiếu niên, bấy giờ mới có mười lăm hay mười sáu tuổi, tức khắc thảo một bức thư quan trọng giải thích một cách sáng sủa đến nỗi làm cho vị Pasha kinh ngạc. Ngày nay bức thư này rất phổ thông trong các tín đồ Baha’i, và ngay nhiều người không theo tín ngưỡng Baha’i cũng biết.

Về thời đó, Abbas thường hay thăm viếng các giáo đường Hồi giáo, tại đó Ngài thảo luận về thần học với các nhà thông thái và học giả. Ngài không bao giờ theo học trường tiểu học, trung học nào, Giáo sư duy nhất của Ngài là Thân phụ Ngài. Món giải trí độc nhất của Ngài là cưỡi ngựa, môn thể thao mà Ngài rất ưa thích.

Sau Tuyên ngôn của Đức Baha’u’llah trong vườn ngoài thành phố Baghdad, sự tận tụy của Đức Abdul-Baha đối với Thân phụ càng tăng thêm. Suốt cuộc hành trình lâu dài tới Constantinople, ngày đêm Ngài lưu ý bảo vệ Đức Baha’u’llah, phi ngựa bên cạnh xe Người hay canh gác gần bên lều Người. Ngài đem hết năng lực gánh giúp Thân phụ tất cả trách nhiệm và chăm sóc gia đình. Ngài trở thành nguồn an ủi và nương tựa cho cả gia đình.

Trong những năm sống ở Adrianople, Đức Abdul-Baha được mọi người yêu mến. Ngài truyền giáo nhiều và vì vậy được gọi là “Đức Thầy”. Ở Akka, trong khi hầu hết mọi người trong đoàn bị đau thương hàn, sốt rét ngã nước và kiệt lực, Ngài đảm nhiệm việc tắm rửa, săn sóc, nuôi dưỡng, trông coi các bệnh nhân, không lúc nào nghỉ ngơi, cho đến khi kiệt lực. Chính Ngài mắc phải chứng kiệt lực và ở trong tình trạng nguy hiểm suốt cả tháng. Ở Akka, cũng như ở Adrianople, tất cả các giai cấp từ viên Thống đốc đến người hành khất thấp kém nhất, đều học yêu mến và kính trọng Ngài.

KẾT HÔN

Các chi tiết sau đây liên quan đến cuộc hôn nhân của Đức Abdul-Baha do một sử gia tín đồ Baha’i người Ba Tư thuật lại: “Vào tuổi thanh niên của Đức Abdul-Baha, vấn đề hôn nhân thích đáng của Ngài tất nhiên là một vấn đề trọng yếu mà các tín đồ rất lưu tâm; nhiều người cầu mong mào miện danh dự đó dành cho gia đình mình. Tuy vậy, suốt một thời gian dài, Đức Abdul-Baha không tỏ ý muốn lập gia đình và không ai hiểu sự khôn ngoan trong việc này. Sau này, người ta biết có một thiếu nữ đã được hứa với Đức Abdul-Baha, và song thân của thiếu nữ ấy đã được Đức Bab chúc phúc ở Isfahan. Thân phụ thiếu nữ ấy là Mizra Muhammad Ali (Miéc-da Mô-ham-mét A-li), cậu của “Vua của các Thánh Tử Đạo” và “Bậc Kính Yêu của các Thánh Tử Đạo”; cô thuộc về một trong những gia đình lớn và quý phái ở Isfahan. Khi Đức Bab ở Isfahan, Mizra Muhammad Ali không có con, mặc dù phu nhân rất muốn có con. Biết điều đó, Đức Bab trao cho Mizra Muhammad Ali một phần thức ăn của Ngài, bảo ông chia nhau với phu nhân. Sau khi dùng phần thức ăn ấy, thì cái hy vọng làm cha mẹ ôm ấp bấy lâu của hai vị đã thành sự thật. Đúng kỳ, một cô gái ra đời và được đặt tên là Munirih Khanum (Mô-ni-ri Kha-num).²⁰ Sau này hai ông bà sanh thêm một con trai đặt tên là Siyyid Yahya, và sau đây còn thêm mấy người con nữa. Ít lâu sau, thân phụ Munirih qua đời, anh em họ cô bị Zillus-Sultan (Di-lu Xun-tan) và các mulla bắt giết, gia đình cô lâm vào cảnh hoạn nạn và bị bắt bó gặt gao, vì mọi người là Baha’i. Đức Baha’u’llah cho phép Munirih và em trai Siyyid Yahya đến Akka để nương náu. Đức Baha’u’llah và phu nhân là Đức bà Navvab (Na-váp), thân mẫu của Đức Abdul-Baha, đối đãi và săn sóc Munirih tử tế, làm cho ai nấy đều hiểu rằng các Ngài muốn cưới cô cho Đức Abdul-Baha. Ước muốn của Thân phụ và Thân mẫu cũng trở thành ước muốn của Đức Abdul-Baha. Ngài dành tình cảm yêu thương và quý mến nồng nàn cho Munirih và đã được đáp lại một cách trọn vẹn, nên ít lâu sau hai người kết hôn với nhau.

Cuộc hôn nhân này thật vô cùng hạnh phúc và tâm đầu ý hợp. Trong số con cái của các Ngài, bốn cô con gái sống sót sau thời gian cầm tù lâu dài và khổ não. Các thiếu nữ này dâng đời mình để phụng sự Đạo nên đã cảm phục mọi người được hân hạnh biết các cô.

TRUNG TÂM GIAO ƯỚC

Bằng nhiều hình thức khác nhau, Đức Baha'u'llah cho biết Đức Abdul-Baha phải lãnh đạo Giáo hội sau khi Người thăng thiên. Nhiều năm trước khi thăng thiên, Người đã kín đáo công bố điều này trong Thánh kinh Kitab-i-Aqdas. Người nhiều lần nhắc đến Đức Abdul-Baha như là “Trung tâm Giao ước của Ta”, “Cánh Vĩ đại Nhất”, “Cánh từ Rễ Xưa”. Thường Người gọi Ngài là “Đức Thầy” và yêu cầu mọi người trong gia đình đặc biệt tôn kính Đức Abdul-Baha. Hơn nữa, trong Chúc thư và Giao ước, Người đã chỉ thị minh bạch để cho mọi người phải hướng về Đức Abdul-Baha và tuân theo Ngài.

Sau ngày Thăng thiên của “Đấng Phúc Mỹ” (gia đình và tín đồ thường tôn xưng Đức Baha'u'llah như thế), Đức Abdul-Baha đảm nhiệm chức vụ do Thân phụ đã chỉ định rõ ràng là Lãnh đạo Tối cao của Chánh Đạo và Đấng Giải thích đầy thẩm quyền các Giáo lý Baha'i. Điều này làm cho một ít người trong gia đình Người và một số người khác tức bực, chống đối kịch liệt, cũng như trước kia Subh-i-Azal chống đối Đức Baha'u'llah. Họ cố tình gây xích mích giữa các tín đồ, và khi thất bại, họ tìm nhiều cách cáo gian Đức Abdul-Baha với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Theo huấn thị của Thân phụ, Đức Abdul-Baha dựng một tòa kiến trúc trên sườn núi Carmel, bên trên thành phố Haifa. Tòa kiến trúc đó được dành làm nơi an nghỉ vĩnh viễn cho di hài Đức Bab; ở đây cũng có một ít phòng để làm nơi hội họp và thờ phượng. Họ đi thưa với chính quyền, rằng nhà ấy dựng lên làm pháo đài, nơi mà Đức Abdul-Baha và môn đệ Ngài dự định ẩn tránh để thách thức Chính phủ và xâm chiếm miền lân cận xứ Syria.

CẢNH NGỤC TỪ NGHIÊM NGẶT LẠI TÁI DIỄN

Do lời buộc tội nhằm đó và những sự tố cáo vô căn cứ khác, năm 1901, Đức Abdul-Baha và gia đình Ngài, mà trên 20 năm đã được phép đi lại tự do trong phạm vi vài dặm xung quanh Akka, lại bị giam hãm nghiêm ngặt bên trong thành phố lao tù hơn 7 năm. Tuy nhiên điều đó không ngăn cấm nổi Đức Abdul-Baha phổ biến một cách hiệu quả Sứ điệp Baha'i khắp Á châu và Mỹ châu. Đề cập đến thời gian đó, ngài Horace Holley viết như sau:

“Đàn ông và đàn bà thuộc mọi chủng tộc, mọi tôn giáo, mọi quốc tịch, như những khách quý đến ngồi cùng bàn với Đức Abdul-Baha như đến với một vị thầy và một bạn hữu. Họ hỏi Ngài về những vấn đề xã hội, tinh thần hay luân lý mà họ rất quan tâm; sau thời gian lưu trú từ vài giờ đến vài tháng ở đây, lúc ra về họ trở thành những người được cảm ứng, đổi mới và giác ngộ.

“Trên thế gian chắc chắn chưa có nhà nào hiếu khách như nhà của Đức Abdul-Baha. Các giai cấp xơ cứng của Ấn độ tiêu tan trong bốn bức tường của nhà Ngài, những thành kiến về chủng tộc của người Do Thái cũng như người Cơ đốc hay người Hồi giáo không còn trong ký ức; mọi tập tục, ngoại trừ những phép

tắc chủ yếu về sự nồng nàn của tâm hồn, sự thăng tiến của trí tuệ, đều bị loại bỏ, trừ khử và cảm đoán do lòng khoan hậu đầy tinh thần thống nhất của Gia chủ. Người ta có thể nói Ngài là vua Arthur ở Hội nghị Bàn tròn... Nhưng là một Arthur phong tước hiệp sĩ cho cả đàn bà lẫn đàn ông và cử họ đi khắp tứ phương, không đem theo đao, mà là đem theo Lời Thánh”.

-Tôn giáo Xã hội Mới, Horace Holley, trang 171-

Trong những năm ấy, Đức Abdul-Baha giao dịch bằng thư từ rất nhiều với các tín đồ và người tìm hiểu khắp nơi trên thế giới. Trong việc này, Ngài được các cô con gái, nhiều thông ngôn viên và thư ký giúp đỡ.

Ngài dành phần lớn thì giờ đến tận nhà những kẻ đau ốm, kẻ khốn khó để thăm họ; và trong các khu nghèo khổ nhất ở Akka, không có vị khách nào được tiếp đón như “Đức Thầy”.

Một người hành hương tới Akka vào đạo đó viết rằng: “Mỗi sáng thứ sáu, Đức Abdul-Baha có lệ bố thí cho người nghèo. Mỗi người trong những kẻ thiếu thốn đến xin Ngài trợ giúp, Ngài biếu họ một phần tiền của lấy trong số nguồn lợi ít ỏi của Ngài. Sáng nay chừng 100 kẻ thiếu thốn xếp hàng ngoài đường, cạnh nhà Đức Abdul-Baha. Họ ngồi chồm hồm hay ngồi bệt xuống đường. Đúng là một cuộc tập hợp gồm đủ đàn ông, đàn bà, trẻ con, tất cả đều khốn khổ và nghèo nàn, buồn thảm, rách rưới. Trong số đó có cả kẻ què quặt hay mù lòa, đúng là những kẻ hành khất, nghèo xơ nghèo xác, tất cả đều nóng lòng mong cánh cửa mở để Đức Abdul-Baha đến với họ. Ngài bước nhanh đến từng người, thỉnh thoảng dừng lại để an ủi và khuyến khích, bỏ tiền vào từng lòng bàn tay chìa ra một cách sốt sắng, xoa mặt đứa trẻ này, cầm tay bà già nọ nắm chặt vạt áo lúc Ngài đi qua, truyền lời sự sáng cho những người tuổi tác mù lòa, hỏi thăm kẻ yếu đuối và bệnh tật không thể đến lấy phần mình và gởi tiền cho họ kèm theo những lời khuyến khích thương yêu.

-Mấy nét về Đức Abdul-Baha, M. J. M. trang 13-

Những nhu cầu cá nhân của Đức Abdul-Baha không có gì đáng kể. Ngài thức khuya làm việc và dậy sớm; mỗi ngày hai bữa ăn giản dị là đủ cho Ngài. Tủ áo của Ngài chỉ vồn vện vài bộ y phục bằng vải thường. Ngài không thể sống sang trọng trong khi bao nhiêu người khác ở trong cảnh thiếu thốn.

Ngài rất mực yêu thương trẻ con, bông hoa và vẻ đẹp thiên nhiên. Ngày nào cũng vậy, vào khoảng sáu bảy giờ sáng, cả nhà họp lại để cùng uống trà, và trong lúc Đức Thầy dùng trà thì trẻ con cầu kinh. Ông Thorton Chase viết về lớp trẻ đó như sau:

“Tôi chưa bao giờ thấy các thiếu niên như thế, các cháu lịch thiệp, hy sinh, hay chăm lo cho kẻ khác, khiêm tốn, thông minh và vui lòng từ bỏ những cái lặt vặt mà trẻ con vốn ưa thích”.

-Ở Galilee, trang 51-

“Sự ngự trị của bông hoa” là một đặc điểm của đời sống ở Akka, từ đó mỗi người hành hương khi ra về đều mang theo những kỷ niệm thơm tho. Bà Lucas viết:

“Thật là thích thú khi ngắm Đức Thầy thưởng thức hương thơm của hoa. Khi Ngài áp mặt vào những đóa hoa, thì hương dạ lan như muốn tâm sự với Ngài điều gì, Ngài như tập trung tư tưởng lại, như lắng tai để nghe một điệu nhạc du dương”.

-Tường trình ngắn cuộc viếng thăm của tôi ở Akka, tr. 26-

Đức Abdul-Baha thích tặng hoa đẹp và thơm cho những khách đến thăm Ngài. Ông Thornton Chase tóm tắt những kỷ niệm về đời sống ở nhà tù Akka như sau:

“Chúng tôi sống năm ngày trong bốn bức tường ấy để cùng bị giam với Đấng cư trú trong “Nhà tù Lớn Nhất”. Nơi đó là nhà tù của hòa bình, của yêu thương, của phụng sự. Không một điều mong ước nào khác ngự trị tại đó, ngoài sở vọng nhân loại được hạnh phúc, thế giới được hòa bình, người đời thừa nhận Thượng Đế là Cha, thừa nhận những quyền tể tướng của loài người như những tạo vật và con cái của Thượng Đế. Thật ra, sự giam cầm, không khí khó thở, sự thiếu thốn những điều mà tâm hồn ao ước, sự ràng buộc của những điều kiện xã hội, đều ở ngoài những bức tường đá đó, còn bên trong vòng tường là sự hiện hữu của tự do và hào quang thuần túy của Thánh Linh Thượng Đế. Tất cả mọi sự phiền toái, hỗn loạn, âu lo hoặc băn khoăn về công việc thế gian đều bị loại ra khỏi chốn này.”

-Ở Galille, trang 24-

Những nỗi đau khổ của đời giam cầm đối với nhiều người là những tai họa sâu não, nhưng đối với Đức Abdul-Baha chúng không gây chút băn khoăn nào. Từ trong nhà tù Ngài viết:

“Các người chớ buồn rầu vì sự giam cầm và những hoạn nạn của Ta: đối với Ta, nhà tù này là một ngôi vườn đẹp đẽ, một thiên đàng huy hoàng, một ngai vàng giữa loài người. Hoạn nạn của Ta trong nhà tù là vương miện làm Ta vẻ vang giữa những người công bằng.

“Bất cứ ai cũng có thể sung sướng trong một hoàn cảnh tiện nghi khoan khoái, trong sự thành công, trong sức khỏe, trong sự khoái lạc và hoan hỉ; nhưng nếu kẻ nào sung sướng và thỏa mãn trong cảnh khổ sở, đau đớn và bệnh tật thịnh hành, thì đó mới là chứng cứ của tâm hồn cao cả”

-Những bản Kinh của Đức Abdul-Baha, trang 258, 263-

ỦY BAN ĐIỀU TRA THỔ NHĨ KỲ

Năm 1904 và 1907, chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ thành lập những ủy ban điều tra về sự tố cáo Đức Abdul-Baha và những nhân chứng kiểm bằng có hư nguy để buộc tội Ngài. Đức Abdul-Baha, trong khi bác bỏ những lời tố cáo cũng chứng tỏ rằng Ngài sẵn sàng nhận những điều phán quyết của tòa án về Ngài. Ngài tuyên bố rằng, dù các vị thẩm phán có thể giam Ngài trong ngục, bắt Ngài đi diều ngoài đường, nguyên rửa Ngài, phi nhổ Ngài, ném đá vào Ngài, làm nhục Ngài, xử giáo hay xử bắn Ngài, Ngài vẫn luôn sung sướng.

Trong khi các ban điều tra họp, Ngài vẫn tiếp tục cuộc sống hằng ngày một cách hết sức thanh thản, trồng cây ăn quả trong vườn, chủ tọa những buổi lễ cưới với vẻ uy nghi và hào quang của sự tự do tinh thần. Vị Lãnh sự Ý đề nghị giúp Ngài được an toàn trốn đến bất cứ một hải cảng ngoại quốc nào Ngài muốn, Ngài cảm ơn và cương quyết từ chối đề nghị đó. Ngài nói rằng, dù hậu quả có ra sao, Ngài cũng phải theo dấu chân Đức Bab và Đấng Phúc Toàn; các Đấng này không bao giờ lo tự cứu lấy thân hoặc lẩn tránh kẻ thù. Tuy nhiên, Ngài cũng khuyên đa số tín đồ Baha'i nên rời khỏi nơi lân cận Akka lúc bấy giờ đã trở nên nguy hiểm cho họ, và Ngài ở lại với vài tín đồ để chờ đợi vận mệnh Minh.

Bốn công chức tham nhũng được chỉ định vào ủy ban điều tra cuối cùng, đến Akka vào mùa đông năm 1907; họ lưu trú một tháng ở đây, và sau khi cho rằng cuộc điều tra kết thúc, họ dời đi Constantinople, chuẩn bị báo cáo những lời buộc tội Đức Abdul-Baha đã đầy đủ, và khuyến cáo đem đày hoặc xử tử Ngài. Nhưng họ vừa về đến Thổ Nhĩ Kỳ thì cuộc cách mạng bùng nổ, bốn ủy viên điều tra vì là người của chế độ cũ phải chạy trốn để bảo toàn tính mạng. “Những người Thổ Nhĩ Kỳ trẻ” giành được chiến thắng: tất cả chính trị phạm và tôn giáo phạm khắp Đế quốc Ottoman đều được giải phóng. Tháng 9 năm 1908, Đức Abdul-Baha được thả ra khỏi ngục, và năm sau Quốc Vương Abdul-Hamid trở thành tù nhân.

NHỮNG CUỘC DU HÀNH BÊN TÂY PHƯƠNG

Sau khi được giải phóng, Đức Abdul-Baha tiếp tục sống cuộc đời thánh thiện với những hoạt động không ngừng của Ngài trong việc truyền đạo, trao đổi thư tín, săn sóc kẻ nghèo khó và bệnh tật. Ngài chỉ đi từ Akka đến Haifa và từ Haifa đến Alexandria, cho đến tháng 8 năm 1911, thì Ngài bắt đầu chuyến du thuyết đầu tiên sang thế giới Tây phương. Trong các cuộc du hành ở Tây phương, Ngài gặp những người thuộc đủ mọi nếp nghĩ, và hoàn thành đầy đủ Lời phán của Đức Baha'u'llah là: “Hãy giao tiếp với mọi người trong niềm vui và hương thơm”. Ngài đến Luân đôn vào đầu tháng 9 năm 1911 và ở đó một tháng. Trong thời gian đó, ngoài những cuộc đàm đạo hằng ngày với những người tìm hiểu và các hoạt động khác, Ngài thuyết giảng trước các cộng đồng giáo dân của Linh mục R. J. Campbell ở Nhà thờ Thành phố, và trước hội đoàn của Phó Chủ giáo Wilberforce ở Nhà thờ Thánh Giăng Westminster; Ngài dùng điểm tâm với ông Đô trưởng. Sau

đó, Ngài đi Ba Lê (Paris), ở đây thì giờ của Ngài được dùng vào các cuộc thuyết giảng, và đàm đạo hằng ngày với những người đến tìm hiểu, thuộc nhiều quốc tịch và tầng lớp xã hội. Tháng 12, Ngài về Ai Cập, và mùa xuân năm sau, theo lời yêu cầu khẩn thiết của bạn hữu người Hoa kỳ, Ngài lên đường đi Hợp Chúng Quốc. Ngài đến Nữ Ước (New York) tháng 4 năm 1912. Suốt chín tháng liền, Ngài thăm Hợp Chúng Quốc, từ bờ bể này sang bờ bể kia; Ngài diễn thuyết cho mọi lớp người thuộc mọi hoàn cảnh: sinh viên, đảng viên xã hội, tín đồ phái Mormon, Do Thái giáo, tín đồ Cơ đốc, kẻ theo thuyết Bất Khả tri, hội viên Esperanto, những hội Hòa Bình, những Câu lạc bộ Tư tưởng Mới, những Hội đòi giải phóng Phụ nữ. Ngài giảng trong những nhà thờ của hầu hết các tín ngưỡng, bao giờ Ngài cũng làm cho cuộc diễn thuyết thích hợp với cử tọa và hoàn cảnh. Ngày mùng 5 tháng 9, Ngài đi đường thủy đến nước Anh. Ngài lưu lại đây sáu tuần lễ, đi thăm Liverpool, London, Bristol và Edinburgh. Ở Edinburgh, khi diễn thuyết ở hội Thế giới ngữ, Ngài cho hay Ngài đã khuyến khích tín đồ Baha'i ở Đông phương học Thế giới ngữ, để xúc tiến sự thông cảm giữa Đông và Tây. Sau khi lưu trú trên hai tháng ở Ba Lê, hằng ngày bận rộn với những cuộc diễn thuyết và phỏng vấn, Ngài đi Stuttgart; ở đây, Ngài triệu tập một loạt các cuộc hội họp rất có kết quả với những tín đồ Baha'i người Đức. Từ Đức, Ngài đi Budapest và Vienna, thành lập ở hai nơi này nhiều nhóm Baha'i mới. Ngài trở về Ai Cập tháng 5 năm 1913 và tới Haifa ngày 5 tháng 12 năm 1913.

TRỞ VỀ THÁNH ĐỊA

Lúc bấy giờ Ngài bảy mươi tuổi. Những công việc lâu dài và khó nhọc cùng với các cuộc du hành tốn lực đã làm hao mòn sức khỏe của Ngài. Sau khi trở về, Ngài gởi cho các tín đồ ở Đông phương và Tây phương bản huấn dụ cảm động sau đây:

“Bạn hữu thân mến! Đã gần đến lúc Ta không còn được ở với các bạn nữa. Ta đã làm những gì có thể làm được. Ta đã phụng sự Chánh Đạo của Đức Baha'u'llah với tất cả khả năng, Ta đã làm việc ngày đêm suốt cả những năm tháng của đời Ta.

“Ôi! Ta ước mong biết bao được thấy tín đồ gánh trên vai họ trách nhiệm của Chánh Đạo. Đã đến lúc công bố Vương quốc Abha (Đấng Tối Vinh quang). Đây là giờ đoàn kết và hòa hợp. Đây là Ngày hòa hợp tâm linh của các bạn hữu Thượng Đế...

“Ta lắng tai hướng về phương Đông và phương Tây, về phương Nam và phương Bắc, hy vọng được nghe những khúc ca yêu thương và bằng hữu vang lên trong những cuộc hội họp của tín đồ. Cuộc sống của Ta chỉ còn đếm từng ngày và Ta không có sự vui mừng nào, ngoài sự vui mừng ấy.

“Ôi! Ta kỳ vọng biết bao được trông thấy các đạo hữu họp nhất với nhau như một chuỗi hạt ngọc sáng ngời, như một Tòa Thất Tinh chói lọi, như những ánh quang mặt trời, như những linh dương trên cùng cánh đồng cỏ.

“Chim họa mi nhiệm mầu hót vang cho họ, họ không nghe sao? Chim Thiên đàng ríu rít ca, họ không thấy sao? Thiên thần của Vương quốc Abha kêu gọi họ, họ không lắng nghe sao? Vị Sứ giả của Minh ước viện chứng, họ không để ý sao?

“À, Ta mong đợi, mong đợi tin mừng báo cho biết rằng các tín đồ là hiện thân của sự chân thành, của lòng chính trực, là hiện thân của tình yêu thương và bằng hữu, là biểu hiện của sự thống nhất và hòa hợp.

“Họ không làm cho Ta vui tí nào sao? Họ sẽ không chịu thực hiện chút nào những kỳ vọng của Ta sao? Họ giả câm, giả điếc đối với lời yêu cầu của Ta sao? Họ không thực hiện những sự mong ước của Ta sao? Họ sẽ không hưởng ứng tiếng gọi của Ta sao?

“Ta chờ đợi, Ta kiên tâm chờ đợi!”

Hy vọng của kẻ thù Chánh Đạo Baha'i trước kia đã lên tới cực điểm khi Đức Bab trở thành nạn nhân sự phản nộ của họ; lúc Đức Baha'u'llah bị lưu đày khỏi quê hương và giam cầm vĩnh viễn, và lúc Ngài thăng thiên, bọn thù địch đó lại thêm hăng hái khi họ thấy Đức Abdul-Baha yếu mệt sau kỳ du hành ở Tây phương về. Nhưng lần này họ cũng thất vọng. Sau đó ít lâu, Đức Abdul-Baha đã hãn nhiên có thể viết:

“Thể xác và năng lực con người không thể chịu đựng sự mòn mỏi liên tục này... Nhưng sự phò trợ và cứu giúp của Đấng Khát khao đã bảo vệ và che chở cho Abdul-Baha hèn mọn và yếu đuối này... Có kẻ nhất quyết rằng Abdul-Baha sắp từ biệt cõi đời, rằng thể lực của Ngài đã giảm và hao mòn, và chẳng bao lâu nữa, những sự rắc rối sẽ làm cho Ngài qua đời. Những điều đó không đúng sự thật. Tuy những kẻ phản ước và những kẻ tinh thần thấp kém đã phán đoán theo bề ngoài rằng thể xác Ta suy yếu vì những thử thách mà Ta đã trải qua trên phúc lộ của Thượng Đế; dầu vậy, hãy ngợi ca Thượng Đế. Nhờ ân phúc của Đấng Phúc Toàn, thể trạng Ta trẻ lại và tráng kiện. Tạ ơn Thượng Đế, hiện nay nhờ thiên phúc và hồng ân của Đức Baha'u'llah, sức lực Ta cũng được hồi phục, niềm hân hoan thiên thượng đã tìm thấy, tin mừng tối thượng chói ngời, và hạnh phúc lý tưởng tuôn tràn.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển vấn đề, số 14, trang 213-

Cả trong cuộc chiến tranh châu Âu và sau khi nó kết thúc, Đức Abdul-Baha dù bận nhiều công việc khác, cũng đã viết một loạt thư linh ứng vĩ đại. Khi đường giao thông thiết lập lại, những thư này được gửi đi khắp nơi, gây lại phấn khởi và làm tăng lòng hăng hái phụng sự cho tín đồ Baha'i khắp thế giới. Nhờ sự kích

thích của các bức thư đó, Chánh Đạo phát triển nhảy vọt, đâu đâu Chánh Đạo Baha'i cũng cho thấy những dấu hiệu của một sức sống mới mãnh liệt.

NHỮNG NĂM CHINH CHIẾN Ở HAIFA

Tài tiên đoán của Đức Abdul-Baha đã tỏ ra có ý nghĩa hơn bao giờ hết vào những tháng trước chiến tranh. Lúc thời bình, luôn luôn có một số lớn khách hành hương đến Haifa, từ Ba Tư và mọi nơi trên thế giới. Sáu tháng trước khi chiến tranh bùng nổ, nhiều tín đồ Ba Tư còn ước ao được tới thăm Đức Abdul-Baha, nên họ cử một đồng đạo cao niên ở Haifa chuyên lời yêu cầu của họ đến Ngài. “Đức Thầy” từ chối, hơn nữa, Ngài dần dần cho những người đang hành hương ở Haifa ra về, và đến cuối tháng bảy năm 1914 thì không còn người nào cả. Chiến tranh bùng nổ vào đầu tháng tám, trước sự ngạc nhiên của mọi người; bấy giờ, mọi người mới hiểu sự đề phòng sáng suốt của Đức Abdul-Baha.

Khi chiến tranh xảy ra, Đức Abdul-Baha trải qua 55 năm tù đày, và một lần nữa, Ngài coi như lại bị chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ giam cầm. Những sự liên lạc giữa Ngài và bạn hữu cùng các tín đồ ở ngoài xứ Syria hầu như hoàn toàn bị cắt đứt. Ngài cùng một số môn đệ phải chịu đựng mọi nỗi khó khăn liên tiếp: nào thiếu thốn thực phẩm và tiện nghi, nào nguy hiểm bản thân.

Suốt chiến tranh, Đức Abdul-Baha tích cực chăm lo cung cấp những nhu cầu vật chất và tinh thần cho những người xung quanh Ngài. Chính Ngài tổ chức canh tác mạnh mẽ ở vùng gần Tiberias, nhờ đó có thể tiếp tế nhiều lúa mì, không những tránh được nạn đói hãm dọa tín đồ Baha'i, mà còn cứu giúp được hàng trăm kẻ nghèo khó thuộc mọi tín ngưỡng ở Akka và Haifa mà Ngài luôn cứu giúp một cách rộng rãi. Ngài săn sóc mọi người và hết sức cố gắng làm dịu bớt nỗi khổ của họ. Hằng ngày Ngài chia tiền cho hàng trăm kẻ khó, ngoài ra Ngài còn phân phát bánh cho họ nữa. Khi bánh thiếu thì Ngài cho họ chà là hay thức ăn nào khác. Ngài thường đi Akka để an ủi tín đồ và kẻ nghèo. Suốt thời gian chiến tranh, mỗi ngày Ngài thường hội họp với tín đồ, và nhờ sự giúp đỡ của Ngài mà các bạn hữu sống qua những năm khó khăn trong hạnh phúc và yên tĩnh.

ĐỨC ABDUL-BAHA NHẬN TUỐC PHONG CỦA NƯỚC ANH

Nỗi vui mừng khôn tả đã tràn ngập Haifa. Ngày 23 tháng 9 năm 1918, lúc 3 giờ chiều, khi cuộc chiến đấu suốt 24 giờ chấm dứt, thành phố trở về tay đội kỵ binh Anh cát lợi và Ấn độ, những sự khùng khiếp về chiến tranh dưới nền đô hộ Thổ Nhĩ Kỳ không còn nữa.

Ngay những ngày đầu cuộc chiếm đóng của quân Anh, một số lớn các nhà quân sự cùng tùy viên chính phủ mọi cấp, cả những vị cao cấp nhất, đều muốn gặp Đức Abdul-Baha. Họ bị hấp dẫn vì cuộc nói chuyện sáng suốt, sự nhìn xa thấy

rộng, sự thức ngộ uyên bác, sự lịch thiệp trang nghiêm và lòng hiếu khách nồng hậu của Ngài. Các đại diện Chính phủ cảm động sâu xa vì tính khí cao thượng của Ngài và những việc Ngài đã làm cho công cuộc hòa giải, thịnh vượng thật sự cho các dân tộc, đến nỗi nước Anh đã phong tặng vương tước cho Ngài. Cuộc lễ cử hành trong hoa viên của vị Thống đốc quân sự tại Haifa vào ngày 27 tháng 4 năm 1920.

NHỮNG NĂM CUỐI CÙNG

Mùa đông năm 1919-1920, tác giả sách này được đặc ân sống hai tháng rưỡi ở Haifa như một tân khách của Đức Abdul-Baha, do đó có thể quan sát tường tận cuộc sống hằng ngày của Ngài. Lúc bấy giờ, Đức Abdul-Baha, dù đã 76 tuổi, vẫn còn hết sức tráng kiện, và mỗi ngày vẫn hoàn thành một khối lượng công việc to lớn không thể tưởng tượng được. Mặc dù thường bị mệt, Ngài đã tỏ ra có năng lực phục hồi sức khỏe một cách lạ thường, và luôn luôn Ngài sẵn lòng giúp đỡ những kẻ cần đến Ngài. Lòng kiên tâm bền bỉ, tính tình khoan hậu, đức nhân từ, sự khéo léo của Ngài, làm cho sự có mặt của Ngài trở nên một phước lành thật sự. Ngài quen dùng phần lớn thì giờ ban đêm để cầu nguyện và trầm tư mặc tưởng. Từ rạng đông đến chiều tối, ngoài giấc ngủ trưa ngắn sau bữa ăn, Ngài không ngừng đọc và trả lời thư từ khắp nơi gửi đến, đồng thời vẫn bận rộn với bao nhiêu công việc của gia đình và của Chánh Đạo. Có khi Ngài đi bách bộ hay cưỡi ngựa giải khuây chút đỉnh lúc xế chiều. Ngài cũng thường hay đi kèm với một hay hai du khách, hay một nhóm nhỏ người hành hương, nói chuyện với họ về những vấn đề thiêng liêng, hoặc nhân cơ hội cuộc đi chơi để thăm kẻ nghèo khó và chăm nom họ. Lúc về Ngài mời bạn hữu đến dự cuộc họp thường xuyên buổi tối ở phòng khách. Trong bữa ăn trưa và chiều, Ngài thường tiếp người hành hương và bạn hữu, và làm cho tân khách say mê với những câu chuyện vui và ý nhị, hoặc ban cho họ những bài giảng quý giá về nhiều vấn đề khác nhau. Ngài thường tuyên bố: “Nhà Ta là chỗ của nụ cười và niềm vui”, và thật không có gì đúng hơn. Ngài rất thích qui tụ các nhân vật đủ mọi chủng tộc, màu sắc, quốc tịch, tôn giáo xung quanh bàn đãi khách, trong một không khí thân mật thống nhất. Ngài quả là một người cha ân cần, không những đối với cộng đồng nhỏ bé ở Haifa, mà còn đối với cộng đồng Baha’i khắp thế giới.

ĐỨC ABDUL-BAHA THĂNG THIÊN

Dù mệt nhọc và sự suy yếu cơ thể tăng lên, các hoạt động của Đức Abdul-Baha cũng tiếp tục với chút ít tiết giảm, ngoại trừ một hay hai hôm trước khi Ngài thăng thiên. Ngày thứ sáu 25 tháng 11 năm 1921, Ngài dự lễ cầu nguyện trưa tại giáo đường Hồi giáo ở Haifa, và theo thông lệ, Ngài tự mình phân phát của bố thí cho người nghèo. Dùng cơm trưa xong, Ngài đọc cho viết vài bức thư; sau buổi nghỉ trưa, Ngài ra vườn dạo mát và chuyện trò với người làm vườn. Đến chiều, Ngài chúc phúc và ban lời khuyên cho một nô bộc thương yêu và trung thành

trong nhà, cưới vợ ngay hôm đó. Sau đó, Ngài dự cuộc họp thường lệ với các bạn hữu ở phòng khách của Ngài. Không đầy ba ngày sau, lúc một giờ rưỡi sáng, ngày thứ hai, 28 tháng 11 năm 1921, Ngài đã thăng thiên một cách êm ái đến nỗi hai cô con gái thức bên cạnh Ngài vẫn tưởng Ngài ngủ.

Tin buồn lan truyền mau lẹ trong thành phố và được điện đi khắp nơi trên hoàn cầu. Lễ an táng được cử hành sáng hôm sau (ngày thứ ba, 29 tháng 11 năm 1921).

“Niềm đau đớn sâu xa đã tập hợp nhiều ngàn người đến chịu tang, gồm đại diện các tôn giáo, chủng tộc và ngôn ngữ khác nhau, khiến một lễ tang long trọng như thế chưa từng bao giờ thấy tại Haifa, và cả tại Palestine.

“Cao ủy Anh Sir Herbert Samuel, Thống đốc Giê-ru-sa-lem, Thống đốc Phoenicia, các viên chức cao cấp của Chính phủ, Sứ thần các nước lưu trú tại Haifa, các vị Lãnh đạo nhiều cộng đồng tôn giáo, các vị nhân sĩ ở Palestine, người Do Thái giáo, người Thiên chúa giáo, người Hồi giáo, người Druses, người Ai Cập, người Hy-lạp, người Thổ Nhĩ Kỳ, người Kurd và rất đông bạn hữu người Mỹ, người châu Âu, người bản xứ, đàn ông, đàn bà, trẻ con, giàu, nghèo... tất cả chừng mười ngàn người khóc thương Đấng mà họ mến yêu... Họ đồng thanh kêu khóc: “Lạy Thượng Đế, Thượng Đế của chúng con! Cha chúng con đã bỏ chúng con! Cha chúng con đã bỏ chúng con.”

“Họ từ từ leo lên Núi Carmel, Vườn nho của Thượng Đế... Sau 2 giờ đi bộ, họ tới ngôi vườn ở đó có Thánh lăng Đức Bab... Trong khi đám đông chen chúc xung quanh, Đại diện các giáo phái khác nhau, Hồi giáo, Thiên chúa giáo, Do Thái giáo, mọi người sôi nổi vì tình yêu rực cháy đối với Đức Abdul-Baha, ứng khẩu hay đọc những lời ai điếu soạn sẵn, đã dâng lời ca ngợi và thương tiếc, vĩnh biệt lần cuối Đấng mà họ sùng kính... Họ đồng tâm nhất trí trong những lời tán tụng của họ đối với Ngài, là Đấng giáo dục và hòa giải khôn ngoan của loài người, trong thời đại nhiều nhượng và phiến nã này, làm cho chính người Baha’i cũng không thể thêm thất gì nữa được.”

- Sách Sự thăng thiên của Đức Abdul-Baha do Lady Blomfield và Shoghi Effendi-

Chín diễn giả, toàn thể là đại diện uy tín của các cộng đồng Hồi giáo, Thiên chúa giáo, Do Thái giáo, chứng tỏ một cách hùng hồn và cảm động lòng kính yêu ngưỡng mộ đối với một cuộc đời trong trắng và cao thượng vừa mệnh chung. Linh cửu được từ từ đặt vào nơi an nghỉ, đơn sơ và thần thánh.

Đó thật là một cử chỉ sùng kính xứng đáng để tưởng niệm Đấng đã miệt mài suốt đời hoạt động để thống nhất tôn giáo, chủng tộc, ngôn ngữ, một cử chỉ sùng kính mà cũng là một bằng chứng rằng sự nghiệp của Ngài đã không vô ích; một bằng chứng rằng lý tưởng của Đức Baha’u’llah đã thâm nhuần nơi Ngài, và đó chính là mục đích đời Ngài: Lý tưởng này bắt đầu lan tỏa khắp thế giới, phá vỡ những hàng rào bè phái và đẳng cấp đã bao thế kỷ ngăn cách tín đồ Hồi giáo,

Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo và các giáo phái khác, từng làm cho gia đình nhân loại bị chia rẽ.

CÁC THÁNH THƯ VÀ GIÁO TỬ

Các Thánh thư của Đức Abdul-Baha để lại cho chúng ta rất nhiều và thường là dưới hình thức thư từ gửi cho tín đồ và những người tìm hiểu. Một số lớn các bài đàm luận và diễn văn của Ngài cũng được sưu tập và đã được phổ biến. Trong số hàng ngàn người hành hương đến chiêm bái Ngài tại Akka và Haifa, nhiều người ghi lại cảm tưởng riêng của mình và nhiều cuốn hồi ký hiện nay đã xuất bản.

Các giáo huấn của Đức Abdul-Baha được bảo tồn đầy đủ và bàn đến nhiều vấn đề khác nhau. Trong các Kinh bản của Ngài, Đức Abdul-Baha đề cập đến các vấn đề Đông phương và Tây phương nhiều hơn Thân phụ Ngài, chỉ dẫn phương pháp áp dụng tường tận các nguyên tắc đại cương mà Đức Baha'u'llah đã nêu lên. Còn một số Thánh thư của Ngài chưa được dịch sang một tiếng Tây phương nào, nhưng số đã dịch cũng đủ để giúp hiểu một cách thấu đáo các nguyên tắc quan trọng nhất trong các giáo huấn của Ngài.

Ngài nói các thứ tiếng Ba Tư, Ả Rập, Thổ Nhĩ Kỳ. Các buổi nói chuyện của Ngài trong khi du hành bên Tây phương bao giờ cũng phải thông dịch, và do đó mất nhiều vẻ đẹp, nhiều tính chất hùng hồn và sức mạnh, nhưng dầu sao sức mạnh Tinh thần chứa đựng trong Lời Ngài cũng đã gây ấn tượng sâu xa nơi thính chúng.

CƯƠNG VỊ CỦA ĐỨC ABDUL-BAHA

Cương vị duy nhất mà “Đấng Phúc Toàn” đã ban cho Đức Abdul-Baha được ghi trong Bản kinh do Đức Baha'u'llah giảng bút như sau:

“Khi Đại dương Hiện diện của Ta rút xuống và Mặt khải của Ta hoàn thành thì hãy hướng về phía Đấng mà Thượng Đế đã lựa chọn, Đấng đâm cành từ Rễ xưa.”

Ngài còn viết:

“... Có điều gì không hiểu trong Thánh kinh, hãy hỏi Đấng do Dòng dõi Hùng vĩ này sinh ra.”

Chính Đức Abdul-Baha đã xác nhận:

“Theo bản văn minh bạch của Kinh Kitab-i-Aqdas, Đức Baha'u'llah đã khiến Đấng Giải thích Lời Ngài thành Trung tâm Giao ước - Giao ước bền chặt

và mạnh mẽ đến nỗi từ tạo thiên lập địa đến nay không có Thiên mạng Tôn giáo nào đã thành lập một Giao ước như thế.”

Sự dâng mình hoàn toàn mà Đức Abdul-Baha đã lựa chọn để truyền bá Chánh Đạo của Đức Baha'u'llah ở Đông phương và Tây phương, đôi khi đã khiến tín đồ nhận định lầm về cương vị của Ngài. Một số người Baha'i, rất cảm kích về tinh thần trong trắng làm động lực các hành vi ngôn ngữ của Ngài, nhưng còn chịu thứ ảnh hưởng tôn giáo đánh dấu sự suy sụp của giáo lý cổ truyền, tưởng rằng đồng hóa Ngài với một Đấng Biểu hiện, tôn vinh Ngài như “Chúa Tái lâm” tức là tỏ lòng sùng kính Ngài. Không gì làm cho Ngài khổ tâm bằng sự thiếu hiểu biết này: khả năng Ngài phụng sự Đức Baha'u'llah là nhờ tính chất trong sáng của tâm gương hướng về phía Mặt trời Chân lý, chứ không phải chính Ngài tự có.

Hơn nữa, khác với các Thiên mạng trước, Chánh Đạo của Đức Baha'u'llah tiềm tàng sức mạnh của một xã hội nhân loại đại đồng. Trong thời kỳ Đức Abdul-Baha thi hành Sứ mạng (1892 đến 1921), Chánh Đạo trải qua các giai đoạn phát triển kế tiếp đã tiến hóa theo phương hướng một nền Trật tự Thế giới thật sự.

Sự tiến triển này đòi hỏi phải có sự hướng dẫn liên tục và sự huấn luyện đặc biệt của Đức Abdul-Baha, Đấng duy nhất được biết đầy đủ tiềm năng của sự linh ứng mới mẻ được chuyển đến thế gian trong thời đại này. Cho đến khi Chúc thư và Giao ước của Đức Abdul-Baha được tiết lộ sau khi Ngài thăng thiên, và ý nghĩa đầy đủ Chúc thư đó được Shoghi Effendi, vị Giáo hộ đầu tiên của Chánh Đạo giải thích, thì người Baha'i mới tránh khỏi việc gán cho sự lãnh đạo của Đức Thầy yêu quý một uy quyền thiêng liêng ngang với uy quyền Đấng Biểu hiện.

Ảnh hưởng sự hâm mộ chất phát đó từ nay đã biến khỏi cộng đồng Baha'i, nhưng hiểu rõ hơn lòng sùng kính và tinh thần phụng sự mầu nhiệm vô song của Đức Abdul-Baha; hiện nay họ có thể thâm lượng đích đáng hơn tính cách duy nhất của Sứ mệnh mà Ngài đã chu toàn. Đức tin trước kia có vẻ yếu ớt và bất lực vào năm 1892 vì sự tù đày của Đấng Gương mẫu và Giải thích, với một uy lực vô địch, đã dựng lên những cộng đồng tại nhiều nước:²¹ nên Đạo đó đưa ra một hệ thống giáo lý duy nhất khả dĩ phát giác được tương lai của một nhân loại tuyệt vọng, để thách thức sự hèn yếu của một nền văn minh đang suy tàn.

Ngay trong Chúc thư và Giao ước của Đức Abdul-Baha, sự mầu nhiệm về Cương vị của Đức Bab, và Đức Baha'u'llah, cũng như chính Sứ mệnh của Ngài, được bày tỏ cách rõ rệt:

“Đây là nền tảng tín ngưỡng của con dân Đấng Baha (ước gì đời tôi được công hiến cho họ). Đấng Thánh Thiện, Đấng Chí Tôn (Đức Bab) là Biểu hiện Đơn Nhất Tính và Duy Nhất Tính của Thượng Đế và là Đấng Tiên phong của Đấng Mỹ lệ Xưa. Đấng Thánh thiện, Đấng Mỹ hảo Abha (ước gì đời tôi được dùng làm vật hy sinh cho các bạn hữu trung thành của Ngài) là Biểu hiện Tối cao của Thượng Đế và là Hùng đồng của Bản thể Thiêng liêng Nhất của Thượng Đế. Tất

cả những người khác đều là nô bộc của Thượng Đế và tùy thuộc mệnh lệnh của Ngài.”

Đức Abdul-Baha đã dùng điều xác định này và nhiều điều khác để nhấn mạnh sự quan trọng phải căn cứ sự hiểu biết Chánh Đạo trên Kinh bản tổng quát của Ngài, một nền tảng thống nhất tín ngưỡng đã được thiết lập. Kết quả là những sai biệt về cách thức giải thích trong những bản viết riêng cho các cá nhân gây ra, trong đó Đức Thầy trả lời các câu hỏi thuộc phạm vi hoàn toàn riêng tư, đã biến đi cách nhanh chóng. Trên hết sự thiết lập một nền quản trị rõ rệt, với sự điều khiển sáng suốt của Đức Giáo hộ, đã trao lại cho các cơ cấu mọi quyền hành trước đây nằm dưới dạng uy tín và ảnh hưởng của các cá nhân Baha'i trong các nhóm ở địa phương.

ĐẰNG GƯƠNG MẪU CỦA ĐỜI SỐNG BAHÁ'Í

Đức Baha'u'llah là Đấng Mặc khải Thiên ngôn. Trong 40 năm tù đày, Ngài ít có cơ hội giao tiếp với nhân loại. Bởi vậy, Đức Abdul-Baha trong việc tiếp xúc thực sự với thế giới hiện tại, trong hầu hết những giai đoạn khác nhau, trong vô số sinh hoạt, có nhiệm vụ tối cao làm Phát ngôn nhân của Mặc khải, Đấng Thực hiện Thiên ngôn, Đấng Gương mẫu Vĩ đại của đời sống Baha'i. Ngài chứng tỏ rằng, mặc dầu đời sống hiện tại quay cuồng và sôi nổi, mặc dù tính ích kỷ và sự tranh đấu để giành giật thịnh vượng vật chất diễn ra khắp nơi, người ta có thể sống một cuộc đời hoàn toàn sùng kính Thượng Đế và hy sinh cho đồng loại như Chúa Cứu thế, như Đức Baha'u'llah và toàn thể các Đấng Tiên tri đã đòi hỏi loài người. Giữa một đàng là các thử thách, các thăng trầm, các vu khống, lừa bịp, và đàng khác là sự yêu thương và ca tụng, sự tận tụy và sùng kính, Ngài đứng sừng sững như một hải đăng dựng trên tảng đá; chung quanh bão táp mùa đông gào thét và biển cả mùa hè đùa giỡn, sự thăng bằng và bình tĩnh của Ngài luôn luôn vững chãi, không hề lay chuyển. Ngài sống đời sống đức tin và khuyến khích các môn đệ cùng sống đời sống đó ngay ở trần thế này và ngay từ bây giờ. Giữa thế giới đang chinh chiến, Ngài nêu cao ngọn cờ thống nhất và hòa bình, ngọn cờ của kỷ nguyên mới và bảo đảm cho tất cả những ai hợp lại để phụng sự dưới ngọn cờ đó, đều được sự cảm ứng bởi Đấng Thánh linh của Ngày Mới. Cũng Đấng Thánh linh đó đã gây ra nguồn linh ứng cho các Đấng Tiên tri và các Thánh nhân trong quá khứ, nhưng là một sự ban phát mới thích nghi với nhu cầu của thời đại mới.

CHƯƠNG V: NGƯỜI BAHÁ'Í LÀ GÌ?

“Người phải hữu dụng. Người vô dụng, như Đức Thánh linh (Đức Chúa) đã phán, ví như cây không sinh quả và cây không sinh quả chỉ dùng để chụm lửa thôi.”

-Đức Baha'u'llah, Tiếng Nói Thiên Đàng-

Herbert Spencer có lúc đã nhận định rằng không pháp thuật chính trị nào có thể biến những bản năng của chi thành đức hạnh vàng được. Cũng thế, không có pháp thuật chính trị nào có thể tạo một xã hội vàng với những con người có tính chì. Giống như những Đấng Tiên tri trước, Đức Baha'u'llah cũng nêu cao sự thật đó. Ngài dạy rằng muốn thiết lập Vương quốc của Thượng Đế trên trần thế này, trước tiên phải thực hiện nó trong lòng con người. Vì vậy, khi nghiên cứu giáo lý Baha'í, chúng ta phải nghiên cứu trước tiên các Lời dạy của Đức Baha'u'llah về hạnh kiểm cá nhân, rồi sẽ cố gắng tạo nên một hình ảnh trong sáng nói rõ ý nghĩa thế nào là một Baha'í.

SỐNG ĐỜI SỐNG CHÂN CHÍNH

Có lần được hỏi: “Baha'í là gì?” Đức Abdul-Baha đáp: “Baha'í có nghĩa giản dị là thương yêu tất cả thế giới; thương yêu nhân loại và cố gắng phụng sự nhân loại; làm việc cho tình huynh đệ đại đồng và cho hòa bình thế giới.” Lần khác, Ngài định nghĩa Baha'í như sau: “Baha'í là kẻ bẩm sinh có mọi sự toàn thiện, toàn mỹ của người đời và thực hành những điều đó.”

Trong một cuộc diễn thuyết ở Luân đôn, Ngài tuyên bố rằng một người có thể là một Baha'í dù chưa từng nghe đến Danh của Đức Baha'u'llah. Ngài thêm rằng:

“Kẻ nào sống cuộc đời đúng theo giáo lý của Đức Baha'u'llah thì đã là một Baha'í rồi. Ngược lại, kẻ nào tự hào là Baha'í trong 50 năm, mà không sống cuộc đời chân chính, thì chẳng phải là một Baha'í. Kẻ xấu xí có thể tự cho mình đẹp, nhưng nào đánh lừa được ai. Người đen có thể tự cho mình trắng, nhưng đâu có dối được kẻ khác, cũng không dối được chính mình nữa.”

-Đức Abdul-Baha ở Luân Đôn, trang 109-

Tuy vậy, người không biết các Đấng Sứ giả của Thượng Đế thì giống như cây mọc trong bóng tối. Mặc dầu không biết mặt trời là gì, nhưng vẫn hoàn toàn lệ thuộc mặt trời. Các Đấng Tiên tri siêu việt là những mặt trời tinh thần và Đức Baha'u'llah là mặt trời của “Ngày” trong đó ta đang sống. Các mặt trời của những “Ngày” quá khứ đã sưởi ấm và tiếp sinh lực cho thế giới này, và nếu những mặt trời ấy không chiếu sáng, thì quả đất này đã lạnh và chết, nhưng chỉ có mặt trời của ngày nay mới có thể làm chín được trái mà các mặt trời xưa đã làm nảy nở.

TÔN SÙNG THƯỢNG ĐẾ

Muốn đạt đến cuộc đời Baha'i một cách toàn vẹn, cần phải có những liên lạc có ý thức và trực tiếp với Đức Baha'u'llah, cũng như ánh sáng mặt trời là tất yếu cho sự nảy nở của bông huệ hay bông hồng. Người Baha'i không phụng thờ cá nhân Đức Baha'u'llah mà phụng thờ vinh quang của Thượng Đế biểu hiện trong nhân vật ấy.

Người Baha'i sùng kính Đức Chúa, Đức Muhammad và tất cả những Thiên sứ đã giáng thế trước kia, nhưng họ tin nhận Đức Baha'u'llah là Đấng mang Sứ điệp của Thượng Đế trong thời đại mới ta đang sống, như Đấng Giáo sư Vĩ đại của Thế giới đã ra đời để tiếp tục và hoàn thành sự nghiệp của những Đấng tiên nhiệm.

Sự chấp nhận bằng lý trí một tín điều, cách xử thế bề ngoài đúng đắn chưa đủ để thành một Baha'i. Đức Baha'u'llah đòi hỏi ở tín đồ của Ngài sự sùng kính trọn vẹn từ lòng mà ra. Chỉ có Thượng Đế mới có quyền đòi hỏi như vậy, và Đức Baha'u'llah đã dạy với tư cách là Đấng Biểu hiện của Thượng Đế và là Đấng Mặc khải Ý chí của Thượng Đế. Những Đấng Biểu hiện trước đây đều nêu rõ điểm này. Đức Chúa phán: “Phàm kẻ nào muốn theo Ta thì phải quên mình. Kẻ ấy phải tự mang lấy Thập tự giá mà theo Ta. Vì kẻ nào muốn cứu đời sống mình thì sẽ mất nó, còn kẻ nào để mất mạng sống mình vì có Ta, thì sẽ tìm lại được.” Nói cách khác, tất cả các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế đều đòi hỏi như vậy đối với tín đồ các Ngài, và lịch sử tôn giáo chứng minh rõ ràng rằng khi nào sự đòi hỏi này được thẳng thắn nhìn nhận và tin theo, thì tôn giáo nảy nở tốt tươi, bất chấp sự chống đối thế tục, sự khổ não, sự ngược đãi và sự giết chóc các tín đồ. Trái lại, khi có sự thỏa hiệp với thói đời, lòng sùng kính tuyệt đối nhường chỗ cho sự “tôn kính ước lệ”, thì tôn giáo bị suy đồi. Tôn giáo trở thành hợp thời, nhưng đã mất hết năng lực tế độ và cải hóa, cái năng lực tạo nên phép lạ.

Đạo chân chính chưa bao giờ thành hợp thời. Ước mong một ngày kia Thượng Đế thực hiện điều đó; nhưng hiện nay điều này vẫn là sự thực, cũng như trong thời Đức Chúa, “cửa sự sống thì chật, đường thì hẹp, ít người tìm được đời sống chân chính”. Cửa vào đời sống tinh thần, cũng như cửa vào đời sống tự nhiên chỉ mở cho từng người một, mà lại không được mang theo gì cả. Nếu, trong tương lai, số người vượt qua cánh cửa đời sống tinh thần đông hơn ngày trước, thì không phải vì cánh cửa được mở rộng thêm, nhưng vì con người đã sẵn sàng chấp nhận “cuộc đầu phục lớn” mà Thượng Đế đòi hỏi; vì cuộc thí nghiệm lâu dài và cay đắng đã khiến họ nhận thấy rằng chọn con đường riêng của mình mà không chọn con đường của Thượng Đế là một sự điên rồ.

TÌM CHÂN LÝ

Đức Baha'u'llah đòi hỏi các tín đồ phải công bằng và định nghĩa công bằng như sau:

“Giải thoát con người khỏi mê tín và sự bất chước, để có thể nhận rõ những Đấng Biểu hiện của Thượng Đế bằng con mắt thống nhất và nhận định mọi việc bằng nhãn giới sáng suốt.”

-Triết Ngôn-

Mỗi cá nhân phải xem xét và nhận thức cho chính mình sự Vinh quang của Thượng Đế Biểu hiện trong đền thờ pháp thân của Đức Baha'u'llah, nếu không, Đức tin Baha'i đối với họ chỉ là một danh từ vô nghĩa. Các Đấng Tiên tri bao giờ cũng kêu gọi người đời hãy mở mắt ra chứ đừng nhắm mắt lại, hãy dùng lương tri chứ đừng gạt bỏ nó đi. Chỉ có nhận định sáng suốt và tư duy tự do chứ không phải nhắm mắt tin tưởng, mới làm cho con người nhìn suốt được đám mây mù thành kiến, giữ bỏ các xiềng xích của theo đòi mù quáng, đạt tới sự thấu triệt chân lý của một Tân Mặc khải.

Ai muốn trở nên một Baha'i thì phải can đảm, tìm tòi chân lý, không được giới hạn những tìm tòi của mình trên địa hạt vật chất. Các năng khiếu linh giác phải tinh táo như các năng khiếu thể giác. Họ phải sử dụng tất cả các khả năng Thượng Đế đã ban cho để đạt tới chân lý, không được tin theo điều gì mà không suy xét xác đáng và đầy đủ. Nếu có tâm hồn trong sạch và tinh thần không bị thành kiến ràng buộc, kẻ tìm tòi có lương tâm tất sẽ nhận thấy sự vinh quang của Thượng Đế Biểu hiện nơi bất cứ đền đài nào. Đức Baha'u'llah phán rằng:

“Con người phải tự hiểu mình, và hiểu những gì nâng cao mình lên hay hạ thấp mình xuống, dẫn dắt mình đến nhục nhã hay danh dự, giàu sang hay nghèo hèn.”

-Kinh bản Tarazat-

“Nguồn gốc của mọi tri thức là sự hiểu biết Thượng Đế, Ngài thật đáng tôn vinh, và điều đó chỉ đạt được nhờ sự hiểu biết Đấng Biểu hiện thiên thượng của Ngài.”

-Triết Ngôn-

Đấng Biểu hiện là Người hoàn hảo, là Gương mẫu lớn lao cho loài người, Trái Đâu tiên của nhân loại. Ta không ý thức được những khả năng tiềm tàng trong con người ta cho đến khi nào ta hiểu được Ngài.

Đức Chúa dạy ta hãy xem hoa huệ ngoài đồng nảy nở thế nào, và Ngài tuyên bố rằng vua Salomon trong thời kỳ vinh quang cực độ cũng không mặc đẹp như một trong những đóa hoa đó. Bông huệ nảy mầm từ một cái củ, trông không có gì

quyến rũ. Nếu ta chưa bao giờ thấy một cây huệ đơm hoa, nếu ta chưa ngắm vẻ duyên dáng vô song của cành lá và cánh hoa, thì ta làm sao hiểu được thực tại chứa đựng trong củ đó. Ta có thể mổ xẻ nó ra rất cẩn thận và quan sát nó vô cùng tỉ mỉ, nhưng ta cũng không bao giờ khám phá được cái đẹp tiềm tàng mà người làm vườn biết cách làm cho nảy nở ra. Cho nên, khi nào ta không nhìn thấy Vinh quang của Thượng Đế lộ ra nơi Đấng Biểu hiện của Ngài, thì ta không thể có một ý niệm gì về vẻ đẹp tinh thần tiềm tàng trong bản thể ta và bản thể của đồng loại ta. Bằng sự hiểu biết và yêu thương Đấng Biểu hiện của Thượng Đế và tuân theo giáo lý của Ngài, chúng ta có thể lần hồi nhận thức được những sự hoàn hảo tiềm tàng bên trong chúng ta; bây giờ, và chỉ bây giờ thôi, ý nghĩa và mục đích của cuộc sống và của vũ trụ mới hiện ra rõ ràng trước mắt ta.

KÍNH YÊU THƯỢNG ĐẾ

Hiểu biết Đấng Biểu hiện của Thượng Đế cũng có nghĩa là yêu Ngài. Không thể có điều này mà thiếu sót điều kia được. Theo Đức Baha'u'llah thì mục đích sự tạo dựng loài người là để loài người biết đến Thượng Đế và phụng thờ Ngài. Đức Baha'u'llah phán trong một Kinh bản của Ngài rằng:

“Lý do tạo dựng các sinh vật là bởi tình yêu, như một truyền thuyết phổ thông đã nói: Ta là một kho tàng giấu kín mà Ta muốn được biết đến. Vì thế Ta đã tạo nên vũ trụ để thiên hạ biết đến Ta.”

Và trong Ân ngôn, Đức Baha'u'llah dạy:

“Hỡi Con của Sinh tồn!

Hãy yêu Ta để được Ta yêu người. Nếu người không yêu Ta, thì tình yêu của Ta không thể nào đến với người được. Hãy thức ngộ điều đó, hỡi kẻ tôi tớ của Ta.”

“Hỡi Con của Thị kiến Tuyệt kỳ!

Ta đã tiếp vào trong mình người hơi thở của Thánh Linh Ta, để người trở thành người yêu của Ta. Sao người lại bỏ Ta mà đi tìm một người yêu khác?”

Thành một người yêu của Thượng Đế! Đó là đối tượng duy nhất của đời sống người Baha'i. Được Thượng Đế làm người bạn đường gần gũi nhất, làm bằng hữu mật thiết nhất, Đấng Yêu kính Vô song của mình, mà sự Hiện diện của Ngài làm cho mình vui sướng toàn vẹn. Và kính yêu Thượng Đế tức là yêu mọi người, mọi vật, vì tất cả đều do Thượng Đế mà ra. Người Baha'i chân chính là người có tình yêu hoàn hảo. Họ yêu mỗi người với tâm lòng trong sạch, nồng nhiệt, họ không ghét ai. Họ không khinh ai, vì họ học hỏi để biết nhận thấy gương mặt Đấng Kính yêu nơi mặt mỗi người, và tìm thấy dấu vết Ngài ở khắp nơi. Tình yêu của người Baha'i không giới hạn bởi môn phái, quốc gia, đẳng cấp hay chủng tộc.

Đức Baha'u'llah phán:

Thuở xưa có lời mặc khải rằng: “Tình yêu xứ sở là một yếu tố trong tín ngưỡng của Thượng Đế”. Nhưng Lurđi Vĩ đại trong Ngày Biểu hiện này đã công bố: “Vinh quang không thuộc về kẻ thương yêu xứ sở mình, mà thuộc về kẻ thương yêu thế giới!”

-Kinh Bản về Thế giới-

Và thêm rằng:

“Phước cho kẻ nào thương yêu anh em mình hơn chính mình, người như thế là con dân Baha.”

-Lời Thiên đàng-

Đức Abdul-Baha dạy rằng chúng ta phải như “một linh hồn trong nhiều thân thể, vì càng yêu thương nhau bao nhiêu, chúng ta càng gần Thượng Đế bấy nhiêu”.

Trước một số thánh giả người Mỹ, Ngài dạy:

“Cũng giống như thế các Tôn giáo thiêng liêng của các Đấng Biểu hiện Thiên thượng trên thực tế là một, dù rằng trên danh xưng và trên danh pháp có khác nhau. Con người phải là kẻ yêu ánh sáng không kể nó xuất hiện từ đâu. Con người phải là kẻ yêu hoa hồng không kể nó mọc lên từ đất nào. Con người phải là kẻ tìm chân lý không kể nó xuất phát từ nguồn nào. Bám víu vào ngọn đèn không phải là yêu ánh sáng. Bám víu vào đất không phải là điều thích đáng, mà biết thưởng thức hoa hồng mọc lên từ đất, đó mới là đáng khen. Say mê cái cây thì chẳng ích lợi gì nhưng biết dùng quả của nó mới là lợi ích. Trái thơm ngon, bất kể nó sinh ra từ cây nào hoặc tìm thấy bất cứ ở đâu, cần phải được thưởng thức. Lời chân thật, không kể thốt ra từ lưỡi nào, đều phải được tiếp thụ, Chân lý tuyệt đối, không kể ghi ở sách nào, phải được chấp nhận. Nếu chúng ta nuôi dưỡng thành kiến, nó sẽ là nguyên nhân của sự nghèo nàn và ngu dốt. Sự xung đột giữa các tôn giáo, các quốc gia và các chủng tộc, xảy ra do hiểu lầm. Nếu chúng ta tìm hiểu các tôn giáo để khám phá những nguyên lý nền tảng, chúng ta sẽ thấy nó phù hợp nhau, vì thực tại căn bản của nó là đơn nhất chứ không phải là đa tạp. Điều này có nghĩa là những người có đạo trên thế giới sẽ đạt tới thống nhất và hòa hợp.”

Ngài còn phán:

“Linh hồn của mỗi người được lựa chọn phải thương yêu những linh hồn khác, không được từ chối họ những sở hữu, cả đến sinh mệnh của mình, và bằng mọi cách phải cố gắng đem lại cho người khác sự vui mừng và hạnh phúc. Nhưng những linh hồn kia cũng phải không vụ lợi và vị tha. Như vậy thì ánh sáng bình minh mới tỏa khắp mọi chân trời; âm điệu du dương này mới làm mọi dân tộc hớn hở và hạnh phúc; môn thuốc thần tiên này mới thành môn thuốc trị bá chứng. Tinh thần Chân lý này trở thành nguyên do sự sống của mọi linh hồn.”

THOÁT TỤC

Lòng sùng kính Thượng Đế cũng đòi hỏi sự rời bỏ tất cả những gì không do Thượng Đế mà ra, tất cả những ham muốn ích kỷ của thế gian này và cả những thế giới khác. Con đường của Thượng Đế có thể đi qua sự giàu sang hay nghèo nàn, khỏe mạnh hay bệnh tật, đền đài hay ngục tù, vườn hoa hồng hay phòng tra tấn. Mặc dầu sinh mệnh của họ ra sao, người Baha'i cũng biết tiếp nhận nó với "lòng phục tùng hơn hờ". Thoát tục không có nghĩa là hờ hững lãnh đạm với xung quanh ta và thụ động cam chịu những điều kiện xấu xa. Thoát tục cũng không phải là khinh khi những sự tốt đẹp do Thượng Đế tạo ra. Người Baha'i chân chính sẽ không vô tình và cũng không lãnh đạm, khổ hạnh. Trên con đường của Thượng Đế họ sẽ tìm thấy dồi dào hứng thú, dồi dào công việc và dồi dào vui vẻ. Nhưng họ sẽ không trạch ra khỏi con đường đó mảy may nào để theo đuổi khoái lạc, và không khao khát cái gì mà Thượng Đế khước từ họ. Khi một người trở thành Baha'i thì Ý chí của Thượng Đế là ý chí của họ, vì bất hòa với Thượng Đế là điều đau khổ họ không thể chịu được. Trên con đường của Thượng Đế, không có sự khùng bố nào có thể làm họ khiếp sợ, không có nỗi khổ nào làm cho họ tuyệt vọng. Ánh sáng tình yêu chiếu rọi trong những ngày tối tăm nhất của họ, biến sự đau khổ của họ thành niềm vui và sự tuân đạo thành hạnh phúc ở nơi cực lạc.

Đời sống được nâng cao tới mức độ anh hùng và sự chết biến thành một cuộc phiêu lưu sung sướng. Đức Baha'u'llah phán:

“Kẻ nào thâm yêu trong lòng điều gì ngoài Ta, dù tình yêu đó nhỏ hơn một hạt cải, cũng sẽ không được vào Nước Ta.”

-Suratu'l-Haykal-

“Hỡi Con của Loài người!

Nếu người yêu Ta thì hãy lánh xa tự ngã, nếu người muốn làm ta vui thú, thì đừng lo đến sự vui thú của người, có thể thì người mới có thể chết trong Ta và Ta sẽ sống vĩnh viễn nơi người.”

“Hỡi người tôi tớ của Ta!

Hãy thoát khỏi những dầm buộc của thế gian và thả tâm hồn người khỏi nhà giam tự ngã. Hãy nắm lấy cơ hội kéo nó sẽ không bao giờ trở lại với người.”

-Ân Ngôn-

PHỤC TÙNG

Lòng sùng kính Thượng Đế đòi hỏi sự phục tùng tuyệt đối các Giới răn do Ngài mặc khải, dù không hiểu lý do các Giới răn đó. Người thủy thủ tuân theo mệnh lệnh vị thuyền trưởng, dù không hiểu lý do, nhưng sự thừa nhận quyền hành

đó không phải là mù quáng. Anh ta biết rõ rằng vị thuyền trưởng giàu kinh nghiệm và có đôi dào bằng chứng về khả năng hàng hải của ông. Nếu không thế thì phục vụ dưới quyền của ông quả là một điều rồ dại. Cũng thế, người Baha'i phải âm thầm phục tùng Đấng Thuyền trưởng giải thoát của mình; nhưng nếu ngay từ đầu họ không tìm đủ bằng chứng để biết chắc chắn rằng Đấng Thuyền trưởng này đáng tin cậy, thì tuân theo Ngài quả là một sự điên rồ. Trái lại, khi đã biết rõ những chứng cứ mà còn từ chối không phục tùng, thì còn điên rồ hơn, vì chỉ khi nào phục tùng cách thông minh và sáng suốt một ông thầy khôn ngoan, ta mới có thể thu nhận được ích lợi của sự khôn ngoan đó và ta mới có thể trở thành khôn ngoan. Viên thuyền trưởng dù khôn ngoan bao nhiêu mà đoàn thủy thủ không ai chịu phục tùng ông cả, thì con tàu làm thế nào tới bến được, hay các thủy thủ học thế nào được nghề hàng hải? Đức Chúa đã chỉ rõ rằng phục tùng là đi đến trí thức. Ngài phán:

“Đạo lý của Ta chẳng phải bởi Ta, nhưng bởi Đấng đã sai Ta đến. Nếu ai không làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sẽ biết đạo lý Ta có phải là bởi Đức Chúa Trời hay là Ta nói theo ý Ta.”

-Giăng, VII, 16-17-

Đức Baha'u'llah cũng phán rằng:

“Đức tin nơi Thượng Đế và sự hiểu biết về Ngài chỉ có thể đạt được hoàn toàn bằng cách thực hành tất cả những điều gì Ngài đã truyền và tất cả những điều gì Ngài đã mặc khải trong Thánh Kinh bằng chính Ngòi bút Vinh quang.”

-Bản Tajalliyát-

Sự phục tùng tuyệt đối không là một đức hạnh phổ biến trong thời kỳ dân chủ này, và hẳn nhiên hoàn toàn phục tùng theo ý chí của một con người bình thường là điều rất tai hại. Nhưng sự thống nhất nhân loại chỉ có thể thực hiện được bằng sự hòa hợp toàn vẹn của từng cá nhân và của toàn thể loài người dưới Ý chí của Thượng Đế. Nếu Ý chí đó không được Mặc khải rõ rệt, và con người không từ bỏ những người lãnh đạo khác để phục tùng Đấng Sứ giả Thiên liêng, thì những cuộc xung đột và tranh đấu không dứt được, loài người còn chống báng nhau, và thay vì chung sức nhau làm việc một cách hòa hiệp cho Vinh quang của Thượng Đế và lợi ích chung, họ lại dành phần lớn nghị lực của họ vào việc phá hỏng những nỗ lực của người đồng loại.

PHỤNG SỰ

Sự sùng kính Thượng Đế đòi hỏi một cuộc đời phụng sự đồng loại. Ta không thể phụng sự Thượng Đế bằng cách nào khác. Khi quay lưng lại với đồng loại của ta, là ta đã quay lưng lại với Thượng Đế.

Đức Chúa đã dạy:

“Khi các người không làm điều đó cho một trong những người anh em rất hèn mọn này của Ta, tức là các người không làm cho chính Ta vậy.”

Đức Baha’u’llah cũng dạy:

“Hỡi Con của Loài người!

Nếu các người muốn thấy sự từ bi, thì không được chú trọng đến quyền lợi riêng của các người, mà chỉ nghĩ đến điều gì làm lợi cho nhân loại. Nếu các người muốn thấy sự công bằng, thì hãy chọn cho kẻ khác điều mà các người muốn chọn cho chính mình.”

-Lời Thiên Đàng-

Đức Abdul-Baha phán:

“Trong Chánh Đạo Baha’i, nghệ thuật, khoa học và mọi nghề nghiệp đều được coi như sự phụng thờ. Người chế tạo một tờ giấy mà mang vào đó hết khả năng của mình, làm việc có lương tâm, tập trung tất cả sức lực để hoàn thiện tờ giấy đó, tức là ngợi khen Thượng Đế đấy. Tóm lại, kẻ nào đặt cả tâm hồn mình vào mọi nỗ lực và hành động, tức là đã thờ phượng Thượng Đế, nếu những nỗ lực đó do những nguyên động lực cao cả nhất thúc đẩy, và do ý chí phụng sự nhân loại. Điều này là sự phụng thờ: phụng sự nhân loại và làm thỏa mãn nhu cầu của kẻ khác. Phụng sự tức là cầu nguyện. Một thầy thuốc chăm sóc bệnh nhân một cách ân cần, êm đềm, không thành kiến, tin tưởng vào sự liên đới của nhân loại, thì đã ngợi khen Thượng Đế vậy.”

-Sự Khôn sáng của Đức Abdul-Baha²²-

TRUYỀN GIÁO

Người Baha’i chân chính chẳng những phải tin vào giáo lý của Đức Baha’u’llah, mà còn phải tìm trong đó, sự chỉ đạo và nguồn cảm hứng suốt đời mình, và hoan hỉ truyền lại cho kẻ khác sự hiểu biết đã biến cải bản ngã mình. Chỉ có thể họ mới tiếp nhận được đầy đủ “sức mạnh và sự thừa nhận của Thánh Linh”. Không phải ai cũng có thể là diễn giả hùng hồn, là nhà văn thiên tài, nhưng mọi người đều có thể truyền giáo bằng cách “sống một đời chân chính”.

Đức Baha’u’llah dạy:

“Con dân của Đấng Baha phải sáng suốt phụng sự Thượng Đế, giáo huấn kẻ khác bằng đời sống gương mẫu và biểu hiện ánh sáng Thượng Đế bằng hành vi của mình. Hiệu quả của hành động thực ra mãnh liệt hơn hiệu quả của lời nói... Hiệu quả lời nói của nhà truyền giáo tùy thuộc tính chất trong sạch của mục đích và tinh thần giải thoát. Có kẻ chỉ ưa nói, nhưng chân lý của lời nói phải chứng minh bằng hành động, và tùy thuộc ở đời sống. Hành động biểu lộ cương vị của con người. Lời nói phải phù hợp với Ý chí của Thượng Đế như đã được ghi trong Thánh thư.

-Triết Ngôn-

Tuy thế, người Baha'i không được viện lẽ gì để bắt buộc người khác phải tuân theo ý mình khi họ không muốn nghe. Người Baha'i sẽ thu hút kẻ khác đến Vương quốc của Thượng Đế, nhưng không tìm cách bó buộc người ta. Họ như kẻ mục đồng giỏi, biết cách dẫn dắt đàn chiên, dùng âm nhạc làm chúng say mê, chứ không như kẻ dùng chó và gậy thúc đẩy đàn sau.

Đức Baha'u'llah truyền dạy trong Ân Ngôn:

“Hỡi Con của cát bụi!

Khôn ngoan là những kẻ chỉ nói khi có người nghe, như kẻ bôi tầu chỉ nâng ly khi gặp người đòi uống, và như người yêu chỉ thổ lộ tâm tình khi ngắm vẻ kiều diễm của ý trung nhân. Vậy cho nên người hãy gieo hạt giống thông tuệ và tri thức vào đất tinh khiết của tâm hồn, và chôn giấu cho đến ngày bông thơm của sự thông tuệ thiêng liêng nảy nở lên từ tâm hồn, chứ không phải từ bùn lầy ứ đọng.”

Ngài còn dạy trong bản Isharaqat:

“Hỡi Con dân của Đấng Baha! Các ngươi là hùng đông của Tình yêu chớm nở và là bình minh của Đặc ân Thượng Đế. Đừng nguyên rủa và ghét bỏ bất cứ ai, kéo làm bản miệng mình, và đừng nhìn cái gì không xứng đáng. Hãy trung ra những gì các ngươi có (tức là chân lý). Nếu chân lý được chấp nhận thì mục đích đã đạt. Nếu người ta từ chối thì trách móc hay ép uống cũng vô ích.

“Cứ để họ yên, còn các ngươi thì hãy tiến đến Thượng Đế, Đấng Bảo trợ, Đấng Tự tại. Đừng gây ra đau khổ, nhất là phiền loạn và tranh chấp. Ước mong các ngươi được dưỡng dục dưới bóng cây Từ bi Thiên thượng và hành động theo ý chí của Thượng Đế. Các người là lá cùng một cây, là những giọt nước cùng một đại dương.”

LỊCH THIỆP VÀ KÍNH CẦN

Đức Baha'u'llah dạy:

“Hỡi Con dân của Thượng Đế! Ta khuyên các người nên lịch thiệp. Lịch thiệp thực sự là chúa của mọi đức hạnh. Phúc thay cho kẻ nào được khoác áo liêm khiết và chiếu rọi bằng ánh sáng lịch thiệp. Kẻ nào có được đức lịch thiệp (hay kính cần) thì cũng có được cương vị cao trọng. Ước mong Kẻ bị Áp bức này và mọi người đạt được, giữ được và thực hiện được đức hạnh đó. Đây là một Điều Răn không thể bác được, do Ngòi Bút của Tới Đại Danh viết ra.”

-Kinh bản Thế giới-

Đức Baha'u'llah thường nhắc đi nhắc lại rằng:

“Ta mong mỗi tất cả các quốc gia trên thế giới đều hòa hợp nhau trong niềm vui và hương thơm”.

“Hỡi Con dân của Ta, hãy giao tiếp với các dân tộc thuộc mọi tôn giáo trong niềm vui và hương thơm.”

Trong một bức thư gửi cho tín đồ Baha’i ở Mỹ châu, Đức Abdul-Baha viết:

“Hãy coi chừng! Hãy coi chừng! Đừng chạm lòng tự ái của ai!

“Hãy coi chừng! Hãy coi chừng! Đừng làm tổn thương một linh hồn nào!

“Hãy coi chừng! Hãy coi chừng! Đừng tàn nhẫn với một người nào!

“Hãy coi chừng! Hãy coi chừng! Đừng làm thất vọng một sinh vật nào!

“Nếu ai gây đau khổ cho một trái tim nào, hay làm thất vọng một linh hồn nào, thì kẻ đó thà ẩn mình ở tầng sâu cùng dưới đất còn hơn là đi đứng trên thế gian.”

Ngài dạy rằng, giống như hoa ẩn trong nụ, tinh thần từ Thượng Đế hằng sống trong tâm mọi người, cho dù bề ngoài của họ có vẻ xơ cứng và kém duyên. Cho nên người Baha’i chân chính cư xử với mọi người, giống như người làm vườn chăm sóc cây đẹp và hiếm. Họ nhận chân rằng không một sự can thiệp nóng nảy nào có thể làm cho hoa nở; chỉ ánh sáng mặt trời của Thượng Đế mới có quyền năng ấy. Cho nên mục đích của họ là đem ánh sáng sự sống đến cho mọi tâm hồn và mọi nhà còn tối tăm.

Đức Abdul-Baha còn dạy:

“Một trong các giáo lý của Đức Baha’u’llah đòi hỏi rằng, trong mọi điều kiện và mọi cơ hội là phải khoan dung, phải thương yêu kẻ thù và coi kẻ làm ác cũng như kẻ làm lành. Không thể nào nhận một người là kẻ thù, rồi lại nê nang hay khoan hồng đối với họ. Như vậy là đạo đức giả, không phải là tình thương yêu chân chính. Ngược lại, phải coi kẻ thù như bạn hữu, coi kẻ ác tâm cũng như người thiện ý và đối đãi với họ một cách thích đáng. Tình yêu và lòng tốt của các người phải chân thật chứ không phải chỉ khoan dung bề ngoài; vì sự khoan dung, nếu không do chân tâm mà ra, là đạo đức giả.”

-Ngôi sao của Tây phương, Quyển IV, trang 191-

Lời khuyên đó dường như tối nghĩa và tự mâu thuẫn tới khi nào ta nhận thức được rằng, con người thể xác có thể đầy oán ghét và ác ý; nhưng con người bên trong, bản chất thiêng liêng, mới là con người thật sự, chỉ phát ra tình yêu. Ta phải hướng tư tưởng và lòng yêu thương đến thiện chí con người bên trong, con người thực sự ấy của đồng loại. Khi bản chất đó thức tỉnh và hành động, thì con người ngoại giới sẽ được biến cải và đổi mới.

MẮT KHÔNG NHÌN TỘI LỖI

Trong các giáo huấn Baha'i không có điều nào cương quyết bằng điều dạy đừng nhìn khuyết điểm của kẻ khác. Chúa Cứu thế đã phát biểu ý kiến dứt khoát về vấn đề này, nhưng người ta quen coi Bài giảng trên Núi như “ Những Lời khuyên về Tận thiện Tận mỹ” mà người tín đồ Thiên chúa giáo bình thường không mong gì thực hiện được. Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha, cả hai Ngài đều cố gắng minh định lập trường về vấn đề này. Chúng ta đọc thấy trong Ân Ngôn:

“Hỡi Con của Loài người!

Đừng đôi mách những tội lỗi của người khác, ngày nào mà chính ngươi vẫn còn là kẻ phạm tội. Nếu ngươi không tuân theo lời giới răn này, thì ngươi sẽ bị nguỵên rủa và Ta sẽ chứng cho điều đó.”

“Hỡi Con của Sinh tồn!

Đừng buộc cho ai điều gì mà ngươi không muốn người ta gán buộc cho ngươi, và đừng huênh hoang điều gì mà ngươi không làm. Đó là chiếu mệnh của Ta, ngươi hãy tuân hành.”

Đức Abdul-Baha dạy chúng ta:

“Hãy im lặng trước lỗi lầm của kẻ khác, hãy cầu nguyện cho họ, giúp đỡ họ một cách tử tế, để họ sửa chữa lỗi lầm của họ.

“Hãy luôn luôn nhìn điều thiện và không bao giờ để mắt đến điều ác? Nếu một người có mười tính tốt và một tính xấu, thì hãy để ý đến mười tính tốt và quên một tính xấu; và nếu một người có mười tính xấu và một tính tốt, thì hãy chú ý đến một tính tốt và quên mười tính xấu.

“Đừng bao giờ thốt ra lời tàn nhẫn nào đối với kẻ khác, dù người đó là kẻ thù chúng ta.”

Ngài viết cho một bạn người Mỹ: “Tánh nét xấu xa nhất và tội lỗi lớn nhất là sự nói hành, tệ hơn nữa là điều đó lại do miệng của tín đồ Thượng Đế phát ra. Nếu có phương tiện gì bịt kín vĩnh viễn các cửa ngõ của sự nói hành, và nếu mỗi tín đồ của Thượng Đế chỉ hé môi để khen ngợi kẻ khác, thì giáo huấn của Đấng Thánh Thiện Baha'u'llah sẽ được lan tràn, các tâm hồn sẽ được giác ngộ, các tinh thần được tôn vinh, và nhân loại sẽ đạt được hạnh phúc vĩnh cửu.”

-Ngôi sao Tây phương, Quyển IV, trang 192-

KHIÊM NHƯỜNG

Trong khi chúng ta được dạy là hãy bỏ qua tội lỗi của kẻ khác, và chỉ nên thấy những đức hạnh của họ, thì mặt khác ta phải khám phá những tội lỗi của chính chúng ta và không bao giờ chú ý đến những điều hay của mình.

Đức Baha'u'llah dạy trong Ân Ngôn:

“Hỡi Con của Sinh tôn!

Làm sao ngươi có thể quên những lỗi lầm của ngươi mà xăm lo đến lỗi lầm của kẻ khác? Kẻ nào hành động như thế sẽ chịu sự trừng phạt của Ta.”

“Hỡi những kẻ di cư!

Lưỡi được tạo ra để xưng Danh Ta, đừng làm ô uế nó với những lời vu khống. Nếu ngọn lửa tự thân không chế ngự thì hãy nhớ đến những lỗi lầm của chính ngươi và đừng nghĩ đến lỗi lầm của chúng sinh Ta, vì mỗi người biết mình hơn là biết kẻ khác.”

Đức Abdul-Baha dạy:

“Ước mong gì đời sống của các ngươi là biểu thị của Vương quốc Đấng Chúa Cứu thế. Ngài đến không phải để được săn sóc, mà để săn sóc loài người... Trong Chánh Đạo của Đức Baha'u'llah, mọi người đều là tôi trai, tớ gái và là anh em, chị em của nhau. Ngay lúc mà kẻ nào tự thấy mình khá hơn đồng loại, ở trên họ một tí, kẻ ấy đã ở trong một tình thế hiểm nghèo, và trừ phi người ấy vứt bỏ mầm ý tưởng xấu xa ấy đi, nếu không thì người ấy không phải là một dụng cụ tốt để phụng sự trong Vương quốc của Thượng Đế.

“Sự bất bình với chính mình là dấu hiệu của tiến bộ. Linh hồn nào thỏa mãn với chính mình là biểu hiện của quý Sa tăng, còn linh hồn nào bất bình với chính mình là biểu hiện của Đấng Từ bi. Kẻ nào có một nghìn đức tính thì đừng để ý đến các đức tính ấy mà phải thiết tha khám phá khuyết điểm và làm lỗi của mình. Dầu tiến bộ thế nào chăng nữa, con người vẫn không phải là hoàn hảo, vì luôn luôn còn mục đích cao hơn phải đạt đến. Lúc ngẩng mắt lên nhìn cái đích ấy, người ta không còn thỏa mãn với hiện trạng của mình nữa, mà cầu mong đạt đến đích kia. Tự khen mình là dấu hiệu lòng vị kỷ.”

-Nhật ký của Mirzá Ahmad Sohrab, 1914-

Mặc dù chúng ta được dạy là phải nhìn nhận và ăn năn tội lỗi của mình một cách thành thật, sự xưng tội với các tu sĩ hay với người nào khác đều bị nghiêm cấm. Đức Baha'u'llah viết trong “Tin Mừng”:

“Khi tâm hồn của kẻ tội lỗi được giải thoát tất cả trừ Thượng Đế, thì người ấy phải cầu xin sự xá tội chỉ riêng với Thượng Đế. Sự xưng tội với những tội tổ (tức trước con người) không được chấp thuận, vì nó không phải là phương tiện

hay nguyên nhân của sự xá tội thiêng liêng. Sự xung tội với tạo vật như vậy đưa tới sự nhục nhã và thấp hèn; và Thượng Đế- cao cả thay Vinh quang của Ngài- không muốn nô bộc của Ngài bị nhục nhã. Quả thật Ngài là Đấng Từ bi, Từ thiện. Kẻ tội lỗi phải tự mình khẩn cầu thẳng với Thượng Đế, lượng Từ bi trong Đại dương Từ bi của Ngài và nài xin sự xá tội từ thiên đàng của sự tha thứ.”

LÒNG CHÂN THẬT VÀ CHÍNH TRỰC

Đức Baha’u’llah dạy trong “Kinh bản Tarazat”:

“Quả thật, chính trực là cửa của sự yên tĩnh cho mọi người trên thế giới, là dấu hiệu của vinh quang từ sự hiện diện của Đấng Từ bi. Kẻ nào đạt đến đó là đạt đến kho tàng của giàu sang và thịnh vượng. Chính trực là cánh cửa lớn nhất dẫn đến sự an toàn và yên tĩnh của nhân loại. Sự ổn định của mọi công việc luôn luôn phụ thuộc vào nó và các thế giới danh vọng, vinh quang và thịnh vượng đều được soi sáng nhờ ánh sáng của nó...”

“Hỡi Con dân của Đấng Baha! Chính trực là món trang sức đẹp nhất cho thái dương các người, và là vương miện huy hoàng nhất tô điểm đầu các người. Hãy gìn giữ nó theo mạng lệnh của Đấng Chỉ huy Vạn năng.”

Ngài còn dạy:

“Nguyên tắc của tín ngưỡng là giảm bớt lời nói và tăng thêm việc làm. Kẻ nào mà lời nói nhiều hơn việc làm thì hãy biết chắc rằng sự không hiện hữu của người đó còn tốt hơn sự hiện hữu, sự chết đi còn hơn sự sống.”

-Triết Ngôn-

Đức Abdul-Baha dạy:

“Chân thật là nền tảng mọi đức hạnh của nhân loại. Không có nó thì một linh hồn không thể tiến bộ và thành công trong mọi phạm vi được. Khi đặc tính thiêng liêng này thành hình nơi con người, thì tất cả các đức tính thiên thượng khác sẽ thực hiện được.”

- Những Kinh bản của Đức Abdul-Baha, Quyển II, trang 459

“Ước mong ánh sáng chân lý và chính trực chiếu sáng trên mặt các người để mọi người có thể biết rõ lời nói của các người, trong công việc hay trong vui chơi, là chân thật và có thể tin chắc được. Hãy quên mình và làm việc cho toàn thể thế giới.”

-Thông điệp cho tín đồ Baha’i ở Luân Đôn, tháng 10/1911-

TỰ BIẾT MÌNH

Đức Baha'u'llah luôn luôn khuyên nhủ người đời hãy ý thức những sự hoàn hảo tiềm tàng trong con người họ và biểu thị trọn vẹn các hoàn hảo đó; phân biệt bản ngã nội tâm thật sự với bản ngã ngoại giới, thứ bản ngã tốt nhất chỉ là một đền thờ, nhưng phần nhiều là ngục tù của con người thật sự. Ngài dạy trong “Ấn Ngôn”:

“Hỡi Con của Sinh tồn!

Ta đã tạo ra ngươi với bàn tay vạn năng và với ngón tay đầy uy lực của Ta. Ta đã đặt vào ngươi tinh hoa ánh sáng của Ta. Ngươi hãy hài lòng với điều đó và đừng đòi hỏi gì khác nữa, vì tác phẩm của Ta là hoàn hảo và mệnh lệnh của Ta phải được tuân tòng. Đừng hỏi gì về điều ấy và đừng có bụng hoài nghi.”

“Hỡi Con của Tinh thần!

Ta tạo ra ngươi giàu có, tại sao ngươi trở nên suy bại nghèo nàn? Ta tạo ra ngươi cao quý, tại sao ngươi trở thành hèn hạ? Ta đem ngươi ra đời từ tinh hoa của tri thức, sao ngươi còn đi tìm ánh sáng hiểu biết nơi người khác ngoài Ta? Ta nặn ngươi với chất liệu tình yêu, sao ngươi lại bán khoán vì kẻ khác? Hãy quay mặt nhìn vào chính ngươi, rồi ngươi sẽ thấy Ta đứng trong ngươi đầy uy quyền, vĩ đại và tự tôn.”

“Hỡi người tôi tớ của Ta!

Ngươi như một thanh gươm được chế luyện tinh tế và giấu kín trong vỏ bao; giá trị ẩn tàng của nó, đến người thợ đúc chuyên môn cũng không tường tận. Vậy ngươi hãy ra khỏi cái bao vị kỷ và dục vọng để cho giá trị của ngươi chói lọi và hiển hiện trước mắt mọi người.”

“Hỡi người thân của Ta!

Ngươi như vầng thái dương trên vòm trời thánh thiện của Ta, đừng để cho sự ô uế của trần gian che khuất ánh huy hoàng của ngươi. Hãy xé tấm màn vô tri đi, để ngươi thoát ra khỏi những đám mây mù mà xuất hiện rực rỡ và khoác lên mọi vật lớp áo sinh tồn.”

Đức Baha'u'llah kêu gọi các tín đồ sống một đời cao quý đến nỗi, trong phạm vi rộng rãi của các khả năng nhân loại, con người không thể khát vọng điều gì cao siêu và đẹp đẽ hơn. Nhận định được bản ngã tinh thần ở bên trong chúng ta tức là hiểu được chân lý tuyệt diệu này: “Chúng ta do Thượng Đế mà ra và lại trở về cùng Ngài”. Sự trở về với Thượng Đế là mục đích vinh quang của người Baha'i; nhưng muốn đạt mục đích đó con đường duy nhất phải đi là tuân theo các Đấng Sứ giả được Ngài lựa chọn, và nhất là phải tuân theo Đấng Sứ giả trong thời đại vinh quang mình đang sống, đó là Đức Baha'u'llah, Đấng Tiên tri của Tân Kỷ nguyên.

CHƯƠNG VI: SỰ CẦU NGUYỆN

“Cầu nguyện là chiếc thang nhờ đó ai cũng có thể lên được Thiên Đàng.”

Đức Muhammad

CHUYỆN TRÒ VỚI THƯỢNG ĐẾ

Đức Abdul-Baha dạy: “Cầu nguyện là chuyện trò với Thượng Đế”. Muốn thông báo cho loài người biết ý định của Ngài, Đấng Thượng Đế phải nói với họ bằng một thứ tiếng họ có thể hiểu tức là dùng miệng các Đấng Tiên tri Thánh thiện của Ngài để phán dạy. Khi còn sống trong thể xác, thì các Đấng Tiên tri nói thẳng với người đời, chuyên đạt Sứ điệp của Thượng Đế cho họ. Khi các Đấng ấy qua đời rồi, thì Sứ Điệp của các Ngài tiếp tục ảnh hưởng đến tâm trí nhân loại qua sách vở ghi chú Lời dạy và qua các Thánh thư của các Ngài. Nhưng đây không phải là phương tiện duy nhất mà Thượng Đế dùng để nói với loài người, còn có một thứ “ngôn ngữ của tinh thần” không phụ thuộc vào lời nói hay văn tự, mà Thượng Đế có thể truyền thông với những tâm hồn tìm tòi chân lý và gây nguồn linh ứng cho họ, bất kỳ họ ở đâu, thuộc chủng tộc nào hay nói tiếng gì. Chính nhờ thứ ngôn ngữ tinh thần đó mà Đấng Biểu hiện của Thượng Đế tiếp tục duy trì các mối quan hệ với tín đồ, ngay khi Ngài đã lìa trần. Đức Chúa tiếp tục chuyện trò với các môn đệ và khuyến khích họ, sau khi Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá. Thực ra Ngài còn ảnh hưởng đến họ mãnh liệt hơn trước nhiều. Với các Đấng Tiên tri khác cũng thế. Đức Abdul-Baha bàn nhiều đến thứ ngôn ngữ tinh thần này. Đại để Ngài dạy:

“Chúng ta phải nói bằng ngôn ngữ của thiên giới - ngôn ngữ của tinh thần - vì có một ngôn ngữ riêng cho tinh thần và cho tâm hồn. Nó khác tiếng nói của chúng ta cũng như tiếng nói của chúng ta khác tiếng nói của loài vật là loài chỉ tự diễn đạt bằng những tiếng kêu la.

“Nhờ ngôn ngữ tinh thần đó, chúng ta mới nói được với Thượng Đế. Trong lúc cầu nguyện, chúng ta thoát được mọi ngoại cảnh, và khi chúng ta hướng về Thượng Đế thì chẳng khác nào chúng ta nghe tiếng nói của Thượng Đế trong lòng chúng ta. Không cần lời mà chúng ta nói, chúng ta thông cảm và trò chuyện với Thượng Đế, và nghe Ngài trả lời. Khi chúng ta đạt tới trạng thái tâm linh thực sự, toàn thể chúng ta có thể nghe tiếng nói của Thượng Đế.”

-Trích một cuộc nói chuyện do Cô Ethel J. Rosenberg thuật lại-

Đức Baha'u'llah tuyên bố rằng các chân lý thiêng liêng cao cả chỉ có thể thông đạt bằng ngôn ngữ tinh thần. Lời nói hay chữ viết thì hoàn toàn không thích đáng. Trong cuốn Kinh nhỏ nhan đề “Bảy Thung lũng”, Ngài mô tả cuộc hành trình của lữ khách từ trần thế đến Thiên đường, Ngài kể các giai đoạn tiến triển của cuộc hành trình đó như sau:

“Miệng lưỡi không mô tả nổi các giai đoạn này và lời nói hoàn toàn thiếu thốn. Ngòi bút không ích gì trong phạm vi này và mực chỉ bôi đen mặt giấy... Chỉ tâm hồn mới thông đạt được cho tâm hồn tình trạng của người hiểu biết; điều này không phải là nhiệm vụ của một sứ giả, cũng không thể cắt nghĩa bằng câu văn.”

-Đức Baha'u'llah, Bảy thung lũng-

CẦU NGUYỆN VÀ SUY TƯỞNG

Nói đến các phương tiện để đạt tới trạng thái tinh thần có thể trò chuyện với Thượng Đế, Đức Abdul-Baha viết:

“Chúng ta phải cố gắng đạt tới trạng thái đó bằng cách tách riêng chúng ta với mọi sự và mọi người, và chỉ hướng về Thượng Đế thôi. Con người sẽ gặp nhiều trở ngại mới đạt tới trạng thái đó, nhưng phải có ý muốn và có cố gắng để đạt tới. Chúng ta có thể thành công bằng cách ít nghĩ đến vật chất mà nghĩ nhiều đến tinh thần. Chúng ta càng xa cái kia bao nhiêu thì lại càng gần cái này bấy nhiêu. Sự lựa chọn tùy thuộc chúng ta.

“Nhận thức tinh thần của chúng ta, thị giác nội giới của chúng ta phải khai mở, để chúng ta nhận được các dấu hiệu và vết tích của Thánh Linh Thượng Đế trong mọi sự. Cái gì cũng có thể phản chiếu cho chúng ta ánh sáng của Thánh Linh.”

-Trích một cuộc nói chuyện do Cô Ethel J. Rosenberg thuật lại-

Đức Baha'u'llah viết:

“Kẻ đi tìm tòi... mỗi buổi bình minh... hãy thông công với Thượng Đế và hết lòng kiên nhẫn trong sự tìm tòi Đáng Kính yêu của mình. Họ phải hủy đi mọi ý tưởng lầm lạc bằng ngọn lửa của sự nhắc nhở tới Thượng Đế.”

-Trích Thánh thư của Đức Baha'u'llah, trang 265-

Đức Abdul-Baha cũng tuyên bố giống như vậy:

“Khi nào con người để cho Thánh Linh xuyên qua linh hồn soi sáng nhận thức của mình, thì y bao quát được toàn thể tạo vật. Nhưng mặt khác, nếu y không mở cửa trí tuệ và tâm hồn để nhận sự ban phúc của Thánh Linh mà lại hướng linh hồn về thế giới vật chất, về phần nhục thể của bản chất mình, thì y bị trục khỏi địa vị cao quý và trở nên hèn kém hơn cư dân của thế giới động vật thấp kém.”

-Sự khôn sáng của Đức Abdul-Baha-

Đức Baha'u'llah còn viết:

“Hỡi dân chúng, hãy giải thoát linh hồn các ngươi khỏi xiềng xích của tự ngã và tẩy rửa nó cho sạch mọi ràng buộc với cái gì ngoài Ta. Nhớ đến Ta tức là rửa sạch mọi hoen ố, miễn là các người có thể hiểu nổi điều đó... Hỡi kẻ tội tở của Ta! Hãy cất tiếng ca những diệu từ đã được Thượng Đế cảm ứng. Hãy ca với tất cả lòng thành kính của kẻ được cảm thông cùng Ngài. Hãy ca cho sự dịu dàng nhạc khúc du dương khơi sáng tâm hồn ngươi và khiến trái tim nhân chúng trở lại cùng Ngài. Bởi vì các vị thiên tiên của Đấng Toàn năng rải rác khắp nơi sẽ đưa hương thơm kinh kệ do môi ngươi tụng niệm âm thầm trong phòng riêng lan xa và trái tim kẻ trung chính tiếp nhận được sẽ rung động.”

-Trích Thánh thư của Đức Baha'u'llah-

SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ MỘT ĐÁNG TRUNG GIAN

Theo Đức Abdul-Baha thì:

“Giữa con người và Đấng Tạo hóa cần phải có một Đấng Trung gian là Đấng tiếp nhận được đầy đủ Ánh sáng Huy hoàng của Thượng Đế, để soi sáng khắp trần thế, cũng như bầu khí quyển của trái đất tiếp nhận và khuếch tán hơi ấm của các tia sáng mặt trời.”

-Triết lý Thiên Thượng , trang 8-

“Nếu muốn cầu nguyện, ta phải tập trung tư tưởng vào một điểm nhất định. Nếu muốn hướng về Thượng Đế, ta phải hướng tâm hồn về một trung tâm điểm nào đó. Khi con người thờ phụng Thượng Đế ngoài Đấng Biểu hiện của Ngài, trước hết họ tạo lấy một quan niệm về Thượng Đế, và quan niệm đó do chính trí óc họ tạo ra. Vì vật hữu hạn không thể hiểu được Đấng Vô hạn, nên người ta không thể hiểu Thượng Đế bằng cách đó. Con người chỉ hiểu được cái mà họ có thể quan niệm bằng trí tuệ; điều họ có thể hiểu được không phải là Thượng Đế. Quan niệm về Thượng Đế mà con người tự tạo cho mình, đó chỉ là một vọng tưởng, một bóng hình, một ảo ảnh, một điều tưởng tượng. Không hề có mối liên hệ gì giữa một quan niệm như thế với Đấng Tối cao.

“Nếu ai muốn hiểu biết Thượng Đế, thì phải tìm Ngài trong tấm gương hoàn hảo, như Đức Chúa hay Đức Baha'u'llah. Trong tấm gương này cũng như trong tấm gương kia, y sẽ thấy phản chiếu Mặt trời Thiên thượng.

“Cũng như ta biết mặt trời vật chất bằng sự huy hoàng, bằng ánh sáng, bằng sức nóng, ta cũng nhận biết Thượng Đế, Mặt trời tâm linh, khi Ngài chiếu rọi trong Đấng Biểu hiện, bởi các đặc tính hoàn hảo, bởi vẻ mỹ lệ của đức hạnh và bởi ánh sáng huy hoàng của Ngài.”

-Trích một cuộc nói chuyện với Ông Percy Woodcock, ở Akka, 1909-

Ngài còn dạy:

“Không có sự trung gian của Đức Thánh Linh thì không ai có thể đến thẳng ân sủng của Thượng Đế được. Đừng xao lãng điều hiển nhiên đó, vì không ai có thể chối cãi rằng một đứa bé, nếu không có thầy dạy thì không thể giỏi giang, và tri thức là một ân tứ của Thượng Đế. Đất không thể có cỏ cây che phủ nếu không có mưa từ mây rót xuống, do đó mây làm trung gian giữa lượng từ bi của Thượng Đế và mặt đất... Ánh sáng có một trung tâm, nếu tìm cách tới ánh sáng mà không tìm đến nơi trung tâm của nó thì không bao giờ tới được... Hãy chú ý về thời đại Đức Chúa, có người tưởng rằng có thể đạt tới chân lý mà không cần nhờ sự ban phát của Đấng Cứu thế, nhưng sự tưởng tượng đó làm cho họ không được hưởng các ơn ban phát kia”.

-Kinh bản của Đức Abdul-Baha, quyển III, trang 591, 592-

Kẻ toan thờ phụng Thượng Đế mà không quay về với Đấng Biểu hiện của Ngài thì cũng giống như người ở trong hầm tối vui chơi với vinh quang của ánh mặt trời bằng tưởng tượng.

BẮT BUỘC VÀ CẦN THIẾT PHẢI CẦU NGUYỆN

Tín đồ Baha'i được khuyên như một cách rõ rệt là phải cầu nguyện. Đức Baha'u'llah dạy trong Kinh “Kitáb-i-Aqdas”:

“Mỗi sáng và chiều hãy đọc thuộc lòng các Thánh ngôn của Thượng Đế. Ai không đọc Thánh ngôn là không trung thành với Giao ước của Thượng Đế, và trong Ngày này, ai rời xa điều này là đã hiển nhiên rời xa Thượng Đế tự bao đời. Các ngươi hãy sợ Thượng Đế, hồi tất cả các tội tớ của Ta. Các ngươi chớ kiêu ngạo về việc đọc nhiều câu Thánh thi, hoặc về ngày đêm làm được nhiều việc sùng đạo; vì nếu người nào chỉ đọc một câu Thánh thi với niềm vui tươi và sự trong sáng thì tốt cho người ấy hơn là đọc một cách mệt mỏi tất cả các Thánh kinh của Thượng Đế, Đấng Cứu nạn, Đấng Tự tồn. Các ngươi hãy đọc các Thánh thi ở mức độ không khiến các ngươi thành quá chán nản, mệt mỏi. Đừng đặt lên linh hồn các ngươi điều gì khiến nó thấy nhàm chán và nặng nề, nhưng là điều gì khiến nó được nhẹ nhàng, nâng cao, để các ngươi có thể nương theo đôi cánh các Thánh thi bay đến chốn Hùng đông các dấu hiệu hiển nhiên của Ngài; điều này sẽ đưa các ngươi về gần Thượng Đế, giá mà các ngươi thấu hiểu.”

Đức Abdul-Baha viết cho một người liên lạc với Ngài bằng thư tín:

“Hỡi bạn tinh thần! Phải biết rằng cầu nguyện là điều cần thiết và bắt buộc, người ta không nại bất cứ có gì để được miễn cầu nguyện, trừ phi họ mắc bệnh tâm thần hay gặp trở lực nào không thể vượt nổi.”

-Kinh bản của Đức Abdul-Baha, quyển III, trang 683-

Một người khác hỏi: “Tại sao phải cầu nguyện? ích gì, vì Thượng Đế đã thiết định mọi sự và thi hành theo trật tự tối hảo; vì vậy, sự khôn ngoan là ở chỗ nào khi ta cầu khẩn van xin, trình bày các nỗi khó khăn của mình và mong mỗi sự trợ giúp của Ngài? “

Đức Abdul-Baha trả lời:

“Sự thực người hãy hiểu rằng, kẻ yếu đuối cầu xin sự giúp đỡ của Đấng Mạnh mẽ, và kẻ cần ân sủng khẩn khoản Đấng Vinh quang Đại lượng là hợp lẽ. Khi người nào khẩn nài Thượng Đế, hướng về Ngài và tìm kiếm ân sủng trong Đại dương của Ngài, thì sự khẩn cầu ấy làm cho tâm hồn người đó được soi sáng, nhãn lực của người đó được quang minh, linh hồn người đó được sức sống và bản thân người đó được phấn khởi.

“Trong khi người khẩn cầu Thượng Đế và đọc “Danh Ngài là sự chữa bệnh cho con...”, hãy xem tâm hồn người được an ủi, linh hồn người hứng thú như thế nào bởi tinh thần tình yêu của Thượng Đế, và trí tuệ người được thu hút về Vương quốc của Thượng Đế như thế nào! Chính nhờ sức hút đó mà năng lực và tài ba con người tăng thêm lên. Chiếc bình càng to thì càng đựng được nhiều nước, và khát càng dữ thì mưa nhiều càng thích thú cho vị giác. Đó là mẫu nhiệm của khẩn cầu và sự khôn ngoan của việc bày tỏ nguyện vọng mình.”

-Trích trong một bức thư gửi cho một tín đồ người Mỹ, do Ali Kuli Khan dịch ra tiếng Anh, tháng 10-1908-

Đức Baha'u'llah đã mặc khải ba bản kinh cầu nguyện bắt buộc hằng ngày. Người tín đồ được tự do lựa chọn một trong ba bản kinh này, nhưng bắt buộc phải đọc bài đã chọn đó đúng với cách thức Đức Baha'u'llah đã qui định.

CẦU NGUYỆN LÀ NGÔN NGỮ CỦA TÌNH YÊU

Trả lời một người khác hỏi cầu nguyện có cần thiết không, vì chắc là Thượng Đế biết các nguyện vọng của mọi tâm hồn, Đức Abdul-Baha viết:

“Nếu người nào cảm thấy thực sự yêu mến một người khác thì họ ước muốn biểu lộ tình cảm đó. Tuy họ biết rõ bạn mình cũng rõ tình thân ái đó, nhưng họ vẫn muốn xác định cho bạn hiểu... Thượng Đế biết ước vọng của mọi tâm hồn nhưng sự thúc giục cầu nguyện là một điều tự nhiên, nó phát ra từ tình yêu của con người đối với Thượng Đế...”

“Không bắt buộc phải cầu nguyện bằng lời, nhưng cầu nguyện bằng tư tưởng và thái độ. Nếu thấy thiếu tình yêu và khát vọng thì gắng gượng hay ép buộc cũng vô ích. Lời nói mà không có tình yêu, thì không có nghĩa gì hết. Nếu có ai nói với người như là thi hành một bổn phận buồn chán, không có tình yêu, không hứng thú, thì người có muốn kéo dài cuộc nói chuyện đó không?”

-Trích một bài báo của cô E. S. Stevens trong “Bán Nguyệt San”, tháng 6, năm 1911-

Trong một cuộc nói chuyện khác, Đức Abdul-Baha dạy:

“Cầu nguyện cao quý hơn cả là cầu nguyện vì kính yêu Thượng Đế chứ không phải vì sợ Ngài hay sợ địa ngục, hoặc vì ao ước được hưởng ân sủng của Ngài hay được vào Thiên đường... Khi yêu người nào, ta không thể không thăm thì cái tên yêu dấu của người ấy. Vậy thì khi kính yêu Thượng Đế, làm sao ta có thể dễ dàng không nhắc nhớ đến Danh Ngài... Con người tinh thần không tìm thấy lạc thú nào khác ngoài sự tưởng nhớ đến Thượng Đế.”

-Trích trong các lời ký chú của cô Alma Robertson và của nhiều người hành hương khác, tháng 11 và 12-1900-

CẦU NGUYỆN CHUNG

Những bản kinh mà Đức Baha'u'llah đã truyền lệnh cho người Baha'i phải đọc hằng ngày, đó là những bài để mỗi người đọc riêng. Chỉ trong trường hợp Kinh Cầu nguyện cho người qui tịch Đức Baha'u'llah mới qui định cho đọc tập thể, và chỉ có một yêu cầu là người phụ trách đọc lớn tiếng còn tất cả những người hiện diện khác đều phải đứng im lặng. Điểm này khác với việc cầu nguyện tập thể của Hội giáo, ở đó tất cả tín đồ đứng thẳng hàng sau lưng vị imam, là người chủ trì việc cầu nguyện. Cách thức này bị cấm trong Tôn giáo Baha'i.

Sự thiết định này phù hợp với việc Đức Baha'u'llah xóa bỏ chế độ tu sĩ chuyên nghiệp, nhưng không có nghĩa là Ngài hủy bỏ giá trị của các cuộc họp thờ phượng chung.

Bàn về giá trị của sự cầu nguyện chung, Đức Abdul-Baha dạy:

“Người ta có thể nói: tôi có thể cầu nguyện Thượng Đế khi nào tôi muốn, khi các tình cảm trong tâm hồn tôi hướng về Thượng Đế, lúc tôi ở nơi hoang vắng, lúc tôi ở thành phố hay bất cứ ở đâu. Tại sao tôi phải đến chỗ của người khác đúng ngày giờ nhất định, để góp lời cầu nguyện của tôi với lời cầu nguyện của họ, trong khi tinh thần của tôi có thể ở trong trạng thái không thích hợp?”

“Suy nghĩ như thế là tưởng tượng vô ích, vì ở đâu có nhiều người họp lại thì sức mạnh tỏa ra càng lớn hơn. Quân sĩ chiến đấu một mình, riêng biệt thì không mạnh bằng một bộ đội thống nhất. Nếu toàn thể quân sĩ trong cuộc chiến đấu tinh thần họp lại với nhau, thì sự họp nhất các tình cảm thiêng liêng của họ giúp sức lẫn nhau và lời cầu nguyện của họ thành hiệu nghiệm.”

-Trích trong các lời ký chú của cô Ethel J. Rosenberg-

GIẢI THOÁT KHỎI TAI HỌA

Theo giáo huấn của các Đấng Tiên tri, tật bệnh và tất cả các hình thức hoạn nạn khác đều do sự bất tuân các Giới răn của Thượng Đế. Theo Đức Abdul-Baha, thì ngay các tai họa do lụt lội và động đất gây nên cũng là hậu quả gián tiếp của sự bất tuân đó.

Tuy nhiên, sự khổ não do làm lỗi gây nên không có tính cách trả thù, mà có tính cách giáo huấn và trị bệnh. Đó là tiếng nói của Thượng Đế nhắc nhở cho người đời biết là họ đã bước ra khỏi con đường chân chính. Nếu sự khổ não là ghê gớm, thì chỉ vì mối hiểm họa của sự làm bậy còn ghê gớm hơn, vì “cái giá của tội lỗi là sự chết.”

Vì các tai họa do sự bất tuân mà ra, cho nên chỉ sự phục tùng mới giải thoát khỏi các tai họa. Không có sự may rủi, hay mơ hồ trong vấn đề đó. Quay lưng lại với Thượng Đế, tất không tránh được hoạn nạn; còn quay mặt về Thượng Đế, tất được hưởng ân phúc.

Tuy nhiên, vì toàn thể nhân loại lập thành một cơ cấu duy nhất, nên sự sung sướng của mỗi người chẳng những chỉ tùy thuộc ở hạnh kiểm riêng của mình mà còn tùy thuộc hạnh kiểm của người lân cận nữa. Nếu một người làm bậy thì tất cả những người khác cũng chịu ảnh hưởng ít hoặc nhiều; còn nếu một người làm phải thì tất cả các kẻ khác cũng được lợi. Ai nấy đều phải mang một phần gánh nặng của đồng loại và những người tốt nhất là những người mang gánh nặng lớn nhất. Các thánh nhân đã chịu khổ rất nhiều, các Đấng Tiên tri đều đã đau khổ nhiều nhất.

Trong Kinh Kitab-i-Aqdas, Đức Baha'u'llah viết:

“Chắc các ngươi đều biết rõ các nỗi khổ não, cảnh nghèo nàn, tật bệnh và sỉ nhục mà toàn thể các Đấng Tiên tri và bạn hữu của Thượng Đế đã phải chịu. Các ngươi đều biết thủ cấp các môn đệ của các Đấng ấy đã được gửi đi các đô thị để làm tặng phẩm như thế nào.”

-Kinh Kitab-i-Aqdas, trang 73-

Không phải vì các thánh nhân và các Đấng Tiên tri đáng bị trừng phạt hơn những người khác. Các Đấng ấy chịu cực khổ vì tội lỗi của kẻ khác và chọn sự khổ não để cứu vớt họ. Các Đấng ấy chăm lo cho sự sung sướng của thế giới, chứ không nghĩ đến sự sung sướng riêng của mình. Kẻ nào thực sự yêu nhân loại, không cầu nguyện cho cá nhân mình thoát khỏi nghèo nàn, tật bệnh hay tai biến, mà cầu nguyện cho nhân loại thoát khỏi dốt nát, làm lỗi, và các bệnh tật tất nhiên do đó mà ra. Nếu họ cầu xin sức khỏe và của cải cho chính bản thân họ, ấy là vì mục đích phụng sự Thiên quốc, và nếu họ có bị khước từ sức khỏe và của cải, họ phải nhận số phận với sự “phục tùng hơn hờ”, tin tưởng rằng có sự khôn ngoan thích đáng tiềm tàng trong mọi sự xảy đến với họ trên Đường của Thượng Đế.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Chúng ta không bị phiền muộn và thống khổ một cách ngẫu nhiên; những nỗi phiền muộn và thống khổ đó do ân sủng của Thượng Đế giáng xuống để hoàn thiện chúng ta. Khi gặp phiền muộn và thống khổ thì con người nhớ tới Cha mình ở trên Trời, là Đấng có quyền phép giải thoát mình khỏi nhục nhã. Con người càng bị dày vò nhiều bao nhiêu thì các đức hạnh thiêng liêng tích tụ được càng phong phú bấy nhiêu.”

-Sự Khôn Ngoan của Đức Abdul-Baha, trang 45-

Thoạt nhìn thì thấy người vô tội phải đau khổ thay cho kẻ có tội là một điều có vẻ rất bất công, nhưng Đức Abdul-Baha đoán chắc với chúng ta rằng sự bất công đó chỉ là bề ngoài, và cuối cùng sự công bình hoàn toàn sẽ thắng. Ngài viết:

“Về việc các hài nhi, trẻ em và người yếu đuối phải chịu đau khổ trong tay bọn áp bức... Đối với những linh hồn đó, phần thưởng đã được dành sẵn cho họ ở thế giới khác... Sự khổ não kia là ân sủng lớn nhất của Thượng Đế. Thực ra ân sủng ấy của Thượng Đế còn quý báu hơn tất cả các tiện nghi của thế giới này, hơn cả sự tăng trưởng và phát triển thuộc về chôn hũu diệt này”.

-Bản văn của Đức Abdul-Baha, quyển II, trang 337-

CẦU NGUYỆN VÀ LUẬT THIÊN NHIÊN

Nhiều người thấy khó mà tin ở sự hiệu nghiệm của cầu nguyện, vì theo họ, nếu cầu nguyện mà được chấp nhận thì trái với luật thiên nhiên một cách võ đoán. Người ta có thể xóa bỏ sự khó hiểu này bằng phương pháp tỉ luận. Nếu để một cục nam châm trên đồng mạt sắt thì mạt sắt sẽ bốc lên và bám vào nam châm, nhưng điều đó không loại bỏ luật hấp dẫn. Sức hút của luật hấp dẫn vẫn tiếp tục tác động trên đồng mạt sắt như trước. Điều đã xảy ra là có một lực mạnh hơn đã tác động vào đó, một lực khác vốn có khả năng tác động bình thường cũng có thể tính toán như lực hấp dẫn. Người Baha'i nghĩ rằng sự cầu nguyện làm cho những lực cao hơn tác động, đó là những lực tương đối ít được biết đến; nhưng hình như không có lý gì để tin rằng các lực đó tác động một cách võ đoán hơn các lực vật lý. Điểm khác biệt là các lực đó ta chưa nghiên cứu đầy đủ và thực nghiệm cách sâu rộng, và tác động của chúng đối với ta có vẻ huyền bí và không tính toán được vì ta không biết.

Một điều khó khăn khác làm nhiều người bối rối là sức mạnh của cầu nguyện có vẻ yếu ớt quá, không thể mang lại những kết quả lớn lao mà người ta thường gán cho nó. Theo phép tỉ luận, ta cũng có thể xóa bỏ nỗi khó khăn này. Một lực nhỏ ứng dụng vào cửa một hồ nước, có thể làm tuôn chảy và điều hòa một lượng nước lớn lao, hoặc ứng dụng vào bánh lái một chiếc tàu viễn dương, có thể điều khiển được hướng đi của con tàu khổng lồ đó. Theo quan điểm Baha'i, năng lực

làm ứng nghiệm các điều cầu nguyện là năng lực vô biên của Thượng Đế. Vai trò của kẻ cầu khẩn chỉ là sử dụng cái lực yếu ớt cần thiết để mở nguồn hay định hướng dòng nước. Ân sủng của Thượng Đế lúc nào cũng sẵn sàng thỏa mãn những người đã học cách vận dụng nó.

KINH CẦU NGUYỆN BAHÁ'Í

Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha đã mặc khải vô số kinh cầu nguyện để các môn đệ sử dụng trong các thời gian và mục đích khác nhau. Nhận thức lớn lao và tính chất thiêng liêng sâu sắc mặc khải trong các câu kinh đó ắt gây cho mọi người tìm tòi có lương tâm một cảm tưởng mạnh, nhưng ý nghĩa của nó chỉ được đánh giá đầy đủ, và năng lực tốt đẹp của nó chỉ được thực hiện khi người ta chịu dùng nó như một phần thường xuyên và quan trọng trong cuộc sống hằng ngày. Rất tiếc, vì khuôn khổ của quyển sách, chúng tôi chỉ có thể chép vào đây vài bài kinh đó. Độc giả có thể kiếm những bài kinh trong các Thánh thư khác.

I - Đức Tính Tâm Linh

Lạy Thượng Đế của con! Xin cho vẻ mỹ lệ của Ngài làm thức ăn của con, Thánh nhan Ngài làm thức uống của con; sự vui lòng Ngài làm niềm hy vọng của con, sự ca tụng Ngài làm hành động của con, sự tưởng nhớ đến Ngài làm bạn đường của con; uy lực tối thượng của Ngài làm nơi nương tựa của con, nơi ngự trị của Ngài làm tổ ấm gia đình con; và xin cho nơi ở của con là nơi được Ngài thanh lọc khỏi mọi giới hạn đang đè nặng trên những kẻ mà màn vô minh đã ngăn cách họ với Ngài. Quả thật Ngài là Đấng Toàn năng, Đấng quang vinh vô hạn, Đấng Toàn lực.

-Đức Baha'u'llah-

II - Buổi Trưa

Lạy Thượng Đế của con! Con xin chứng nhận rằng Ngài đã tạo nên con để nhận biết Ngài và tôn thờ Ngài. Ngay lúc này, con xin xác nhận sự yếu hèn của con trước uy lực của Ngài, sự nghèo nàn của con trước sự phong phú của Ngài.

Không có ai ngoài Ngài là Thượng Đế, Đấng Cứu nạn, Đấng Tựa tồn.

-Đức Baha'u'llah-

III - Thống nhất Nhân loại

Lạy Đấng Từ bi chí tôn! Ngài đã tạo ra nhân loại cùng một bản thể. Ngài đã hạ chỉ rằng mọi người sẽ đều ở chung trong một gia đình. Trước sự hiện diện tối linh của Ngài, ai ai cũng đều là tôi con Ngài và tất cả nhân loại nấp dưới bóng Ngài. Mọi người đều quay quần xung quanh độ lượng khoan hồng của Ngài, mọi người đều được soi sáng bằng ánh linh định mệnh của Ngài.

Lạy Thượng Đế! Ngài từ bi với tất cả mọi người. Ngài đã sinh ra từng người và ban đời sống cho tất cả mọi người. Ngài đã phú cho mỗi người những năng tài và năng khiếu; tất cả mọi người đều thấm nhuần ơn tế độ của Ngài bao la như biển cả.

Lạy Đấng Chí tôn Đại từ Đại bi! Xin ban phúc thống nhất loài người, xin ban phúc cho các tôn giáo hòa hợp, các quốc gia trở thành một nước, tất cả mọi người đều coi nhau như anh em trong một gia đình và coi trái đất này như một tổ quốc. Xin ban phúc cho mọi người sống chung trong sự thái hòa.

Lạy Thượng Đế! Xin Ngài phát linh kỳ hợp nhất loài người.

Lạy Thượng Đế! Xin Ngài xây dựng nền thái hòa.

Lạy Thượng Đế! Xin Ngài gắn bó các con tim lại thành một khối.

Lạy Thượng Đế từ bi vô lượng! Xin Ngài thấm nhuần trái tim chúng con bằng hương thơm ngào ngạt tình thương của Ngài; xin Ngài mở đường soi sáng mắt chúng con bằng linh quang của Ngài. Xin Ngài mở tai chúng con bằng lời êm dịu của Ngài và che chở chúng con trong thành trì Định mệnh của Ngài.

Ngài là Đấng Tối linh uy quyền vô hạn, Đấng Đại từ Đại bi, Đấng Quảng đại khoan dung mọi nỗi uon hèn của nhân loại.

-Đức Abdul-Baha-

IV - Tha thứ

Lạy Đấng Toàn năng! Con là kẻ tội lỗi, còn Ngài là Đấng Tha thứ! Con thì đầy khuyết điểm, nhưng Ngài là Đấng Từ bi! Con ở trong bóng tối lầm lạc, còn Ngài là Ánh sáng Khoan dung!

Vì vậy, lạy Đấng Thượng Đế từ bi, xin Ngài tha thứ tội lỗi của con, xin ban ân cho con, xin rộng lượng đối với lỗi lầm của con, xin ban cho con nơi trú ẩn, xin dìu con trong suối nước nhân ái của Ngài và chữa lành mọi đau đớn và bệnh tật của con.

Xin thanh lọc con và khiến con trở nên thanh khiết. Xin ban cho con một phần nguồn ơn Thánh thiện của Ngài, để cho sầu não và phiền muộn tiêu tan, cho niềm vui và hạnh phúc tuôn đổ xuống, cho sự chán nản và tuyệt vọng biến thành sự vui mừng và tin cậy, để can đảm thay thế sợ hãi.

Quả thật, Ngài là Đấng Tha thứ, Đấng Từ bi và Ngài là Đấng Đại lượng, Đấng Kính yêu.

-Đức Abdul-Baha-

Lạy Đấng Thượng Đế từ bi! Con tạ ơn Ngài đã thức tỉnh con và đem con trở về với lương tri. Ngài đã ban cho con đôi mắt tinh anh, và cái tai thính nhạy, đã dắt con đến Vương quốc của Ngài và dẫn con trên Đường của Ngài. Ngài đã chỉ cho con nẻo Chánh và giúp con bước vào Thuyền giải thoát. Lạy Thượng Đế! Xin khiến con vững lòng, xin làm cho con thành kiên định và mạnh mẽ. Xin bảo vệ

con khỏi những thử thách dữ dội, và gìn giữ con, che chở con trong thành trì kiên cố của Giao ước Ngài. Ngài là Đấng Uy quyền! Ngài là Đấng Đại kiến! Ngài là Đấng Đại văn! Ngài là Đấng Thượng Đế Từ bi!

Xin ban cho con trái tim giống như pha lê, để có thể phản chiếu ánh sáng tình yêu của Ngài, và xin ban cho con tư tưởng để có thể biến thế giới này thành vườn hồng nhờ ơn phước tâm linh của Ngài. Ngài là Đấng Từ bi, Đấng Khoan dung! Ngài là Đấng Thượng Đế Toàn thiện!

-Đức Abdul-Baha-

Tuy vậy, kinh nghiệm Baha'i không hạn chế trong các công thức, dù quan trọng đến đâu mặc lòng. Đức Baha'u'llah dạy rằng suốt đời ta phải là sự cầu nguyện, rằng công việc làm với tinh thần chân chính là sự thờ phụng, rằng mọi tư tưởng, mọi lời nói, mọi hành động cung hiến cho Vinh quang Thượng Đế và cho lợi ích của đồng loại là sự cầu nguyện theo nghĩa đúng nhất của từ đó.²³

CHƯƠNG VII: SỨC KHỎE VÀ PHÉP CHỮA BỆNH

“Hướng về Thượng Đế thì chữa khỏi bệnh cả thể xác, trí tuệ và tâm hồn.”

-Đức Abdul-Baha-

THỂ XÁC VÀ LINH HỒN

Theo giáo huấn Baha'i, thì thể xác lãnh nhiệm vụ nhất thời trong việc phát triển của linh hồn, và khi xong phận sự nó bị bỏ đi, cũng như vỏ quả trứng, hữu ích trong lúc gà con phát triển, sẽ bị đập vỡ, và vứt đi lúc mục đích đã đạt. Đức Abdul-Baha dạy rằng thể xác không thể trở nên bất diệt, vì thể xác là một hợp chất, cấu tạo do nguyên tử và phân tử, và như tất cả mọi hợp chất, thể xác một ngày kia cũng phải tan rã.

Thể xác phải là đầy tớ của linh hồn, không bao giờ là chủ của linh hồn. Những đầy tớ ấy phải có thiện chí, vâng phục và hữu hiệu, và phải được đối xử với sự chú ý xứng đáng dành cho kẻ nô bộc trung thành. Nếu không được đối xử xứng đáng thì bệnh tật và thác loạn do đó sẽ sinh ra, và rồi chủ cũng như tớ đều phải chịu ảnh hưởng tai hại.

TÍNH THUẦN NHẤT CỦA MỌI CUỘC SỐNG

Tính thuần nhất của vạn vật và trình độ cuộc sống là một trong những giáo huấn căn bản của Đức Baha'u'llah. Sức khỏe thân thể liên quan đến sức khỏe tâm trí, sức khỏe tinh thần, sức khỏe tâm linh, cũng như đến hạnh phúc cá nhân, xã hội của đồng loại, cả đến đời sống của động vật và thực vật một cách mật thiết đến nỗi, mỗi yếu tố bị những yếu tố khác tác động, vượt quá cái mức người ta thường tưởng.

Cho nên, không một giới răn nào của Đấng Tiên tri về bất cứ khía cạnh nào của cuộc sống lại không liên quan tới sức khỏe thân thể. Tuy vậy, cũng có một số giáo huấn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe hơn một số khác, mà chúng ta sắp xem xét dưới đây.

ĐỜI SỐNG GIẢN DỊ

Đức Abdul-Baha dạy:

“Tiết kiệm là nền tảng thịnh vượng của nhân loại. Kẻ hoang phí luôn luôn gặp điều phiền phức. Bất cứ kẻ nào hoang phí là đã phạm một tội lỗi không thể tha thứ được. Chúng ta không bao giờ được sống bám vào người khác như một

cây ký sinh. Mỗi người đều phải làm một nghề trí óc hoặc tay chân. Đòi sống chúng ta phải sạch sẽ, đũng mãnh và lương thiện, đáng làm tấm gương cho kẻ khác về sự tinh khiết. Cam lòng với một miếng bánh khô còn cao thượng hơn là hưởng một bữa cơm thịnh soạn đầy cao lương mỹ vị, mà phí tổn lại bất kể khác phải chịu. Kẻ nào tự thỏa mãn với ít nhu cầu, bao giờ tinh thần cũng yên ổn và tâm hồn được khoan khoái.”

-Thánh thư Baha'i, trang 453-

Ăn thịt không bị cấm, nhưng Đức Abdul-Baha dạy:

“Thực phẩm tương lai sẽ gồm quả và hạt. Sẽ đến lúc người ta không còn dùng thịt nữa. Tuy y học hiện nay còn trong thời kỳ phôi thai, nhưng nó cũng đã chỉ rõ rằng thực phẩm thiên nhiên của chúng ta là thức ăn mọc lên từ đất.”

Mười ngày trong Ánh sáng ở Akka, do Julia M. Grundy ghi chép

RƯỢU VÀ CHẤT MA TÚY

Việc dùng ma túy và các chất làm cho say bất cứ loại nào đều hoàn toàn bị Đức Baha'u'llah nghiêm cấm, ngoại trừ trường hợp làm thuốc trị bệnh.

GIẢI TRÍ

Giáo huấn Baha'i căn cứ vào sự tiết độ, chứ không phải sự khổ hạnh. Hưởng thụ những thứ tốt lành và đẹp đẽ trong đời, cả về vật chất lẫn tinh thần, chẳng những được phép mà còn được khuyến khích. Đức Baha'u'llah dạy: “Đừng tự giới hạn cái gì đã được tạo ra cho các người.” Ngài cũng phán: “Niềm hân hoan và tin mừng phải được biểu hiện trên khuôn mặt các người.”

Đức Abdul-Baha dạy:

“Mọi thứ được tạo ra là dành cho con người, vì người là cái đỉnh chót vót của tạo vật và con người phải biết tạ ơn đối với các ơn huệ của Thượng Đế. Mọi vật chất được tạo ra dành cho ta là để, qua sự tạ ơn, chúng ta học và hiểu cuộc đời là một thiên ân. Chán đời là kẻ bội bạc, vì sự hiện hữu vật chất và tinh thần của ta là bằng chứng hiển nhiên về lượng từ bi của Thượng Đế. Cho nên ta phải sung sướng và biến cuộc đời chúng ta thành sự tạ ơn, nhận biết giá trị của mọi vật.”

-Triết lý Thiên Thượng, trang 104-

Có người hỏi Ngài xem sự cấm đồ bác có áp dụng cho tất cả mọi trò chơi không, thì Đức Abdul-Baha trả lời:

“Không! Có một số trò chơi vô hại, và nếu theo đuổi nó vào lúc rảnh thì không gây nên điều xấu gì cả; cái nguy hiểm là trò giải trí thoái hóa làm phung

phí thì giờ. Trong Chánh Đạo của Thượng Đế, việc phung phí thì giờ là điều không thể chấp nhận được. Nhưng giải trí giúp tăng tiến năng lực thân thể như tập thể thao thì được ưa chuộng.”

-Viễn cảnh Thiên Đàng, trang 9-

SỰ SẠCH SẼ

Đức Baha'u'llah dạy trong Thánh kinh Kitab-i-Aqdas:

“Hãy trở thành tinh hoa của sự sạch sẽ giữa loài người... Trong mọi trường hợp hãy có cử chỉ tinh tế... Đừng để một vết tích cầu thả nào hiện ra trên quần áo các người... Hãy tắm bằng nước tinh khiết chứ đừng tắm bằng nước đã dùng rồi... Quả thật, Ta muốn thấy nơi các người những biểu hiện Thiên đàng trên quả đất, để từ các người toát ra hương thơm làm khoan khoái tâm hồn kẻ ưa chuộng.”

Mirza Abdul Fadl, trong sách “Chứng cứ Baha'i” (trang 89), nhắc ta chú ý tới điều tối quan trọng của những giáo huấn này, đặc biệt nhất là tại nhiều vùng phương Đông, nơi người ta hay dùng nước bẩn vào công việc trong nhà như tắm rửa và cả uống nữa, nơi đã xảy ra bao nhiêu bệnh tật và khốn khổ đáng ra có thể ngăn chặn được. Những điều kiện ấy nhiều khi hình như được giáo lý cổ truyền mặc nhận, và chỉ có thể thay đổi trong đám người Đông phương do mệnh lệnh của một Nhân vật đã được thừa nhận là có một thẩm quyền thiêng liêng. Ngay nhiều nơi ở Tây Bán cầu cũng thế, một sự biến đổi lạ lùng có thể xảy ra, nếu sự sạch sẽ được coi không những là quan trọng nhất sau lòng mộ đạo, mà còn như một phần chánh yếu của lòng mộ đạo nữa.

HIỆU QUẢ SỰ TUÂN TÙNG CÁC GIỚI RĂN CỦA ĐÁNG TIÊN TRI

Sự tăng cường sức khỏe nhờ các Giới răn liên quan đến đời sống giản dị, đến vệ sinh, đến sự kiêng rượu, kiêng thuốc phiện... đã khá hiển nhiên, không cần giải thích dài dòng, tuy nhiên tính cách quan trọng sống còn của chúng thường bị đánh giá quá thấp. Nếu các Giới răn đó được tuân theo khắp nơi, thì phần lớn các bệnh truyền nhiễm và nhiều bệnh hoạn khác đã biến khỏi mặt đất này. Số bệnh tật do không tuân giữ vệ sinh thường thức, hay do sự dùng rượu và thuốc phiện gây ra rất nhiều. Sự tuân giữ các Giới răn đó chẳng những ảnh hưởng tới sự tốt đẹp của sức khỏe mà còn có hiệu quả lớn lao về phương diện cải thiện tính tình và hạnh kiểm. Rượu và thuốc phiện làm hư hỏng lương tâm con người trước khi làm hư hỏng cách đi đứng của họ, và gây cho họ nhiều bệnh tật trông thấy, thành thử sự kiêng cử ích lợi về phương diện luân lý và tinh thần hơn là về phương diện thể xác. Đức Abdul-Baha dạy về sự sạch sẽ:

“Sạch sẽ bề ngoài, tuy có tính cách hoàn toàn vật chất nhưng cũng ảnh hưởng lớn tới đời sống tinh thần. Vì thân thể trong sạch, không tì vết ảnh hưởng tới tinh thần con người.”

-Kinh bản của Đức Abdul-Baha, quyển III, trang 581-582-

Nếu Giới răn của các Đấng Tiên tri về sự tinh khiết trong quan hệ tình dục được nghiêm ngặt tuân theo, thì một nguyên nhân quan trọng khác của bệnh tật đã bị loại trừ. Các bệnh phong tình kinh khủng ngày nay làm hại sức khỏe hàng ngàn con người, vô tội hay có tội, trẻ em hay các bậc cha mẹ chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành chuyện thuộc về quá khứ.

Nếu những giới răn của các Đấng Tiên tri về công bình, tương trợ, yêu người khác như chính mình, được thi hành khắp nơi thì, ở mặt này, nạn nhân mãn, sự bóc lột thợ thuyền, cảnh nghèo khổ kinh tởm, và ở mặt kia, sự nuông chiều bản thân, tính lười biếng và sự xa xỉ vô luân, có thể tiếp tục gây ra những đổ nát tâm trí, luân lý và thể xác được không?

Chỉ giản dị có sự tuân giữ các Giới răn về vệ sinh và luân lý của Đức Moses, của Đức Phật Thích Ca, của Đức Chúa, của Đức Muhammad hay của Đức Baha'u'llah cũng đủ phòng ngừa bệnh tật hiệu nghiệm hơn mọi tài năng bác sĩ và mọi qui tắc vệ sinh trên thế gian. Thay vì những cuộc đời bị bệnh tật làm hư hỏng hay đoán mệnh từ tấm bé, từ thiếu thời hay từ lúc là thanh niên như thường xảy ra ngày nay, người ta sẽ thấy những con người trường thọ, giống như những trái cây lành mạnh nảy nở và chín cho tới khi lia cành rớt xuống tự nhiên.

ĐÁNG TIÊN TRI LÀ LƯƠNG Y

Tuy vậy, chúng ta đang sống giữa một thế giới mà sự tuân tòng Giới răn của các Đấng Tiên tri từ ngàn xưa chỉ còn là điều hãn hữu, chứ không phải là một qui tắc; mà lòng vị kỷ của con người lại là một động lực quan trọng hơn tình yêu đối với Thượng Đế; mà quyền lợi nhỏ hẹp, phe nhóm được coi trọng hơn quyền lợi của cả nhân loại, mà người ta thích những sự chiếm hữu vật chất và thú vui nhục dục hơn hạnh phúc xã hội và tinh thần của toàn thể loài người. Do đó, xảy ra những sự tranh giành và xung đột hung ác, sự áp bức và chuyên chế, sự giàu sang cực độ và nghèo hèn cùng tột; đó là tất cả những điều kiện dung dưỡng tật bệnh thể xác và linh hồn. Hậu quả là toàn thể cây nhân loại bị ốm yếu và mỗi lá trên cây đó phải nhận chịu cái đau chung. Ngay đến những người trong sạch nhất, thánh khiết nhất cũng chịu đau khổ vì tội lỗi của kẻ khác. Sự chữa bệnh là cần thiết. Phải chữa trị loài người, từng cá nhân và tập thể...

Vì thế, Đức Baha'u'llah, y như các Đấng tiên nhiệm linh ứng của Ngài, chẳng những chỉ dạy cách giữ gìn sức khỏe, mà còn chỉ dẫn cách phục hồi sức khỏe nữa. Ngài đã xuất hiện như một Đấng Đại Lương y, Đấng Chữa trị mọi tật bệnh cho thế giới, bệnh thể xác cũng như bệnh tinh thần.

CHỮA BỆNH BẰNG CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬT CHẤT

Trong thế giới Tây phương hiện nay, người ta lại thấy sự tin tưởng vào tính cách hiệu nghiệm của các phương tiện chữa bệnh bằng tinh thần và tâm trí. Thực ra, nhiều người bất mãn với các lý thuyết duy vật về bệnh tật và cách điều trị đặc dụng trong thế kỷ thứ 19, nên đã đi đến chỗ cực đoan trái ngược, là từ chối hoàn toàn ích lợi của thuốc men vật chất và phương pháp vệ sinh. Đức Baha'u'llah công nhận giá trị thuốc men vật chất cũng như giá trị thuốc men tinh thần. Ngài dạy rằng khoa học và nghệ thuật chữa bệnh phải được song song phát triển, khuyến khích, cải thiện để tất cả các phương tiện chống bệnh tật, mỗi phương tiện trong giới hạn riêng của nó, có thể được sử dụng hoàn hảo. Khi những người trong gia đình Đức Baha'u'llah đau ốm, người ta nhờ đến y sĩ chuyên nghiệp, và các môn đệ cũng được khuyến khích làm như thế. Đức Baha'u'llah dạy: “Nếu các người đau yếu, hãy nhờ đến các y sĩ tài giỏi.”

-Kinh Kitab-i-Aqdas-

Điểm này hoàn toàn phù hợp với giáo huấn Baha'i về khoa học và nghệ thuật nói chung. Toàn thể các khoa học và nghệ thuật phụng sự nhân loại, dù là trên phương diện vật chất, cũng phải được quý trọng và khuyến khích. Nhờ khoa học mà con người trở nên chủ nhân của vạn vật; còn vì dốt nát con người phải làm nô lệ cho chúng.

Đức Baha'u'llah viết:

“Đừng khinh thường cách điều trị bằng thuốc men khi thấy thuốc men là cần thiết, nhưng lại phải bỏ nó đi khi sức khỏe đã bình phục. Chữa bệnh bằng cách ăn kiêng thì tốt hơn, giảm bớt việc dùng thuốc men, và nếu thấy chỉ một nắm cỏ cũng đủ thì đừng dùng thuốc bào chế tổng hợp. Đừng dùng thuốc khi khỏe mạnh, mà chỉ dùng khi nào cần.”

-Kinh gửi cho một y sĩ-

Trong một Kinh bản khác, Đức Abdul-Baha dạy:

“Hỡi kẻ đi tìm chân lý! Có hai cách chữa bệnh: phương tiện vật chất và phương tiện tinh thần. Cách thứ nhất là dùng thuốc. Cách thứ hai là cầu nguyện Thượng Đế, và hướng về Ngài. Cả hai cách này đều phải dùng và thực hành... Hơn nữa, hai cách đó không phải là trái nhau, và phải coi thuốc men vật chất như một ân sủng, một đặc ân nhờ Thượng Đế mà có. Thượng Đế là Đấng đã mặc khải và bày tỏ rõ rệt tri thức về thuốc men, để các nô bộc của Ngài được nhờ vào cách thức điều trị đó.”

-Kinh bản của Abdul-Baha, Quyển III, trang 587-

Ngài dạy rằng nếu các bản năng và các giác quan tự nhiên của ta không bị cách sống điên khùng và phản thiên nhiên làm suy giảm, thì chúng có thể trở nên những hướng đạo viên chắc chắn trong việc lựa chọn các cách ăn uống thích hợp và các loại cỏ, trái cây làm thuốc, cùng nhiều thứ thuốc khác, như trường hợp các giống thú hoang. Trong buổi nói chuyện hào hứng về phép chữa bệnh ghi trong sách “Một số câu hỏi đã được giải đáp” (trang 296), Ngài kết luận:

“Nhu vậy chúng tỏ rằng có thể chữa bệnh bằng lương thực, thực phẩm và trái cây; nhưng vì hiện nay y học chưa được hoàn hảo nên chưa nhận thấy đầy đủ các khả năng đó. Khi nào đạt tới mức hoàn hảo thì y học sẽ chữa bệnh bằng lương thực, thực phẩm, trái cây và rau cỏ thơm ngon và bằng các loại nước khác nhau, lạnh hay nóng tùy nhiệt độ.”

Dù các phương tiện chữa bệnh là vật chất thì quyền năng làm khỏi bệnh vẫn nhất thiết là thiêng liêng vì các tính chất của cỏ cây hay khoáng chất đều do ân huệ Thượng Đế mà có. “Mọi sự đều tùy thuộc Thượng Đế.” Y thuật chỉ là hình thức hay phương tiện bên ngoài qua đó chúng ta nhận được sự điều trị thiêng liêng.

CHỮA BỆNH BẰNG NHỮNG PHƯƠNG TIỆN KHÔNG PHẢI VẬT CHẤT

Đức Baha’u’llah dạy rằng, có nhiều cách chữa bệnh không cần phương tiện vật chất. Sức khỏe cũng hay lây như bệnh tật, tuy sức khỏe rất chậm lây và ít hiệu quả, còn bệnh tật thường hay lây một cách dữ dội và nhanh chóng.

Do trạng thái tinh thần của bệnh nhân mà sinh ra những hiệu lực mạnh mẽ, và “sự ám thị” đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định trạng thái đó. Sự hãi, tức giận, lo âu v.v... rất hại đến sức khỏe, trái lại hy vọng, thương yêu, vui sướng v.v... thì có lợi cho sức khỏe.

Đức Baha’u’llah dạy:

“Thực thế, điều cần nhất là sự hài lòng trong mọi trường hợp. Điều đó phòng ngừa khỏi bệnh trạng và khỏi uể oải chán nản. Đừng buồn rầu và phiền muộn: nó phát sinh ra những nỗi đau khổ lớn nhất; ghen tị tiêu hủy thân thể và giận dữ đốt cháy gan; hãy tránh những tình cảm đó như tránh một con sư tử.”

-Kính bản gửi cho một y sĩ-

Và Đức Abdul-Baha dạy:

“Sự vui sướng chấp cánh cho ta. Khi ta vui mừng sức khỏe ta mạnh mẽ hơn, và óc thông minh của ta lanh lợi hơn... Nhưng khi buồn rầu xâm chiếm tâm hồn thì sức khỏe rời bỏ ta.”

-Sự khôn ngoan của Đức Abdul-Baha, trang 100-

Về một hình thức chữa bệnh tinh thần khác, Đức Abdul-Baha viết rằng, hình thức đó thực hiện bằng:

“... sự tập trung trọn vẹn tinh thần của một người mạnh vào bệnh nhân; trong khi bệnh nhân trông đợi với tất cả lòng nhiệt thành tin tưởng ở sự chữa bệnh do năng lực tinh thần của người mạnh, thì giữa người mạnh và kẻ ốm có liên cảm với nhau. Người mạnh cố hết sức tìm cách chữa cho bệnh nhân. Bệnh nhân thì tin tưởng vào kết quả của sự chữa lành. Cảm giác tinh thần tác dụng đến thần kinh và kích thích nó; cảm giác và kích thích đó là nguồn gốc chữa lành cho người bệnh.”

-Một số câu hỏi được trả lời, trang 294-

Tuy nhiên, những phương pháp chữa bệnh đó không phải là hiệu nghiệm luôn, có thể không kết quả trong trường hợp những bệnh nặng.

QUYỀN NĂNG CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Phương tiện hiệu nghiệm nhất trong các phương tiện chữa bệnh là quyền năng của Đức Thánh Linh.

“Điều này không phụ thuộc sự đụng chạm, trông nhìn, hiện diện... Dù bệnh nhẹ hay nặng, dù người ta gần gũi nhau hay không, dù bệnh nhân và y sĩ có đích thân tiếp xúc với nhau hay không, thì sự chữa bệnh vẫn diễn ra nhờ quyền lực của Đức Thánh linh.”

Một số câu hỏi được trả lời, trang 295

Trong một cuộc đàm đạo với cô Ethel Rosenberg, hồi tháng 10 năm 1904, Đức Abdul-Baha dạy:

“Chữa bệnh nhờ quyền lực của Đức Thánh linh không cần đến sự tập trung, đụng chạm đặc biệt nào. Lối chữa bệnh đó được thực hiện bằng sự ước nguyện, lòng sở vọng và lời cầu xin của vị thánh nhân. Người bệnh có thể ở phương Đông và người chữa bệnh có thể ở phương Tây, cả hai có thể chưa bao giờ gặp nhau, nhưng ngay lúc mà vị thánh nhân hướng tâm về phía Thượng Đế và bắt đầu cầu nguyện, thì bệnh nhân được khỏi tức khắc. Một ân tứ như vậy chỉ thuộc về những Đáng Biểu hiện Thánh thiện và những vị ở cương vị cao nhất.”

Có lẽ những sự chữa bệnh thực hiện do Đức Chúa và các tông đồ của Ngài ở trong loại ấy; những sự chữa bệnh tương tự cũng được qui cho các thánh nhân mọi thời. Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha, cả hai đều có ân tứ đó, và khả năng tương tự cũng được hứa hẹn cho các môn đồ trung thành của Ngài.

THÁI ĐỘ CỦA BỆNH NHÂN

Để cho năng lực chữa bệnh tinh thần được hiệu quả trọn vẹn, bệnh nhân và bạn hữu của họ, người chữa bệnh cùng cả cộng đồng, phải tuân giữ một số điều kiện.

Điều kiện đầu tiên mà bệnh nhân phải theo, là hướng về Thượng Đế, tin tưởng rằng quyền lực và ý chí của Người sẽ thực hiện điều gì tốt nhất. Tháng 8 năm 1912, Đức Abdul-Baha phán cùng một nữ tín đồ người Mỹ:

“Mọi đau đớn đó sẽ qua và người sẽ phục hồi hoàn toàn sức khỏe thể xác cùng tinh thần. Tâm người hãy giữ vững lòng tin và yên trí rằng, nhờ sự từ bi của Đức Baha’u’llah và ân huệ của Ngài, mọi việc sẽ trở nên tốt đẹp đối với người... Nhưng người phải hết sức tập trung tinh thần, hướng hẳn về phía Vương quốc Abha (Đấng Toàn vinh) như Mary Magdalene đã làm đối với Đức Chúa và Ta cam đoan rằng người sẽ có sức khỏe thể xác và sức khỏe tinh thần. Người thật xứng đáng, Ta báo cho người tin mừng rằng người thật xứng đáng vì tâm hồn người trong trắng... Hãy tin tưởng! Hãy sung sướng! Hãy hoan hỉ! Hãy hy vọng!”

...Tuy trong trường hợp đặc biệt này Đức Abdul-Baha đã đảm bảo sự phục hồi sức khỏe thể chất, nhưng không phải trong trường hợp nào Ngài cũng làm như vậy, dù lòng tin tưởng bệnh nhân thật mãnh liệt. Với một người hành hương ở Akka, Ngài dạy:

“Những kinh cầu nguyện được ghi chép để chữa bệnh là nhằm chữa cả bệnh vật chất lẫn bệnh tinh thần. Nếu khỏi bệnh là lợi ích tốt nhất cho bệnh nhân, thì chắc chắn họ sẽ được ban cho lợi ích đó. Đối với một số bệnh nhân, sự chữa khỏi chỉ làm sự thuận lợi cho những điều tệ hại phát sinh. Do đó Đấng Thượng Trí không chấp nhận một số lời cầu nguyện.

“Hỡi Nữ nô bộc của Thượng Đế! Uy quyền của Đức Thánh linh chữa khỏi các bệnh thể xác và tinh thần.”

-Những bài học hằng ngày ở Akka, trang 95-

Ngài cũng viết cho một bệnh nhân:

“Quả thật, ý chí của Thượng Đế đôi khi tác động theo một hướng mà nhân loại không thể hiểu được nguyên do. Lý do và nguyên do sẽ hiện ra sau. Hãy tin tưởng Thượng Đế, phó thác mình cho Ngài và phục tùng Ý chí của Ngài. Quả thật Đấng Thượng Đế của người là Đấng hay thương yêu, từ mẫn và quảng đại... và Ngài sẽ ban ân sủng của Ngài cho người”

-Ngôi sao Tây phương, quyển VIII, trang 232-

Đức Abdul-Baha dạy rằng sức khỏe tinh thần rất lợi cho sức khỏe thể xác, nhưng sức khỏe thể xác tùy thuộc nhiều yếu tố mà một số ở ngoài phạm vi kiểm

soát của con người. Cho nên dù con người có một thái độ tinh thần gương mẫu nhất, thì thái độ đó cũng không thể luôn luôn đảm bảo sức khỏe thể xác cho họ được. Các ông, các bà thánh thiện nhất cũng đôi khi ốm đau.

Hơn nữa, ảnh hưởng tốt đẹp của một thái độ tâm linh chính trực đối với sức khỏe thể xác mạnh mẽ hơn người ta tưởng, và trong nhiều trường hợp có thể loại trừ bệnh tật. Đức Abdul-Baha viết cho một nữ tín đồ người Anh:

“Người đã viết cho Ta về sự suy yếu thân thể của người. Ta thỉnh cầu lòng đại lượng của Đức Baha’u’llah cho tinh thần người được mạnh và nhờ sức mạnh tinh thần đó thân thể người được hồi phục.”

Ngài còn dạy:

“Thượng Đế đã ban cho con người nhiều năng lực huyền diệu như vậy, là để cho họ có thể luôn luôn hướng lên trời và tiếp nhận sự chữa bệnh và những ơn huệ khác do lượng Từ bi của Thượng Đế ban cho. Nhưng tiếc thay! Con người không biết tạ ơn về điều thiện tối cao đó, họ miên man trong giấc ngủ hững hờ, quay mặt khỏi phía Ánh sáng, tiếp tục con đường của họ trong tối tăm, không quan tâm đến ân huệ lớn lao mà Thượng Đế đã ban cho họ”.

-Sự khôn ngoan của Đức Abdul-Baha, trang 16-

ĐẮNG CHỮA BỆNH

Mọi người, nhiều hay ít, đều có khả năng chữa bệnh tinh thần, nhưng cũng như chỉ có một số người được phú bẩm tài năng hiếm có về toán học hay âm nhạc, thì chỉ có một số khác được ban cho năng lực đặc biệt để chữa bệnh. Những người này phải sử dụng nghệ thuật chữa bệnh làm sự nghiệp của đời họ. Không may, những thế kỷ gần đây, thế giới trở nên duy vật đến nỗi phần lớn khả năng chữa bệnh bằng tinh thần đã biến mất. Cũng như những tài năng khác, ân tứ chữa bệnh phải được nhận thức, vun trồng, phát triển để đạt đến sự kỳ diệu của nó. Có lẽ hiện thời trên thế giới hàng ngàn người có khả năng phú bẩm để chữa bệnh, hiện còn tiềm tàng và bất động trong người họ. Khi những tiềm lực điều trị tâm trí và tinh thần được người đời hiểu rõ hơn, thì nghệ thuật chữa bệnh sẽ được biến cải và đề cao, và sự hiệu nghiệm của cách chữa bệnh sẽ được tăng thêm bội phần. Khi sự hiểu biết và năng lực mới của người chữa bệnh phối hợp với hi vọng và sự tin tưởng mãnh liệt của bệnh nhân, thì sẽ thu được những kết quả kỳ diệu.

“Ta phải tin ở Thượng Đế. Không có Đấng Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Chữa bệnh, Đấng Thông biết, Đấng Bảo hộ...”

“Hỡi y sĩ! Khi chữa bệnh, hãy bắt đầu hô Danh Đấng Thượng Đế của người, Đấng làm chủ Ngày Phán xét, rồi hãy sử dụng cái gì mà Thượng Đế đã chỉ định dùng vào việc chữa bệnh cho tạo vật của Ngài. Nhân danh Sanh mạng Ta! Y sĩ

khi đã uống rượu yêu thương của Ta, thì thăm bệnh đã là chữa bệnh rồi, hơi thở của người ấy là nhân tử và hi vọng. Hãy theo gương Người làm việc cho sức khỏe của nhân loại, Người được Thượng Đế nâng đỡ trong sự nghiệp của mình.

“Sự thông hiểu đó (về nghệ thuật chữa bệnh) là một khoa học quan trọng nhất trong mọi khoa học, vì đó là phương tiện lớn nhất do Thượng Đế ban - Đấng đã ban sự sống cho cát bụi - để phòng giữ thể xác mọi người, và Ngài đã đặt nghệ thuật đó đứng đầu mọi khoa học và mọi thứ khôn sáng. Vì rồi đây, sẽ đến ngày các người phải đứng lên vì sự chiến thắng của Ta.

“Lạy Thượng Đế của con! Danh Ngài là sự chữa bệnh cho con, sự tưởng nhớ đến Ngài là liều thuốc của con. Tiến tới gần Ngài là niềm hi vọng của con, sự kính mến Ngài là bạn đường của con. Lòng từ bi của Ngài là sinh lực của con và là nơi nương tựa của con trong thế giới này và thế giới sắp đến. Quả thật, Ngài là Đấng Đại từ Đại bi, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn giác.”

-Đức Baha'u'llah, Kinh Chữa bệnh-

Đức Abdul-Baha viết:

“Kẻ nào kính yêu Thượng Đế trọn vẹn và thoát được mọi thế sự, thì do môi họ người ta sẽ được nghe lời phán của Đức Thánh linh, và linh của sự sống sẽ ngập tràn lòng họ... Lời nói phát ra ở miệng họ giống như hạt trai quý báu, và khi họ đặt tay lên, thì mọi tật bệnh, mọi sự khó chịu đều được chữa khỏi.”

-Ngôi sao của Tây phương, Quyển III, trang 233-

“Hỡi kẻ trong sạch và được ơn tâm linh! Hãy hướng về Thượng Đế với tâm hồn kính yêu Ngài, tận tụy và ca ngợi Ngài, chăm chú nhìn về Vương quốc của Ngài và tìm sự giúp đỡ của Thánh linh Ngài trong trạng thái hoan lạc, say sưa, yêu thương, ước vọng, vui sướng và đầy cảm khoái thơm tho. Thượng Đế sẽ giúp người với hơi thở sự hiện diện của Ngài, và sẽ ban cho người năng lực chữa được đau khổ và bệnh tật.

“Hãy tiếp tục làm cho các tâm hồn và thể xác bớt đau, cố gắng cứu chữa người bệnh bằng cách hướng về Vương quốc Tối cao và để cả tâm hồn người vào việc chữa bệnh, nhờ quyền năng của Tối Đại Danh và tinh thần yêu thương của Thượng Đế.”

-Kinh bản của Đức Abdul-Baha, quyển III, trang 628- 629

LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỌI NGƯỜI ĐỀU ĐƯỢC GIÚP ĐỠ

Tuy nhiên, việc chữa bệnh không những chỉ liên quan đến bệnh nhân và người chữa bệnh, mà liên quan đến mọi người. Ai nấy đều phải giúp vào việc loại trừ bệnh tật bằng thiện cảm và tận tâm, bằng cuộc sống chân chính với tư tưởng lành mạnh và nhất là bằng sự cầu nguyện, vì cầu nguyện là phương thuốc hiệu

nghiệm nhất trong mọi thứ thuốc. Đức Abdul-Baha dạy: “Sự nài xin và cầu nguyện cho kẻ khác chắc chắn mang lại kết quả.” Bạn hữu của bệnh nhân có trách nhiệm đặc biệt vì ảnh hưởng của họ, tốt hay xấu, là trực tiếp và quan hệ nhất đối với bệnh nhân. Vì biết bao kẻ đau đớn tuyệt vọng được lành, há chẳng phải trước hết nhờ sự chăm nom săn sóc của cha mẹ, bạn hữu và người lân cận hay sao?

Mọi người trong cộng đồng đều ảnh hưởng đến bất cứ một trường hợp ốm đau nào. Riêng từng cá nhân thì ảnh hưởng đó có thể không hiện ra một cách rõ rệt, nhưng với toàn thể, thì hậu quả đó rất mãnh liệt. Mỗi người đều bị kích động bởi “bầu không khí”, hoàn cảnh xã hội nơi mình ở, do sự thịnh hành của đức tin hay vô tín, của đức hạnh hay thói xấu, của sự ủ rũ hay vui tươi; và mỗi cá nhân có phần đóng góp của mình trong tình trạng “của bầu không khí” xã hội đó. Trong hiện tình thế giới, có lẽ mọi người không thể có được một sức khỏe hoàn toàn, nhưng mỗi người có thể trở thành “con kinh ý chí”, để quyền năng tạo sức khỏe của Đức Thánh linh tuôn đổ xuống, và như vậy là gây ảnh hưởng tốt cho chính cơ thể mình và cho cả mọi người xung quanh.

Ít bốn phận nào được nhấn mạnh và lặp lại trong tâm trí người Baha’i bằng bốn phận chữa bệnh cho người đau ốm, và có biết bao kinh cầu nguyện tốt đẹp đã được Đức Baha’u’llah và Đức Abdul-Baha mặc khải để chữa bệnh.

THỜI ĐẠI HOÀNG KIM

Đức Baha’u’llah đoán chắc rằng nhờ sự cộng tác hòa hợp giữa bệnh nhân, người chữa bệnh và cộng đồng nói chung, và nhờ sử dụng thích đáng các phương tiện khác nhau về vật chất, trí tuệ và tinh thần để chữa bệnh, mà Thời đại Hoàng kim sẽ thực hiện, khi bởi quyền lực của Thượng Đế “mọi nỗi đau khổ biến thành niềm vui và mọi tật bệnh thành sức khỏe.” Đức Abdul-Baha dạy rằng: “Khi Sứ điệp thiêng liêng được người đời hiểu biết, thì mọi bệnh tật sẽ biến đi”. Ngài còn dạy:

“Khi thế giới vật chất và thế giới tâm linh mật thiết ràng buộc với nhau, khi tâm hồn con người trở nên thánh thiện, và ước vọng của họ trở nên trong sạch, thì lúc đó mới có sự liên lạc trọn vẹn được. Lúc bấy giờ quyền lực đó sẽ biểu hiện đầy đủ. Tật bệnh thể xác và tinh thần sẽ được hoàn toàn chữa lành.”

-Kinh bản của Abdul-Baha, quyển II, trang 319-

SỬ DỤNG THÍCH ĐÁNG SỨC KHỎE

Để kết thúc chương này, ta cần nhắc lại các giáo huấn của Đức Abdul-Baha về việc sử dụng thích đáng sức khỏe thể xác. Ở một trong những Kinh bản gửi cho tín đồ Baha’i ở Hoa Thịnh Đốn, Ngài viết:

“Nếu sức khỏe và sự an lạc thể xác được sử dụng trên Đường của Thiên quốc, thì điều đó đáng được chấp nhận và ngợi khen; nếu dùng sức khỏe để mang lại lợi ích cho nhân loại nói chung, dù là lợi ích vật chất (hay thuộc thể xác), miễn là dùng làm phương tiện vi thiện, thì cũng đáng ngợi khen vậy. Nhưng nếu sức khỏe và sự an toàn của người đời lại đem cung phụng cho những ham muốn nhục dục trong một cuộc sống ngang với loài thú hoặc để theo đuổi những thú vui đồi trụy, thì thà có bệnh còn tốt hơn; hơn nữa, thà chết còn hơn sống một cuộc đời như vậy. Nếu người muốn có sức khỏe thì nên ước mong được sức khỏe để phụng sự Thiên quốc. Kỳ vọng của Ta là người sẽ đạt đến một sự hiểu biết sâu nhiệm và trọn vẹn, một sự quyết tâm không gì lay chuyển, một sức khỏe vẹn toàn, một sức mạnh thuộc thể và thuộc linh, để người có thể uống nước ở nơi mạch sự sống vĩnh viễn, và được phù trợ bởi linh của sự bỏ sức thiêng liêng.”

CHƯƠNG VIII: THỐNG NHẤT TÔN GIÁO

“Hỡi nhân dân thế giới. Nét đặc trưng của Biểu hiện Tối thượng này là sự xóa bỏ khỏi Thánh kinh bất cứ cái gì là nguyên do của sự phân tranh, sự đòi bại, và sự bất hòa, và ghi lại điều gì đưa đến thống nhất, hòa hiệp và thuận hảo. Hạnh phúc thay cho kẻ nào xử sự theo phương hướng ấy!”

-Đức Baha'u'llah, Kinh bản về thế giới-

ÓC GIÁO PHÁI Ở THẾ KỶ XIX

Có lẽ chưa bao giờ thế giới lại quá xa tính cách đơn nhất của tôn giáo bằng thế kỷ thứ 19: từ bao thế kỷ những cộng đồng tôn giáo lớn - Bái Hòa giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo và những tôn giáo khác - tồn tại cạnh nhau, nhưng thay vì hợp lại thành một toàn thể hòa hợp, các tôn giáo ấy lại luôn luôn ở trong tình trạng thù nghịch và xung đột, cạnh tranh nhau. Hơn nữa, mỗi tôn giáo lại chia làm nhiều giáo phái - mỗi lúc mỗi tăng, thường đả kích lẫn nhau thậm tệ. Trái lại, Đức Chúa đã phán: “Bởi điều này người đời sẽ biết rằng các ngươi là môn đệ của Ta: Ấy là các ngươi thương yêu lẫn nhau”, và Đức Muhammad đã dạy: “Tôn giáo này, tôn giáo của các ngươi, là tôn giáo chân chính... Thượng Đế đã chỉ định cho ngươi đức tin mà Ngài đã chỉ định cho Nô-ê; đức tin mà Chúng Ta đã mặc khải cho các ngươi, đức tin đó cũng đã qui định cho Đức Abraham, Đức Moses và Đức Chúa bằng lời này: “Hãy tuân theo đức tin này và đừng tự chia thành giáo phái”. Đấng Sáng lập của mỗi tôn giáo lớn đều thiết tha kêu gọi môn đệ của mình đến với tình yêu và sự thống nhất, nhưng mục tiêu của Đấng Sáng lập luôn luôn bị lãng quên hoàn toàn, bị chìm đắm trong nơi ô trọc, tức là sự cố chấp, cuồng tín, chuộng hình thức và đạo đức giả, sự đòi bại và giải thích nguy tạo, sự ly giáo và cãi cọ lẫn nhau. Số các giáo phái thù hằn nhau có lẽ hồi đầu kỷ nguyên còn nhiều hơn thời đại nào khác trong lịch sử. Nhân loại hình như muốn thí nghiệm mọi tín ngưỡng, mọi hình thức nghi lễ và cầu cúng với mọi biến dạng của đạo đức.

Nhưng, cùng lúc, luôn luôn có một số người ngày càng tăng, tận tụy đem hết năng lực hiến cho công cuộc tìm hiểu dũng cảm và khảo sát có phê phán các qui luật thiên nhiên cùng những qui luật căn bản của đức tin. Một tri thức khoa học mới phát triển nhanh chóng, những giải pháp mới được tìm ra cho bao nhiêu vấn đề của cuộc sống. Việc khuếch trương các phát minh như tàu thủy, tàu hỏa, hệ thống bu điện, báo chí, góp phần rất lớn vào công cuộc truyền bá tư tưởng và tạo nên sự tiếp xúc bổ ích của những cách suy luận và sinh tồn khác nhau.

Cái gọi là “sự xung đột giữa các tôn giáo và khoa học”, trở thành một cuộc kịch chiến. Trong giới Thiên chúa giáo, lời bình phẩm Thánh kinh phối hợp với vật lý học để tranh biện, và trong mức độ nào đó, đã bài bác thẩm quyền của Thánh kinh - một thẩm quyền làm nền tảng chắc chắn cho đức tin hàng bao thế kỷ qua. Với tỷ lệ luôn luôn tăng lên, dân chúng trở thành hoài nghi các giáo huấn của Hội

thánh. Cả đến một số linh mục đã ngấm ngấm hay công nhiên nghi ngờ những giáo huấn đó, hoặc ít nhất cũng tỏ ra dè dặt đối với tín ngưỡng trong các giáo phái của họ. Sự dao động và các trào lưu dư luận đó làm cho các tín điều và các cựu truyền chính thống bị xem như là không thích hợp và người ta lại khổ công đi tìm một tri thức và nhận thức vẹn toàn hơn. Những điều nhận xét này không phải là đặc điểm chỉ có trong những xứ theo Thiên chúa giáo, những điều đó cũng biểu lộ không nhiều thì ít, dưới những hình thức khác nhau, trong nhân dân khắp mọi xứ và thuộc mọi tôn giáo.

SỨ ĐIỆP CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH

Trong lúc tình trạng xung đột và hỗn độn lên đến cực độ thì Đức Baha'u'llah làm vang dậy bên tai nhân loại tiếng kèn thiêng liêng: “Ước mong mọi quốc gia hợp nhất trong đức tin và mọi người trở thành anh em; ước mong những mối liên hệ thân hữu và hiệp nhất giữa con cái loài người thắt chặt lại; ước mong sự bất đồng về tôn giáo chấm dứt, và những sai biệt về giống nòi tiêu mất đi... Những sự cạnh tranh, sự tàn sát và những mối bất hòa đó phải dứt và mọi người phải coi nhau như cùng một nòi giống và cùng một gia đình.”

- Những lời nói với giáo sư Browne-

Đó là một Sứ điệp vinh quang, nhưng làm thế nào thực hành những đề nghị đó được? Các Đấng Tiên tri đã rao truyền nó, các thi sĩ đã ca ngợi, các thánh nhân đã cầu nguyện cho nó thực hiện, và như thế đã hàng nghìn năm nay, mà những sự bất đồng giữa các tôn giáo vẫn không dứt; những sự bất hòa, tàn sát và tương tranh vẫn không thể bài trừ. Có gì chứng tỏ rằng lần này phép lạ sẽ ứng nghiệm? Có những yếu tố mới nào trong tình hình này? Bản chất nhân loại ngày nay há không phải vẫn là bản chất nhân loại muôn thuở, và khi nào thế giới còn tồn tại thì nhân loại há không vẫn là nhân loại đó hay sao? Nếu hai người như hai nước cùng khao khát một vật như nhau thì họ há không đánh nhau như khi xưa để tranh giành vật ấy hay sao? Nếu Đức Moses, Đức Phật, Đức Chúa và Đức Muhammad không hoàn tất việc thống nhất thế giới, thì liệu Đức Baha'u'llah có thành công được không? Nếu những tín ngưỡng trước đây bị suy đồi và phân tán làm nhiều giáo phái, thì tôn giáo Baha'i há không cùng chung số phận đó hay sao? Chúng ta hãy xem giáo huấn Baha'i giải đáp thế nào cho những câu hỏi đó và những câu hỏi tương tự.

NHÂN LOẠI CÓ THỂ BIẾN CẢI ĐƯỢC KHÔNG?

Giáo dục và tôn giáo, cả hai đều căn cứ vào niềm tin là có thể biến cải nhân loại được. Thật ra, ta cũng có thể chứng minh dễ dàng một điều chắc chắn là: mọi sinh vật không thể không biến cải. Nếu không biến đổi thì không thể có sự sống. Loại khoáng vật tự nó cũng phải trải qua những sự biến canh, và càng đi sâu vào các đẳng cấp cao hơn trong tạo vật, ta càng thấy những sự biến đổi trở nên đa

dạng, phức tạp và huyền diệu hơn. Hơn nữa, trong sự tiến bộ và phát triển của tạo vật thuộc mọi loài, chúng ta nhận thấy có hai loại biến dịch: một loại biến dịch chậm chạp, từ từ, thường không thể nhận thấy được; một loại biến dịch khác mau chóng, đột ngột, bi tráng. Loại biến dịch sau này diễn ra ở những giai đoạn gọi là “giai đoạn bộc phát” của sự phát triển. Đối với khoáng vật ta có thể nhận thấy những giai đoạn bộc phát đó ở các điểm nóng chảy và sôi trào, tỉ dụ như khi chất rắn chuyển qua thể lỏng hay chất lỏng biến thành hơi. Trong loài thảo mộc, những giai đoạn bộc phát diễn ra khi sự nảy mầm bắt đầu, hay khi búp chuyển thành lá. Trong loài động vật, ta thấy hiện tượng đó ở nhiều trường hợp: lúc con ngài biến thành con bướm, lúc gà chui ra khỏi vỏ, lúc đứa bé ra đời. Trong đời sống thuộc linh cao hơn, ta cũng thấy một sự biến đổi tương tự, khi con người được “sinh lại” và khi toàn thân vị họ được thay đổi hẳn cả trong mục đích, hành động lẫn cá tính. Thường thì những giai đoạn bộc phát ấy xảy ra cho cả một chủng loại hay đồng thời toàn thể các chủng loại, như ở giống thảo mộc thỉnh linh nảy ra một cuộc sống mới về mùa xuân.

Đức Baha'u'llah tuyên bố rằng, giống như các sinh vật hạ đẳng bất thần được sinh vào một cuộc sống mới và trọn vẹn hơn, nhân loại rồi đây cũng sẽ trải qua một “giai đoạn bộc phát”, một “cuộc tái sinh”. Lúc đó, những lẽ lối sống, tồn tại từ buổi hừng đông của lịch sử đến nay, sẽ biến cải một cách nhanh chóng, không thể đảo ngược, và nhân loại sẽ bước vào một giai đoạn mới của cuộc sống, khác hẳn nếp sống xưa, cũng như bướm khác lột con sâu, như chim khác với trứng của nó. Toàn thể nhân loại, lúc được ánh sáng Mặt khải mới chiếu tới, sẽ nhận được một sự hiện thấy mới về chân lý, cũng như khi một vùng nào được ánh sáng mặt trời chiếu đến, thì tất cả nhân dân vùng ấy sẽ trông rõ, còn trước đó một giờ, thì mọi vật đều tối tăm mờ mịt. Đức Abdul-Baha báo tin: “Đây là chu kỳ mới của năng lực con người. Mọi chân trời của địa cầu đều sáng tỏ và thế giới thật sự sẽ trở nên như một vườn hồng, một thiên đàng”. Những sự tương tự trong cõi thiên nhiên chứng thực cho một quan niệm như vậy. Các Đấng Tiên tri thuở xưa đều nhất loạt tiên báo sự xuất hiện ngày vinh quang đó; những dấu hiệu thời đại chỉ rõ rằng những sự biến đổi sâu xa, hoàn toàn, đương kế tiếp xảy ra lúc này một cách mau lẹ, cả đến trong tư tưởng loài người và những cơ cấu xã hội. Vậy thì còn có gì vô vị và vô căn cứ cho bằng lý luận yếm thế cả quyết rằng nhân loại không thể biến cải được, mà trong khi đó thì mọi vật đều biến cải xung quanh nhân loại?

NHỮNG BƯỚC ĐẦU TIÊN ĐẾN SỰ THỐNG NHẤT

Đức Baha'u'llah khuyên phải có lòng từ bi cao cả và lượng khoan dung rộng lớn, coi như là những phương tiện để thiết lập sự thống nhất tôn giáo, và khiến môn đệ của Ngài “hãy giao tiếp với tín đồ của mọi tôn giáo trong sự hớn hở và vui mừng”. Trong Chúc thư và Giao ước của Ngài, Ngài viết:

“Những cuộc cãi lầy, xung đột đều bị nghiêm cấm trong Thánh kinh (Kitab-i-Aqdas) của Ngài, đó là Giới răn của Đấng Chúa trong Mặt khải Tối thượng này

- một Giới răn mà Ngài đã bảo đảm không hề bị hủy, và long trọng hóa nó bởi sự chứng thực của Ngài.

“Hỡi các dân tộc trên thế giới! Tôn giáo của Thượng Đế nhắm vào mục đích yêu thương và đoàn kết, đừng làm cho mục đích đó trở thành mối thù hiềm và xung đột... Ta tha thiết ước ao, con dân Baha luôn luôn hướng về Lời Nói Thiêng Liêng này: “Hãy xem và biết rằng mọi vật do Thượng Đế mà ra.”- Lời Nói tối vinh hiển đó, giống như trận mưa rào, làm tắt ngọn lửa oán thù và căm hờn đang âm ỷ cháy trong tim và trong lồng ngực con người. Nhờ Lời duy nhất này mà các giáo phái trên thế giới đạt đến ánh quang vinh của sự đoàn kết thật sự. Quả thật, điều gì Ngài phán đều là chân chính, và chính Ngài là Đấng Dẫn dắt đến Đạo lộ, Ngài là Đấng Toàn năng, Đấng Toàn thiện, Đấng Tận mỹ.”

Đức Abdul-Baha dạy:

“Tất cả phải vứt bỏ thành kiến và phải đi đến các nhà thờ của nhau, vì ở mỗi nơi thờ phượng đó, người ta đều xưng danh Đấng Toàn năng. Khi mà mọi người họp lại để thờ phượng Thượng Đế, thì sự biệt dị còn có nghĩa gì? Có ai thờ quỷ Satan đâu. Người Hồi giáo phải đi đến nhà thờ của người Thiên chúa, của người Do Thái, và ngược lại, những người kia cũng cần đến giáo đường của người Hồi giáo. Họ đành chịu cách xa nhau chỉ vì thành kiến và giáo điều sao? Ở bên Mỹ, Ta đến nhà thờ của người Do Thái cũng tương tự như nhà thờ Thiên Chúa giáo, và ở đâu Ta cũng thấy người ta thờ phụng Thượng Đế. Ở phần lớn những nơi này, Ta nói với họ về nền tảng uyên nguyên của các tôn giáo thiêng liêng và Ta đã giải thích cho họ những chứng cứ về giá trị của các Đấng Tiên tri và các Đấng Biểu hiện Thánh thiện. Ta đã khuyến khích họ từ bỏ mọi sự bất chước mù quáng. Như vậy, tất cả các nhà lãnh đạo tôn giáo phải đi nhà thờ của nhau, và đàm đạo về nền tảng, về nguyên tắc căn bản của các tôn giáo thiêng liêng. Trong sự thống nhất và hòa hợp trọn vẹn, họ phải thờ phượng Thượng Đế ở những nơi thờ phượng của nhau và bỏ đi sự cuồng tín.”

Ngôi sao Tây phương, quyển 9, số 3, trang 37

Chỉ cần những bước đầu tiên được thực hành, khiến tình bằng hữu và sự tương nhượng được thiết lập giữa các giáo phái, thì trên thế giới sẽ có một cuộc biến cải huyền diệu đến mức nào? Tuy nhiên, trong công cuộc thực hiện nền thống nhất thật sự các tôn giáo, còn cần phải có cái gì khác nữa. Tính khoan dung là một môn thuốc tạm thời rất có giá trị đối với bệnh chia bè phái, nhưng không phải là môn thuốc trị tận gốc. Nó không loại được căn nguyên của chứng bệnh.

VẤN ĐỀ QUYỀN THIÊNG

Trong quá khứ, các cộng đồng tôn giáo khác nhau không thể hợp nhất được, vì tín đồ của mỗi cộng đồng xem Đấng Sáng lập của Tôn giáo mình như là thẩm quyền duy nhất và chỉ có luật của Ngài là thiêng liêng. Vì vậy Đấng Tiên tri nào

tuyên bố một Sứ điệp có vẻ khác, thì bị coi như kẻ thù của lẽ thật. Những lý do tương tự cũng đã chia rẽ các giáo phái khác nhau thuộc cùng một cộng đồng. Tín đồ của mỗi giáo phái nương dựa vào một thứ thẩm quyền phụ thuộc nào đó và coi một số dịch bản hay sự giải thích riêng biệt về Sứ điệp của Đấng Sáng lập như là Đạo Chân chính Duy nhất, còn tất cả những phái khác là sai lầm. Khi nào tình trạng đó tồn tại, thì hiển nhiên là việc thống nhất thật sự không thể có được. Trong khi đó Đức Baha'u'llah dạy rằng, tất cả những Đấng Tiên tri đều là những Đấng mang Sứ điệp chính thức của Thượng Đế, rằng trong thời đại của mình mỗi Đấng đã dạy những giáo huấn cao quý nhất mà dân chúng có thể tiếp nhận được, và giáo dục con người để chuẩn bị cho họ hiểu thấu những giáo huấn cao hơn nữa của các Đấng đến sau. Ngài khẩn khoản kêu gọi tín đồ tất cả các tôn giáo tôn thờ các Đấng Tiên tri của mình bằng cách nên thừa nhận sự thần cảm của tất cả các Đấng Tiên tri khác, xem giáo lý tất cả các Ngài vốn thiết yếu phù hợp nhau và cùng là thành phần của một chương trình to tát, nhằm giáo dục và thống nhất nhân loại. Ngài kêu gọi những người mộ đạo thuộc mỗi tôn giáo hãy tỏ lòng sùng kính Đấng Tiên tri của mình bằng cách hiến đời mình cho công cuộc thực hiện sự thống nhất mà tất cả các Đấng Tiên tri đã vất vả và chịu đau khổ vì nó. Trong bức thư gửi cho Nữ hoàng Victoria, Ngài giả thiết thế giới như một người đau mà bệnh cứ tăng vì gặp phải những y sĩ không chuyên; và Ngài dạy phải dùng thuốc ra sao để được hiệu nghiệm; cho biết cách áp dụng:

“Phương thuốc tối thượng và công cụ mạnh mẽ nhất do Thượng Đế truyền để chữa bệnh cho thế giới, tức là sự thống nhất mọi dân tộc trong nền Chánh Đạo Hoàn cầu và trong Đức tin chung. Điều này không sao hoàn thành được ngoại trừ qua quyền lực của một Đấng Lương y thần cảm, tài ba và toàn năng. Đây mới thật là chân lý, còn mọi sự khác chỉ là sai lầm”

-Trích Thánh thư của Đức Baha'u'llah, trang 255-

MẶC KHẢI TIẾN BỘ LIÊN TỤC

Trên con đường thống nhất tôn giáo, nhiều người gặp phải sự cản trở lớn, là sự khác nhau giữa Mặc khải của các Đấng Tiên tri. Điều mà Đấng này truyền phải giữ, thì bị Đấng kia cấm đoán, cả hai làm sao có thể cùng có lý, cả hai làm sao cùng có thể tuyên bố Ý chí của Thượng Đế được? Dĩ nhiên, chân lý chỉ là một và không thể biến đổi. Phải, chân lý tuyệt đối chỉ là một và không thể biến đổi, nhưng chân lý tuyệt đối thì còn vượt cao vô cùng trên mức thông hiểu hiện tại của con người, và quan niệm của chúng ta về chân lý phải luôn luôn biến cải. Dần dần thời gian qua, nhờ ân sủng của Thượng Đế, những ý kiến ban đầu hãy còn thiếu sót của chúng ta sẽ được thay thế bằng những quan niệm ngày càng hoàn hảo hơn. Trong một Kinh bản gửi cho một số tín đồ Baha'i người Ba Tư, Đức Baha'u'llah viết:

“Hỡi dân chúng! Lời thánh được mặc khải tùy theo năng lực để cho kẻ mới nhập môn có thể tiến bộ. Sữa cần phải uống có chừng mực, để đứa trẻ của thế giới này có thể vào được nước Cực đại và ở trong triều đường Thống nhất.”

Sữa làm đứa trẻ khô lên cho đến khi nó có thể tiêu hóa món ăn cứng hơn. Có phải vì Đấng Tiên tri này có lý khi ban một giáo huấn nào đó trong một thời gian nhất định, mà Đấng khác lại thành ra sai khi ban một giáo huấn khác ở thời gian sau không? Như vậy cũng chẳng khác nào cho rằng sữa là món thực phẩm tốt nhất của con nít, thì người lớn cũng chỉ nên uống sữa thôi, còn ngoại giả, mọi thức uống khác đều có hại cho họ!

Đức Abdul-Baha dạy:

“Mỗi Mặc khải của Thượng Đế đều chia làm hai phần. Phần thứ nhất chính yếu thuộc về thế giới vĩnh cửu. Đó là phần thuyết minh Chân lý thiêng liêng và các nguyên tắc thiết yếu. Đó là phát biểu về tình yêu của Thượng Đế. Trong mọi tôn giáo, sự phát biểu đó đều giống nhau và bất di bất dịch. Phần thứ hai không vĩnh viễn. Phần này liên quan đến đời sống thực tế, sự giao dịch và công việc, nó biến cải tùy theo sự tiến hóa của con người và nhu cầu của thời đại mỗi Đấng Tiên tri xuất hiện. Ví dụ... ở chu kỳ của Đức Moses người ta chặt bàn tay để phạt người ăn cắp vặt, và luật “mắt đền mắt, răng đền răng” được áp dụng, nhưng vì không còn thích hợp với hoàn cảnh thời đại Đức Chúa, luật pháp ấy bị bãi bỏ. Cũng vậy, sự ly hôn trở nên thông thường đến nỗi không còn luật lệ nhất định nào về việc hôn nhân nữa, Đức Chúa phải cấm việc ly hôn.

Theo những sự đòi hỏi của thời đại, Đức Moses mặc khải Mười điều răn mà ai vi phạm sẽ bị tử hình. Lúc đó, không làm thế nào bảo vệ được cộng đồng và duy trì an ninh xã hội, nếu không có những phương sách nghiêm ngặt ấy, vì con cái của Israel sống trong sa mạc Tah, nơi không có tòa án và nhà tù. Nhưng luật pháp đó không cần thiết nữa trong thời Đức chúa. Lịch sử phần thứ hai của các tôn giáo không quan trọng, bởi vì nó chỉ liên quan đến phép xử thế của đời này; nhưng căn bản Chánh Đạo của Thượng Đế chỉ có một và Đức Baha’u’llah đã lặp lại căn bản đó.”

-Triết lý Thiên Thượng, trang 146-

Chánh Đạo của Thượng Đế là Đạo duy nhất và tất cả các Đấng Tiên tri đều dạy như vậy; Đạo đó là một sự kiện sống động và đang tăng trưởng, không phải là thiếu sự sống và bất biến. Giáo huấn của Đức Moses như là nụ, giáo huấn của Đức Chúa như là hoa, giáo huấn của Đức Baha’u’llah như là quả. Hoa không phá hủy nụ, quả không phá hủy hoa. Không có sự phá hủy, chỉ có sự hoàn thành. Vỏ bọc của nụ phải rơi để hoa nở, và cánh hoa tới phiên nó cũng phải rụng để quả thành hình và chín. Vỏ bọc của nụ và cánh hoa phải chẳng là xấu xí và vô ích nên chúng bị loại? Không, cái này và cái kia đều có ích và cần thiết vào lúc của chúng; không có chúng thì không có quả.

Các giáo huấn khác nhau của các Đấng Tiên tri cũng giống như vậy; bề ngoài thì chúng biến đổi từ thời này qua thời kia, nhưng mỗi Mặc khải là sự hoàn thành những Mặc khải trước; những Mặc khải đó không riêng rẽ và bất đồng, nhưng chỉ là những giai đoạn khác nhau trong lịch sử phát triển của một tôn giáo duy nhất. Tôn giáo duy nhất này được Mặc khải dần dần như hạt giống rồi đến nụ, rồi hoa và hiện nay thì đã đến thời kỳ kết trái.

SỰ KHÔNG SAI LÂM CỦA CÁC ĐÁNG TIÊN TRI

Đức Baha'u'llah dạy rằng tất cả các Đấng Tiên tri đều có những chứng cứ đầy đủ về Sứ mạng chính xác của mình; các Đấng ấy có quyền đòi hỏi sự tuân tòng của mọi người và có thẩm quyền bãi bỏ hoặc thay đổi những giáo huấn của các Đấng tiền nhiệm, hay bổ túc những giáo huấn ấy. Chúng ta đọc trong kinh Xác tín:

“Nếu Thượng Đế lựa chọn giữa nhân loại một linh hồn dịu dặt những sinh linh thọ tạo của Ngài, mà không ban cho Đấng đó đầy đủ Chứng cứ về Thần tính của Ngài, rồi sau đó lại trừng phạt những người không chịu tin “Đấng được lựa chọn” đó, thì thật Ngài đã làm một điều trái ngược với ân đức Đại từ bi của Ngài, với thiên ý thiện hảo và lượng ân điển vô hạn của Ngài vậy. Nhưng không, trái lại lượng từ bi phong phú của Đấng Chúa tể muôn loài vẫn tràn ngập thế gian muôn đời, và tất cả dân cư trên đó qua các Đấng Biểu hiện Bản thể Thiên thiêng của Ngài”... Và chẳng, chẳng phải mục tiêu của mỗi Mặc khải là tạo ra sự biến đổi toàn thể tính cách của nhân loại, một sự biến đổi biểu hiện ở cả bên ngoài lẫn bên trong, nó ảnh hưởng tới cuộc sống nội tại và điều kiện bên ngoài của nhân loại đó sao? Vì nếu tính cách của nhân loại không thay đổi thì sự vô ích của các Biểu hiện Hoàn cầu của Thượng Đế đã trở thành hiển nhiên biết bao.”

-Kitab-i-Iqan, trang 14 và trang 240-

Thượng Đế là thẩm quyền duy nhất không sai lầm và các Đấng Tiên tri cũng phải không sai lầm, vì Sứ điệp của các Ngài là Sứ điệp của Thượng Đế do các Ngài chuyên xuống thế gian. Sứ điệp đó vẫn có hiệu lực cho đến khi nào bị thay thế bằng một Sứ điệp sau của Đấng Tiên tri đó hay của một Đấng Tiên tri khác.

Thượng Đế là Đấng Đại Lương y duy nhất có thể chẩn đoán đúng căn bệnh của thế giới, và chỉ định môn thuốc thích đáng. Thuốc men cho thời kỳ này không còn hợp cho thời kỳ sau, khi điều kiện của bệnh nhân đã thay đổi. Cứ theo cách điều trị cũ, khi mà vị lương y chỉ cho cách điều trị mới, như vậy chẳng phải là một sự tín nhiệm, mà là một sự phản bội. Rất có thể một người tín đồ Do Thái ngạc nhiên khi biết rằng một số thuốc men do Đức Moses dùng để chữa bệnh thế gian cách đây hơn ba nghìn năm, nay đã thành quá thời và không thích dụng nữa; rất có thể một tín đồ Thiên Chúa giáo cũng ngạc nhiên như vậy, khi được nghe rằng Đức Muhammad đã đưa ra một số điều cần thiết và giá trị để bổ túc các điều do Đức Chúa chỉ định; một tín đồ Hồi giáo cũng lấy làm lạ như vậy, khi họ được đề

ngợi hãy thừa nhận rằng Đức Bab hay Đức Baha'u'llah có thẩm quyền thay đổi Giới răn của Đức Muhammad. Theo quan niệm Baha'i, thì lòng thờ phụng chân chính đối với Thượng Đế đòi hỏi người đời phải sùng kính tất cả các Đấng Tiên tri của Ngài và tuân tòng những giới răn cuối cùng của Ngài, mà Đấng Tiên tri của thời đại ta phát biểu ra. Chỉ có một sự sùng đạo như vậy thì sự thống nhất mới thực hiện được.

BIỂU HIỆN TỐI THƯỢNG

Giống như tất cả các Đấng Tiên tri khác, Đức Baha'u'llah xác nhận Sứ mệnh của Ngài bằng những lời lẽ không thể ngờ nhận được.

Trong Kinh bản “Lawh-i-Aqdas”, đặc biệt dành cho tín đồ Thiên chúa giáo, Ngài dạy:

“Thật vậy, Đức Chúa Cha đã giáng thế và Ngài đã thực hiện điều đã hứa với các người trong Thiên quốc. Đây là Lời mà Đức Chúa Con giữ kín khi Ngài nói với những người xung quanh Ngài rằng, lúc đó họ không thể đương nổi. Nhưng khi thời gian thiên định đã mãn, và giờ đã đến, thì Lời đó chói rục ở Chân trời Ý chí của Thượng Đế. Hãy lưu ý, hỡi Hội Thánh của Đức Chúa Con (nghĩa là tín đồ Thiên Chúa giáo)! Đừng vứt bỏ Lời đó, hãy chăm chú vào đó. Đối với các người, đó là điều tốt đẹp hơn tất cả các điều trước. Chắc chắn là Thần Chân lý đã xuất hiện để dìu dắt các người đến với mọi lẽ thật. Quả thật, Ngài không nói về chính Ngài, mà nói về Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí. Ngài là Đấng mà Đức Chúa Con đã tôn vinh... Hãy bỏ cái đã có trước, hỡi nhân dân trên quả đất, và hãy tiếp nhận điều mà Đấng Quyền năng, Thành tín đã truyền phán cho các người.”

Và trong một bức thư gửi Đức Giáo hoàng, viết ở Adrianople năm 1867, Ngài nói:

“Hãy coi chừng kéo những cuộc hành lễ làm cho Ngài xa Đấng Đáng Được Lễ và những sự sùng bái làm cho Ngài xa Đấng Đáng Được Thờ Phụng. Hãy nghe Chúa là Đấng Hùng mạnh, Đấng Toàn tri. Đấng ấy đã giáng thế để ban sự sống cho thế giới và hợp nhất mọi cư dân trên trái đất. Hỡi dân chúng! Hãy đến chốn Hùng đồng Mặc khải. Đừng trì hoãn dù chỉ một giờ. Nếu các người không thấy được Đấng Chúa Vinh hiển, thì các người đã học gì trong Phúc âm?”

Điều đó không xứng với các người, hỡi hội đồng thông thái! Hãy nói đi, nếu các người chối bỏ điều này thì chúng có tín ngưỡng của các người đối với Thượng Đế ở đâu? Hãy đưa chúng có ra.”

Trong những bức thư gửi cho tín đồ Thiên Chúa, Ngài báo cho họ sự thực hiện những lời hứa trong Phúc âm; Ngài cũng tuyên bố với tín đồ Hồi giáo, Do Thái giáo, Bái Hỏa giáo và dân chúng thuộc những tôn giáo khác, sự thực hiện các lời hứa trong Thánh kinh của họ. Ngài nói với mọi người như nói với các con

chiên của Thượng Đế, bị phân chia từ trước đến nay làm nhiều nhóm và ả náu trong những đàn khác nhau. Sứ điệp của Ngài, Ngài gọi là Tiếng Nói của Thiên Chúa, Đấng Chấn chiên Tốt lành, đã đến trong kỳ cuối cùng để tập hợp chiên tản mác của Người lại thành một đàn duy nhất, phá đổ những hàng rào phân rẽ chiên, “để chỉ còn lại một đàn chiên và một Đấng Chấn chiên thôi”.

TÌNH HÌNH MỚI

Cương vị của Đức Baha'u'llah đối với các Đấng Tiên tri xưa là cương vị duy nhất và mới mẻ, vì hoàn cảnh thế giới trong thời ngự trị của Ngài là duy nhất, và từ trước chưa hề có. Trải qua một cuộc tiến hóa lâu dài và trực trặc trong các lĩnh vực tôn giáo, khoa học, mỹ thuật và văn minh, thế giới đã chín muồi để nhận sự giáo huấn về thống nhất. Những hàng rào từ bao thế hệ trước, đã ngăn cản công việc thống nhất thế giới, hiện đã sẵn sàng nhượng bộ, khi Đức Baha'u'llah xuất hiện, kể từ lúc Ngài Giáng sinh năm 1817 và đặc biệt từ lúc Ngài ban bố các giáo huấn của Ngài, thì những hàng rào đó đều sụp đổ một cách hết sức lạ lùng. Dầu giải thích cách nào cũng không thể hồ nghi gì về việc ấy.

Vào thời các Đấng Tiên tri trước thì chỉ hàng rào địa lý cũng đủ ngăn trở việc thống nhất thế giới. Ngày nay các chương ngại ấy đã vượt được. Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, người ta có thể thông tin cho nhau nhanh chóng và dễ dàng ở hai điểm đối đầu nhau trên địa cầu; điều gì xảy ra ở Châu Âu thì chỉ ngày sau là tất cả mọi lục địa khác đều biết; một bài diễn văn đọc hôm nay ở Mỹ châu thì ngày mai người ta có thể đọc nó ở Châu Âu, Á châu và Phi châu.

Một chương ngại lớn khác là sự khó khăn về ngôn ngữ. Nhờ sự nghiên cứu và dạy các ngoại ngữ, sự khó khăn đó được chế ngự một phần lớn, và ta có thể tin tưởng rằng không bao lâu nữa một thế giới ngữ phụ sẽ được thừa nhận, và dạy trong tất cả trường học trên thế giới. Bây giờ sự khó khăn này sẽ bị xóa bỏ hoàn toàn.

Chương ngại thứ ba là thành kiến và sự cố chấp về tôn giáo, điều này cũng đang đi tới chỗ bị loại bỏ. Trí óc con người cởi mở hơn. Nhiệm vụ giáo dục dân chúng dần dần thoát khỏi tay các tu sĩ đầy đầu óc giáo phái; và người ta không thể ngăn cản các tư tưởng mới mẻ và khoáng đạt xâm nhập vào cả những tầng lớp xã hội khép kín và bảo thủ nhất.

Như vậy, Đức Baha'u'llah quả là Đấng Tiên tri trong các Đấng Đại Tiên tri mà Sứ điệp chỉ trong mấy năm đã được truyền đi khắp mọi miền của quả đất. Chẳng bao lâu, những giáo huấn chính yếu của Đức Baha'u'llah dịch theo những Thánh thư thẩm quyền của chính Ngài, sẽ đến thẳng với đàn ông, đàn bà, trẻ em biết đọc trên khắp thế giới.

SỰ SỰNG MẶN CỦA MẶC KHẢI BAHÁ'Í

Mặc khải Baha'í do những Thánh thư đầy thẩm quyền phong phú và trọn vẹn đã chiếm một địa vị duy nhất và chưa từng có trong các tôn giáo trên thế giới. Những lời ghi chép mà người ta kể chắc chắn là của Đức Cơ Chúa, Đức Moses, Đức Zoroaster, Đức Phật, Đức Khrisna thì ít ỏi, và không trả lời nhiều câu hỏi hiện tại có tầm quan trọng lớn cuộc sống thực tế. Nhiều giáo huấn thường cho là của các Đấng Sáng lập tôn giáo ấy, thường không xác minh được thẩm quyền, và một số vẫn bản rõ ràng là do đời sau thêm thắt. Người Hồi giáo có nhiều văn kiện đầy đủ hơn về đời sống và giáo huấn của Đấng Tiên tri mình trong kinh Quran và trong nhiều truyền thuyết, nhưng chính Đức Muhammad, mặc dầu được thần cảm, lại không biết chữ cũng như phần lớn các môn đệ đầu tiên của Ngài. Các phương pháp dùng để ghi lại và phổ biến các giáo huấn của Ngài trên nhiều phương diện không được thỏa đáng, và một số truyền thuyết bị ngờ là không chính xác. Do đó mà những sự giải thích khác nhau và những sự xung đột ý kiến đã gây ra sự phân phái và sự tranh chấp trong Hồi giáo, cũng như trong tất cả các cộng đồng tôn giáo trước.

Trong khi đó, Đức Bab và Đức Baha'u'llah, cả hai Ngài đều để lại những Thánh thư viết tay hùng hồn và đầy uy lực. Vì lẽ cả hai Đấng ấy đều đã bị cầm nói trước công chúng, và đều phải sống phần lớn cuộc đời ở nhà tù (sau khi các Ngài tuyên bố Sứ mạng), nên các Ngài dùng phần lớn thì giờ để viết, do đó mà không một Mặc khải nào trước đó có thể sánh với Mặc khải Baha'í về sự phong phú trong các Bản văn chính xác. Mặc khải Baha'í cũng đã giải thích rõ ràng đầy đủ một số lớn chân lý trước đây chỉ được phác họa lờ mờ, lại nữa, những nguyên tắc vĩnh viễn về chân lý mà tất cả các Đấng Tiên tri đã dạy cũng được áp dụng vào các vấn đề của thế giới hiện tại. Tức là những vấn đề gay go, phức tạp vô cùng mà một số lớn chưa nảy sinh trong thời các Đấng Tiên tri trước. Những văn kiện đầy đủ của một Mặc khải chính xác lẽ tất nhiên là đã có uy lực mãnh liệt trong việc loại bỏ mọi sự hiểu lầm trong tương lai và làm tiêu tan những hiểu lầm trước kia đã từng gây chia rẽ giữa các giáo phái.

GIAO ƯỚC BAHÁ'Í

Mặc khải Baha'í là duy nhất và vô tiền khoáng hậu vì nhiều lẽ khác nữa. Trước khi thăng thiên, Đức Baha'u'llah đã viết dưới nhiều hình thức khác nhau một Giao ước chỉ định Trưởng nam của Ngài là Đức Abdul-Baha, mà Ngài đã mệnh danh là “Cành” hay là “Cành Lớn Nhất”, làm Đấng Giải thích thẩm quyền các giáo huấn của Ngài. Ngài tuyên bố rằng mọi Lời giảng giải của Đức Abdul-Baha phải được tôn nhận như chính Lời của Ngài. Trong Chúc thư và Giao ước, Ngài dạy:

“Hãy suy nghĩ về điều đã được mặc khải trong Thánh kinh của Ta, Thánh kinh Kitab-i-Aqdas. Khi đại dương hiện diện của Ta rút xuống và Thánh kinh của

Mặc khải Ta hoàn tất, các ngươi hãy hướng về Đấng đã được Thượng Đế chỉ định, Đấng đâm cành từ Rễ xưa. Câu kinh thiên phúc này dành nói về Cảnh Lớn Nhất.”

Trong “Bản của Cảnh” giảng giải về cương vị của Đức Abdul-Baha, Ngài dạy: “Hỡi dân chúng! Hãy tạ ơn Thượng Đế về sự biểu hiện của Cảnh, vì thật ra, đó là ơn huệ hoàn hảo nhất được ban cho các ngươi, và là phép lành hoàn hảo nhất được giáng trên các ngươi. Nhờ Ngài mà mỗi cái xương tàn được làm cho sống lại. Kẻ nào hướng về Ngài là chắc chắn hướng về Thượng Đế, và kẻ nào xoay khỏi Ngài là chắc chắn xoay khỏi về Mỹ lệ Ta, chối bỏ chúng có Ta và phản nghịch lại Ta.”

Sau khi Đức Baha’u’llah thăng thiên, Đức Abdul-Baha có nhiều cơ hội, lúc ở nhà cũng như trong các cuộc hành trình xa, gặp gỡ nhiều người từ khắp nơi trên thế giới và mọi xu hướng tư tưởng. Ngài nghe tất cả những lời chất vấn, những khó khăn và lời phản đối của họ, và đưa ra những lời minh giải đầy đủ đã được ghi chép lại rất cẩn thận thành sách. Trong bao năm, Đức Abdul-Baha tiếp tục công việc làm sáng tỏ các giáo huấn của Ngài và hướng dẫn cách áp dụng những giáo huấn đó vào những vấn đề phức tạp kim thời. Những quan niệm bất đồng giữa các người mộ đạo được trình lên Ngài và được Ngài giải quyết với thẩm quyền, cho nên những nguy cơ có thể xảy ra do hiểu lầm được loại bỏ dần.

Đức Baha’u’llah còn dự liệu rằng một Tòa công lý Quốc tế đại diện cho tất cả tín đồ Baha’i trên toàn thế giới sẽ được bầu để đảm trách các sự việc của Chánh Đạo, kiểm soát và phối hợp tất cả các sinh hoạt, ngăn chặn sự chia rẽ và phân phái, làm sáng tỏ các vấn đề còn mù mờ và giữ cho giáo lý khỏi bị suy thoái và diễn giảng sai lạc. Sự kiện là Cơ quan Quản trị Tối cao này có thể không những lập quy về mọi vấn đề chưa được minh định trong giáo lý, nhưng còn có thể hủy bỏ những qui định của mình khi điều kiện mới đòi hỏi những biện pháp khác, làm cho Chánh Đạo phát triển và thích nghi như một cơ chế sống, với những nhu cầu và đòi hỏi của một xã hội luôn thay đổi.

Hơn nữa Đức Baha’u’llah đã minh thiện, nghiêm cấm bất cứ ai giải thích giáo lý, ngoại trừ Đấng Giải thích được trao thẩm quyền. Trong Chúc thư và Giao ước của Ngài, Đức Abdul-Baha chỉ định Đức Shoghi Effendi làm Giáo hộ của Đức tin sau Ngài, và được trao cho thẩm quyền giải thích các Thánh thư.

Sau một ngàn năm hay hơn nữa, một Đấng Biểu hiện khác sẽ xuất hiện dưới bóng của Đức Baha’u’llah, với đầy đủ bằng chứng về Sứ mệnh của mình, nhưng từ đây cho đến lúc ấy, Lời của Đức Baha’u’llah, của Đức Abdul-Baha, của Đức Shoghi Effendi và các qui định của Tòa Công lý Quốc tế hợp thành thẩm quyền mà tất cả tín đồ phải hướng về để được soi sáng. Không một người Baha’i nào được phép lập ra một trường phái hoặc giáo phái dựa trên một sự giải thích đặc biệt nào về giáo lý hoặc trên một sự mạo nhận là mặc khải thiêng liêng. Ai làm trái với huấn dụ này sẽ bị coi là “những kẻ phản ước”.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Kẻ nào định tâm giải thích sai lạc Lời của Đức Baha’u’llah và tô vẽ ý nghĩa theo cách hiểu riêng của mình và quyền rũ một số người theo mình để tạo ra một giáo phái, tự tôn mình lên địa vị cao và gây nên sự chia rẽ trong Chánh Đạo, kẻ đó là kẻ thù nghịch Chánh đạo”.

-Ngôi sao của Tây phương, quyển III, trang 8-

Trong một Bản khác, Ngài viết:

“Những kẻ đó (những kẻ gây ly giáo) giống như bọt đọng lại trên mặt bể; một cơn sóng nổi lên trên đại dương của Giao ước, và nhờ quyền lực của Vương quốc Abha, sẽ xô bọt ấy vào bờ. Những ý tưởng đòi bại đó phát sinh bởi sự thèm muốn riêng tư xấu xa, sẽ tiêu tan, còn Giao ước của Thượng Đế vẫn bền vững và an toàn.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển X, trang 95-

Không có gì có thể ngăn cản người đòi phản bội tôn giáo khi họ quyết tâm làm như vậy. Đức Abdul-Baha dạy: “Ngay đến Thượng Đế cũng không bắt buộc linh hồn phải trở nên thiêng liêng. Sự sử dụng tự do ý chí của con người là điều cần thiết”. Dù vậy, Giao ước thiêng liêng này khiến óc bè phái hoàn toàn không thể có được trong cộng đồng Baha’i.

KHÔNG CÓ CHẾ ĐỘ TU SĨ CHUYÊN NGHIỆP

Một điểm khác của phép quản trị Baha’i đáng được đặc biệt ghi chú là việc xóa bỏ chế độ tu sĩ. Những việc tự ý đóng góp vào chi phí cho việc truyền giáo được chấp thuận và biết bao người dành hầu hết thì giờ của họ để phụng sự Chánh Đạo, nhưng tất cả tín đồ Baha’i, tùy theo khả năng và dịp tiện, đều được khuyến khích tham gia vào công việc truyền giáo; không có sự phân biệt thành giai cấp riêng giữa tín đồ Baha’i, vì không có chế độ đặc quyền và chức vụ tu sĩ.

Ở thời quá khứ, chế độ tu sĩ là cần thiết, vì kẻ bình dân đều vô học và không được giáo dục, họ phải nhờ các vị giáo sĩ huấn luyện họ về giáo lý, cách hành lễ và các nghi thức, và việc quản trị theo công lý v.v... Nhưng thời đại xưa đã qua. Việc giáo dục được phổ biến mau lẹ, và nếu các Giới răn của Đức Baha’u’llah được tuân giữ, thì tất cả thiếu niên, thiếu nữ trên thế giới sẽ nhận được một nền giáo dục chắc chắn. Mỗi cá nhân có thể tự mình nghiên cứu Thánh kinh, nhận lấy Nước Sự Sống ngay ở Nguồn. Những lễ nghi và lễ điều phiền phức phải cần đến công việc của một đẳng cấp hay một giới chuyên nghiệp, sẽ không còn tồn tại trong tổ chức Baha’i, và công việc quản trị công lý sẽ được giao cho các cơ quan thiết lập vì mục đích ấy.

Đối với một đứa trẻ thì thầy giáo là cần, nhưng đối với thầy giáo có lương tâm thì mục đích đào tạo học trò, là để cho nó có thể không cần đến mình nữa, để

cho nó trông sự vật bằng chính mắt nó, nghe bằng chính tai nó, hiểu bằng chính óc nó. Cũng vậy, trong thời kỳ non nớt của loài người, tu sĩ là cần, nhưng phận sự thật của họ là đào tạo con người, để họ có thể không cần đến mình nữa, để họ có thể thấy những điều thiêng liêng bằng chính mắt họ, nghe những điều ấy bằng chính tai họ, hiểu những điều ấy bằng chính trí óc của họ. Ngày nay, công việc của các tu sĩ đã hoàn tất và mục đích của giáo huấn Baha'i là tiếp tục sự nghiệp đó, làm cho con người được hoàn toàn tự chủ, không phụ thuộc vào ai ngoài Thượng Đế, để cho họ có thể hướng thẳng về Ngài, nghĩa là hướng về Đấng Biểu hiện của Ngài. Khi ai ai cũng hướng về một tâm điểm, thì sẽ không còn những mục đích trái nhau, không còn sự mơ hồ, và càng tiến gần trung tâm điểm thì người ta lại càng gần gũi nhau.

CHƯƠNG IX: NỀN VĂN MINH CHÂN CHÍNH

“Hỡi con dân của Thượng Đế! Đừng chăm lo cho chính các ngươi! Ước mong mục đích của các ngươi là cải thiện thế giới và giáo dục nhân loại.”

-Đức Baha'u'llah-

TÔN GIÁO, CĂN BẢN CỦA VĂN MINH

Theo quan điểm của người Baha'i thì các vấn đề về đời sống cá nhân và tập thể của con người phức tạp đến nỗi trí thông minh tự nó không thể giải quyết một cách trực tiếp. Duy chỉ có Đấng Toàn tri mới thông suốt được mục đích của sự sáng tạo, và dạy cách làm thế nào để đạt được mục đích ấy. Các Đấng Tiên tri dạy cho nhân loại biết cứu cánh chân chính của đời người, và con Đường thẳng dẫn đến tiến bộ; và việc thiết lập nền văn minh chân chính tùy thuộc vào sự thành tâm tuân tòng Lời chỉ đạo trong Mặc khải của Đấng Tiên tri.

Đức Baha'u'llah xác định rõ rằng:

“Tôn giáo là một khí cụ hoàn hảo nhất để kiến tạo trật tự thế giới và an ninh cho tất cả các dân tộc. Sự suy yếu của các cột trụ tôn giáo làm phân khởi bọn tối tăm, khiến chúng trở nên những kẻ táo bạo và ngạo mạn. Quả thật, Ta bảo cho các ngươi hay, thứ gì làm hạ cương vị cao cả của tôn giáo đều ưu đãi tính tàn nhẫn ở kẻ ác, và cuối cùng gây ra tình trạng hỗn loạn...”

“Các ngươi hãy xem nền văn minh Tây phương, nó đã gây nên những biến động và xáo trộn cho nhân dân thế giới đến mức nào. Người ta sáng chế khí cụ giết người, và biểu dương sự hung tàn để phá hủy sự sống, sự hung tàn mà mắt thế giới chưa từng thấy, tại các nước chưa từng nghe. Không thể nào hãm lại con phóng túng dữ dội của tai họa, trừ phi các dân tộc trên quả đất đoàn kết lại trong cùng một mục đích nhất định hay dưới sự bảo trợ của một tôn giáo duy nhất...”

“Hỡi con dân Baha! Mỗi Giới răn được Mặc khải là một thành trì kiên cố để bảo vệ thế giới.”

-Tiếng nói Thiên đàng-

Tình trạng hiện nay ở Châu Âu và trên thế giới nói chung, xác định một cách hùng hồn giá trị các lời đó, những lời đã được viết ra từ nhiều năm trước. Sự hờ hững đối với các Giới răn của Đấng Tiên tri, và ưu thế của sự vô tôn giáo, đã gây nên rối loạn sâu xa và những tàn phá trên qui mô khủng khiếp nhất; mà nếu không có sự thay đổi tâm hồn và mục đích, biểu thị chủ yếu của tôn giáo chân chính, thì cuộc cải cách xã hội tuyệt đối không thể thực hiện được.

CÔNG BẰNG

Trong quyển Kinh nhan đề là “Ân Ngôn” mà Đức Baha’u’llah cô đọng lại tinh hoa các giáo huấn tiên tri, lời khuyên đầu tiên của Ngài liên quan đến đời sống cá nhân là: “Hãy có một tâm hồn tinh khiết, hòa ái và trong sáng.” Lời khuyên thứ hai chỉ dẫn nguyên tắc căn bản của đời sống xã hội chân chính.

“Hỡi con của tinh thần!

Dưới mắt Ta điều đáng yêu quý nhất là công bằng; đừng xa rời nó nếu người khao khát Ta, đừng hờ hững với nó để cho Ta tin cậy. Nhờ sức nó, người sẽ nhìn thấy với chính mắt mình chứ không bằng mắt kẻ khác, sẽ hiểu biết do chính trí tuệ mình chứ không qua trí tuệ của kẻ láng giềng. Hãy suy gẫm điều đó trong tâm tư người cho biết bốn phận người phải thế nào. Công bằng quả thật món quà Ta ban cho người. Nó biểu hiện tâm lòng sung ái của Ta. Hãy đặt nó trước mặt người.”

Trong đời sống xã hội, điều cốt yếu là con người trước hết, phải biết phân biệt cái thật với cái giả, cái đúng với cái sai, và đánh giá mọi vật đúng với giá trị của chúng. Nguyên nhân lớn nhất của sự mù quáng tinh thần và xã hội, và kẻ thù nguy hiểm nhất của tiến bộ xã hội là lòng vị kỷ.

Đức Baha’u’llah dạy:

“Hỡi con cái của sự thông minh! Mi mắt mông manh không cho mắt trông thấy thế giới và mọi vật trong thế giới. Vậy hãy nghĩ đến điều xảy ra, khi bức màn lòng ham muốn che khuất nhỡn quang của tâm hồn.

“Hỡi dân chúng! Bóng tối của sự ham muốn và ganh tị dập tắt ánh sáng của linh hồn như mây ngăn cản ánh sáng mặt trời xuyên qua.”

-Kinh bản viết cho một số tín đồ Baha’i người Ba Tư trước kia theo Bái Hòa giáo-

Kinh nghiệm lâu dài rốt cuộc đã thuyết phục con người về chân lý của các giáo huấn tiên tri, rằng quan điểm ích kỷ và hành động ích kỷ nhất định dẫn đến sự rối loạn xã hội, và rằng, nếu nhân loại không muốn bị hủy diệt trong nhục nhã, thì họ phải quan tâm đến công việc của kẻ khác như chính công việc của mình, đặt quyền lợi của mình dưới quyền lợi của toàn thể nhân loại. Như thế thì quyền lợi của mỗi cá nhân và của mọi người, rốt cuộc, sẽ được phụng sự triệt để.

Đức Baha’u’llah dạy:

“Hỡi Con của Loài người! Nếu các người tìm đức từ bi thì hãy từ bỏ quyền lợi của chính người, và cố gắng chăm lo cho quyền lợi của nhân loại. Và nếu người khao khát công bình, thì hãy chọn cho kẻ khác cái gì mà người chọn cho chính người.”

-Lời Thiên đàng-

CHÍNH QUYỀN

Giáo lý của Đức Baha'u'llah chứa đựng trong hai nguồn kinh điển khác nhau liên quan đến nền trật tự thực sự của xã hội. Nguồn thứ nhất được nêu bật trong những Kinh bản Mặc khải cho các vua chúa, về vấn đề chính quyền như nó đang hiện hữu trên thế giới ở thời Đức Baha'u'llah. Một nguồn tra cứu khác nói về nền trật tự mới của thế giới, sẽ phát triển ngay trong cộng đồng Baha'i. Do vậy, ta thấy có sự tương phản rõ rệt như trong các đoạn sau đây:

“Đấng Thượng Đế chân chính duy nhất, hãy ngợi ca Vinh quang của Ngài, luôn luôn xem và sẽ còn xem lòng người như là thuộc về Ngài, là sở hữu độc quyền của Ngài. Mọi thứ khác, dù ở trên đất hay trên biển, dù là vinh quang hay của cải, Ngài đã ủy thác cho các vua chúa và các nhà cầm quyền trên quả đất.”

“Và trong Ngày này, điều thích hợp đối với mọi người là phải bầu vúi vào Tội Đại Danh Ngài và thiết lập nền thống nhất cho cả nhân loại. Không nơi nào người ta có thể chạy trốn, không nơi nào có thể ẩn náu ngoài Ngài”.

-Trích Thánh thư của Đức Baha'u'llah, trang 203, 206-

Sự bất dung hợp bề ngoài giữa hai quan điểm này sẽ không còn, khi ta khảo sát kỹ sự khác nhau mà Đức Baha'u'llah đã nêu lên giữa nền “Hòa bình Nhỏ” và nền “Hòa bình Lớn Nhất”. Trong những Kinh bản gửi cho các vua, Đức Baha'u'llah khuyên họ họp nhau lại, tìm phương pháp duy trì nền hòa bình chính trị, giảm bớt vũ khí và loại bỏ những gánh nặng cùng với sự bất an của người nghèo.

Nhưng lời Ngài cũng bộc lộ rõ ràng rằng, việc họ không ứng đáp được các nhu cầu của thời đại, thì hậu quả là chiến tranh và cách mạng sẽ bùng ra, và cuối cùng, nền trật tự cũ sẽ sụp đổ.

Cho nên, một đấng Ngài dạy:

“Cái mà nhân loại cần ngày nay, là sự phục tùng nhà cầm quyền...”

Và đấng khác:

“Những kẻ lo chứa chấp những phù hoa và vật trang sức của thế gian, ngạo mạn chối bỏ Thượng Đế, những kẻ đó sẽ bị mất cả đời sống hiện tại lẫn đời sống tương lai. Không bao lâu nữa Thượng Đế, do bàn tay quyền năng của Ngài, sẽ đoạt hết những chiếm hữu của họ, và sẽ lột y phục Tù bi của Ngài ra khỏi người họ”. “Chúng Ta đã định thời gian cho các ngươi. Hỡi các dân tộc! Nếu giờ phút đó mà các ngươi xao lãng không hướng về Thượng Đế, thì đích thật, Ngài sẽ khiến

các người bị thống trị dưới ách của vũ lực, và những nỗi khổ trầm trọng sẽ từ phía xông hãm các người...”

“Những dấu hiệu náo động và rối ren bức bách ngay từ bây giờ cũng đã có thể nhận thấy rõ, vì lẽ nền trật tự hiện thời càng tỏ ra khiếm khuyết thảm hại”.

“Chúng Ta cam kết đảm bảo sự chiến thắng của người trên quả đất này và tôn vinh Chánh Đạo của Chúng Ta trên mọi người, thế mà không một vị vua nào sẵn sàng quay mặt về phía Ngài.”

-Trích các Thánh thư của Đức Baha'u'llah, trang 207, 209, 214, 216, 248-

“Đấng Đại Thực Thể, vì muốn mặc khải các điều kiện tiên quyết về hòa bình và yên tĩnh trên thế giới, cũng như cho sự tiến bộ của mọi dân tộc, đã viết: “Thời gian phải đến, lúc mà vấn đề thành lập một thượng đại hội nghị gồm đủ những vị đại diện cho toàn thế giới được mọi người cảm thấy là tối cần. Những nhà lãnh đạo và các vị vua trên quả đất nhất định phải đến dự, phải nghiên cứu chương trình hành động và trình ra những cách thức và phương tiện để đặt nền móng cho nền “Hòa bình Lớn Nhất” trên thế giới cho loài người. Một nền hòa bình như thế, đòi hỏi các siêu cường phải hòa giải toàn diện với nhau để mưu sự bình an cho mọi dân tộc trên quả đất. Nếu có vị vua nào dấy binh để chống một nước khác, thì tất cả phải cùng nhau đứng dậy để ngăn cản.”

-Trích các Văn Phẩm của Baha'u'llah, trang 249-

Do những Lời khuyên đó, Đức Baha'u'llah đã mặc khải các điều kiện để thực hiện trách nhiệm của quần chúng trong Ngày này của Thượng Đế, một mặt kêu gọi đoàn kết quốc tế, mặt khác Ngài cũng cảnh cáo các nhà cầm quyền một cách rõ ràng rằng việc tiếp tục xung đột sẽ hủy hoại quyền lực của họ. Ngày nay, lịch sử cận kim đã xác minh lời cảnh cáo đó, sự nổi dậy của các phong trào đối kháng trong các quốc gia văn minh đã làm hủy hoại năng lực, và sự phát triển chiến tranh lên đến độ mà không phe nào có thể thắng được nữa. “Lúc này các người đã từ chối nền “Hòa bình Lớn Nhất”, thì các người hãy để tâm đến nền “Hòa bình Nhỏ”, để may ra có thể cải thiện phần nào điều kiện sinh sống của chính các người và của những người tùy thuộc các người...” “Điều mà Thượng Đế đã chỉ định làm phương thuốc tối thượng và làm khí cụ mạnh mẽ nhất để chữa bệnh cho cả thế giới là đoàn kết tất cả các dân tộc trong một nền Chánh Đạo toàn cầu, một Đức tin chung. Điều này chỉ có thể hoàn thành bởi uy quyền của một Đấng Lương y tài giỏi, được thần cảm và toàn năng.”

-Trích các Thánh thư của Baha'u'llah, trang 254-255-

Thuật ngữ nền “Hòa bình Nhỏ” có nghĩa là sự thống nhất chính trị của các quốc gia, trong khi đó với nền “Hòa bình Lớn Nhất”, Ngài muốn nêu lên sự thống nhất bao gồm tất cả các yếu tố tinh thần, chính trị và kinh tế. “Rồi đây, nền trật tự hiện tại sẽ được thu lại, và một nền trật tự mới sẽ thay thế nó.”

-Trích các Thánh thư của Baha'u'llah, trang 7-

Ở các thời đại đã qua, chính quyền lo điều khiển những công việc bề ngoài và vật chất của quốc gia, nhưng ngày nay nhiệm vụ của chính quyền bao hàm một khả năng chỉ đạo, một đức tính tận tụy và một tri thức thiêng liêng mà chỉ những kẻ hướng về Thượng Đế mới có được.

TỰ DO CHÍNH TRỊ

Mặc dù cổ xúy một hình thức chính phủ đại diện cho địa phương, quốc gia và quốc tế như một điều kiện lý tưởng, Đức Baha'u'llah dạy rằng hình thức chính phủ đó chỉ thực hiện được, khi con người đạt tới một trình độ phát triển khá cao về phương diện cá nhân và xã hội. Ứng chuẩn đột ngột quyền tự trị hoàn toàn cho nhân dân mà không có sự giáo dục, còn bị chi phối bởi những ham muốn vị kỷ và không có kinh nghiệm về công vụ, thì thật tai hại. Không gì nguy hiểm bằng sự tự do lại lọt vào tay những kẻ không biết sử dụng nó một cách khôn ngoan. Đức Baha'u'llah viết trong Kinh “Kitab-i-Aqdas”:

“Hãy nhận xét về sự nông cạn của trí óc con người. Họ đòi hỏi những điều làm tổn hại cho họ và vứt bỏ những điều lợi ích. Quả thật họ là những kẻ lầm lạc quá xa. Chúng Ta nhận thấy một số người thèm khát tự do và lấy làm kiêu hãnh về điều đó. Thật ra họ là những kẻ đang ở dưới hố sâu của sự dốt nát.

“Cuối cùng tự do sẽ đưa tới sự dấy loạn mà ngọn lửa của nó không gì dập tắt được. Ngài là Đấng Đại trí, Đấng Toàn tri đã cảnh cáo các người như thế. Các người phải biết rằng hiện thân của tự do và biểu tượng của nó là thú vật. Điều thích hợp với loài người là sự từng phục những hạn chế, nó che chở con người khỏi rơi vào cảnh dốt nát và giúp con người thoát khỏi sự tổn thương do kẻ ác gian gây ra. Sự tự do khiến con người vượt khỏi những giới hạn của sự thích đáng và làm giảm sút phẩm giá con người. Nó hạ con người xuống mức thấp nhất của sự đòi trụy và sự hung ác.

“Hãy xem loài người như một bày chiên cần một người chăn chiên để che chở cho họ. Quả thực, đây là chân lý, chân lý vững chắc. Chúng Ta công nhận tự do trong một số trường hợp và bác bỏ nó trong một số trường hợp khác. Quả thực, Chúng Ta là Đấng Toàn tri.

“Hãy biết rằng: Tự do thật sự chỉ có trong sự phục tùng của con người đối với các Giới răn của Ta, đó là điều các người ít biết đến. Giá như loài người tuân theo những điều Chúng Ta ban xuống cho họ từ Thiên đàng Mặc khải, chắc chắn họ đã đạt tới sự tự do hoàn toàn. Hạnh phúc thay cho người nào nhận được Mục đích của Thượng Đế nơi bất cứ điều gì Ngài đã mặc khải từ Thiên Đàng Ý chí của Ngài vốn bao trùm tất cả tạo vật. Hãy biết rằng, sự tự do có lợi cho các người không thể tìm thấy ở bất cứ đâu ngoại trừ nơi việc phụng sự triệt để Đấng Thượng

Đế, Đấng Chân lý Vĩnh cửu. Bất cứ ai đã nếm được vị ngọt của nó đều sẽ từ chối trao đổi nó để lấy quyền ngự trị cả bầu trời trái đất.”

Những giáo huấn của Thượng Đế là môn thuốc tối thượng để cải thiện điều kiện lạc hậu của các chủng tộc và các quốc gia. Khi nhân dân và những nhà lãnh đạo của họ nghiên cứu và thọ lãnh những giáo huấn này, thì quốc gia họ sẽ thoát được mọi xiềng xích.

NHÀ LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI DÂN

Đức Baha'u'llah cấm chỉ sự chuyên chế và áp bức bằng những lời lẽ hết sức cương quyết. Trong “Ấn Ngôn” Ngài viết:

“Hỡi những kẻ áp bức trên trái đất! Hãy ngừng tay áp bức; Ta nhất quyết không tha thứ một sự bất công nào của con người. Đó là chiếu mệnh Ta đã ban hành trên ngọc bản. Đây là minh ước của Ta mà sắc lệnh bất khả tĩ, bất diệt và được kiểm chứng bằng quả ấn vinh quang của Ta.”

Những kẻ được phó thác việc soạn thảo và thi hành luật pháp và qui lệ phải “giữ chặt sợi dây của phép hội ý, rồi quyết định và thi hành tất cả những gì đưa đến an ninh, thịnh vượng, hạnh phúc và thái bình cho dân tộc, bởi vì, nếu không như thế thì chung cuộc sẽ chỉ phát sinh toàn những mối bất hòa và dao động!”

-Kinh bản thế giới-

Mặt khác, dân chúng phải tuân theo pháp luật và trung thành với chính phủ. Phàm muốn cải thiện vận mệnh quốc gia phải dựa vào phương pháp giáo dục và sức mạnh của gương tốt, chứ không dựa trên bạo lực. Đức Baha'u'llah dạy:

“Bất cứ ai thuộc cộng đồng này, khi trú ngụ trong xứ nào thì phải xử sự rất mực thẳng thắn, lương thiện, và phục tùng chính phủ nơi đó”

-Tin Mừng-

“Hỡi con dân của Thượng Đế! Hãy trang hoàng đền thờ của các người bằng chiếc áo của sự trung trực và liêm chính; rồi hãy giúp đỡ Chúa các người bằng rất nhiều thiện cử và đạo đức. Quả thật, Chúng Ta đã cấm chỉ sự chia rẽ và xung đột trong các Kinh sách và Thư tín của Ta, trong các Thánh thư và Kinh bản của Ta; như vậy, Chúng Ta chỉ ước ao tấm lòng cao cả và phẩm cách xứng đáng của các người.”

-Bản Ishraqat-

SỰ BỎ NHIỆM VÀ THẮNG TRẬT

Nói về vấn đề bỏ nhiệm, thì tiêu chuẩn duy nhất là năng lực phải xứng với chức vụ. Duy điều nhận xét này là tối quan trọng, còn tất cả những điều khác, như tình trạng xã hội hay tài chánh, vấn đề thâm niên, mối liên hệ gia đình hay tình thân hữu riêng buộc phải bỏ qua. Đức Baha'u'llah viết trong “Bản Ishraqat”:

“Theo Ishraq (sự Huy hoàng) thứ năm thì chính phủ phải hiểu tình trạng người dân và phân phát chức vụ tùy theo tài năng và phẩm giá. Vị lãnh đạo hay chỉ huy nào cũng phải hết sức chú ý điều này, để không vì ngẫu nhiên mà kẻ phản bội có thể cướp đoạt địa vị của người đáng tin cậy và để kẻ phá hoại chiếm mất chỗ của những người giám hộ.”

Chỉ cần suy xét một chút cũng thấy rằng, khi nguyên tắc này đâu đâu cũng được công nhận và áp dụng, thì sự biến cải đời sống xã hội chúng ta sẽ tốt đẹp khác thường. Khi mỗi cá nhân vì khả năng và tài trí đặc biệt mà được đặt vào địa vị thích hợp thì người đó sẽ để hết tâm hồn vào công việc và trở thành một nghệ sĩ trong nghề nghiệp mình, để mang lại lợi ích vô kể cho chính mình và cho cả thế giới.

VẤN ĐỀ KINH TẾ

Giáo huấn Baha'i dùng những lời lẽ cương quyết nhất để nhấn mạnh về sự cần yếu phải có những cải cách trong mối tương quan kinh tế giữa người giàu và kẻ nghèo.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Phải điều chỉnh tình trạng con người thế nào cho sự nghèo khó mất hẳn đi, làm thế nào cho mỗi người nhận được phần tiện nghi và hạnh phúc càng nhiều càng tốt, tùy theo cấp bậc và địa vị của họ. Hiện tại, chúng ta thấy ở giữa chúng ta, bên này là những kẻ giàu có, còn bên kia là những kẻ khốn cùng, chết đói; người thì có vô số lâu đài nguy nga, kẻ thì không có đến miếng đất cắm dùi... Tình trạng đó thật bất công cần được cứu vãn. Tuy nhiên, phương thuốc phải áp dụng rất thận trọng. Không thể nói đến thiết lập bình đẳng tuyệt đối giữa con người. Bình đẳng chỉ là một chuyện ảo tưởng. Điều đó hoàn toàn không thể thực hành; cả đến như nếu có thiết lập sự bình đẳng, thì nó cũng không thể duy trì; vì nếu duy trì được, thì trật tự của toàn thể thế giới ắt bị phá hủy. Định luật về trật tự phải luôn luôn ưu thắng trong nhân loại. Thượng Đế đã ban luật đó khi tạo nên con người... Nhân loại giống như một đạo quân lớn, cần phải có tướng lãnh, sĩ quan, hạ sĩ quan mọi cấp, và binh sĩ, mỗi người có nhiệm vụ riêng đã được chỉ định. Cấp bậc rất cần thiết để đảm bảo một tổ chức có qui củ. Một đội quân không thể nào chỉ gồm toàn tướng lãnh, hay chỉ toàn là sĩ quan, hoặc toàn là binh sĩ mà không có cấp chỉ huy.

“Vì có những kẻ giàu nứt đố đổ vách và có những người nghèo thảm hại, nên chắc chắn cần có một tổ chức để kiểm soát và cải thiện tình hình đó. Điều quan hệ là phải hạn chế sự giàu, cũng như cần phải giới hạn mức nghèo. Những tình trạng thái quá đều có hại... Có cảnh nghèo khó đến chết đói là dấu hiệu chắc chắn ở đâu đấy có sự chuyên chế. Người đời phải gấp rút giải quyết vấn đề này, và thay đổi điều kiện trực tiếp đã gây nên nỗi khốn khổ của cái nghèo quần quai cho một số rất lớn nhân dân.

“Kẻ giàu phải phân phối sự có thừa của mình, lòng họ phải mềm lại và họ phải nuôi dưỡng lòng từ mẫn sáng suốt, họ phải quan tâm đến những kẻ đau buồn đang khốn khổ vì thiếu thốn cả những thứ cần thiết nhất để sống.”

“Phải thiết lập những đạo luật đặc biệt để thanh toán những sự giàu nghèo thái quá... Chính phủ các nước phải tuân theo Luật pháp Thượng Đế đã ban cho mọi người một sự công bình như nhau... Khi nào điều này chưa thực hiện được thì Luật pháp của Thượng Đế vẫn không được tôn trọng.”

-Sự khôn ngoan của Đức Abdul-Baha, trang 140-

TÀI CHÁNH CÔNG DỤNG

Đức Abdul-Baha khuyến dụ rằng mỗi thành phố, mỗi xã hay quận, hãy hết sức đảm nhận trách nhiệm quản trị tài chánh thuộc địa hạt thẩm quyền của mình, và góp phần đầy đủ vào những chi phí của sự quản lý chung. Một trong các nguồn lợi chánh là thuế lũy tiến đánh vào lợi tức. Nếu lợi tức của một người không quá mức sống tối thiểu, thì họ được miễn tất cả các thứ thuế; nhưng trong trường hợp số lợi tức vượt quá mức sống tối thiểu, thì họ phải đóng thuế mà số bách phân tăng theo tỷ lệ với thặng số của lợi tức sau khi trừ các chi phí cần thiết.

Mặt khác, nếu vì lý do đau ốm, mất mùa hay bất cứ một duyên cớ nào mà một người không chịu trách nhiệm khiến người đó không thu lợi tức đủ chi dụng trong năm, thì công quỹ phải đảm bảo sinh kế cho người đó và gia đình họ.

Ngoài ra, lại còn những nguồn thu nhập chung, như những của cải không có di chúc, hầm mỏ, các kho tàng đã khám phá và những sự đóng góp tự nguyện; những nguồn lợi đó sẽ dùng vào các sự chi tiêu để giúp đỡ cho người tàn tật, trẻ mồ côi, trường học, người mù lòa, kẻ câm điếc và cho việc bảo vệ sức khỏe cho dân chúng. Như vậy hạnh phúc và tiện nghi được bảo đảm cho mọi người.²⁴

TÌNH NGUYỆN CHIA PHẦN

Trong một bức thư viết năm 1919 cho Tổ chức Trung ương về Nền Hòa bình Lâu dài, Đức Abdul-Baha dạy:

“Trong các giáo huấn của Đức Baha’u’llah có điều nói về vấn đề tình nguyện chia tài sản của mình cho anh em đồng loại. Sự tình nguyện chia phần này đáng khen hơn là sự quân phân (do luật pháp ấn định) và dựa trên sự kiện là ta không được yêu ta hơn đồng loại, mà trái lại phải hy sinh tính mạng và tài sản của mình cho kẻ khác. Những điều này không được bắt ép để làm thành một luật cưỡng bách. Không, bởi vì con người phải sẵn lòng, và hoàn toàn do thiện chí mà hy sinh tài sản và tính mệnh của mình cho kẻ khác, họ tự ý chi dụng cho kẻ nghèo cũng như người Baha’i ở Ba Tư thường có lệ ấy.”

CÔNG VIỆC CHO MỌI NGƯỜI

Một trong những giáo huấn quan trọng nhất của Đức Baha’u’llah liên quan đến vấn đề kinh tế là mọi người phải dấn thân vào một công việc. Trong cái tổ ong của loài người không được có lỗ ong đất, những kẻ khỏe mạnh ăn bám vào xã hội. Ngài dạy:

“Mỗi người bắt buộc phải làm nghề này hay nghề khác: nghệ thuật, thương mại v. v... Chúng Ta quyết định kể việc lao lực của các người ngang với việc thờ phượng Thượng Đế, Đấng Chân thực. Hỡi dân chúng! Hãy suy gẫm về lượng Tử bi của Thượng Đế, và những ân huệ mà Ngài đã ban cho các người, và rồi hãy tạ ơn Ngài, sáng cũng như chiều. Đừng lười biếng và ươn hèn, chớ phung phí thì giờ, hãy quan tâm đến điều gì có lợi cho các người và cho kẻ khác. Điều này đã được truyền phán trong Kinh bản này, đã truyền ra ở Chân trời, nơi Mặt trời Thông tuệ và Thánh ngôn đang chói lọi. Kẻ đáng khinh bỉ nhất trước mắt Thượng Đế là kẻ ngồi không mà ăn xin. Hãy bám chắc vào sợi dây hoạt động, trông cậy vào Thượng Đế, Đấng Nguyên nhân của các Nguyên nhân”.

-Tin Mừng-

Ngày nay, trên thế giới có biết bao năng lực bị phung phí vào những cuộc xung đột vô bổ và những cuộc tranh chấp tai hại, làm tiêu hủy và tê liệt những cố gắng của kẻ khác. Lại còn biết bao nhiêu vụ phá tán tệ hại hơn nữa. Nếu mọi người đều làm việc, và nếu tất cả công khó của họ, bằng tay chân hay bằng trí óc, đều làm lợi cho nhân loại như Đức Baha’u’llah đã truyền dạy, thì những tài nguyên cần thiết cho một cuộc sống lành mạnh, thanh thoi và xứng đáng, sẽ được dư dật cho mọi người. Không cần thiết phải có nhà ổ chuột, nạn đói kém, nghèo khổ, nô lệ kỹ nghệ, lao lực quá độ, tiêu mòn sức khỏe.

ĐẠO ĐỨC LUẬN VỀ SỰ GIÀU CÓ

Theo giáo lý Baha’i thì những của cải làm ra một cách ngay thật và biết dùng phải lẽ đều đáng trọng. Dịch vụ cung cấp phải được đền đáp xứng đáng. Đức Baha’u’llah dạy trong bản Tarazat: “Con dân Baha không được khước từ đền đáp

công lao của bất cứ ai và phải biết tôn kính kẻ có tài... Hãy nói theo lẽ công bằng và thừa nhận giá trị những công việc hữu ích”

Đề cập đến vấn đề cho vay lấy lời, Đức Baha'u'llah viết trong Kinh bản Ishraqat như sau:

“Nhiều người bắt buộc phải nhờ đến điều này; nếu không cho phép thuê một đồng lời nào, thì công việc sẽ bị trở ngại đình trệ... Hiếm có kẻ bằng lòng cho vay theo nguyên tắc Qard-i-hasan (nguyên văn là “cho mượn tốt”, nghĩa là tiền cho mượn không lấy lời và trả tùy ý của kẻ mượn). Bởi vậy, để giúp đỡ các kẻ nô bộc, Chúng Ta cho phép định một số tiền lời trong số tiền vay cũng như những sự giao dịch doanh thương thường lệ khác. Nghĩa là được phép một cách hợp pháp và lương thiện, định một số lời cho số tiền cho vay... nhưng phải định một cách phải chăng và công bằng. Ngòi bút Vinh hiển miễn vạch ra giới hạn tiền lời đó, vì có thận trọng, và để có sự dễ dàng cho các nô bộc Ngài. Ta khuyên các bạn hữu của Thượng Đế hãy xử sự một cách liêm chính và công bằng, ngõ hầu những kẻ thân yêu của Ngài có thể biểu lộ lòng quảng đại và nhân đức đối với nhau...

“Sự thi hành những công việc như vậy sẽ giao phó cho các nhân viên của Tòa Công lý để họ có thể hành động một cách khôn khéo theo yêu cầu của thời đại”.

BÃI BỎ CHẾ ĐỘ NÔ LỆ KỸ NGHỆ

Trong Thánh kinh Aqdas, Đức Baha'u'llah lên án chế độ nô lệ và Đức Abdul-Baha giải thích rằng, chẳng những chế độ nô lệ chính danh, mà cả nô lệ kỹ nghệ đều trái với luật pháp của Thượng Đế. Trong những ngày lưu lại Mỹ, năm 1912, Ngài nói với các người Mỹ:

“Khoảng những năm 1860 và 1865, các người đã làm được một việc phi thường, các người đã bãi bỏ chế độ nô lệ; nhưng ngày nay các người cần phải làm một việc phi thường hơn nữa: Các người phải bãi bỏ chế độ nô lệ kỹ nghệ.

“Giải quyết các vấn đề kinh tế không thể trông vào tổ chức tư bản chống lao động, hay lao động chống tư bản, cũng không phải bằng những cuộc xung đột hay đấu tranh, mà bằng một thái độ thiện chí tự nguyện của cả hai bên. Lúc đó mới có sự bảo đảm cho một nền công lý thực sự và lâu dài...

“Giữa những người Baha'i, không có sự bóc lột, vụ lợi hay bất công, không có một đòi hỏi nào vì thù hận, không có một cuộc cách mạng nào nổi dậy chống chính quyền hiện hữu...

“Trong tương lai, cũng không thể có một số người còn chứa chất những tài sản to lớn do sức lao động của kẻ khác. Kẻ giàu sẽ tự nguyện chia của. Họ sẽ quen

dẫn với công việc đó, tùy tâm một cách tự nhiên. Điều đó không bao giờ đạt được bằng chiến tranh hay những cuộc đổ máu.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển XII, số 15, trang 147-

Chính nhờ sự hội ý và hợp tác một cách thân mật, nhờ sự liên hợp và phân chia tiền lời một cách thỏa đáng mà quyền lợi của người lao động và tư bản sẽ được bảo vệ chắc chắn hơn. Những phương sách cứng rắn như đình công hay chiếm đóng nhà máy không những gây thiệt hại trực tiếp cho những kỹ nghệ đó, mà còn thiệt hại cho cả cộng đồng xã hội. Cho nên, các chính phủ có nhiệm vụ tìm cách ngăn chặn việc sử dụng phương pháp quyết liệt đó, để dàn xếp các mối phân tranh. Đức Abdul-Baha có dạy ở Dublin, New Hampshire, năm 1912:

“Bây giờ Ta muốn nói với các người về Luật pháp của Thượng Đế. Theo Luật pháp của Thượng Đế thì kẻ làm công không phải chỉ được trả tiền lương mà thôi. Không, họ phải là thành viên của mọi công ty. Vấn đề xã hội hóa là một vấn đề rất khó khăn. Việc đình công, đòi tăng lương không thể giải quyết vấn đề này. Tất cả các chính phủ trên thế giới phải đoàn kết lại và thiết lập một hội nghị, mà hội viên do quốc hội bầu trong những phần tử tinh hoa của mỗi nước. Những người này sẽ lập kế hoạch cải cách khôn ngoan và mạnh mẽ, khiến cho giới chủ không bị thiệt hại nhiều và giới thợ không bị thiếu thốn. Hết sức ôn hòa, họ sẽ khởi thảo pháp luật, rồi công bố rằng luật sẽ bảo toàn quyền lợi của giới lao động một cách hiệu lực, cũng như sẽ bảo vệ quyền lợi của giới tư bản. Khi một bộ luật như vậy được chấp nhận với sự thỏa thuận của cả đôi bên, thì mỗi khi có cuộc đình công xảy ra, tất cả các chính phủ trên thế giới phải hiệp lực lại mà chống ngăn nó. Nếu không công việc sẽ đưa đến chỗ tàn phá, nhất là ở Châu Âu, nhiều biến cố tai hại sẽ xảy ra.

“Một trong nhiều nguyên nhân của cuộc chiến tranh toàn diện ở Châu Âu là vấn đề này. Chủ nhân các hầm mỏ, nhà máy, bất động sản, đều phải chia các khoản thu nhập và một khoản bách phân tiền lời cho thợ thuyền của mình, để ngoài tiền lương ra, họ còn được hưởng phần lợi tức chung của công ty, hầu cho họ hăng hái làm việc hết sức mình.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển VIII, số I, trang 7-

VẬT DI TẶNG VÀ DI SẢN

Đức Baha'u'llah dạy rõ rằng, ai cũng được tự do chi dụng suốt đời các tài sản của mình tùy theo sở thích riêng. Điều quan trọng là mỗi người cần để lại chúc thư cho biết tài sản của mình sẽ được phân chia ra sao khi mình qua đời. Nếu kẻ mất đi mà không để lại di chúc, thì phải trị giá tài sản của họ, rồi phân chia theo những tỷ lệ nhất định cho bảy hạng người được hưởng gia tài, tức là con cái, vợ hay chồng, cha, mẹ, anh em, chị em, và những người dạy dỗ; phần của mỗi người giảm dần từ người đầu cho đến người cuối. Nếu một hay nhiều hạng người trong số đó khiêm khuyết, thì những phần đó sẽ bỏ vào công quỹ và dành cho kẻ nghèo

khó, trẻ mồ côi, kẻ góa bụa, hay dùng vào việc công ích nào khác. Nếu kẻ mất đi không có người nào hưởng gia tài cả, thì toàn bộ tài sản của người ấy sẽ sung vào công quỹ.

Trong luật lệ của Đức Baha'u'llah, không có điều nào cấm một người di tặng tất cả tài sản của mình cho bất kỳ người nào mình muốn, nhưng người Baha'i khi làm di chúc của mình, dĩ nhiên sẽ chịu ảnh hưởng của công thức mà Đức Baha'u'llah đã thiết lập đối với những tài sản không có di chúc, đảm bảo phân chia tài sản cho nhiều người được hưởng.

BÌNH ĐẲNG NAM NỮ

Một trong những nguyên lý xã hội của Đức Baha'u'llah rất chú trọng là người đàn bà phải được coi ngang hàng với người đàn ông, được hưởng những quyền hạn và đặc ân bằng nhau, một nền giáo dục như nhau và những cơ hội phát triển giống nhau.

Một phương tiện lớn lao mà Ngài trông mong sẽ thực hiện được sự giải phóng phụ nữ là nền giáo dục phổ thông. Con gái cũng phải có một nền giáo dục kỹ lưỡng như con trai, vì trong một thời gian, các thiếu nữ ấy sẽ trở thành các bà mẹ, và đã là mẹ, thì họ là những nhà giáo dục đầu tiên cho thế hệ sau. Trẻ con giống như nhánh non và tươi, nếu sự uốn nắn đầu tiên tốt, thì chúng sẽ mọc lên ngay thẳng, nếu sự uốn nắn đó sai lầm, thì chúng lớn lên một cách cong vẹo, và cho đến ngày chết, chúng đều chịu hậu quả của sự rèn luyện từ lúc tuổi thơ. Cho nên điều tối quan trọng là con gái phải được giáo dục thật tốt và thật khôn ngoan. Trong những cuộc du hành qua Tây phương, Đức Abdul-Baha thường có nhiều cơ hội giải thích những giáo huấn Baha'i về vấn đề này. Trong một cuộc hội họp của Liên đoàn Giải phóng Phụ nữ ở London, tháng giêng, năm 1913, Ngài dạy:

“Nhân loại giống như con chim có đôi cánh: cánh nam và cánh nữ. Nếu đôi cánh không khỏe đều và không chuyển động bằng một sức lực chung, thì chim không thể bay lên trời được. Theo tinh thần của Chu kỳ này, thì người đàn bà phải tiến lên và phải làm tròn sứ mạng của mình trong nhiều lĩnh vực của đời sống, phải trở thành bình đẳng với đàn ông. Họ phải có trình độ ngang với đàn ông và được hưởng những quyền hạn bình đẳng. Đó là nguyện cầu nồng nàn của Ta, và là một trong những nguyên lý căn bản của Đức Baha'u'llah.

“Một số các nhà bác học tuyên bố rằng khối óc của người đàn ông nặng hơn khối óc của người đàn bà, và họ chủ trương rằng, sự kiện đó là một chứng cứ về sự trội hơn của người đàn ông. Tuy nhiên, nhận xét xung quanh ta, ta thấy có người đầu bé và óc dĩ nhiên là nhẹ, lại đã tỏ ra là một đại trí thông minh tuyệt vời và có tài năng hiểu biết sâu xa nhất; còn có nhiều kẻ đầu to, và óc dĩ nhiên là nặng, thì lại chỉ là kẻ ngu dốt. Do đó sức nặng của khối óc không phải là thước đo đúng sự thông minh và tài ba.

“Bằng có thứ hai đàn ông viện ra để kể mình hơn đàn bà, là đoán quyết rằng đàn bà không thành đạt được trong công việc bằng người đàn ông; thật là một lập luận hết sức nghèo nàn và không phù hợp với lịch sử. Nếu họ hiểu lịch sử khá hơn, họ ắt biết có những người đàn bà vĩ đại trong quá khứ đã hoàn thành bao sự nghiệp lớn lao và hiện nay còn biết bao nhiêu phụ nữ tài ba cũng đang hoàn thành những sự nghiệp lớn.”

Ở đây, Đức Abdul-Baha trong khi kể đến những thành tựu của bà Zenobia và những nữ vĩ nhân ngày xưa, đã kết luận bằng cách tỏ lòng tôn kính hùng hồn đối với lòng dũng cảm của bà Mary Magdalene, vì bà có một đức tin mãnh liệt trong khi đức tin của các tông đồ bị lay chuyển. Ngài phán tiếp:

“Trong số các bà danh tiếng ở thời đại Ta, có bà Qurratúl-Ayn (Tahirih), con gái của một vị tu sĩ Hồi giáo. Vào thời Đức Bab xuất hiện, bà bộc lộ sự cương nghị và can đảm lớn lao đến nỗi ai nghe đến bà cũng rất ngạc nhiên. Bà đã vứt bỏ tấm vải che mặt, bất chấp luật lệ lâu đời của Ba Tư, và mặc dù sự nói chuyện với đàn ông bị coi như là một điều bất xứng, người đàn bà dũng cảm này vẫn tranh luận với các nhà trí thức bậc nhất, và ở trong cuộc họp nào bà cũng toàn thắng. Chính phủ Ba Tư giam giữ bà, bà bị ném đá ngoài đường, bị bài xích, bị đày đi từ thành phố này đến thành phố khác, bị đe dọa tử, nhưng không bao giờ bà giảm quyết tâm trong hành động giải phóng chị em của bà. Bà chịu đựng sự đàn áp và đau khổ rất mực anh hùng; ngay cả ở nhà tù, bà cũng giác ngộ được nhiều người. Bị giam cầm ở nhà một vị thượng thư Ba Tư, bà nói với ông ta rằng: “Ngài có thể giết tôi khi nào Ngài muốn, nhưng Ngài không thể bóp nghẹt được sự giải phóng phụ nữ”. Kết cục cuộc đời hùng tráng của bà đã đến: bà bị điệu đến một cái vườn, và bị thất cổ. Lúc bấy giờ bà mặc bộ y phục đẹp nhất, như thể bà là cô dâu. Bà hiến dâng cuộc đời một cách rất cao thượng và can đảm, đến nỗi những kẻ có mặt ở đây đều ngạc nhiên, rụng rời. Quả thật, bà là một đáng anh thư. Ngày nay, ở Ba Tư, trong số tín đồ Baha’i, nhiều bà cũng tỏ ra rất can đảm, có thiên tài về thi thơ và rất hùng biện, thường diễn thuyết trước những cử tọa rất đông.

“Phụ nữ phải tiếp tục thăng tiến, vì sự hoàn thiện của nhân loại, họ phải mở rộng tầm kiến văn của mình trên lĩnh vực khoa học, văn chương và lịch sử. Chẳng bao lâu nữa, họ sẽ nhận được các quyền hạn của họ. Phái nam sẽ nhận thấy sự xứng đáng, phẩm chất của họ, cải thiện sinh hoạt chính trị và xã hội, chống chiến tranh, đòi hỏi phổ thông đầu phiếu và hưởng những cơ hội phát triển ngang hàng với nam giới. Ta ước mong các người sẽ tiến bộ trong mọi lĩnh vực của cuộc đời; và khi đó trán các người sẽ được tô điểm mũ triều thiên vinh quang vĩnh viễn.”

PHỤ NỮ VÀ THỜI ĐẠI MỚI

Khi quan điểm của phụ nữ được chú ý đến một cách phải lẽ và khi ý chí của phụ nữ có thể phát biểu đầy đủ trong việc tổ chức xã hội, thì ta mới trông mong sẽ có nhiều sự tiến bộ to tát trong các vấn đề đã bị bỏ bê dưới chế độ của quyền

lực nam giới, ví dụ như các vấn đề sức khỏe, tiết độ, hòa bình và tôn trọng giá trị của đời sống cá nhân. Những sự cải thiện đó sẽ có ảnh hưởng hữu ích lớn lao.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Thời quá khứ, thế giới bị cai trị bằng cường quyền, và đàn ông đã thống trị đàn bà, bởi những tính chất hách dịch, xâm lược vốn có trong óc cũng như trong thể xác họ. Nhưng cán cân đã nghiêng rồi: vũ lực đã mất ưu thế, còn óc linh mẫn, trực giác, và các đức tính thiêng liêng về tình yêu và lòng phụng sự đặc biệt trội hơn nơi phụ nữ, thì càng ngày càng thăng tiến.

“Cho nên, thời đại mới là thời đại ít thuộc về nam tính, nhưng thấm nhuần nhiều hơn những lý tưởng nữ tính hay nói cho đúng hơn, đây là một thời đại trong đó các yếu tố nữ tính và nam tính của nền văn minh sẽ ở vào thế quân bình.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển VIII, số 3, trang 4-

THỬ TIÊU CÁC PHƯƠNG PHÁP BẠO LỰC

Muốn thực hiện sự giải phóng phụ nữ, cũng như muốn thực hiện bất cứ một cuộc cải cách nào khác, Đức Baha'u'llah đòi hỏi các môn đệ của Ngài nhất quyết phải tránh những phương pháp bạo lực. Một tấm gương hoàn hảo về phương pháp cải cách xã hội của Baha'i đã được phát huy bởi những phụ nữ Baha'i ở Ba Tư, Ai Cập và Syrie. Tục lệ các xứ này bắt buộc phụ nữ Hồi giáo phải mang mạng che mặt khi ra khỏi nhà. Đấng Bab chỉ rõ rằng, trong Kỳ Cứu độ mới, phụ nữ sẽ được giải thoát khỏi sự hạn chế vô lý đó. Nhưng Đức Baha'u'llah khuyên nhủ các môn đệ của Ngài hãy tuân theo luật lệ hiện hành, trừ phi có điều gì thương tổn nghiêm trọng đến luân lý, và phải chờ cho đại chúng giác ngộ. Như thế để khỏi làm có tức giận cho kẻ lân cận và giữ cho những sự bài xích vô ích đừng nổi lên. Bởi vậy, phụ nữ Baha'i, dù hiểu rõ cổ tục che mặt đó, đối với người sáng suốt là không cần thiết và bất tiện, họ vẫn cam chịu sự bất tiện hơn là gây sóng gió trong tâm hồn cuồng nhiệt và hiềm khích tức tối bởi sự đố kỵ giữa công chúng. Không phải vì sợ hãi mà họ tuân theo tục lệ đó, nhưng chính họ tin cậy vào ảnh hưởng của giáo dục, vào những hiệu lực cải cách và hồi sinh của tôn giáo chân chính. Cũng trong vùng đó, người Baha'i đem tất cả nghị lực của họ để giáo huấn con cái, đặc biệt là con gái của họ, phổ biến và tác động các lý tưởng Baha'i. Họ biết rằng, khi đời sống mới về tinh thần tăng tiến và phổ cập đến các tầng lớp dân chúng thì những tục lệ cũ và những thành kiến lằn lằn phải biến đi một cách tất yếu và tự nhiên. Vô bực giống như chồi rụng vào mùa xuân khi lá và hoa bung ra dưới ánh mặt trời.

GIÁO DỤC

Sự giáo dục, việc dạy dỗ và hướng dẫn con người, việc phát triển và rèn luyện các tài năng thiên phú của họ, là mục đích tối thượng của tất cả các Đấng Tiên tri Thiên liêng, từ khi khai thiên lập địa. Giáo huấn Baha'i xác nhận sự quan

trọng chính yếu và những khả năng vô biên của sự giáo dục bằng những lời rõ rệt nhất. Nhà giáo dục là nhân tố mạnh mẽ nhất của nền văn minh, và nhiệm vụ của người thầy là nhiệm vụ cao thượng nhất mà người đời có thể mong ước.

Việc giáo dục khởi đi từ trong lòng mẹ và sẽ không bao giờ chấm dứt giống như đời sống con người. Giáo dục lúc nào cũng cần để tập sống một đời sống ngay thẳng, cũng là nền tảng để xây dựng hạnh phúc xã hội và cá nhân. Khi một nền giáo dục đúng đắn được trải rộng ra, thì nhân loại sẽ biến hóa và trái đất sẽ giống như một thiên đàng.

Ngày nay, thật hiếm có thể gặp một người thực sự được giáo dục đúng cách, vì hầu như mỗi người đều có những thành kiến sai lầm, những tư tưởng hư ngụy, những quan niệm lệch lạc và những thói quen xấu tiếm nhiệm từ lúc còn nhỏ. Cũng thật hiếm thấy những kẻ, từ tấm bé đã được dạy để yêu mến Thượng Đế hết lòng và cung hiến đời mình cho Ngài; để hiểu rằng việc phụng sự nhân loại là mục đích cao cả nhất của đời sống, để phát triển tới mức tối đa những khả năng của họ để đóng góp nhiều nhất cho hạnh phúc mọi người. Đây mới thật là những yếu tố chính của một nền giáo dục tốt. Việc chỉ nhét đầy trí nhớ với những sự kiện về số học, văn phạm, địa lý, sinh ngữ v.v..., chỉ có hiệu quả tương đối nhỏ để tạo nên những cuộc đời cao thượng và hữu ích.

Đức Baha'u'llah dạy rằng giáo dục phải được phổ biến: “Đã có lệnh người cha nào cũng phải lo giáo dục con trai và con gái mình trong việc đọc và viết, cũng như tất cả những gì đã được phán trong Kinh bản này. Kẻ nào xao lãng điều đã truyền (liên quan đến giáo dục) khi họ có phương tiện, thì sẽ bị nhân viên Tòa Công lý bắt đóng một số tiền cần thiết cho việc giáo dục con cái họ; trái lại, nếu cha mẹ không đủ khả năng, thì việc giáo dục sẽ do Tòa Công lý đảm bảo. Thật ra, Chúng Ta khiến cơ cấu ấy (Tòa Công lý) trở nên nơi nương tựa cho kẻ nghèo và kẻ thiếu thốn.

“Kẻ nào giáo dục con cái mình, hay bất cứ đứa trẻ nào khác, thì cũng như đã giáo dục một trong số các con của Ta.”

-Kinh bản của Ishraqát-

“Các người đàn ông và đàn bà phải đem giao một phần huê lợi họ kiếm được do việc thương mại, canh nông hay nghề nghiệp nào khác, cho một người đáng tin cậy để dùng vào việc giáo dục và huấn luyện trẻ em. Số tiền đó phải được đầu tư vào việc giáo dục trẻ em, được đặt dưới sự điều khiển của các vị được ủy thác (hoặc các ủy viên của Tòa Công lý).”

-Kinh bản Thế giới-

NHỮNG BIỆT DỊ BẨM SINH TRONG BẢN CHẤT

Theo quan niệm Baha'i thì bản chất con trẻ không giống như sáp mềm, để có thể nhào nặn một cách lãnh đạm tùy ý chí của thầy giáo. Không, mỗi đứa trẻ, từ lúc sơ sinh đã được phú bẩm một khí chất và một cá tính do Thượng Đế ban, tính khí đó chỉ phát triển có lợi cho nó một cách riêng biệt và độc nhất trong từng trường hợp. Không có hai người nào được phú bẩm những khả năng và thiên tài giống nhau, và một nhà giáo dục có lương tâm không bao giờ đem một khuôn mà rập cho hai người. Thật ra, ông ta sẽ không bao giờ bắt buộc ai phải theo khuôn nào cả. Nhưng ông ta sẽ chuyên tâm chú ý làm cho các năng khiếu của đứa trẻ phát triển, kích thích, che chở, cung cấp sự nuôi dưỡng và sự trợ giúp cần thiết. Công việc của ông ta giống như của kẻ làm vườn chăm nom các loài cây khác nhau. Có cây ưa ánh nắng rực rỡ, có cây ưa chỗ râm mát, có cây ưa đất ẩm ướt, lại có cây ưa đất khô ráo; có cây mau lớn trong đất cát, có cây lại chịu đất màu mỡ. Phải cho mỗi cây thứ gì thích hợp với nó, nếu không, những sự tiềm tàng hoàn hảo không thể nào phát triển được.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Các Đấng Tiên tri đều nhìn nhận hiệu lực mãnh liệt của giáo dục đối với nhân loại, nhưng các Ngài cho biết rằng trí tuệ và sự nhận thức khác nhau từ ban đầu. Người ta thấy có một số trẻ em cùng một tuổi, cùng một nòi giống, sinh đẻ trong cùng một nước, hơn nữa, lại cùng một gia đình, dưới sự dạy dỗ của cùng một thầy giáo mà trí tuệ và nhận thức lại khác nhau. Vô số dù được giáo dục (mãi giữa) thế nào chăng nữa cũng không bao giờ trở thành một hạt trai lóng lánh được. Hòn đá đen không thành viên bảo thạch chiếu sáng thế gian. Cây xương rồng gai, dù được vun trồng và chăm chút cho lớn đến đâu đi nữa, cũng không bao giờ trở thành cây hữu phúc. Tóm lại, sự giáo dục không thay đổi được bản chất chính yếu của viên bảo ngọc là con người, nhưng nó gây được một tác dụng phi thường. Do quyền lực hiệu nghiệm của nó, giáo dục làm cho những đức tính và năng lực tiềm tàng trong thực thể con người được biểu lộ.”

-Những Kinh bản của Abdul-Baha, quyển III, tr. 577

HUẤN LUYỆN NHÂN CÁCH

Điểm quan trọng nhất trong việc giáo dục là huấn luyện nhân cách. Về điều này, thì làm gương tốt hiệu nghiệm hơn là ban lời dạy; đời sống và nhân cách của cha mẹ, của giáo viên và của kẻ lân cận là những nhân tố trọng yếu nhất.

Các Đấng Tiên tri của Thượng Đế là những Đấng Giáo dục vĩ đại của nhân loại; những Lời phán dạy và lịch sử đời sống của các Ngài phải được dạy dỗ cho trẻ ngay khi chúng có thể hiểu được. Những Lời dạy của Đấng Giáo dục Tối cao là Đức Baha'u'llah, có tầm quan trọng đặc biệt, vì Ngài đã mặc khải những nguyên tắc căn bản mà nền văn minh tương lai phải được xây dựng trên đó. Ngài dạy:

“Hãy dạy con cái các người điều gì đã được mặc khải do Ngòi bút Vinh hiển. Hãy dạy chúng điều gì đã ban xuống từ cõi trời vĩ đại và quyền năng. Hãy cho chúng học thuộc các Kinh bản của Đấng Lân mãn, và hát lên những Kinh bản ấy bằng một giọng du dương nhất ở chính điện của đền Mashriqul Adhkar.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển IX, số 7, trang 81-

MỸ THUẬT, KHOA HỌC, CÔNG NGHIỆP

Việc đào luyện trong mỹ thuật, khoa học, công nghiệp và các nghề hữu ích là rất quan trọng và cần thiết. Đức Baha'u'llah dạy: “Sự hiểu biết giống như đôi cánh đối với bản thể (con người), và giống như chiếc thang để đi lên. Mỗi người cần có những kiến thức, nhưng chỉ những kiến thức về khoa học nào có thể đem lại lợi ích cho các dân tộc trên quả đất, chứ không phải những kiến thức của thứ khoa học nào bắt đầu và kết cuộc bằng lời nói suông mà thôi. Các dân tộc trên thế giới mắc một món nợ lớn đối với các nhà khoa học và nghệ sĩ. Tất nhiên, kho báu thực sự của con người, là tri thức của họ. Tri thức là phương tiện đưa tới danh dự, thịnh vượng, niềm vui, sự toại ý, hạnh phúc và niềm hân hoan.”

-Kinh bản Tajalliayat-

ĐỐI XỬ VỚI KẺ PHẠM TỘI

Trong một cuộc nói chuyện về phương pháp đối xử tốt nhất đối với kẻ phạm tội, Đức Abdul-Baha giảng giải như sau:

“...Điều thiết yếu nhất là phải giáo dục dân chúng cách nào để họ tránh và ghê sợ sự phạm tội, để cho tội ác hiện ra đối với họ như một sự trừng phạt nặng nề nhất, một mối dằn vặt đau khổ nhất. Như thế sẽ không còn sự vi phạm một tội ác nào đáng trừng phạt nữa...”

“Nếu có kẻ hà hiếp, làm tổn thương hay làm điều quấy cho ai, và nếu người xúc phạm trả thù, đó là báo thù, đó là điều đáng trách. Nếu Amru bị Zaid làm nhục, người này không có quyền làm nhục lại Amru; nếu Zaid làm như vậy, tức là trả thù và như thế cũng là làm điều ác. Trái lại, Zaid phải làm điều thiện để trả lại điều ác. Zaid không những phải tha thứ, mà nếu có cơ hội, còn phải giúp đỡ kẻ áp chế mình. Thái độ như vậy là thái độ thích hợp với con người; vì có ích gì mà trả thù? Hai hành động tương đương nhau; nếu việc này đáng tiếc, thì cả hai cũng đều đáng tiếc như nhau. Chỉ có một sự khác nhau là điều này phạm trước, còn điều kia phạm sau.

“Còn cộng đồng thì có quyền tự vệ và đề kháng; và lại cộng đồng không có hằn thù hoặc ghen ghét kẻ sát nhân; nó sở dĩ trừng phạt kẻ có tội và giam cầm hắn, chỉ để bảo vệ và giữ an ninh cho kẻ khác...”

“Vậy nên, khi Đức Chúa phán: “Nếu có kẻ tát người bên má phải, hãy chìa má trái ra cho y”, Ngài chủ đích giảng dạy người đời không được trả thù riêng. Ngài không có ý dạy rằng, nếu một con chó sói xông vào đàn cừu và toan tàn sát chúng, thì cứ để mặc nó hoành hành. Không, vì nếu Đức Chúa thấy con chó sói xông vào chuồng cừu để chực giết cừu, thì Ngài chắc chắn đã ngăn cản nó...”

“Các cộng đồng xã hội thiết lập trên sự công bằng... Sự tha thứ, lòng từ bi do Đức Chúa khuyến dụ không có nghĩa là khi các nước khác tấn công nước của các người, đốt nhà các người, cướp tài sản các người, tấn công vợ con và thân bằng quyến thuộc các người, xúc phạm thanh danh các người, các người phải khuất phục trước quân thù chuyên chế và để mặc chúng thi hành sự tàn bạo và áp bức. Không, Lời dạy của Đức Chúa đề cập đến thái độ của hai cá nhân đối với nhau. Nếu một bên xông đánh thì nạn nhân phải tha thứ. Nhưng cộng đồng phải bảo vệ các quyền của con người. Còn thêm điều đáng nói nữa là: các cộng đồng ngày và đêm phải chăm chú đến việc thiết lập hình luật, chuẩn bị và tổ chức các dụng cụ làm phương pháp trừng trị. Người ta lập nhà tù, rền còng, xiềng, người ta thiết lập những nơi an trí và phát văng, gia tăng nhiều thứ khổ hình, cốt ý để bắt phạm nhân phải trọng trật tự, nhưng thật ra họ chỉ làm tiêu mất đạo lý và gây sự hư hỏng nhân cách. Trái lại, cộng đồng ngày và đêm phải cố gắng và hết lòng nhiệt thành lo chu toàn việc giáo dục con người, giúp con người mỗi ngày một tiến bộ thêm, gia tăng tri thức và sự hiểu biết khoa học, làm cho họ thủ đắc các đức tính và nhân cách lành mạnh, bỏ hết mọi tật xấu để tội lỗi không thể xảy ra được.”

-Một số câu hỏi được trả lời, trang 307-311-

ẢNH HƯỞNG BÁO CHÍ

Đức Baha'u'llah hoàn toàn nhìn nhận tầm quan trọng của báo chí như là phương tiện phổ biến tri thức và giáo dục nhân dân, và là năng lực truyền bá văn minh, nếu được lãnh đạo đúng đắn. Ngài viết:

“Trong Ngày này, những mâu nhiệm của quả đất đã được khám phá, được phô bày ra trước mắt mọi người, và những trang tin đăng nhanh chóng trong các báo quả đúng là tấm gương soi của thế giới; nó trưng bày những sự kiện và biến cố xảy ra ở các nước này bằng cả hình ảnh và ngôn ngữ. Báo chí giống như tấm gương được ban cho thị giác, thính giác và ngôn ngữ. Đó là một hiện tượng kỳ diệu và là một vấn đề lớn lao.

“Nhưng về phần các biên tập viên và các chủ bút, họ phải rũ sạch thành kiến, tính vị kỷ, lòng tham lam, và được trang sức bằng lòng chính trực và sự công bình.

Các vị ấy phải cố gắng điều tra một cách đầy đủ hết sức để biết những sự kiện thật, và đăng tải đúng như chuyện đã xảy ra. Điều mà báo chí đăng về Kẻ Bị Áp Bức này thường là vô căn cứ. Văn hay và sự trung thực chiếm một địa vị và ngôi thứ cao cả, có thể so sánh với mặt trời mọc lên ở chân trời tri thức.”

-Kinh bản Tarazat-

CHƯƠNG X: CON ĐƯỜNG HÒA BÌNH

“Ngày nay, Kẻ Nô bộc này thật sự đã đến để đem sinh lực cho thế giới và thiết lập nền thống nhất cho mọi người sống trên địa cầu. Điều mà Thượng Đế muốn sẽ được thành tựu, cho nên người sẽ trông thấy quả đất trở nên như Thiên đường của Abha (Đấng Vinh quang Nhất).”

-Đức Baha'u'llah, Bản gửi cho Rais-

BÁT HÒA HAY THUẬN HIỆP

Suốt thế kỷ trước, các nhà bác học đã dành phần rất lớn công sức nghiên cứu sự tranh đấu vị sinh tồn trong các giới thảo mộc và động vật, và đối với các vấn đề xã hội phức tạp, một số đông các nhà khoa học đã dùng những nguyên tắc chi phối cuộc sống của các giới hạ đẳng trong thiên nhiên làm kim chỉ nam. Như vậy là họ bị đưa đến chỗ thừa nhận sự đối địch và tranh đấu là cần thiết cho cuộc sống, và sự tiêu diệt thẳng tay các sinh vật yếu hèn trong xã hội là một phương tiện chính đáng, và cũng cần thiết để cải thiện giống nòi. Đức Baha'u'llah, trái lại, dạy chúng ta rằng nếu muốn trèo lên những nấc thang tiến bộ, thì thay vì nhìn xuống thế giới động vật để tìm con đường xử thế, chúng ta phải ngược mắt lên cao và nhìn thẳng tới trước, để lấy các Đấng Tiên tri làm gương mẫu, chứ không phải loài động vật. Các nguyên tắc đạo đức về thống nhất, hòa hiệp, về lòng thương xót, mà các Đấng Tiên tri đã truyền dạy, là phản thuyết đối với những thuyết tán dương sự đấu tranh cầm thú để bảo tồn nòi giống; vì chúng ta phải lựa chọn hoặc đảng này hoặc đảng kia, vì hai bên không thể dung hòa được.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Trong thế giới thiên nhiên, điểm chính yếu là sự đấu tranh vị sinh tồn, mà kết quả là sinh vật nào thích nghi nhất sẽ được sống sót. Định luật thích nghi để sinh tồn là đầu mối của mọi khó khăn. Nó gây nên chiến tranh và đả kích, nó gieo căm hờn và thù ghét giữa loài người. Trong cõi thiên nhiên, vốn có sự chuyên chế, tánh vị kỷ, sự xâm lấn, sự thống trị, sự chiếm đoạt quyền của giống khác, và vô số thuộc tính không xứng đáng khác, nhưng chỉ thuộc riêng về giới động vật. Do đó, khi nào những đặc tính cố hữu thiên nhiên ấy còn nắm ưu thế trong con cái loài người, thì sự thành công và thịnh vượng không thể nào đạt đến được. Thiên nhiên là hiếu chiến, khát máu, độc đoán, vì thiên nhiên không có ý thức về Thượng Đế, Đấng Toàn năng. Đó là lý do vì sao những bản tánh hung bạo đó là tự nhiên đối với loài thú.

“Cho nên Đấng Thượng Đế của nhân loại, vì tràn ngập tình yêu và ân sủng, đã cho các Đấng Tiên tri xuất hiện và cho mặc khải các Thánh kinh, hầu cho nhân loại, nhờ sự giáo huấn của Thượng Đế mà được giải thoát khỏi sự hư hoại của thiên nhiên và sự tối tăm ngu dốt, để cho nhân loại thủ đắc các đức hạnh lý tưởng

và những đặc tính tinh thần, và để họ trở nên chôn hừng đông của những tình cảm vị tha...

“Tiếc thay! Hàng trăm ngàn lần, thành kiến ngu dốt, những biệt dị nông cạn và tính hiếu chiến còn nắm ưu thế trong các quốc gia trên thế giới, đã làm chậm sự tiến bộ chung. Sự thoái hóa đó sở dĩ có, vì các nguyên tắc của nền văn minh Thiên thượng đã bị xao lãng khắp nơi, và những giáo huấn của các Đấng Tiên tri đã bị quên lãng.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển VIII, trang 15-

NỀN HÒA BÌNH LỚN NHẤT

Thời nào cũng vậy, các Đấng Tiên tri của Thượng Đế đều tiên báo về một Kỷ nguyên “Hòa bình trên quả đất và thiện chí giữa loài người”.

Như chúng ta thấy, Đức Baha’u’llah xác định các lời tiên tri ấy bằng những ngôn từ cương quyết và rạch ròi nhất, và tuyên bố rằng việc ứng nghiệm gần đến nơi rồi. Đức Abdul-Baha dạy:

“Trong Chu kỳ huyền diệu này, quả đất sẽ biến dạng và nhân loại sẽ được tô điểm bằng hòa bình và mỹ hảo. Những mối bất hòa, cãi vã, những sự cố sát sẽ mất đi để nhường chỗ cho hòa bình, chân lý và hòa hiệp, tình yêu và tình bằng hữu sẽ nảy nở giữa các quốc gia, các dân tộc, các nòi giống, các xứ. Sự hợp tác và đoàn kết sẽ được thực hiện và chiến tranh sẽ hoàn toàn bị thủ tiêu... Nền hòa bình thế giới sẽ cắm trại của nó ở trung tâm quả đất, và cây nhân sinh hữu phúc sẽ nảy nở tốt tươi đến nỗi bóng của nó sẽ che khắp từ Đông sang Tây. Kẻ khỏe và người yếu, kẻ giàu và người nghèo, các giáo phái đối lập nhau và các quốc gia cừu địch giống như sói, beo và dê con, sư tử và bê; tất cả đều đối xử với nhau hoàn toàn công bằng, bình đẳng, quyến luyến và thương yêu. Thế giới sẽ thấm nhuần khoa học, sung túc tri thức về thực tại bí ẩn của tạo vật và tri thức về Thượng Đế.”

-Một số câu hỏi đã được giải đáp, trang 74, 75-

THÀNH KIẾN TÔN GIÁO

Để thấy rõ bằng cách nào đạt được nền “Hòa bình Lớn Nhất”, chúng ta hãy xem xét những nguyên nhân chính đã dẫn đến chiến tranh trong thời quá khứ, và xem Đức Baha’u’llah đã đề nghị phương sách nào để trừ khử từng nguyên nhân đó.

Thành kiến Tôn giáo là nguyên nhân của hầu hết các cuộc chiến tranh. Về điểm đó các giáo huấn Baha’i chứng minh rõ ràng, nỗi ghen ghét và mối bất hòa giữa các dân tộc thuộc các tôn giáo và giáo phái khác nhau, luôn luôn không phải do Tôn giáo chân chính mà ra, nhưng do sự vắng bóng Tôn giáo chân chính; và

do nó bị thay thế bởi những thành kiến hư ngụy, những sự bất chước mù quáng và những giải thích sai lạc.

Trong một cuộc nói chuyện tại Ba Lê, Đức Abdul-Baha dạy:

“Tôn giáo phải thống nhất tất cả các tâm hồn, loại trừ chiến tranh và xung đột khỏi quả đất; Tôn giáo phải làm nảy sinh đức tính tâm linh, mang lại ánh sáng và sinh khí cho mọi linh hồn. Nếu Tôn giáo lại trở thành duyên cớ cho tị hiềm, chia rẽ, thù ghét, thì thà không có tôn giáo còn hơn, và không nhìn nhận một tôn giáo như vậy là một cử chỉ thực sự có tôn giáo. Rõ ràng mục đích của thuốc men là chữa bệnh, nhưng nếu thuốc đó lại làm nặng bệnh thêm thì tốt hơn là nên bỏ nó đi. Tôn giáo nào không là nguyên nhân của tình yêu và thống nhất, thì không phải là tôn giáo.”

-Sự khôn sáng của Đức Abdul-Baha, trang 180-

Ngài còn dạy:

“Từ khi bắt đầu có lịch sử nhân loại tới nay, các tôn giáo đã đối nghịch với nhau, tôn giáo này buộc tội tôn giáo kia là ngụy giáo... Các tôn giáo tự phân chia một cách quyết liệt, gieo rắc ghen ghét, hiềm khích nhau. Các người hãy xem lịch sử chiến tranh tôn giáo... Một trong những cuộc chiến tranh to lớn nhất, cuộc chiến tranh của Thập tự quân, đã kéo dài trên 200 năm. Lúc thì Thập tự quân chiến thắng, giết, cướp, bắt người Hồi giáo; lúc thì người Hồi giáo thắng trận, gieo điều tàn và làm đẫm máu cho kẻ xâm lăng. Họ cứ tiếp tục như thế suốt hai thế kỷ, luân phiên đánh nhau cuồng nhiệt, rồi gián ra vì kiệt quệ, cho đến lúc cánh tôn giáo châu Âu rút lui ra khỏi phương Đông, bỏ lại những đống tro tàn và sự đổ nát, để về chứng kiến ngay chính quốc gia mình rơi vào cảnh biến động và rối loạn... Và đây chỉ là một trong các trận “Thánh chiến”.

“Chiến tranh tôn giáo rất nhiều. Sự xung đột giữa Công giáo và các Giáo phái Tin lành, kết cuộc làm cho 900 ngàn tín đồ Tin lành bị tử đạo... Biết bao nhiêu người đã mòn mỏi trong các nhà tù. Những người bị bắt, bị đối xử tàn tệ. Tất cả những việc đó, lại mang danh nghĩa tôn giáo.

Tín đồ Thiên chúa giáo và Hồi giáo đều coi người Do Thái giáo như quỷ Satan và là kẻ thù của Thượng Đế. Vì đó họ nguyên rủa và sát hại người Do Thái giáo, một số lớn người Do Thái giáo bị bắt giữ, nhà họ bị đốt cháy, con cái họ bị cướp phá. Về phía họ, người Do Thái giáo coi tín đồ Thiên chúa giáo như kẻ ngoại đạo, coi tín đồ Hồi giáo như kẻ thù, kẻ phá hoại luật pháp của Moses; cho nên họ cầu xin sự trả thù, và đến ngày nay họ vẫn còn nguyên rủa tín đồ Thiên chúa giáo và Hồi giáo.

“Khi ánh vinh quang của Đức Baha’u’llah chiếu sáng ở phương Đông thì Ngài công bố lời hứa thực hiện sự thống nhất nhân loại. Ngài truyền giảng cho nhân loại rằng: “Tất cả các người là quả cùng một cây. Không phải là hai cây, đây là cây lân mẫn của Thượng Đế, kia là cây của quỷ Satan”... Chúng ta phải xử sự

với nhau trong tình thương yêu cao cả nhất. Chúng ta không được coi dân tộc nào như là đồ đệ của Satan, nhưng phải biết và nhìn nhận mọi người đều là nô bộc của Đấng Thượng Đế duy nhất. Nhiều nhất chỉ có điều này: có người còn chưa biết, nên phải giáo huấn và dìu dắt họ... Có người còn ngu dốt nên phải thông báo cho họ, có người chỉ là đứa trẻ nên phải giúp đỡ họ tiến tới sự chín chắn. Có người bị bệnh, tình trạng tinh thần họ bị sa sút, cần phải chăm sóc họ cho tới khi nào tinh thần họ được thanh lọc. Nhưng không được ghét một người đau vì y mắc bệnh; không được xa lánh đứa trẻ vì nó là đứa trẻ; không được khinh khi kẻ dốt vì người ấy thiếu hiểu biết. Phải sẵn sàng, giáo huấn, giúp đỡ và rèn luyện họ bằng cả tấm lòng yêu thương. Mọi việc đều phải làm để cho toàn thể nhân loại có thể sống dưới bóng Thượng Đế, trong sự an ninh và niềm hạnh phúc trọn vẹn nhất.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển VIII, trang 76-

THÀNH KIẾN QUỐC GIA VÀ CHŨNG TỘC

Lý thuyết Baha'i về việc thống nhất nhân loại đã đánh mạnh vào gốc rễ một nguyên do khác của chiến tranh, đó là thành kiến về chủng tộc. Một số chủng tộc tự cho mình ở trên các chủng tộc khác, và kết luận vu vơ rằng theo nguyên tắc “sinh tồn nhờ thích nghi”, họ có quyền bóc lột để trục lợi, hay tiêu diệt những chủng tộc khác bị coi là “hạ đẳng”. Biết bao nhiêu trang sử đen tối nhất là tấm gương về việc nguyên tắc ấy đã được áp dụng một cách tàn nhẫn. Người Baha'i tin tưởng rằng nhân loại thuộc mọi chủng tộc đều có giá trị như nhau trước Thượng Đế. Tất cả đều có những năng lực thiên phú kỳ diệu, chỉ cần giáo dục thích hợp là có thể phát triển được; và mỗi chủng tộc đều có thể đóng vai của mình, vai trò đó thay vì làm cho nghèo nàn thì lại làm cho nó phong phú và hoàn bị cuộc sống của tất cả các thành phần khác trong toàn thể nhân loại. Đức Abdul-Baha dạy:

“Thành kiến về chủng tộc là một ảo tưởng, một thành kiến thuần túy và giản đơn, vì Thượng Đế đã tạo ra tất cả chúng ta là một chủng tộc... Thuở sơ khai không có sự phân chia giới hạn hay biên giới cho vùng này vùng nọ, không một phần nào trên địa cầu lại thuộc quyền sở hữu của dân tộc này nhiều hơn dân tộc khác. Trước mắt Thượng Đế không có sự khác nhau giữa các chủng tộc. Tại sao con người phát minh ra thành kiến đó? Sao chúng ta lại nuôi dưỡng chiến tranh vì một ảo tưởng như thế? Thượng Đế không tạo nên con người để họ hủy diệt lẫn nhau. Tất cả các dân tộc, các bộ lạc, các giáo phái và đẳng cấp được hưởng phần đồng đều về lượng quang đại của Đấng Cha chung ở trên trời. Chỉ có điều sai biệt thực sự duy nhất là mức độ trung thành và tuân tùng của họ đối với Luật pháp của Thượng Đế. Có kẻ chiếu sáng như chiếc đuốc, có người thì chiếu ngời như ngôi sao trên bầu trời nhân loại.

“Những người yêu thương nhân loại là những người cao quý, bất kỳ họ thuộc về quốc gia, chủng tộc hay tín ngưỡng nào.”

-Sự khôn ngoan của Đức Abdul-Baha, trang 137-

Có điều xấu xa không kém thành kiến chủng tộc là những thành kiến ái quốc và chính trị. Đã đến lúc những chủ nghĩa ái quốc chật hẹp, nông cạn, phải dung hợp trong một chủ nghĩa ái quốc rộng rãi, mà tổ quốc là thế giới. Đức Baha'u'llah dạy:

“Trước đây đã được mặc khải rằng”Tình yêu quê hương là một yếu tố trong Đức tin về Thượng Đế.” Nhưng Ngọn Lưỡi Vĩ Đại trong Ngày Biểu hiện của Ngài đã phán: “Vinh quang không thuộc về kẻ thương yêu xứ sở mà thuộc về kẻ thương yêu thế giới”. Chính uy lực phát ra từ những lời cao siêu đó đã tạo nên sức đẩy mới và định phương hướng mới cho những con chim linh hồn nhân loại và đã xóa bỏ những hạn chế và bất chúc khỏi Thánh kinh của Thượng Đế.”

-Kinh bản thế giới-

THAM VỌNG ĐẤT ĐAI

Có nhiều cuộc chiến tranh xảy ra vì những mảnh đất mà hai hay nhiều nước cùng thèm muốn thôn tính. Lòng tham của cải từng là một nguyên do gây nên nhiều cuộc đấu tranh giữa các nước cũng như giữa các cá nhân. Theo quan điểm Baha'i, đất không thuộc về một cá nhân nào hoặc một quốc gia riêng lẻ nào, nhưng nó thuộc về toàn thể nhân loại; hay nói đúng ra là chỉ thuộc về Thượng Đế thôi, còn mọi người chỉ là những tá điền.

Nhân trận đánh ở Benghazi,²⁵ Đức Abdul-Baha phán:

“Tin về trận chiến Benghazi làm đau buồn lòng Ta. Ta kinh ngạc vì sự dã man của con người vẫn còn tồn tại trên thế giới. Tại sao người đời có thể đánh nhau suốt ngày đêm, giết chóc lẫn nhau, làm đổ máu kẻ đồng loại? Và để làm gì? Để thôn tính một mảnh đất? Chính loài vật lại có những lý lẽ cấp bách và hợp lý hơn để tấn công nhau. Thật thảm thương khi thấy con người thuộc về giới thượng đẳng, lại chịu tự hạ mình xuống để chém giết và gây đau khổ cho kẻ đồng loại mình để chiếm một mảnh đất. Vật cao quý nhất trong mọi tạo vật, lại đánh nhau để giành vật chất ở thế thấp nhất, là đất.

“Đất không thuộc về một dân tộc nào, nhưng thuộc về mọi dân tộc. Đất không phải là nhà của con người, mà là nấm mồ của họ.

“Dù kẻ chinh phục có vĩ đại đến đâu chẳng nữa, dù những nước mà hắn đã đặt được ách nô lệ lên có nhiều chẳng nữa, thì hắn vẫn không thể giữ được những xứ bị tàn phá ấy, ngoài mảnh đất nhỏ: là nấm mồ chôn hắn.

“Nếu cần thêm đất cho công cuộc cải thiện đời sống dân chúng hay phát triển nền văn minh, thì chắc chắn sự khuếch trương cần thiết đó có thể thỏa mãn một cách hòa bình. Chiến tranh chỉ dùng để thỏa mãn tham vọng con người. Chỉ vì muốn giành quyền lợi thế gian cho số ít người, mà người ta tạo sự khốn khổ cho vô số gia đình, làm tan nát con tim của hàng trăm đàn ông, đàn bà...

“Ta truyền cho tất cả các người rằng mỗi người phải tập trung tất cả tư tưởng trong tâm hồn các người vào sự thương yêu và thống nhất. Khi một ý nghĩ chiến tranh lóe lên phải dập tắt nó bằng một ý nghĩ hòa bình mạnh mẽ hơn. Một ý nghĩ về thù ghét phải được triệt tiêu bằng một ý nghĩ yêu thương mạnh mẽ hơn. Nếu quân sĩ của thế giới rút gươm ra để tàn sát, thì quân sĩ của Thượng Đế phải chấp tay lại. Ước mong rằng có như vậy, thì nhờ ân sủng của Thượng Đế, thứ ân sủng chỉ tác động qua những tâm hồn tinh khiết và những linh hồn chân thật, tính dã man của con người mới tiêu mất được. Đừng tưởng rằng Hòa bình là một lý tưởng không thể đạt đến; đối với đức từ bi thiêng liêng của Thượng Đế thì không có gì là bất năng cả. Nếu các người thật lòng muốn có tình hữu nghị với mọi chủng tộc trên thế giới, thì ý tưởng của các người, vốn thiêng liêng và tích cực, phải được truyền đi khắp nơi: ý tưởng đó sẽ trở thành ước mong của những kẻ khác, sẽ thành mạnh mẽ hơn cho đến khi nó thấm vào trí tuệ mọi người.”

-Sự khôn sáng của Đức Abdul-Baha, trang 23-

THẾ GIỚI NGỮ

Chúng ta vừa nhìn lướt qua những nguyên nhân chính gây ra chiến tranh và các phương sách để loại bỏ những nguyên nhân đó, bây giờ chúng ta hãy xem xét một số đề nghị xây dựng do Đức Baha'u'llah xướng xuất để thực hiện nền Hòa bình Lớn Nhất.

Đề nghị thứ nhất liên quan đến việc thiết lập một thế giới ngữ phụ. Đức Baha'u'llah có đề cập đến vấn đề đó trong Thánh kinh “Kitab-i-Aqdas” và trong nhiều Kinh bản khác của Ngài. Trong Kinh bản Ishraqat, Ngài dạy:

“Ishraq thứ sáu (sự Huy hoàng) là sự thống nhất và hòa hợp giữa loài người. Nhờ năng lực sáng ngời của sự thống nhất mà tất cả các miền của thế giới luôn luôn được chiếu sáng. Phương tiện hiệu nghiệm nhất để đi đến sự nhất trí là sự biết chữ viết và lời nói của nhau. Bởi đó, trong những Kinh bản của Chúng Ta, Chúng Ta truyền rằng, nhân viên của Tòa Công lý (Quốc tế) lựa chọn một trong những thứ tiếng thông dụng hoặc sáng tạo một ngôn ngữ mới, và cùng thừa nhận một thứ chữ viết chung để dạy cho trẻ em trong tất cả trường học khắp thế giới; như vậy thế giới có thể trở thành một tổ quốc, một gia đình duy nhất.”

Trong thời kỳ đề nghị này được Đức Baha'u'llah khởi xướng lần đầu tiên cho thế giới, thì một bé trai Ba Lan là Ludovic Zamenhof ra đời như có sứ mệnh đóng một vai trò quan trọng trong việc thực hiện nó. Ngay từ lúc còn thơ ấu, lý tưởng về một ngôn ngữ chung cho toàn thế giới đã là ý tưởng chủ yếu trong đời của Zamenhof. Kết quả những sự nghiên cứu của ông là phát minh và phổ biến tiếng Esperanto. Thứ chữ này đã đứng vững sau nhiều năm thử thách, đã chứng tỏ giá trị làm phương tiện thích đáng trong việc giao dịch quốc tế. Thế giới ngữ này, có một thuận lợi lớn là học mau gấp hai mươi lần Anh ngữ, Pháp ngữ hay

Đức ngữ. Trong một buổi tiệc của hội Esperanto tại Ba Lê tháng 2 năm 1913. Đức Abdul-Baha tuyên bố những lời sau đây:

“Ngày nay, một trong những nguyên do chính của sự hiểu lầm xảy ra ở Châu Âu là sự khác nhau về ngôn ngữ. Ta nói: ông này là người Đức, ông kia là người Ý, rồi ta lại gặp một người Anh, rồi một người Pháp. Dù cùng thuộc về một chủng tộc, nhưng ngôn ngữ là bức rào lớn nhất giữa họ. Nếu có một thế giới ngữ phụ được đem ra dùng, thì họ sẽ trở thành một.

“Đức Thánh khiết Baha’u’llah, từ thế kỷ trước đã viết về thế giới ngữ. Ngài dạy rằng, khi nào một ngôn ngữ quốc tế chưa được công nhận, thì sự đoàn kết toàn vẹn giữa các châu trên thế giới chưa thể thực hiện được, vì những hiểu lầm còn ngăn cản không cho con người dung nạp nhau. Chỉ có một thế giới ngữ phụ mới có thể phá tan những mối hiểu lầm đó.

“Nói chung thì Đông phương ít hiểu biết các biên cố xảy ra ở Tây phương, và ngược lại, dân chúng Tây phương cũng hiếm có cơ hội để tỏ tình với người Đông phương; tư tưởng của cả hai bên bị giam hãm trong một tráp kín, thế giới ngữ sẽ là chìa khóa mở tráp. Nếu ta có được một thế giới ngữ, thì các sách Tây phương có thể dịch dễ dàng bằng thứ tiếng ấy. Và người Đông phương có thể đọc được chúng. Cũng thế, sách vở bên Đông phương có thể dịch ra bằng thứ ngôn ngữ chung ấy vì lợi ích của các dân tộc Tây phương. Phương tiện tốt nhất để đoàn kết Đông phương và Tây phương là một ngôn ngữ chung. Chính nó sẽ làm cho toàn thế giới sẽ trở thành một nhà, nó sẽ là động lực mạnh mẽ nhất cho sự tiến bộ của con người. Nó sẽ nêu ngọn cờ thống nhất nhân loại. Nó sẽ biến trái đất thành một cộng đồng thịnh vượng của các dân tộc. Nó sẽ đoàn kết con cái loài người bằng những dây liên lạc yêu thương. Nó sẽ thiết lập tình huynh đệ giữa các chủng tộc khác nhau.

“Hãy ca ngợi Thượng Đế đã khiến cho bác sĩ Zamenhof phát minh ra tiếng Esperanto. Thứ ngôn ngữ đó có những đặc điểm tiềm tàng có thể trở thành phương tiện giao dịch quốc tế. Tất cả chúng ta phải biết ơn Zamenhof²⁶ về sự cố gắng cao thượng này vì ông đã phụng sự nhân loại cách tốt đẹp.

“Nhờ sự kiên tâm bền chí, nhờ lòng tận tụy và xả kỷ của các nhà nhiệt tâm với thế giới ngữ, Esperanto có thể trở thành tiếng quốc tế. Vì vậy, mỗi người chúng ta phải học và phổ biến thứ tiếng đó càng xa càng tốt, để nó lần hồi được thừa nhận bởi mọi quốc gia và chính phủ trên thế giới, và được ghi vào chương trình giáo dục của mọi trường học. Tôi ước mong người ta sẽ lấy thế giới ngữ làm tiếng chính thức trong tất cả các hội nghị và đại hội quốc tế, để ai nấy chỉ cần biết hai thứ tiếng thôi: tiếng nước mình và thế giới ngữ phụ. Khi đó sự đoàn kết toàn vẹn giữa các dân tộc sẽ được thực hiện. Các người hãy xem, ngày nay việc giao thiệp giữa các nước khác nhau khó khăn biết bao. Ta có thể học năm mười thứ ngôn ngữ mà vẫn có thể gặp khó khăn trong khi du lịch một nước mà ta chưa biết tiếng nước đó. Cho nên, ta mong ước rằng, các người sẽ hoạt động hết sức trong phạm vi các người, để tiếng Esperanto được phổ biến sâu rộng.”

Mặc dù những lời đề cập đến tiếng Esperanto đều đặc sắc và đáng khuyến khích, nhưng khi Tòa Công lý quyết định gì đối với vấn đề này, theo huấn lệnh của Đức Baha'u'llah, thì Đạo Baha'i không cam kết gì đối với tiếng Esperanto cũng như với một sinh ngữ hoặc một tiếng nào khác mới được phát minh. Chính Đức Abdul-Baha đã dạy:

“Tình yêu và nỗ lực đầu tư cho tiếng Esperanto sẽ không bị uổng phí, nhưng không một cá nhân nào có thể thiết lập một thế giới ngữ.”

-Đức Abdul-Baha ở Luân đôn, trang 95-

Chấp nhận ngôn ngữ nào, đó là ngôn ngữ tự nhiên hay mới sáng tạo, đó là điều các nước trên thế giới sẽ quyết định.

LIÊN MINH CÁC NƯỚC TOÀN THẾ GIỚI

Đức Baha'u'llah cũng thường nhấn mạnh một đề nghị khác là việc thiết lập Liên minh các nước trên toàn Thế giới, để duy trì nền hòa bình quốc tế. Trong một bức thư gửi cho Nữ hoàng Victoria, khi Ngài còn là Người Tù trong nhà lao ở Akka,²⁷ Ngài viết:

“Hỡi các nhà cầm quyền trên trái đất! Hãy hòa giải với nhau để tránh một cuộc võ trang ngoài nhu cầu để gìn giữ và bảo vệ lãnh thổ của các người. Hãy đoàn kết lại, hỡi các vị vua chúa trên trái đất, vì có như vậy thì những cơn bão táp của sự chia rẽ mới lắng yên và con dân của các người mới được hưởng Thái bình... Nếu trong các người còn có kẻ cầm khí giới chống kẻ khác, thì tất cả các người hãy chống lại hẳn, đó là biểu dương sự công bằng vậy.”

Năm 1875, Đức Abdul-Baha tiên đoán việc thành lập một Liên minh các nước toàn Thế giới, điều này ích lợi và đặc biệt đúng lúc,²⁸ mà bao cố gắng mãnh liệt, hiện được mang ra để thực hiện một tổ chức như vậy. Về điều đó, Ngài viết:

“Nền văn minh chân chính sẽ dương cao ngọn cờ của nó ngay giữa lòng thế giới khi một số các vị vua ưu tú và cao cả – những tấm gương sùng kính và cương quyết – vì hạnh phúc và điều thiện của toàn nhân loại, sẽ đứng lên với quyết tâm và minh kiến để thiết lập Chính nghĩa hòa bình Thế giới. Họ phải đặt Chính nghĩa hòa bình làm đối tượng hội ý chung, và tìm mọi cách trong năng lực của mình để thành lập một Liên minh các quốc gia trên thế giới. Họ phải ký kết một hiệp ước có hiệu lực và thành lập một giao ước với các điều khoản đúng đắn, bất khả xâm phạm và chính xác. Họ phải công bố giao ước đó cho toàn thế giới, và phải nhận được sự đồng tình của cả nhân loại. Sự nghiệp cao quý và tối thượng này – nguồn gốc thực sự của hạnh phúc và hòa bình trên toàn thế giới – phải được mọi người sống trên địa cầu này coi là thiêng liêng. Tất cả những lực lượng của nhân loại phải được động viên để bảo đảm sự ổn định và trường cửu của Giao ước hòa bình Tối đại này.

Trong hiệp ước bao quát này, những giới hạn và biên cương tất cả và của mỗi quốc gia phải được định rõ. Các nguyên tắc căn bản ảnh hưởng đến sự liên hệ giữa các chính phủ với nhau phải được tuân giữ chính xác, tất cả các thỏa hiệp và trách nhiệm quốc tế phải được xác định. Cũng như vậy, sức mạnh quân sự của mọi chính phủ phải được hạn chế nghiêm ngặt, bởi vì nếu sự chuẩn bị chiến tranh và lực lượng quân sự của một nước nào được phép gia tăng, điều đó sẽ gây ra nghi ngờ nơi các quốc gia khác. Nguyên tắc căn bản bảo vệ hiệp ước long trọng này cần được định rõ, để nếu sau này có chính phủ nào vi phạm một điều khoản nào của hiệp ước, thì tất cả các chính phủ trên địa cầu phải đứng lên chế ngự hoàn toàn quốc gia vi phạm đó. Hơn thế nữa, toàn thể nhân loại, với tất cả quyền lực trong tay, phải quyết tâm diệt trừ chính phủ đó. Nếu phương thuốc trọng yếu nhất này được sử dụng cho cơ thể bệnh hoạn của thế giới, thì chắc chắn thế giới sẽ bình phục, và vĩnh viễn là nơi yên ổn hoàn toàn.

-Bí quyết nền Văn minh Thiên thượng, tr. 64-65-

Người Baha'i đã thấy rõ những khiếm khuyết lớn trong cấu trúc của Liên Hiệp Quốc, nó không có đủ yếu tố để trở thành một cơ cấu như Đức Baha'u'llah đã mô tả là thiết yếu để xây dựng hòa bình thế giới. Ngày 17 tháng 12 năm 1919, Đức Abdul-Baha tuyên bố:

“Hiện nay vấn đề quan trọng nhất là nền Hòa bình Thế giới, nhưng sự thống nhất lương tri là chính yếu, có thể thì nền tảng hòa bình mới được đảm bảo, công trình mới vững chắc và thượng tầng kiến trúc mới mạnh mẽ... Dù Liên Hiệp Quốc đã được thành lập, nhưng nó không thể thiết lập nền hòa bình thế giới. Nhưng Tòa Án Tối cao mà Đức Baha'u'llah mô tả sẽ hoàn tất nhiệm vụ thiêng liêng này với quyền năng và uy lực cao nhất.”

TRỌNG TÀI QUỐC TẾ

Đức Baha'u'llah còn đề xướng việc thiết lập một Tòa án Trọng tài Quốc tế để dàn xếp những mối phân tranh có thể xảy ra giữa các quốc gia, dựa vào công bằng và lẽ phải thay vì dựa vào các thử thách nơi chiến trường.

Tháng 8 năm 1911, trong một bức thư gửi cho vị Thư ký Hội nghị Trọng tài Quốc tế họp ở Mohonk, Đức Abdul-Baha viết:

“Cách đây độ năm mươi năm, trong quyển Kitab-i-Aqdas (Thánh kinh Thiêng liêng Nhất), Đức Baha'u'llah đòi hỏi các dân tộc thiết lập Nền Hòa bình Thế giới, và kêu gọi mọi quốc gia hãy tham dự yến tiệc thiêng liêng về trọng tài quốc tế, hầu cho các vấn đề liên quan đến biên giới, danh dự quốc gia, quyền sở hữu, quyền lợi sống còn giữa các quốc gia được giải quyết do một Tòa án Trọng tài và những quyết định của Tòa án này, khi đã phán quyết, thì không một quốc gia nào dám phủ nhận. Nếu có vụ tranh chấp nào xảy ra giữa hai nước, thì cuộc

tranh chấp đó sẽ được đệ lên Tòa án Quốc tế xét xử, cũng như mỗi phân tranh giữa hai cá nhân được đưa ra trước vị thẩm phán. Bất cứ lúc nào, nếu một quốc gia từ chối tuân tùng các quyết định của Tòa án Quốc tế, thì tất cả quốc gia khác sẽ cùng đứng lên để dập tắt vụ hỗn loạn đó.”

Năm 1911, Ngài lại dạy trong một cuộc nói chuyện của Ngài ở Paris:

“Một Tòa án Tối cao sẽ do các dân tộc và chính phủ các nước thiết lập; nhân viên tòa án do mỗi nước và mỗi chính phủ bầu ra. Những nhân viên của đại hội đồng này sẽ nhóm họp trong tinh thần thống nhất. Mọi sự bất hòa trên phương diện quốc tế đều được đệ trình lên Tòa án này, mà nhiệm vụ là làm trọng tài xét xử tất cả những gì có thể trở nên nguyên do của chiến tranh. Sứ mạng của Tòa án này là ngăn chặn chiến tranh.”

-Sự khôn ngoan của Đức Abdul-Baha, trang 145-

Hai mươi lăm năm trước ngày thành lập Liên Hiệp Quốc, một Tòa án Trọng tài Quốc tế thường trực đã được thiết lập ở The Hague (1900) và nhiều hiệp ước trọng tài đã được ký kết, nhưng hầu hết những hiệp ước đó còn lâu mới theo kịp quan niệm rộng rãi của Đức Baha'u'llah. Không một hiệp ước nào giữa hai siêu cường dự liệu việc trọng tài, tất cả những trường hợp xảy ra tranh chấp. Người ta loại bỏ hoàn toàn những vấn đề đụng chạm đến “quyền lợi sống còn”, đến “danh dự”, đến “độc lập”. Hơn nữa các nước kết ước không đưa một đảm bảo thực sự nào chứng tỏ họ tuân theo các điều khoản của hiệp ước.

Trong đề nghị của Đạo Baha'i, trái lại, các vấn đề biên giới, danh dự quốc gia và quyền lợi sống còn đều được ghi chú hết sức rõ ràng và còn dự liệu thêm sự bảo đảm tối cao của Liên minh các nước Toàn Thế giới nữa. Chỉ khi nào những điều đó được thi hành hoàn toàn thì sự trọng tài quốc tế mới khai thác đủ khả năng hữu ích của nó, và sự tàn hại của chiến tranh mới hoàn toàn bị thủ tiêu trên thế giới.

HẠN CHẾ VŨ KHÍ

Đức Abdul-Baha dạy: “Do sự đồng ý chung, các chính phủ phải lần lượt giải giới. Việc giải giới không thể thực hiện nếu chỉ có một chính phủ thi hành, còn các chính phủ khác thì không. Các nước trên toàn cầu phải hợp tác với nhau trong lãnh vực tối trọng yếu này để tất cả có thể cùng từ bỏ vũ khí hung bạo, tàn sát loài người. Khi nào một nước tăng ngân sách quân sự thủy bộ thì những nước khác, vì quyền lợi thật sự hay nguy tạo, nhất định cũng sẽ bị lôi cuốn vào cuộc chạy đua điên rồ đó.”

-Nhật ký của Mirza Ahmad Sohrab, ngày 11-14 tháng 5/1914-

BÁT ĐỀ KHÁNG

Theo giới răn quyết liệt của Đức Baha'u'llah, người Baha'i là một đoàn thể tôn giáo, phải từ khước hoàn toàn mọi việc sử dụng vũ lực ngay khi chính quyền lợi của mình bị đe dọa, và cả trong trường hợp tự vệ chính đáng. Ở Iran hàng ngàn, hàng ngàn người Babi và Baha'i đã nhận chịu những cái chết tàn bạo vì đức tin của mình. Trong những ngày đầu của Chánh Đạo, các tín đồ trong một số trường hợp đã dùng gươm dao để bảo vệ bản thân và gia đình, với sự can đảm và anh dũng lớn lao. Tuy nhiên Đức Baha'u'llah đã cấm chỉ việc đó.

Đức Abdul-Baha viết:

“Khi Đức Baha'u'llah xuất hiện, Ngài tuyên bố rằng không bao giờ được truyền bá chân lý bằng những phương pháp như vậy, dù trong trường hợp tự vệ chính đáng. Ngài đã hủy bỏ qui luật của gươm đao và phế chỉ phán lệnh về “Thánh chiến”. Ngài dạy: “Thà rằng các người bị giết còn hơn giết người”. Chánh Đạo của Thượng Đế phải được truyền bá bằng lòng cương quyết và xác tín của tín đồ. Khi kẻ tin đồ mạnh dạn và can đảm đứng lên, với sự dứt bỏ hoàn toàn để ca tụng Lời của Thượng Đế, và với con mắt không màng thế sự, dấn thân vào việc phụng sự Thượng Đế và nhờ uy quyền của Ngài, họ sẽ làm cho Lời của Chân Lý chiến thắng. Bằng máu mình những linh hồn được phúc đó đã chứng minh sự thật của Chánh Đạo và xác nhận bằng đức tin chân thành, lòng sùng kính và sự bền bỉ của họ. Thượng Đế có quyền năng phổ biến Chánh Đạo của Ngài theo ý Ngài muốn, và chiến thắng những kẻ ngoan cố. Chúng ta không muốn có Đấng bảo vệ nào khác hơn chính Ngài, và mạng sống trong tay chúng ta đổi mặt với kẻ thù nghịch và vui lòng chịu tử đạo.”

- Đức Abdul-Baha viết cho quyển sách này-

Đức Baha'u'llah viết cho một trong những kẻ đàn áp Chánh Đạo của Ngài như sau:

“Lạy Thượng Đế Khoan dung! Dân tộc này không cần khí giới hủy diệt. Tất cả mọi cố gắng của họ hướng về việc cải tạo thế gian. Binh sĩ của họ là thiện cử, khí giới của họ là phẩm hạnh tốt, tướng tá của họ là sự kính sợ Thượng Đế. Hạnh phúc thay kẻ nào phán đoán hợp với lẽ phải. Nhờ sự công chính của Thượng Đế! Những người này đã trở nên những biểu hiện của sự công bình, và nhờ lòng kiên nhẫn, điềm tĩnh, nhịn nhục và sự mãn nguyện của họ. Họ hoàn toàn phục tùng đến nỗi họ thà bị giết còn hơn là giết người, mặc dầu những kẻ bị áp bức này phải chịu đựng những cực hình thâm thiết mà lịch sử thế giới chưa từng nói đến và các quốc gia chưa từng chứng kiến. Cái gì đã nâng đỡ họ trong những cơn đau đớn kinh khủng đó để họ thà chịu khổ, chứ không giơ tay ra để xô đuổi chúng? Họ tìm được sự nhẫn nhục và bình tĩnh như thế ở đâu? Nguyên do thực của thái độ đó là ở trong việc cấm đoán mà Ngòi bút Vinh quang đã ghi tạc vào tâm khảm họ, và trong việc Chúng Ta nắm lấy thẩm quyền, nhờ quyền năng và uy lực của Ngài là Đấng Chúa Tể muôn loài.”

Những kết quả thu hoạch được đã xác nhận đầy đủ sự sâu sắc của nguyên tắc bất đề kháng do Đức Baha'u'llah thiết lập. Vì cứ mỗi tín đồ bị tử đạo ở Ba Tư thì Chánh Đạo Baha'i lại giác ngộ thêm một trăm tín đồ mới. Nỗi hân hoan và lòng dũng cảm biểu lộ bởi những người tử đạo này, khi họ dâng hiến đời sống cho Chúa họ, cung cấp cho thế giới bằng chứng rực rỡ nhất là họ đã tìm thấy một cuộc sống mới, nên không hề sợ chết; mọi khổ hình về xác thịt, dù tàn ác bậc nào cũng chỉ là những chuyện nhỏ mọn nhẹ tựa lông hồng. Cuộc đời đó là cuộc đời sung mãn, hạnh phúc khôn tả, và đem so sánh với nó, thì tất cả những lạc thú trên quả đất này chỉ như tro bụi.

CHIẾN TRANH CHÍNH NGHĨA

Giống như Đức Chúa, Đức Baha'u'llah khuyên môn đệ của Ngài, dù là cá nhân hay đoàn thể, đều phải giữ thái độ bất đề kháng và khoan dung đối với kẻ thù; tuy nhiên Ngài dạy rằng cộng đồng có bổn phận phải ngăn chặn mọi sự áp chế và bất công. Nếu cá nhân bị đàn áp và bách hại, thì nên tha thứ và đừng trả thù, nhưng một cộng đồng thì không được phép cố ý dung túng sự cướp bóc và tàn sát trong phạm vi đất đai của mình. Chính phủ chân chính nào cũng cấm chỉ những ác cử và trừng trị kẻ phạm tội.²⁹ Khỏi cộng đồng các nước cũng phải thi hành sự cấm chỉ và trừng trị đó. Nếu nước nào xâm phạm hay áp bức một nước khác, thì nhiệm vụ của toàn thể các nước kia là phải đoàn kết lại để ngăn cản việc áp chế đó.

Đức Abdul-Baha viết:

“Rất có thể một lúc nào đó, những bộ lạc hiếu chiến và man rợ tấn công dữ dội một thực thể chính trị, để sát hại các phần tử trong xã hội, trong trường hợp đó, tự vệ là cần thiết”.

-Sự khôn ngoan của Abdul-Baha, trang 170-

Cho đến nay, thông lệ vẫn muốn rằng khi một nước tấn công nước khác, thì những nước kia đứng trung lập hoàn toàn, không gánh một phần trách nhiệm nào trong cuộc xung đột, trừ phi quyền lợi của mình bị đụng chạm hoặc đe dọa. Tất cả gánh nặng phòng vệ đều phó mặc cho nước bị tấn công, dù nó yếu hay bất lực thế mấy cũng mặc. Giáo huấn của Đức Baha'u'llah thay đổi nền trật tự đó; theo Ngài thì trách nhiệm đề kháng không riêng gì nước bị đánh phải gánh, mà tất cả các nước khác đều phải chịu, riêng từng nước và chung cả các quốc gia. Vì toàn thể nhân loại là một cộng đồng duy nhất cho nên xâm phạm bất cứ một nước nào là xâm phạm toàn thể cộng đồng, nên phải được cộng đồng đối phó. Nếu nguyên tắc này đâu đâu cũng thừa nhận và thi hành, thì quốc gia nào sửa soạn tấn công một quốc gia khác, không những phải chú ý đến sự kháng cự của riêng quốc gia đó, mà còn phải đề ý đến sự chống đối của toàn thể hoàn cầu. Chỉ một nhận thức đó cũng đủ làm cho quốc gia liều lĩnh và hiếu chiến nhất phải nản lòng. Khi thiết

lập được liên minh mạnh mẽ của các quốc gia yêu chuộng hòa bình, thì chiến tranh chỉ còn là cơn ác mộng của thời quá khứ. Trong thời kỳ chuyển tiếp từ tình trạng quốc tế vô chính phủ đến tình trạng quốc tế đoàn kết sau này, những trận chiến tranh xâm lăng vẫn có thể xảy ra, và trong những trường hợp đó, hành động quân sự hay cưỡng bách nào khác dùng để duy trì công lý, sự thống nhất và hòa bình quốc tế, có thể là một nhiệm vụ tích cực. Trong trường hợp như vậy, Đức Abdul-Baha dạy:

“Sự chinh phục có thể là điều đáng khen và chiến tranh đôi khi cũng là nền tảng lớn lao của hòa bình, và phá hủy là cần thiết cho việc xây dựng lại... Nếu ví thử một vị vua sáng suốt điều quân ngăn chặn cuộc nổi dậy của kẻ phản động và kẻ xâm lăng, hoặc nếu ông ấy chiến đấu để thống nhất các nước và các dân tộc chia rẽ, hoặc nếu, tóm lại vị ấy dấy binh vì mục đích công chính, thì vẻ thịnh nộ của ông ta lại chính là đức bác ái, và vẻ hung bạo ở bên ngoài lại là bản thể của công lý và chiến tranh là hòn đá tảng của hòa bình. Ngày nay, sự nghiệp thích đáng của những nhà cầm quyền vĩ đại là tạo dựng hòa bình thế giới, vì hòa bình là nền tảng tự do của tất cả các dân tộc”.

-Bí quyết của Nền Văn Minh Thiêng Liêng, trang 70, 71-

SỰ THỐNG NHẤT ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG

Sự đoàn kết giữa Đông phương và Tây phương cũng là một yếu tố giúp ta đạt đến hòa bình thế giới. “Nền Hòa bình Lớn Nhất” không phải chỉ là sự đình chỉ mọi cuộc xung đột, mà còn nhắm vào sự đoàn kết có hiệu quả, sự hợp tác huynh đệ giữa các dân tộc vẫn chia rẽ từ trước đến nay, cho phép ta thấu hoạch những kết quả quý báu nhất. Trong một cuộc nói chuyện của Ngài tại Paris, Đức Abdul-Baha dạy:

“Trong thời quá khứ cũng như hiện tại, Mặt trời Chân lý luôn luôn tỏa sáng từ phương Đông. Chính ở phương Đông Đức Moses đã đứng lên để dìu dắt và giáo huấn dân chúng. Chính ở phương Đông mà Chúa Cứu thế đã đứng lên. Đức Muhammad được phái xuống ở một nước phương Đông. Đấng Bab cũng xuất hiện trong một nước phương Đông, xứ Ba Tư. Đức Baha’u’llah sống và truyền đạo ở phương Đông. Tất cả những Đấng Giáo dục tinh thần cao siêu đều hiện ra ở thế giới Đông phương.

“Nhưng mặc dù Mặt trời của Chúa Cơ đốc tỏ rạng ở Đông phương, chính ở Tây phương hào quang Ngài mới chói rực và sự huy hoàng của Vinh hiển Ngài tỏ rõ hơn. Ánh sáng thiên thượng của các giáo huấn Ngài phát huy chói lợi ở Tây phương và chính nơi ấy, ánh quang đó tỏa rộng mau hơn ở quê hương Ngài.

“Ngày nay, Đông phương cần sự tiến bộ vật chất trong khi Tây phương cần một lý tưởng tinh thần. Tây phương phải quay về Đông phương để tìm sự khai minh, và đổi lại, truyền bá tri thức khoa học của mình. Sự trao đổi tặng vật đó rất cần thiết. Đông phương và Tây phương phải đoàn kết lại để bỏ tấc lẫn nhau. Chính

nhờ sự đoàn kết đó mà nền văn minh chân chính sẽ phát huy, một nền văn minh mà phần tinh thần được phô diễn và thực hiện trên lãnh vực vật chất. Sự hòa đồng lớn lao nhất sẽ được thể hiện do những cuộc trao đổi đó. Tất cả các dân tộc lúc bấy giờ sẽ được hợp nhất trong trạng huống hoàn hảo, sự đoàn kết sẽ vững chắc và thế giới này sẽ trở nên một tấm gương phản chiếu các biểu hiện của Thượng Đế.

“Tất cả chúng ta, dù ở phương Đông hay phương Tây, ngày và đêm, lúc nào cũng phải cố gắng, bằng cả tinh thần và linh hồn, đạt đến lý tưởng cao thượng này, là thực hiện sự thống nhất vững chắc các dân tộc trên quả đất. Lúc bấy giờ, mọi tâm hồn sẽ được phấn khởi thêm lên, mọi mắt sẽ mở rộng ra, những năng lực màu nhiệm nhất sẽ được ban phú, hạnh phúc nhân loại sẽ được bảo đảm chắc chắn... Đây là Thiên đường cần được thiết lập trên địa cầu như đã hứa, khi mà tất cả nhân loại đều quây quần dưới Lều Thống nhất trong Vương quốc Vinh quang.”

-Sự khôn ngoan của Đức Abdul-Baha, trang 17-

CHƯƠNG XI: PHÁN LỆNH VÀ CÁC GIÁO HUẤN KHÁC

“Nên biết rằng vào mỗi thời đại, mỗi Kỳ Cứu độ, tất cả các giới răn đều được thay đổi và biến cải cho hợp với nhu cầu của thời đại, ngoại trừ luật về Tình yêu tựa như một mạch nước, chảy đời đời và bất di bất dịch”

-Đức Baha'u'llah-

ĐỜI SỐNG TU HÀNH

Cũng như Đức Muhammad đã phán truyền, Đức Baha'u'llah cấm chỉ các môn đệ của Ngài sống cuộc đời tu hành ẩn dật.

Trong Kinh bản gửi cho Napoleon III, chúng ta đọc:

“Này hỡi quần hội các tu sĩ! Đừng hãm mình trong các tu viện. Hãy bước ra theo sự cho phép của Ta và hãy chăm lo những việc gì có ích cho linh hồn các người và cho linh hồn kẻ khác...”

“Hãy kết hôn để có kẻ nối nghiệp các người. Chúng Ta đã khước từ sự bất khiết, chứ không cấm đoán lòng trung thành. Các người há bám vào các tiêu chuẩn của chính mình, mà rời xa những tiêu chuẩn của Thượng Đế sao? Hãy kính sợ Thượng Đế, và đừng như những kẻ điên dại. Nếu không phải là con người, thì ai là kẻ nêu Danh Ta trên đất của Ta, những đặc tính của Ta và Danh Ta làm sao có thể mặc khải được? Hãy suy nghĩ kỹ đi, đừng như những kẻ bị bùng bít hay còn đang ngủ mê. Đáng không kết hôn (Chúa Jesus) không có chỗ ở và không có chỗ gối đầu, điều này do những kẻ phản nghịch gây ra. Sự Thánh khiết của Ngài không tùy thuộc vào những sự tưởng tượng và tin tưởng của các người, nhưng tùy thuộc những gì “Chúng Ta” có. Hãy hỏi đi, để các người có thể biết cương vị của Ngài, cương vị vượt khỏi mọi tưởng tượng của tất cả cư dân trên quả đất này. Hạnh phúc thay cho những ai biết nhận thức”.

Không lạ sao được khi thấy các giáo phái Thiên chúa giáo bày ra cuộc sống trong tu viện và cuộc sống độc thân cho các tăng lữ, trong khi Đức Chúa lại chọn môn đồ của mình trong số những người có gia đình, và chính Ngài cùng các tông đồ Ngài lại sống một cuộc đời hoạt động vì thiện, giao tiếp gần gũi và thân mật với dân chúng?

Chúng ta thấy chép trong kinh Quran:

“Chúng Ta đã ban phúc âm cho Jesus, con trai của Maria, Chúng Ta đã đặt thiện tính và sự thương xót vào tâm hồn những kẻ theo Ngài; còn đời sống trong

tu viện thì chính họ đã bày đặt ra. Chúng Ta chỉ truyền dạy họ làm đẹp ý Thượng Đế, nhưng họ không làm theo như điều đáng phải làm”.

-Kinh Quran, S, LVII, 27-

Những lý luận bênh vực đời sống ảm tu ở thời xưa và trong những hoàn cảnh dĩ vãng ra sao chẳng nữa, thì Đức Baha'u'llah cũng tuyên bố rằng, những lời biện bạch như vậy hiện nay không còn lý do tồn tại nữa; vì sự khủng hoảng tinh thần của nhân loại xảy ra là điều hiển nhiên, khi một số lớn người mộ đạo và kính sợ Thượng Đế, lại rút mình ra khỏi mọi tổ chức của đồng loại mình, cùng vứt bỏ mọi bổn phận và trách nhiệm gia đình của mình.

HÔN NHÂN

Các giáo huấn Baha'i qui định chế độ một vợ một chồng, và Đức Baha'u'llah đòi hỏi hôn nhân phải tùy thuộc sự tự do ưng ý của cả đôi bên và sự tán thành của cha mẹ.

Trong Thánh kinh Aqdas, Ngài dạy:

“Quả thật, theo kinh Bayán (Mặc khải của Đức Bab) thì hôn nhân tùy thuộc sự ưng ý chung của hai bên (vị hôn phu và vị hôn thê). Vì Chúng Ta muốn xây dựng tình yêu, tình hữu nghị và sự thống nhất cho con người, nên Chúng Ta đã đặt thêm một điều kiện là sự ưng thuận của cha mẹ, để tránh mọi mối bất hòa và chia rẽ.”

Về vấn đề này, Đức Abdul-Baha viết cho một người chất vấn như sau:

“Về vấn đề hôn nhân, theo luật pháp của Thượng Đế; trước tiên người phải chọn lựa một người, rồi sau đó mọi sự tùy thuộc sự ưng thuận của cha mẹ. Trước khi có sự lựa chọn của người, thì cha mẹ không có quyền can thiệp vào”

-Các Kinh bản của Đức Abdul-Baha, quyển III, tr. 563-

Đức Abdul-Baha dạy rằng, nhờ sự tiên liệu của Đức Baha'u'llah mà những mối liên hệ căng thẳng giữa các bên thông gia - vốn đã trở thành những ngạn ngữ trong các xứ theo Thiên chúa giáo và Hồi giáo - hầu như không còn có trong vòng những người Baha'i, và việc ly dị cũng hết sức hiếm. Về vấn đề hôn nhân, Ngài viết:

“Hôn nhân Baha'i là sự hợp nhất, sự yêu thương, thuận thảo của đôi bên. Dù vậy, đôi bên phải đối xử với nhau một cách thận trọng và phải làm quen tánh nết của nhau. Sự giao ước vững chắc ràng buộc đôi bên phải trở thành mối dây liên lạc vĩnh viễn, và các cố gắng phải hướng đến sự hòa hợp, tình thân ái, sự hiệp nhất và cuộc sống trường cửu. Trong hôn nhân Baha'i thực sự đôi bên phải hòa hợp hoàn toàn về vật chất cũng như tinh thần để có thể đạt đến sự hiệp nhất vĩnh viễn

trong mọi thế giới của Thượng Đế, và cùng làm thẳng tiến đời sống tâm linh của nhau. Như vậy mới đúng là hôn nhân Baha'i."

-Các Kinh bản của Đức Abdul-Baha, quyển II, tr. 325-

Hôn lễ Baha'i rất đơn giản, chỉ có điều đòi hỏi là, trước sự hiện diện của ít nhất là hai nhân chứng, chú rể và cô dâu, mỗi người nói: "Quả thật, chúng con vâng phục Ý chí của Thượng Đế".

LY HÔN

Cũng như đối với vấn đề kết hôn, giáo huấn của các Đấng Tiên tri về vấn đề ly hôn cũng thay đổi tùy theo hoàn cảnh và thời đại. Đức Abdul-Baha giải thích những giáo huấn Baha'i về vấn đề ly hôn như sau:

"Các bạn hữu (Baha'i) phải nghiêm ngặt giữ mình, đừng ly dị, trừ phi có điều gì ác cảm chán ghét buộc phải xa nhau; trong trường hợp đó, phải có sự ưng chuẩn của Hội đồng Tinh thần. Nhưng họ phải kiên nhẫn chờ đợi trọn một năm. Nếu trong thời gian được chỉ định đó, mà không thể hòa thuận lại với nhau thì có thể tuyên bố ly dị... Nước của Thượng Đế được thiết lập trên căn bản hòa hợp và thương yêu, trong sự hiệp nhất và liên kết, chứ không phải trên những mối bất đồng, nhất là trong tình nghĩa vợ chồng. Nếu ai trong hai người gây nên sự ly dị, thì những khó khăn ghê gớm chắc chắn sẽ vây hãm họ, kẻ ấy sẽ là nạn nhân của những tai họa lớn lao và làm mỗi cho biết bao hối hận thấm thía nhất dày vò."

-Kinh bản gửi cho những người Baha'i ở Mỹ châu-

Trong vấn đề ly dị, cũng như trong các vấn đề khác, người Baha'i không những chỉ theo đúng các giáo huấn Baha'i, mà còn tuân tòng các luật lệ của xứ họ trú ngụ.

LỊCH BAHAI'

Có nhiều hệ thống để đo và xác định ngày, tháng và thời gian ở nhiều dân tộc trải các thời đại khác nhau, và hiện nay còn nhiều thứ lịch được dùng. Ở Tây Âu vẫn dùng lịch do Giáo hoàng Gregory XIII sửa lại; ở nhiều xứ Đông Âu còn dùng lịch do Hoàng đế Julian làm ra; người Do Thái vẫn dùng lịch của tổ tiên họ để lại; và trong các nước Hồi giáo người ta vẫn dùng lịch Hồi giáo.

Đấng Bab đã nhấn mạnh đến sự quan trọng của Kỳ Cứu độ mà Ngài đã tiên báo khi khai trương một lịch mới. Cũng như lịch của Giáo hoàng Gregory XIII, căn bản của lịch này vẫn là năm theo mặt trời, chứ không phải theo tuần trăng.

Lịch Baha'i gồm 19 tháng, mỗi tháng có 19 ngày (361 ngày), và những "du nhật", (bốn ngày dư thường xuyên và năm ngày dư trong những năm nhuận), giữa

những tháng thứ mười tám và tháng thứ mười chín để phù hợp theo năm mặt trời. Đấng Bab đặt tên tháng theo các Đặc tính của Thượng Đế. Ngày Tết Baha'i cũng giống như ngày Tết ở xứ Ba Tư cổ, được qui định theo thiên văn; bắt đầu từ Xuân phân (21 tháng 03), và Kỷ nguyên Baha'i bắt đầu vào năm có Lời tuyên ngôn của Đấng Bab (1844 Kỷ nguyên Thiên chúa giáo; 1260 Kỷ nguyên Hồi giáo).

Một ngày gần đây, tất cả các dân tộc trên thế giới cần thiết phải thỏa thuận về một niên lịch chung.

Điều đáng hy vọng là Kỷ nguyên mới thống nhất nên có một niên lịch mới riêng biệt đối với các cộng đồng khác, để tránh khỏi những điều bất bẽ mà do đó mỗi thứ lịch cũ không thể được thừa nhận trong phần lớn dân chúng trên hoàn cầu, và thật khó tìm được sự sắp đặt nào giản dị và tiện lợi hơn là sự xếp đặt Đấng Bab đề nghị:

Đây là những tháng trong lịch Baha'i (chú ý hiện nay áp dụng theo lịch Badi các ngày lễ có thay đổi tùy năm do đó cần xem <https://www.bahai.us/events/holy-days/> hoặc tiếng Việt <http://bahai.org.vn/t/nien-lich-bahai/>)

Tháng	Tên Á-rập	Tên Việt nam	Ngày đầu
Thứ-nhất	Baha	Huy Hoàng	21 tháng 3
Thứ-nhì	Jalal	Vinh Quang	09 tháng 4
Thứ-ba	Jamal	Mỹ Lệ	28 tháng 4
Thứ-tư	Azamat	Vĩ Đại	17 tháng 5
Thứ-năm	Nur	Ánh Sáng	05 tháng 6
Thứ-sáu	Rahmat	Khoan Dung	24 tháng 6
Thứ-bảy	Kalimat	Ngôn Từ	13 tháng 7
Thứ-tám	Kamal	Hoàn Hảo	01 tháng 8
Thứ-chín	Asma	Các Danh	20 tháng 8
Thứ-mười	Izzat	Uy Lực	08 tháng 9
Thứ-11	Mashiyyat	Ý Chí	27 tháng 9
Thứ-12	Ilm	Tri Thức	16 tháng 10
Thứ-13	Qudrat	Quyền Năng	04 tháng 11
Thứ-14	Qawl	Văn Từ	23 tháng 11
Thứ-15	Masa'il	Vấn Từ	12 tháng 12
Thứ-16	Sharaf	Danh Dự	31 tháng 12
Thứ-17	Sultan	Quyền Tối Thượng	19 tháng 01
Thứ-18	Mulk	Ngự Trị	07 tháng 02
Dư nhật	Ayyam-i-Ha	từ 26 tháng 2 đến hết 1 tháng 3	
Thứ-19	Ala	Cao Cả	02 tháng 3

HỘI ĐỒNG TINH THẦN

Trước khi hoàn tất Sứ mạng trần gian của mình, Đức Abdul-Baha lập các Văn bản cho sự phát triển nền Quản trị đã được thiết định trong các Thánh thư của Đức Baha'u'llah. Để nêu bật tầm quan trọng cao cả của cơ cấu Hội đồng Tinh thần, Đức Abdul-Baha tuyên bố trong một Kinh bản rằng, tất cả các bản phiên dịch phải được Hội đồng Tinh thần phê chuẩn (bấy giờ do Hội đồng Tinh thần ở Cairo) trước khi xuất bản, dù rằng chính Ngài đã xét và chữa lại bản thảo.

Hội đồng Tinh thần là cơ quan quản trị gồm chín người được bầu lên hằng năm bởi các cộng đồng Baha'i địa phương; đó là một cơ quan có thẩm quyền, định đoạt tất cả các vấn đề thuộc hành động chung trong cộng đồng. Danh xưng "Hội đồng Tinh thần" chỉ là nhất thời, vì trong tương lai, những Hội đồng Tinh thần này sẽ được gọi là "Tòa Công lý".

Không giống tổ chức hiện hành trong các nhà thờ, các cơ quan quản trị Baha'i chỉ là những cơ cấu có tính cách xã hội hơn là thần bí. Thật vậy, các cơ quan ấy áp dụng luật hội ý về mọi vấn đề và những điều nan giải giữa các người Baha'i. Người Baha'i được kêu gọi không nên đem những việc ấy đến các tòa dân sự, nhưng bao giờ cũng tìm cách xúc tiến việc thống nhất và công bằng trong chính cộng đồng.

Hội đồng Tinh thần không thể đem so sánh trong bất cứ trường hợp nào với phái tăng lữ; nhiệm vụ của Hội đồng Tinh thần là lo truyền bá các giáo huấn Baha'i, cổ võ việc tích cực phụng sự, tổ chức các cuộc hội họp, duy trì nền thống nhất, quản lý tài sản Baha'i do cộng đồng phó thác, và đại diện cho cộng đồng trong việc giao thiệp với quần chúng và các tập đoàn Baha'i khác.

Tính chất của Hội đồng Tinh thần, thuộc địa phương hay quốc gia, đã được mô tả rành mạch ở Chương cuối Bản Chúc thư và Giao ước của Đức Abdul-Baha, nhưng những trách vụ khái quát đã được Đức Shoghi Effendi qui định như sau:

"Các vấn đề liên quan đến việc truyền giáo, sự hướng dẫn, cách thức và phương tiện được sử dụng, công cuộc phát triển và củng cố, tất cả những gì thiết yếu cho quyền lợi của Chánh Đạo, không phải là mục tiêu duy nhất bắt buộc các Hội đồng phải chuyên chú đến. Một cuộc nghiên cứu sâu rộng các Kinh bản của Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha sẽ tỏ bày những trách vụ khác không kém phần trọng yếu cho lợi ích của Chánh Đạo, những trách vụ liên quan đến các vị đại diện cho tín đồ ở mỗi địa phương.

"Các vị đại diện này phải tỏ ra thận trọng và dè dặt, kín đáo và cẩn thận, để luôn luôn bất cứ vào thời nào cũng có thể bảo vệ Đền thờ của Chánh Đạo khỏi bị những mũi tên chống báng và những sự tấn công của kẻ thù.

"Họ phải cố gắng xúc tiến tình hữu nghị, và sự hòa hợp giữa các đạo hữu, xóa bỏ hết mọi vết tích nghi ngờ, lãnh đạm hay ác cảm lẫn lộn trong các tâm hồn,

phải đảm bảo một sự hợp tác tích cực và toàn tâm, toàn ý trong việc phụng sự Chánh Đạo.

“Bất cứ lúc nào, họ cũng phải cố gắng giúp đỡ kẻ nghèo khó, kẻ ốm đau, người tàn tật, trẻ mồ côi, người góa bụa, không phân biệt nòi giống, đẳng cấp và tín ngưỡng.

“Bằng mọi phương tiện, với năng lực của họ, họ phải lo cho thanh niên được trở nên sáng chói trên lĩnh vực vật chất và tinh thần, cung cấp cho trẻ em những phương tiện giáo dục, thành lập, mỗi khi có cơ hội, các học đường Baha’i để lo việc giáo huấn, tổ chức và kiểm soát sự hoạt động của họ, giúp họ những phương tiện tốt nhất, thích hợp với sự tiến bộ và phát triển của họ...

“Họ phải chăm chú tổ chức các cuộc họp thường xuyên của các tín đồ vào những dịp lễ và kỷ niệm, cũng như những cuộc họp đặc biệt để phụng sự và phát triển những lợi ích xã hội, trí tuệ và tâm linh cho đồng loại.

“Trong những ngày này, lúc Chánh Đạo hãy còn ở thời kỳ sơ khởi, họ phải kiểm soát tất cả các bản phiên dịch và sách báo Baha’i, đảm bảo sự giới thiệu xứng đáng và đúng đắn tất cả các Kinh sách Baha’i nói chung, và chăm nom sự phổ biến Kinh sách cho đại chúng.

“Những khả năng của các cơ cấu Baha’i chỉ có thể được đánh giá, khi người ta thấu hiểu rằng nền văn minh hiện đại sở dĩ tan rã nhanh chóng như thế là vì thiếu quyền năng tâm linh, mà duy chỉ có quyền năng đó mới có thể gieo vào lòng người lãnh đạo cái ý thức trách nhiệm và sự khiêm tốn cần thiết, cũng như gieo vào lòng các phần tử riêng lẻ trong xã hội sự trung thành cần phải có.”

LỄ BAHAI, NGÀY KỶ NIỆM VÀ THỜI KỲ CHAY GIỚI

(chú ý hiện nay áp dụng theo lịch Badi các ngày lễ có thay đổi tùy năm do đó cần xem <https://www.bahai.us/events/holy-days/> hoặc tiếng Việt <http://bahai.org.vn/t/nien-lich-bahai/>)

- Lễ Ridvan (Tuyên ngôn của Đức Baha’u’llah), từ ngày 21-4 đến 2-5, 1863.
- Tuyên ngôn của Đức Bab 23-5-1844 ³⁰
- Đức Baha’u’llah Thăng Thiên 29-5-1882.
- Đức Bab Tử đạo 9-7-1850.
- Giáng sinh của Đức Bab 20-10-1819.
- Giáng sinh của Đức Baha’u’llah 12-11-1817.
- Giáng sinh của Đức Abdul-Baha 23-5-1844.
- Ngày Giao ước, 26-11.
- Đức Abdul-Baha Thăng Thiên 28-11-1921.

- Thời kỳ 19 ngày chay giới bắt đầu từ ngày đầu tháng Ala (Cao Cà), tức 2 tháng 3, kỷ nguyên Thiên Chúa giáo.
- Lễ Naw-Ruz (Tết Baha'i) 21-3.

CÁC LỄ BAHAI

Niềm hân hoan cố hữu ở tôn giáo Baha'i được biểu lộ trong nhiều lễ thường và ngày Thánh lễ hàng năm.

Năm 1912, trong một cuộc nói chuyện ở Alexandria, Ai Cập, vào dịp tết Naw-Ruz, Đức Abdul-Baha phán:

“Theo luật thiêng liêng của Thượng Đế, thì trong mỗi chu kỳ, Kỳ Cứu độ đều có những lễ ân phúc, ngày khánh tiết, ngày nghỉ việc. Trong những ngày đó, mọi công việc thương mại, kỹ nghệ, canh nông v.v... đều ngừng.

“Mọi người phải vui mừng với nhau, tổ chức những cuộc hội họp, như trong một đại hội duy nhất, để cho sự thống nhất, hòa hiệp giữa các quốc gia được sáng chói trước mặt mọi người.

“Vì đó là ngày được phúc, cho nên không được xao lãng cơ hội, cũng không được làm cho ngày đó thành vô ích vì chỉ tìm kiếm sự vui chơi.

“Trong những ngày như vậy, hãy thành lập những cơ cấu có thể mang lại lợi ích và có giá trị vĩnh cửu cho mọi dân tộc...”

“Ngày nay, phần thưởng tốt đẹp nhất, giải pháp khẩn cấp nhất là diu dắt dân chúng. Chính vào những ngày như vậy, bạn hữu của Thượng Đế phải lưu lại vết tích hiển nhiên của lòng bác ái, là lý tưởng mình, không chỉ lưu lại cho người Baha'i mà còn cho toàn thể nhân loại nữa. Trong Kỳ Cứu độ kỳ diệu này, những việc nghĩa phải mang lợi ích lại cho cả nhân loại, không trừ một ai, vì việc nghĩa là biểu hiện lòng đại lượng của Thượng Đế. Vì vậy, Ta vẫn kỳ vọng rằng các bạn hữu của Thượng Đế, ai ai cũng xúc tiến việc thể hiện lòng từ bi của Thượng Đế đối với toàn thể loài người.”

Những lễ Naw-Ruz (Năm Mới) và Ridvan, những ngày Lễ kỷ niệm Giáng sinh của Đức Bab và Đức Baha'u'llah, kỷ niệm Tuyên ngôn của Đức Bab (cũng là ngày Giáng sinh của Đức Abdul-Baha) đều là những ngày hoan lạc lớn hàng năm của người Baha'i. Ở Ba Tư người ta hành lễ bằng những cuộc cắm trại và liên hoan, mà người dự nào cũng góp phần tài nghệ của mình, hoặc chơi âm nhạc, hoặc ngâm hay hát các bản kinh, hoặc đọc các bài giảng ngắn thích hợp với dịp lễ. Những ngày xen kẽ giữa tháng 18 và tháng 19 (từ 26 tháng 2 đến hết ngày 1 tháng 3) là những ngày dư nhật - dành cả cho sự tiếp đãi bạn hữu, trao đổi quà cáp, săn sóc người nghèo khó và kẻ ốm đau v.v...

Những ngày kỷ niệm Đấng Bab tử đạo, ngày Thăng Thiên của Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha phải được cử hành long trọng bằng các buổi hội họp và những bài giảng thích hợp, những cuộc cầu nguyện hay ca hát các Kinh bản và các Bài Cầu nguyện.

CHAY GIỚI

Tháng thứ 19, kế tiếp những dư nhật dùng vào công việc khoản đãi tân khách, là tháng chay giới. Trong 19 ngày này, việc giữ chay giới là nhịn ăn và nhịn uống từ lúc mặt trời mọc cho đến lúc mặt trời lặn. Vì tháng chay chấm dứt vào phân điểm tháng ba, nên kỳ chay giới luôn luôn đến đúng trong mùa nhất định, nghĩa là nhằm mùa xuân ở Bắc bán cầu, và mùa thu ở Nam bán cầu. Tháng chay không bao giờ trùng với mùa hè quá nóng hay mùa đông quá lạnh, có thể làm cho việc chay giới trở thành khó nhọc.

Hơn nữa, trong mùa ấy, ngày dài hầu gần bằng nhau, từ 6 giờ sáng đến 6 giờ chiều, ở khắp vùng có người cư trú trên trái đất. Chay giới không bắt buộc đối với trẻ em, người ốm đau, du khách, người có tuổi hoặc yếu ớt (kể cả các bà sắp sinh hay đang nuôi trẻ em).

Một cuộc trường chay như đã qui định trong các giáo huấn Baha'i tỏ ra rất có ích cho vệ sinh thân thể, nhưng cũng như tất cả các lễ Baha'i không phải ở trong việc ăn uống mà ở trong việc tưởng niệm Thượng Đế, là món ăn tinh thần của chúng ta; giá trị của chay giới không chỉ trong việc kiêng khem thức ăn vật chất, mặc dù nó có thể giúp cho thân thể được thanh khiết, mà ở trong sự kiêng khem tất cả mọi thèm muốn và khát vọng vật chất, trong sự vất bỏ tất cả ngoại trừ Thượng Đế.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Chay giới là tượng trưng. Giữ chay giới có nghĩa là từ bỏ tất cả mọi dục vọng xác thịt là tượng trưng cho sự kiêng cử đó, chính nó là sự nhắc nhở; nghĩa là khi người ta kềm chế sự khao khát của thể xác, thì người ta cũng phải chay giới mọi thèm muốn và dục vọng ích kỷ của chính mình. Nhưng chỉ kiêng khem thực phẩm mà thôi thì không có ảnh hưởng gì đến tinh thần. Vì đó chỉ là một tượng trưng, một sự nhắc nhở. Nếu không thế thì chay giới không có gì là quan trọng cả. Chay giới để đạt đến sự siêu thoát không có nghĩa là từ bỏ hết cả mọi thực phẩm. Khuôn vàng thước ngọc đối với việc ăn uống là điều này: không nhiều quá, không ít quá. Tiết độ là cần thiết. Ở Ấn Độ có một giáo phái mà tín đồ thực hành chay giới đến cực độ; họ giảm dần sự ăn uống cho đến hầu như không còn dùng qua một tí gì nữa. Nhưng vì đó mà trí thông minh của họ bị thương tổn. Người ta không thể nào phụng sự Thượng Đế có hiệu quả được, trên phương diện vật chất cũng như trên phương diện tinh thần, nếu họ bị suy yếu vì thiếu ăn. Họ không còn đủ minh mẫn nữa.”

-Trích dẫn do cô E. S. Stevens, trong Tạp chí “Fortnight”, tháng 6, năm 1911-

HỘI HỌP

Đức Abdul-Baha nêu cao tầm quan trọng các cuộc nhóm họp thường xuyên của tín đồ trong việc thờ phượng chung, cho việc giải thích, nghiên cứu các giáo huấn và việc hội ý có lợi cho sự tiến bộ của đức tin. Ở một trong các Kinh bản, Ngài dạy:

“Sự mong ước của Thượng Đế quyết định rằng sự đoàn kết và hòa hiệp phải càng ngày càng tăng thêm giữa các bạn hữu của Thượng Đế và các nữ tì của Đấng Tử bi. Khi điều này chưa thực hiện, thì mọi hoạt động đều không thể phát triển bất cứ bằng cách nào khác. Những cơ hội tốt nhất để thực hiện sự đoàn kết và hòa hiệp cho mọi người, chính là những buổi họp mặt tâm linh. Điều này rất quan trọng, nó tựa như nam châm thu hút sự thêm sức của Thượng Đế.”

-Các Bản của Đức Abdul-Baha, quyển I, tr. 124,125-

Trong các buổi họp mặt tâm linh Baha'i, những sự cãi cọ, những vụ tranh luận về chính trị hay thế sự phải cẩn thận tránh xa; mục đích của người tín đồ là truyền bá và học hỏi Chân lý của Thượng Đế, làm đầy bằng Tình yêu của Ngài, là đạt tới sự tuân tùng hoàn toàn đối với Ý chí của Ngài và hiệp tác để xây dựng Vương quốc của Thượng Đế. Trong một diễn văn đọc ở New York năm 1912, Đức Abdul-Baha dạy:

“Cuộc hội họp Baha'i phải là cuộc nhóm họp Quần hội Thiêng liêng. Cuộc họp đó phải được chiếu sáng bởi Ánh sáng Thiên đình. Các tâm hồn phải giống như những tấm gương phản chiếu ánh sáng của Mặt trời Chân lý. Mỗi tâm hồn phải như một trạm dây thép, một đầu dây được mắc vào tận đáy linh hồn, đầu kia dính liền với Quần hội Thiêng liêng, để có thể thông tin với nhau. Như vậy, nguồn thần cảm sẽ từ Vương quốc Abha đổ xuống, và sự hiệp hòa mới được ưu thắng trong tất cả mọi cuộc thảo luận. Sự thỏa thuận, hiệp nhất và tình yêu giữa các người càng dư dật, thì các người càng nhận được nhiều những xác chứng của Thượng Đế và sự phù trợ, sự tế độ của Đấng Phúc Mỹ, Baha'u'llah, lại càng nâng đỡ các người.”

Ở một Kinh bản khác, Ngài dạy:

“Trong những cuộc hội họp đó, những câu chuyện ngoài đề phải loại bỏ hoàn toàn và phải đứng trong phạm vi ngậm vịnh Thánh thi, đọc các Thánh ngôn, giải quyết mọi vấn đề liên quan đến Chánh Đạo của Thượng Đế: những vấn đề nhắm mục đích làm sáng tỏ các chứng cứ, rút lấy những kết luận rõ ràng và hiển nhiên, khám phá những dấu hiệu Đấng Kính yêu của tạo vật. Kẻ dự cuộc họp, trước khi đến đó phải chú ý đến sự dùng trang phục thật sạch và phải hướng về Vương quốc Abha một cách nhu mì và kính cẩn; họ phải giữ yên lặng trong khi đọc các Kinh bản; nếu có người muốn nói, hãy nói một cách rất lịch thiệp; với sự ung chuẩn và thỏa mãn của mọi người, hãy nói lưu loát và linh động.”

LỄ 19 NGÀY

Với sự phát triển của nền Chánh Đạo Baha'i từ ngày Thăng thiên của Đức Abdul-Baha, lễ 19 ngày được cử hành nhằm mừng 1 mỗi tháng Baha'i, có tầm quan trọng đặc biệt, không những vì nó cho ta cơ hội cùng chung đọc kinh cầu nguyện và những đoạn Thánh thư, mà còn giúp ta có dịp hội ý về tất cả các hoạt động Baha'i đang tiến hành và tất cả các tín đồ có dịp gặp gỡ nhau. Lễ ấy là cơ hội để Hội đồng Tinh thần phúc trình các hoạt động trước cộng đồng và yêu cầu tất cả tín đồ thảo luận về các kế hoạch và các đề nghị, để có thể cải tiến phương pháp phụng sự.

*MASHRIQUL-ADHKAR*³¹

Đức Baha'u'llah có để lại cho tín đồ Ngài những huấn lệnh về việc xây cất đền thờ ở mỗi xứ và mỗi thành phố. Ngài gọi các đền ấy là “Mashriqul-Adhkar”, nghĩa là “Chón Hừng đông của sự Ca ngợi Thượng Đế.” Đền thờ đó phải là một tòa nhà gồm 9 mặt, có mái tròn trên chót, xây càng mỹ thuật càng hay, về cả hai phương diện thiết kế và kỹ thuật. Nó phải nằm trên một khu vườn rộng lớn, có cây, có hoa, có suối nước. Xung quanh phải có nhiều nhà phụ để dùng vào các công việc xã hội, bác ái, giáo dục, để cho việc thờ phượng Thượng Đế trong đền lúc nào cũng phối hợp mật thiết với vẻ mỹ lệ của thiên nhiên và nghệ thuật, và ngoài ra còn phối hợp mật thiết với những hoạt động thực tế nhằm cải thiện các trạng huống của xã hội.³² Đến nay, người Baha'i ở Ba Tư vẫn bị cản trở trong việc xây dựng đền đài cho dân chúng đến chiêm ngưỡng. Ngôi Mashriqul-Adhkar vĩ đại đầu tiên được xây dựng ở Ishqabad³³ bên Nga. Đức Abdul-Baha đã làm lễ đặt viên đá đầu tiên Ngôi Đền thờ thứ hai được xây cất trên bờ hồ Michigan, cách phía Bắc Chicago chừng vài cây số, khi Ngài thăm Mỹ châu, năm 1912.³⁴

Trong các Kinh bản liên quan đến ngôi “Đền thờ chính” bên Tây phương, Đức Abdul-Baha viết như sau:

“Hãy dâng những lời ca ngợi lên Thượng Đế, vì trong lúc này, ở khắp xứ trên hoàn cầu, ai ai cũng góp phần, tùy theo phương tiện, vào quỹ dùng vào việc xây dựng đền Mashriqul-Adhkar bên Mỹ châu... Từ thời đại Adam đến nay người đời chưa bao giờ chứng kiến một sự kiện tương tự, là những sự đóng góp được gửi từ những xứ hẻo lánh nhất bên Á châu sang Mỹ châu. Điều này chỉ có thể thực hiện được do quyền lực Minh Ước của Thượng Đế. Thật vậy, sự kiện này phải gây kinh ngạc cho người có nhận thức. Mong rằng những tín đồ của Thượng Đế tỏ lòng hào hiệp và gom góp số tiền quan trọng vào công cuộc xây dựng đó... Mong rằng mọi người đều được hoàn toàn tự do hành động theo ý thích của mình. Nếu ai muốn dùng tiền mình vào những mục đích khác thì họ vẫn có toàn quyền. Không được lung lạc ai bất cứ bằng cách nào, nhưng nên biết chắc rằng công việc quan trọng nhất hiện tại là công cuộc xây đền Mashriqul-Adhkar.

“Đền Mashriqul-Adhkar phải là một ngôi đền bao trùm một nhiệm mầu cao cả, chưa ai có thể khám phá nổi, nhưng công trình xây dựng là một sự nghiệp quan trọng nhất trong ngày này. Đền Mashriqul-Adhkar còn gồm một số nhà phụ. Đó là những trường học cho trẻ mồ côi, nhà thương và nơi khám bệnh cho kẻ nghèo, nhà nuôi dưỡng những kẻ mắc bệnh nan trị, trường đại học dạy các môn khoa học ở cấp cao và viện tế bần. Trong mỗi thành phố cần xây cất một ngôi đền Mashriqul-Adhkar to lớn theo những điều chỉ dẫn trên. Trong ngôi đền Mashriqul-Adhkar sẽ ngân lên mỗi sáng những lời ca ngợi tạ ơn Thượng Đế. Trong đền không có ban thánh ca. Những cuộc liên hoan, phụng sự đại hội, nhóm họp công cộng và cuộc họp tâm linh sẽ cử hành ở các tòa nhà cạnh đền thờ, còn trong đền thờ chỉ có những cuộc hát thánh thi mà không có đàn phụ họa. Cửa đền cần mở rộng cho nhân loại.

“Khi các cơ cấu về trường học, nhà thương, viện tế bần, nhà dưỡng bệnh, viện đại học nghiên cứu các ngành khoa học cấp cao, mở các khóa hậu đại học, và những tòa nhà có tánh cách bác ái được thiết lập, thì sẽ mở cửa cho dân chúng thuộc mọi quốc gia và tôn giáo. Tuyệt đối không có một hình thức phân ranh nào. Mọi công cuộc bác ái sẽ được phân phát đều cho mọi người, không kể nòi giống hay màu da. Các cửa của đền thờ sẽ mở rộng cho mọi người, không có một thành kiến nào đối với ai, chỉ có lòng yêu thương đối với mọi người. Tòa nhà chính ở trung tâm, sẽ dành cho việc cầu nguyện và thờ phượng... Như vậy... tôn giáo sẽ hòa hợp với khoa học, khoa học sẽ phụng sự tôn giáo, cả hai cùng tuôn đổ vô số lợi ích vật chất và tinh thần cho toàn thể nhân loại.”

ĐỜI SỐNG SAU KHI CHẾT

Đức Baha'u'llah dạy chúng ta rằng cuộc đời bằng xương thịt chỉ là giai đoạn phôi thai của cuộc sinh tồn chúng ta, và rời bỏ thể xác chính là tới chỗ tân sanh, tinh thần con người sẽ bước vào giai đoạn trọn vẹn và tự do hơn. Ngài viết:

“Các ngươi hãy biết sự thật là linh hồn, sau khi chấm dứt liên hệ với thân thể, sẽ tiếp tục tiến hóa cho đến khi đạt tới sự hiện diện của Thượng Đế, trong trạng thái và điều kiện mà sự xoay vần của các thời đại và các thế kỷ, cũng như những đổi thay và biến chuyển của thế giới này, không thể làm linh hồn thay đổi. Linh hồn sẽ tồn tại lâu dài như Vương quốc của Thượng Đế, Quyền Tối thượng của Ngài, sự Ngự trị và Quyền năng của Ngài sẽ tồn tại. Linh hồn sẽ biểu hiện những dấu hiệu của Thượng Đế và những đặc tính của Ngài, sẽ khải lộ lòng từ ái và ân sủng của Ngài. Sự chuyển động của Ngôi bút Ta phải dừng lại khi Ta cố gắng mô tả một cách chính xác sự cao cả và vinh quang của một trạng thái tuyệt vời như vậy. Danh dự mà Bàn tay Từ bi ban cho linh hồn sẽ là điều mà không lưỡi nào có thể tiết lộ một cách thích đáng, hoặc không bất cứ phương tiện thế gian nào có thể mô tả nổi. Phức thay cho linh hồn nào, mà tới giờ rời thân xác, vượt khỏi mọi tưởng tượng hão huyền của các dân tộc trên thế giới. Linh hồn ấy sống và hoạt động đúng với Ý chí của Đấng Sáng tạo, và đi vào cõi Thiên đàng tối thượng. Các tiên nữ, ở những cung cao nhất sẽ vây quanh xung quanh linh hồn đó, các Đấng Tiên tri của Thượng Đế và những linh hồn được chọn sẽ tìm đến

làm bạn. Linh hồn đó sẽ thông dong chuyện trò và giải bày với các vị ấy, tất cả những điều mà linh hồn ấy phải chịu đựng trên Đường của Thượng Đế, Đấng Chúa của mọi thế giới. Nếu con người có thể hiểu thấu những ơn phước dành riêng cho mỗi linh hồn đó trong thế giới của Thượng Đế, là Chúa của Ngôi Chí tôn và cả nơi trần thế, thì toàn thân vị họ sẽ cháy bùng lên ý muốn đạt đến trạng huống cao siêu, thanh khiết và rạng rỡ ấy...

“Sau khi qua đời, bản thể của linh hồn không bao giờ có thể diễn tả được, mà cũng không tiện và không được phép tiết lộ trọn vẹn đặc tính của nó trước con mắt người đời. Các Đấng Tiên tri và các Đấng Sứ giả của Thượng Đế được cử xuống trần gian với mục đích duy nhất là diu dắt nhân loại vào con đường đi thẳng đến Chân lý. Mục đích tối quan trọng của Mặc khải các Đấng ấy là sự giáo huấn con người để, đến giờ chết, họ có thể được hoàn toàn thánh khiết mà siêu thăng đến tận ngôi Đấng Tối cao, với sự siêu thoát trọn vẹn. Nhưng sự tiến bộ của thế giới và sự tiến hóa của các dân tộc đều nhờ ảnh hưởng của ánh sáng phát ra từ các linh hồn đó. Những linh hồn đó là men làm dậy cả thế giới hữu thể và cũng là nguyên động lực phát sinh ra những kỹ xảo và tất cả mọi kỳ quan trên thế giới.

“Chính nhờ những linh hồn đó mà các nguồn ơn phước tuôn mưa xuống từ trên trời gội nhuần hạnh phúc cho người trần, và quả đất cũng sinh được nhiều trái. Mọi vật tất nhiên phải có một nguồn gốc, một năng lực chủ động, một nguyên tắc phát động. Các linh hồn đó, các biểu tượng của sự siêu thoát, đã cung cấp và còn tiếp tục cung cấp xung lực sáng tạo cao siêu cho thế giới hữu thể. Thế giới bên kia khác với thế giới này, cũng như thế giới của chúng ta khác với thế giới của đứa trẻ khi còn trong bụng mẹ.”

-Trích trong các Văn phẩm Đức Baha'u'llah, trang 155-157-

Cũng như vậy Đức Abdul-Baha viết:

“Những mầu nhiệm mà người đời không thể hiểu thấu trên quả đất này, sẽ được tỏ ra cho họ trên cõi trời; ở đây họ sẽ được biết những điều bí ẩn của chân lý, và tự nhiên họ cũng sẽ tìm và nhận ra được những kẻ có tương quan với họ. Không còn nghi ngờ gì nữa, trong Vương quốc ánh sáng, những linh hồn thánh thiện vốn có con mắt thanh khiết và được phú bẩm nội giác, sẽ được biết tất cả những điều mầu nhiệm. Những linh hồn đó sẽ được ân huệ chiêm ngưỡng thực thể của tất cả những linh hồn cao cả. Họ cũng sẽ chiêm ngưỡng tường tận ngay trên thế giới ấy sự Mỹ hảo của Thượng Đế. Hơn nữa, trong nước sáng láng ấy những linh hồn đó sẽ được gặp lại tất cả bạn hữu của Thượng Đế, bạn hữu thời xưa cũng như bạn hữu ngày nay, tất cả đều hiện diện trong cuộc đoàn tụ trên trời.

“Những đặc tính, những sự phân biệt giữa loài người dĩ nhiên sẽ biểu lộ sau khi từ giã thế gian này. Sự khác biệt này không liên quan gì đến nơi này chỗ nọ, mà chỉ liên quan đến linh hồn và lương tâm. Vì Vương quốc của Thượng Đế không tùy thuộc thời gian và không gian, đó là một thế giới khác, một vũ trụ khác. Nên biết chắc chắn rằng, ở trong các thế giới thuộc linh, những kẻ thân yêu thuộc linh sẽ dễ nhận ra nhau và họ sẽ cùng tìm nhau để thực hiện một cuộc đoàn tụ bằng tinh thần. Cũng vậy, tình yêu mà ta đã tỏ ra với bất cứ ai sẽ không bị quên ở trong

nước của Thượng Đế, và ở đây người sẽ không quên cuộc đời của người lúc còn ở trong thế giới vật chất.”

-Bản của Đức Abdul-Baha, quyển I, trang 205-

THIÊN ĐÀNG VÀ ĐỊA NGỤC

Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha xem Thiên đàng và Địa ngục miêu tả trong một số kinh sách tôn giáo cổ, như chuyện khai thiên lập địa trong Thánh kinh, chỉ là tượng trưng chứ không phải là chuyện nói theo nghĩa đen. Theo các Ngài thì Thiên đàng là trạng thái của toàn thiện toàn mỹ, và Địa ngục là trạng thái của khuyết điểm. Thiên đàng là sự hòa hiệp với Ý chí của Thượng Đế và với bạn hữu của chúng ta, còn Địa ngục là sự thiếu sót niềm hòa hiệp đó; Thiên đàng là điều kiện của cuộc sống tinh thần, và Địa Ngục là điều kiện của sự chết tinh thần. Một người có thể vừa ở trên Thiên đàng, vừa ở dưới Địa ngục ngay khi hãy còn sống trong thể xác. Sự hoan hỉ ở Thiên đàng là sự hoan hỉ tinh thần, còn sự khổ sở của Địa ngục là tại thiếu sự hoan hỉ đó.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Khi nhờ ánh sáng của đức tin mà con người được giải thoát khỏi sự đen tối của tật xấu, được sáng suốt nhờ ánh sáng của Mặt trời Chân lý, được nâng cao phẩm giá với tất cả các đức tánh, thì họ sẽ cho trạng thái ấy như phần thưởng đẹp đẽ nhất, và họ biết rằng chính đó mới là Thiên đàng thật sự. Cũng như vậy, họ cho là một sự trừng phạt tinh thần khi bị làm nô lệ cho thiên nhiên, khi bị xa cách Thượng Đế, khi tàn ác và dốt nát, khi bị đè ép dưới những thèm muốn của xác thịt, khi chịu nhường bước cho những sự yếu đuối của thú tính, lại nổi bật với những điều làm lỗi tội tãm... thì đây chính là những sự trừng phạt và những khổ hình ghê gớm nhất.

“Phần thưởng ở thế giới bên kia là những sự toàn mỹ toàn thiện và sự bình an đạt được trong các thế giới tinh thần, sau khi rời bỏ thế giới này... Đó là những ân sủng tinh thần, các thứ ân huệ thiêng liêng trong Vương quốc của Thượng Đế, đó là sự toại nguyện của tâm tư và linh hồn và là sự gặp gỡ Thượng Đế trong thế giới vĩnh cửu. Cũng như vậy, những sự trừng phạt ở thế giới bên kia là sự mất phần phúc lành thiêng liêng đặc biệt, và không được hưởng lượng khoan hồng tuyệt đối, tức là sự thoái hóa xuống tận trình độ thấp hèn nhất của cuộc sống. Dù linh hồn họ vẫn tồn tại sau khi chết, thì kẻ bị mất ân huệ thiêng thượng cũng sẽ bị coi như là kẻ chết đối với những người sống theo chân lý.

“Sự phong phú ở thế giới bên kia là sự gần gũi Thượng Đế. Cho nên điều chắc chắn là người nào ở gần ngưỡng cửa thiên đàng thì được phép cầu thay, và sự can thiệp của họ sẽ được Thượng Đế ưng chuẩn. Cũng rất có thể là những kẻ bị chết vì tội lỗi và vô tín ngưỡng được phép thay đổi tình trạng của mình, nghĩa là nhờ lượng từ bi của Thượng Đế mà được tha tội, chứ không phải do sự công bằng của Ngài, vì lượng từ bi khi gia ân thì không kể, còn sự công bằng thì ban tứ theo sự xứng đáng. Ở trần gian này ta có quyền cầu nguyện cho các linh hồn đó

thì ở thế giới bên kia, nghĩa là ở Vương quốc của Thượng Đế, ta cũng được ban cho năng lực tương tự như vậy... Cho nên sự tiến bộ cũng có thể tiếp tục ở thế giới bên kia. Cũng ở đây, ta có thể nhận được ánh sáng do những lời cầu xin của chính mình; cũng ở đây, ta có thể xin thứ lỗi và có thể nhận được sự soi sáng bởi những lời thỉnh nguyện và van xin.

“Trước cũng như sau, khi thoát khỏi hình hài vật chất này, chúng ta vẫn có thể tiến tới sự toàn thiện toàn mỹ, không có sinh vật nào cao hơn con người hoàn hảo, nhưng không phải là thay đổi trạng thái. Không có một trạng thái nào cao hơn để cho người ta có thể đạt tới, vì khi con người đã đạt tới trạng thái đó rồi, họ vẫn có thể luôn luôn tiến đến sự toàn mỹ hơn. Họ chỉ tiến bộ trong phạm vi nhân tính của họ, vì những sự toàn thiện toàn mỹ của nhân loại là không bờ bến. Như vậy, dù có người thông thái đến đâu chẳng nữa, ta vẫn có thể hình dung một người thông thái hơn. Cho nên, vì những sự toàn mỹ toàn thiện của con người là vô hạn, con người vẫn có thể theo đuổi sự hoàn thiện sau khi rời khỏi thế giới này.”

Một số câu hỏi đã được trả lời, trang 260, 261, 268, 269, 274

TÍNH CHẤT ĐỒNG NHẤT CỦA HAI THẾ GIỚI

Sự đồng nhất của nhân loại, theo lời Đức Baha'u'llah dạy, không những chỉ bao gồm những người trong xác thịt nhưng gồm cả những người đang sống hay đã quá cố. Không phải chỉ những người sống trên mặt đất, nhưng cả những người ở trong thế giới tinh thần đều là phần tử của cùng một sự sống. Hai phần của sự sống này có sự liên quan rất mật thiết. Sự tương ứng của hai phần đó không phải là không thể có hay siêu nhiên, mà là bất di dịch và không thể tránh được. Những kẻ nào mà năng lực tinh thần chưa phát triển, thì không ý thức được sự liên quan tới hệ này, nhưng khi năng lực của họ phát triển, thì dần dần họ sẽ ý thức và nhận định được rõ rệt hơn những sự thông công liên lạc giữa họ với những kẻ ở bên kia bức màn. Đối với các Đấng Tiên tri thánh nhân, sự liên lạc tinh thần đó là điều rất thường và có thực, cũng như sự nhìn ngó và sự nói chuyện đối với người đời.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Những sự hiện thấy của các Đấng Tiên tri nhất định không phải là những giấc chiêm bao, đây là những sự khai thị về tinh thần có giá trị thật sự. Ví dụ, các Đấng ấy nói: “Ta có thấy nhân vật này dưới hình dáng nọ, Ta đã nói với người điều này, và người trả lời điều kia...” Sự hiện thấy đó đã xảy ra lúc tỉnh, chứ không phải trong khi ngủ: đó là mặc khải tinh thần.

“Giữa các linh hồn thiêng liêng có sự thâm hiểu và những sự khám phá tinh thần, có sự thông công đã được gọi rủa hết mọi tưởng tượng và bịa đặt, có niềm thân mật vượt cả thời gian lẫn không gian. Cho nên Thánh kinh có kể lại rằng Moses và Eli đến tìm Jesus ở núi Thabor, và điều đó hiển nhiên không phải là cuộc sum họp thuộc thể, mà là một cuộc gặp gỡ tinh thần... Những sự linh giao như vậy là có thật, và còn gây những hiệu lực lạ lùng trong tinh thần và tư tưởng con người, và đó cũng là nguyên do sự hấp dẫn các linh hồn.”

-Một số câu hỏi đã được trả lời, trang 290, 291, 192-

Khi thừa nhận sự thật về các năng lực tâm linh “siêu phàm”, Đức Abdul-Baha cảm đoán người ta ép những tài năng đó phát triển sớm quá. Những năng lực đó sẽ tự nhiên nảy nở khi đến kỳ, miễn chúng ta theo đúng con đường tiến bộ tinh thần do các Đấng Tiên tri đã vạch ra. Đức Abdul-Baha giảng:

“Thí nghiệm các sức mạnh tâm linh khi còn trong đời này tức là làm hại trạng huống của linh hồn trong đời sau. Các sức mạnh đó có thật, nhưng thường thường thì bất động ở cõi này. Đứa bé khi còn trong bụng mẹ vẫn có đủ mắt, tai, tay, chân v.v... nhưng chưa hoạt động. Mục đích cuộc sống trong thế giới vật chất này là sự thăng tiến đến thế giới chân thật, ở đó những sức mạnh đó sẽ hoạt động. Những sức mạnh ấy thuộc về thế giới bên kia.”

-Trích những lời ghi chú của cô Buckton mà Đức Abdul-Baha đã duyệt lại-

Không nên tìm kiếm những sự thông công với tinh thần những người đã khuất nếu chỉ vì muốn thỏa mãn riêng, hay vì tánh tò mò vô ích. Tuy vậy, những người sống ở thế giới này vẫn có bổn phận và đặc ân là thương yêu, giúp đỡ và cầu nguyện cho những người ở thế giới bên kia. Cho nên người Baha'i được truyền dạy phải cầu nguyện cho những người đã khuất. Năm 1904, Đức Abdul-Baha nói với cô E. J. Rosenberg:

“Cái đặc ân cầu thay có linh nghiệm là một trong những sự hoàn thiện mà chỉ những linh hồn tiến hóa mới được phú cho, cũng như những Đấng Biểu hiện của Thượng Đế. Chúa Cứu thế có quyền năng cầu thay để miễn xá cho kẻ thù của Ngài trên quả đất này, và ngày nay chắc chắn Ngài vẫn còn quyền phép đó. Đức Abdul-Baha không bao giờ nhắc tên một người đã khuất mà không nói thêm: “Xin Thượng Đế tha thứ cho người”, hay những lời khác tương tự. Môn đệ của các Đấng Tiên tri cũng có năng lực cầu nguyện để xin tha tội cho các linh hồn. Vậy chúng ta chớ nên tin rằng có một linh hồn bị hình phạt mãi trong tình cảnh đau thương hay thiếu thốn, vì có họ đã hoàn toàn không nhìn biết Thượng Đế. Năng lực cầu thay cho những linh hồn đó hằng tồn tại luôn và rất có hiệu quả. Trong thế giới bên kia, người giàu có thể giúp đỡ người nghèo giống như ở trần gian. Trong mọi thế giới, tất cả đều là thọ tạo vật của Thượng Đế. Tất cả luôn luôn tùy thuộc Ngài. Không ai là độc lập, không ai có thể sẽ độc lập. Vì tất cả đều cần Thượng Đế cho nên càng cầu xin càng tiếp nhận được nhiều. Họ có gì, kho tàng của họ là gì? Và ở thế giới bên kia, thế nào gọi là giúp đỡ và tương trợ? Tất cả mọi sự đó đều gồm trong sự cầu thay.”

Ngài còn dạy:

“Những người ở thế giới bên kia có những đặc tính khác người ở thế gian này, tuy vậy, không có sự chia cách thật sự. Sự cầu nguyện dung hợp cả hai trạng thái, và hòa hiệp giữa hai điều kiện này. Hãy cầu nguyện cho họ như họ cầu nguyện cho các người.”

-Đức Abdul-Baha tại London, trang 97-

Có người hỏi Đức Abdul-Baha xem có thể nhờ đức tin và tình yêu mà rao báo Mặc Khải mới cho những người đã lìa bỏ thế giới này trước khi được nghe đến, thì Ngài đáp:

“Có, chắc chắn có, vì lời cầu nguyện chân thật luôn luôn đem lại hiệu quả và ảnh hưởng lớn ở thế giới bên kia. Chúng ta không bao giờ bị phân cách với những người ở bên ấy. Ảnh hưởng thật sự và chân xác không phải ở thế giới này mà ở cả thế giới bên kia.”

-Những ghi chú của Mary Hanford Ford, Ba Lê 1911-

Đăng khác, Đức Baha'u'llah viết:

“Người nào sống đúng theo những điều đã được truyền phán cho mình thì hội nghị Thiên đình, con dân của Thiên đàng tối cao và tất cả những người núp dưới Vòm trời Cực đại, sẽ cầu nguyện cho người theo mệnh lệnh của Thượng Đế, Đáng Thân yêu Nhất, Đáng Đáng được Ca ngợi.

-Kinh bản phiên dịch ra tiếng Anh bởi Ali-Kuli-khan-

Trả lời câu hỏi tại sao tâm hồn tự nhiên thường hay hướng về bạn hữu đã khuất, Đức Abdul-Baha dạy:

“Một quy luật trong cuộc sáng tạo của Thượng Đế là kẻ yếu phải dựa vào người mạnh. Khi các người cảm thấy mình hướng vọng về người nào, thì người ấy có thể làm trung gian giữa những quyền năng của Thượng Đế và các người, cũng như họ có thể làm điều đó ngay khi còn ở trên mặt đất. Song, chỉ có Đức Thánh Linh mới làm cho mọi người đều được bền vững.”

-Đức Abdul-Baha tại London, trang 97-

ĐIỀU ÁC KHÔNG THỰC HỮU

Theo triết lý Baha'i, căn cứ vào giáo lý về sự duy nhất của Thượng Đế, thì điều ác không thực hữu như một động lực thực tại. Chỉ có thể có một Đấng Vô cực thôi. Nếu trong vũ trụ còn có một quyền lực nào ở ngoài phạm vi hoặc đối lập với Đấng Duy nhất thì Đấng Duy nhất không còn là Đấng Vô cực nữa. Chẳng khác nào sự tối tăm chỉ là sự thiếu ánh sáng hay là một ánh sáng yếu ớt, sự ác chỉ là sự thiếu thiện hay là điều thiện còn ở mức độ thấp, đó là trạng thái chưa phát triển. Kẻ ác là kẻ chưa phát triển phần cao thượng của bản chất mình. Nếu hấn ích kỷ, thì sự ác không phải là tại hấn có lòng yêu tự ngã, vì bất cứ tình yêu nào, kể cả lòng yêu tự ngã đều là tốt, là thiêng liêng. Điều ác chính là tại lòng yêu tự ngã của hấn quá chật hẹp, quá khiếm khuyết, quá sai lạc và thiếu cả lòng kính mến Thượng Đế và yêu thương đồng loại nữa. Hấn tự cho mình là một giống vật thượng đẳng, và hấn tôn tặng một cách đại dột bản chất thấp hèn của hấn... như thể người ta vuốt ve con chó cưng - nhưng đối với hấn, hậu quả còn nặng nề hơn là đối với con chó.

Đức Abdul-Baha dạy trong một bức thư của Ngài:

“Để trả lời điều nhận xét của người, rằng Đức Abdul-Baha có nói với tín đồ rằng điều ác không hề thực hữu, hay hơn nữa, không có sự ác. Điều này là đúng, nên điều tai hại nhất của con người là họ đi lạc đường và bị che mờ không thấy chân lý. Làm lỗi là sự thiếu hướng dẫn, tối tăm là sự thiếu ánh sáng; dốt nát là thiếu tri thức, giả dối là thiếu sự thành thật, đui mù là thiếu thị giác, điếc là thiếu thính giác. Cho nên những làm lỗi, mù lòa, điếc lác và ngu dốt vốn không thật có vậy.”

Ngài lại dạy:

“Trong tạo vật không có gì xấu; tất cả đều tốt. Một số tính nét và phong cách bẩm sinh ở một số người, trông có vẻ đáng trách, nhưng thật ra không đáng bị coi như vậy. Như ở đứa trẻ, ngay từ lúc còn trứng nước, người ta đã có thể nhận thấy các dấu hiệu của sự giận hờn, của ý thích, cùng tính khí của nó. Do đó người ta suy ra rằng, thiện và ác vốn là căn tính của nhân loại, và điều này trái với ý tưởng cho rằng điều thiện tuyệt đối vốn có trong cõi thiên nhiên và trong tạo vật. Câu trả lời thích đáng phải là: lòng ham muốn, tức ước vọng luôn luôn đòi hỏi nhiều hơn; ấy là một tính tốt đáng khen, miễn là được dùng một cách thích hợp. Một người có ước vọng sở đắc về khoa học và tri thức, hay muốn trở nên từ bi, đại lượng và công bằng hơn thì đáng khen ngợi lắm. Nếu con người biết thanh nợ đối với những kẻ chuyên chế khát máu như mãnh thú, thì rất đáng khen. Nhưng nếu họ không chịu dùng những tính chất đó cho đúng đường, thì mới đáng trách... Đối với tất cả các đặc tính tự nhiên cấu tạo nên phần chủ yếu của sự sống con người cũng vậy, nếu không khéo sử dụng hoặc sử dụng một cách bất chính, thì những đặc tính đó sẽ là đáng trách. Như vậy, rõ ràng là tạo vật hoàn toàn thiện mỹ.”

-Một số câu hỏi được trả lời, trang 250, 251-

Điều ác luôn luôn thiếu sức sống. Nếu phần hạ đẳng của bản chất con người phát triển một cách không cân xứng, thì phương thuốc để chữa trị không phải là làm giảm sinh lực của phần đó, mà làm tăng sinh lực cho cái mặt cao thượng của họ, thế quân bình sẽ được tái lập. Đức Chúa đã phán: “Ta giáng thế để đem lại sự sống cho các người, để các người có một sự sống dồi dào hơn”. Đó là điều cần thiết cho tất cả chúng ta – một đời sống phong phú hơn, một đời sống thực sự là đời sống. Sứ điệp của Đức Baha’u’llah cũng giống như Sứ điệp của Đức Chúa, Ngài dạy: “Ngày nay, Kẻ nô bộc này quả thật đã đến để đem sinh khí cho thế giới,”³⁵ và Ngài đã phán với môn đệ Ngài những lời này: “Hãy đến cùng Ta, để Chúng Ta làm cho các người trở thành những kẻ thức tỉnh nhân loại”.³⁶

CHƯƠNG XII: TÔN GIÁO VÀ KHOA HỌC

“Ali, con rể của Đức Muhammad dạy: “Cái gì hợp với khoa học thì cũng hợp với tôn giáo”. Tôn giáo không thể nào chấp nhận những điều mà trí thông minh của con người không thể hiểu nổi. Tôn giáo và khoa học đồng hành, tôn giáo nào trái với khoa học thì không phải là chân lý.”

-Sự khôn ngoan của Đức Abdul-Baha’-

TƯỜNG TRANH DO HIỂU LẦM

Một trong những giáo lý căn bản của Đức Baha’u’llah là tôn giáo chân thực và khoa học chân thực phải luôn luôn hòa hợp. Chân lý chỉ có một, mọi mâu thuẫn xuất phát từ lầm lẫn chứ không phải tự chân lý. Suốt bao thế kỷ, nhiều vụ xung đột kịch liệt đã xảy ra giữa cái gọi là khoa học và cái gọi là tôn giáo, nhưng nếu nhờ vào ánh sáng chân lý trọn vẹn hơn để quan sát, chúng ta sẽ thấy các vụ xung đột đó đều do sự ngu muội, thành kiến, lòng kiêu ngạo, tham lam, sự hẹp hòi, tánh cố chấp, ương ngạnh và những thói tương tự - những thói xa lạ với tinh thần chân chính của cả khoa học lẫn tôn giáo, vì cả hai cùng thuộc một tinh thần. Như Huxley đã viết: “Hành động vĩ đại của các triết gia không tùy thuộc vào trí tuệ, nhưng tùy thuộc vào sự hướng dẫn trí tuệ bởi tiếng gọi cao cả của tôn giáo trong tâm hồn. Tính kiên nhẫn, tình yêu thương, tâm hồn giản dị và lòng hy xả hơn là tài lý luận đã giúp họ khám phá chân lý. Nhà toán học Boole quả quyết rằng: “Phép quy nạp hình học bản chất là một phương thức cầu nguyện - là lời của vật hữu hạn thỉnh cầu Đấng Vô hạn soi sáng cho mình về những vấn đề hữu hạn”. Các bậc cự phách trong giới tôn giáo và giới khoa học không bao giờ phủ nhận lẫn nhau. Những kẻ bách hại các Đấng Tiên tri cùng những kẻ phản đối kịch liệt nhất của tiến bộ khoa học đều do bọn môn đồ nệ sách mà không hiểu tinh thần của sách, bọn môn đồ bất xứng của các Đấng Giáo dục vĩ đại của thế giới. Họ nghiên cứu ánh sáng của một mặt khía đặc biệt mà họ cho là thiêng liêng; họ định nghĩa những tính chất và đặc trưng của mặt khía rất cẩn thận, tỉ mỉ, theo sự hiểu biết hữu hạn của họ. Đối với họ, đó là ánh sáng chân chính duy nhất. Khi Thượng Đế với lượng hải hà ban cho tại nơi nào một ánh sáng lớn hơn, và ngọn đuốc thần ứng trong tay người khác cầm, cháy mãnh liệt hơn, thì đáng lẽ phải hân hoan đón nhận và tỏ lòng tri ân sùng bái Đấng Cha của mọi ánh sáng, họ lại tức giận và kinh hoàng. Ánh sáng mới này không hợp với các định nghĩa của họ. Nó không có màu chính thống, không xuất hiện tại địa điểm chính thống, nên bằng mọi giá phải dập tắt đi để nó đừng dẫn loài người lạc vào đường tà đạo! Phần đông những kẻ thù địch với các Đấng Tiên tri đều thế - họ là những người lãnh đạo mù của người mù, họ cản trở mọi chân lý mới mẻ, sâu rộng hơn; và họ hành động như thế vì quyền lợi của chủ nghĩa mà họ tưởng là chân lý. Có những kẻ khác thấp kém hơn, họ đã phá chân lý vì quyền lợi cá nhân, hoặc cản đường tiến bộ vì sự trì trệ và sự chết thuộc linh của họ.

BÁCH HẠI CÁC ĐÁNG TIÊN TRI

Các Đáng Tiên tri Lớn trong tôn giáo lúc mới xuất hiện bao giờ cũng bị người đời miệt thị và bài xích. Các Ngài cũng như những môn đồ đầu tiên của các Ngài đều bị bọn bách hại tấn công. Các Ngài đã hy sinh tánh mạng và tài sản để phụng sự Thượng Đế. Thời đại ta bây giờ cũng thế. Tại Ba Tư, từ năm 1844, nhiều ngàn người Babi và Baha'i đã chịu đựng những cái chết ác liệt vì tín ngưỡng. Số người bị cầm tù, lưu đày, đói rách và nhục nhã còn đông hơn nữa. Tôn giáo cuối cùng trong hàng loạt các đại tôn giáo đã được “tắm lễ bằng máu”, nhiều hơn các tôn giáo trước và cho đến nay tín đồ của tôn giáo đó vẫn tiếp tục bị sát hại. Các nhà tiên tri trong giới khoa học cũng chịu chung một số phận như vậy. Năm 1600 kỷ nguyên Thiên chúa, nhà khoa học người Ý, Giordano Bruno, bị coi là truyền bá tà thuyết và bị hỏa thiêu, vì ngoài những điều khác, ông dạy rằng trái đất quay chung quanh mặt trời. Ít lâu sau, một kiện tướng trong ngành vật lý học là ông Galileo phải quỳ gối chối bỏ học thuyết đó, để tránh khỏi số phận tương tự. Gần đây hơn, Darwin và các nhà tiên phong ngành địa chất học hiện đại, bị đả kích kịch liệt vì đã dám phản bác một điều trong Kinh thánh, theo đó vũ trụ được tạo dựng trong 6 ngày và cách đây chưa tới 6000 năm! Tuy nhiên, không phải chỉ giáo hội mới phản đối tân chân lý khoa học. Khoa học giáo điều cũng ác cảm với tiến bộ như tôn giáo giáo điều. Christopher Columbus bị bọn bác học giả hiệu đương thời diễu cợt và nhục mạ; bọn này mãi nguyên về sự giải thích theo lý thuyết cho rằng, nếu tàu thuyền đi tới được vùng Antipode ở bên kia địa cầu, thì tuyệt đối không thể nào trở về nơi khởi hành được. Galvani, nhà khai sáng ngành điện học, bị bạn đồng sự thông thái diễu cợt và mệnh danh là “khiêu vũ sư của ếch nhái”. Harvey, người khám phá sự tuần hoàn huyết dịch, bị bạn đồng nghiệp chế diễu và ngược đãi vì những ý kiến “tà thuyết”, rồi bị trục xuất khỏi ghế giáo sư. Khi Stephenson phát minh đầu máy xe lửa, các nhà toán học Châu Âu đồng thời vốn tự mãn về những sự giải thích theo lý thuyết suông của mình, đã không mở mắt ra để nghiên cứu các sự kiện, lại cứ tiếp tục chứng minh hàng mấy năm nữa rằng một cái máy chạy trên đường sắt nhãn lì không thể nào kéo được đồ nặng, vì bánh xe sẽ trượt và quay tít tại chỗ, không làm cho xe đi tới được. Trong cổ sử hay trong lịch sử cận đại và ngay cả lịch sử hiện kim, những thí dụ như thế thật đầy dẫy. Bác sĩ Zamenhof, người sáng chế ra tiếng Esperanto, muốn làm cho thiên hạ chấp nhận thứ ngôn ngữ tuyệt diệu của mình, cũng phải chống cự với bao lời diễu cợt, miệt thị, phản đối ngu độn, như trường hợp của Christopher Columbus, Galvani và Stephenson. Dù tiếng Esperanto mới ra đời từ năm 1887, mà cũng đã có những nhà tuẫn ngữ.

SỰ HÒA GIẢI CHÓM NỔ

Tuy nhiên, trong 50 năm vừa qua, đã có sự thay đổi trong tâm trí con người của thời đại, một Ánh sáng Chân lý mới đã xuất hiện và làm cho các cuộc cãi cọ trong thế kỷ trước thành lỗi thời. Những nhà duy vật hợm hĩnh và những vô thần giáo điều mới đây còn chủ trương trục xuất tôn giáo ra khỏi thế giới này, bây giờ đâu rồi? Các nhà truyền giáo trước đây còn quyết tâm thề nguyện: liệng vào lửa địa ngục và phạt cực hình những kẻ không chấp nhận các tín điều của họ, bây giờ ở đâu? Có lẽ dư âm tiếng la lối của họ cũng còn sót lại nhưng ảnh hưởng của họ đã phai nhạt nhanh chóng, và giáo lý cùng học thuyết của họ cũng đã bị mất uy tín. Ngày nay chúng ta thấy rõ rằng những học thuyết làm có cho những sự tranh cãi gắt gao nhất, không phải là khoa học hay tôn giáo chân thực. Căn cứ vào các cuộc khảo cứu tâm lý hiện đại, nhà bác học nào còn dám quả quyết rằng: “Óc tiết ra tư tưởng như gan tiết ra mật?” Hoặc “hễ thể xác bị hủy diệt thì linh hồn cũng bị tiêu tán theo?”. Ngày nay chúng ta thấy rằng: những tư tưởng muốn được hoàn toàn tự do, phải bay bổng lên những thượng tầng của thế giới tâm linh chớ không thể cứ khur khur trong địa hạt vật chất mãi. Chúng ta nhận thấy rằng: những điều ta đã biết về vũ trụ, so với những điều chưa biết, thật chỉ như một giọt nước trong đại dương. Do đó chúng ta sẵn sàng công nhận: phép lạ có thể xảy ra; thực ra chúng ta không coi phép lạ như một sự phá vỡ định luật thiên nhiên, nhưng coi như sự phát hiện tác động của các năng lực huyền diệu mà ta chưa biết, cũng như điện và quang tuyến X, trước đây còn xa lạ với ông cha chúng ta. Mặt khác vị lãnh tụ tôn giáo hiện đại nào còn ung tuyên bố rằng: muốn cứu được linh hồn, bắt buộc phải tin; trái đất đã được tạo nên trong 6 ngày; các đại họa giáng trên xứ Ai Cập như đã mô tả trong Exodus là đúng như nguyên văn; hoặc mặt trời ngừng lặn (nghĩa là trái đất ngừng quay) để Joshua truy kích quân thù; hay là nếu ai không chấp nhận kinh Tin kính của Thánh Athanasius thì chắc chắn phải chết vĩnh viễn? Những điều tin tưởng như thế, ngày nay cũng còn được nhắc lại theo hình thức, nhưng ai có thể tiếp nhận một cách tất nhiên theo nghĩa đen và không có sự dè dặt được? Ảnh hưởng của những tín điều đó đối với tâm trí người đời đã giảm bớt hay đang biến mất nhanh chóng. Thế giới tôn giáo mang ơn những nhà khoa học đã chấm dứt những giáo điều lỗi thời và tín ngưỡng cổ hủ như thế để cho chân lý có thể hiển hiện. Trái lại, thế giới khoa học, phía họ cũng mang ơn sâu nặng hơn đối với các Thánh nhân và các nhà huyền học chân chính, qua lời giảng và những cơn bệnh đã trung tín bảo tồn các chân lý căn bản về kinh nghiệm tôn giáo, chứng minh cho cái thế giới đa nghi biết rằng, sự sống còn là cái gì ngoài xác thịt, và cái không thấy được còn bao la hơn cái thấy được. Các nhà khoa học và các thánh nhân ấy giống như những đỉnh núi cao tiếp nhận những tia sáng đầu tiên của buổi hừng đông và phản chiếu xuống hạ giới. Hiện giờ mặt trời đã mọc và chiếu sáng cả thế gian. Trong giáo lý của Đức Baha'u'llah, chúng ta có một Mặt khải chân lý vinh hiển, làm thỏa mãn tâm hồn lẫn trí tuệ, trong đó tôn giáo và khoa học hiệp nhất.

TÌM TÒI CHÂN LÝ

Giáo lý Baha'i về cách tìm tòi chân lý tỏ rõ tính chất hòa hiệp trọn vẹn với khoa học. Con người phải vứt bỏ mọi thành kiến để được tự do tìm kiếm chân lý.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Muốn thấy chân lý ta phải từ bỏ mọi thành kiến, mọi khái niệm cá nhân hẹp hòi và nông cạn. Cần thiết phải có một khối óc minh mẫn và cởi mở. Nếu ly rượu của ta chứa đầy bản ngã thì còn chỗ đâu mà đựng Sinh thủy? Trở lực lớn nhất trên con đường thống nhất là sự cho rằng chỉ mình có chân lý, còn mọi kẻ khác đều sai lầm, mà muốn đạt được chân lý, thì thống nhất lại là điều kiện căn bản, vì chân lý chỉ có một...”

“Không có thứ chân lý nào trái ngược với chân lý. Ánh sáng là tốt dù nó phát ra từ ngọn đèn nào. Bông hồng là đẹp dù nở trong vườn nào. Một ngôi sao rực sáng dù nó chiếu xuống Tây phương hay chiếu xuống Đông phương. Hãy thoát ly mọi thành kiến thì sẽ thấy yêu Mặt trời Chân lý, dù Mặt trời đó xuất hiện tại chân trời nào cũng thế. Các người sẽ thấy rằng nếu ánh sáng chân lý thiêng liêng chói lọi trong bản thân Đức Chúa thì cũng chói lọi trong bản thân Đức Moses và bản thân Đức Phật Thích Ca. Đó là cách phải hiểu về sự tìm tòi chân lý.

“Cái đó còn có nghĩa là chúng ta phải gạt bỏ tất cả những điều trước kia hấp thụ được, tất cả những gì làm vướng chân ta trên đường đi tìm chân lý. Nếu cần, chúng ta phải giáo dục bản thân lại từ đầu. Chúng ta không nên buộc chặt mình vào một tôn giáo hay một nhân vật nào đến nỗi nhờn quang phải mờ tối, và chúng ta bị xiềng xích bởi các sự mê tín dị đoan. Khi chúng ta thoát khỏi những dây trói buộc đó, khi chúng ta đi tìm chân lý với một tinh thần đã được tự do, bấy giờ chúng ta mới có thể đạt đến mục đích.”

-Sự khôn ngoan của Đức Abdul-Baha, trang 127-

CHỮ NGHĨA BÁT KHẢ TRI

Hiệp với khoa học và triết lý, giáo lý Baha'i tuyên bố: Con người không thể hiểu nổi bản thể của Thượng Đế. Như Thomas Huxley và Herbert Spencer nhấn mạnh về điểm không thể nào biết được bản thể của Tối sơ Đại Nguyên nhân. Đức Baha'u'llah dạy rằng: “Thượng Đế biết tất cả nhưng không ai biết Ngài”. Để đạt đến bản thể thiêng liêng “lối đi đã bị chặn không thể vượt qua”. Thực thế, làm sao hữu hạn hiểu nổi Vô hạn? Làm sao một giọt nước có thể chứa đựng cả đại dương, và làm sao một hạt bụi nhảy múa trong tia nắng kia có thể bao gồm cả vũ trụ? Tuy nhiên, toàn thể tạo vật đều nói về Thượng Đế một cách hùng hồn. Mỗi giọt nước bao hàm hàng đại dương, ý nghĩa mỗi hạt bụi cũng chứa đựng hàng vũ trụ nghĩa lý, vượt xa tầm hiểu biết của nhà bác học siêu việt nhất. Khảo cứu về cách cấu tạo vật chất, các nhà hóa học và vật lý tiến từ đại khối đến phân tử, từ phân tử đến

nguyên tử, từ nguyên tử đến điện tử và ê-te;^a tuy vậy, mỗi bước (trên đường nghiên cứu) lại gặp bao khó khăn chông chát cho tới mức mà khối óc thông minh sâu nhiệm nhất cũng không thể vượt lên được, chỉ đành chịu lặng lẽ cúi đầu trước cái Vô Hạn rất nhiệm màu, không thể hiểu nổi:

Hỡi bông hoa trong bức tường nẻ,
Ta hái ngươi từ rạn nứt.
Ta cảm cả thân rẽ ngươi trong tay,
Hỡi bông hoa nhỏ bé, nhưng nếu ta hiểu được.
Ngươi là gì, cả thân, cả rẽ, hết mọi sự,
Thì ta mới có thể hiểu nổi Thượng Đế và biết nổi con người là gì.”

-Tennyson-

Nếu một bông hoa trong bức tường nẻ, nếu ngay một nguyên tử vật chất đơn giản mà còn chứa đựng những bí ẩn đến nỗi óc thông minh nhất không giải quyết được thì con người làm sao hiểu nổi vũ trụ? Làm sao dám toan định nghĩa hay mô tả Nguyên nhân Vô biên của vạn vật? Tất cả mọi lý luận thần học về bản chất Tinh hoa của Thượng Đế đều phải gạt bỏ đi coi như rồ dại và vô giá trị.

Ý NIỆM VỀ THƯỢNG ĐẾ

Nhưng nếu Bản thể của Thượng Đế không thể biết được, thì lòng khoan đại của Ngài lại biểu hiện khắp nơi. Nếu ta không thể hiểu nổi cái Tối sơ Nguyên nhân, thì mỗi năng lực của ta đều cảm thấy hiệu quả của nguyên nhân đó. Cũng như đối với người sành sỏi, các tác phẩm của một họa sĩ biểu lộ thực tài của nghệ sĩ thế nào, thì sự nhận thức vũ trụ dưới mọi khía cạnh, sự nhận thức bản tính hay thể chất của con người, và sự nhận thức những vật hữu hình hay vô hình, cũng giúp nhận thức được công trình của Thượng Đế như vậy; nó cung hiến cho người đi tìm chân lý thiêng liêng tri thức thực sự về vinh quang của Ngài.

“Các tầng trời biểu lộ vinh quang của Thượng Đế, bầu trời xác nhận công cuộc do tay Ngài tạo ra. Ngày này báo cho ngày khác biết và đêm này báo cho đêm khác hay.”

-Thi thiên XIX, 1-2-

BIỂU HIỆN CỦA THƯỢNG ĐẾ

Mỗi vật biểu hiện ít nhiều lượng từ bi của Thượng Đế, như các đồ vật phơi ngoài nắng, phản chiếu nhiều hay ít ánh sáng mặt trời. Một đồng bạc phản chiếu ít, một cục đá phản chiếu nhiều hơn, một hòn phấn phản chiếu nhiều hơn nữa; nhưng ta không nhận thấy dấu vết, hình thể hay màu sắc rực rỡ của vàng thái dương trong các phản ảnh đó. Chỉ có tấm gương hoàn hảo mới phản chiếu được

^a Ê te là chất vô hình, không màu, không mùi

hình thể và màu sắc của mặt trời, nên nhìn vào tấm gương ấy cũng như nhìn vào chính mặt trời vậy. Sự vật nói với chúng ta về Thượng Đế là như thế. Hòn đá biểu lộ vài đặc điểm của Thượng Đế, bông hoa biểu lộ nhiều hơn, con vật có giác quan kỳ diệu, bản năng và khả năng vận động, còn biểu lộ nhiều hơn nữa. Trong người đồng loại hèn kém nhất, chúng ta cũng tìm thấy những năng lực kỳ diệu chứng tỏ rằng có một Đấng Tạo hóa vạn năng. Dưới một hình thức cao hơn, những thi sĩ, thánh nhân thiên tài cũng chứng minh về sự thực hữu của Đấng Tạo hóa, nhưng chỉ có các Đấng Tiên tri lớn và các Đấng Sáng lập Tôn giáo mới là những tấm gương hoàn hảo phản chiếu cho toàn thể nhân loại tình yêu và sự khôn sáng của Thượng Đế. Tấm gương khác bị các vết nhơ và bụi bặm ích kỷ, thành kiến, làm cho mờ đục, còn tấm gương của các Đấng này thì trong sạch, không vết tích - hoàn toàn tuân phục Ý chí Thượng Đế. Nhờ vậy, các Ngài trở nên các Đấng Giáo dục lớn nhất của nhân loại. Các Đấng ấy làm Trung gian mà các giáo huấn thiêng liêng cùng quyền năng của Thánh linh đã thành những nguyên nhân tiến bộ của nhân loại, vì Thượng Đế cứu giúp con người qua con người. Một người vươn mình lên các mức của cuộc sống, bất cứ ai đã leo lên tới những mức cao cũng có thể giúp đỡ những người còn ở bên dưới, còn những người đã đạt tới chót đỉnh thì giúp đỡ toàn thể nhân loại. Mọi người dường như kết lại với nhau bằng những thứ dây co giãn. Nếu có ai vượt cao lên trên mức trung bình của người đồng loại một chút thì dây đó căng ra. Đồng loại thường muốn kéo người đó xuống thấp, nhưng không kém phần mạnh mẽ, người đó cũng cố lôi các đồng loại mình lên cao. Người đó càng lên cao bao nhiêu thì khối nặng cản trở của trần gian càng ghi mạnh xuống bấy nhiêu, và người đó càng phải trông cậy vào sự trợ giúp của Thượng Đế và đã được tiếp trợ nhờ sự trung gian của những người ở trên cao hơn mình. Trên tuyệt đỉnh có các Đấng Tiên tri Lớn và các Đấng Cứu thế là các “Biểu hiện” của Thượng Đế, những nhân vật hoàn hảo ấy, mỗi Đấng đều là bậc vô song đối với thời đại của mình, không có người đồng sự, không có bạn đường mang lại gánh nặng của cả thế giới, với sự trợ lực của Thượng Đế. Câu: “Ngài mang gánh nặng tội lỗi chúng ta” thực đúng với từng Đấng ấy. Đối với tín đồ, mỗi Đấng ấy đều tỏ ra mình là “đường đi, chân lý và sự sống”. Mỗi Đấng là một con kinh đem ân sủng thiêng liêng lại cho những tâm hồn muốn tiếp nhận. Trong đại chương trình nâng cao nhân loại của Thượng Đế, mỗi Đấng đều giữ một vai trò quan trọng.

TẠO LẬP VŨ TRỤ

Đức Baha'u'llah dạy rằng vũ trụ không có khởi thủy trong thời gian. Đó là sự lưu xuất thường xuyên của Tồi sơ Đại Nguyên nhân. Tạo hóa đã từng luôn luôn sáng tạo và còn tiếp tục sáng tạo mãi mãi. Các thế giới và các hệ thống sinh ra rồi tiêu diệt, nhưng vũ trụ vẫn tồn tại. Tất cả những hợp chất đều theo thời gian mà tan rã, nhưng các nguyên tố cấu thành vẫn tồn tại. Tạo thành một thế giới, một bông bạch cúc hay một cơ thể con người, không phải là “cái gì làm ra từ hư không”, mà là qui tắc các nguyên tố trước đây còn tản mát, là làm cho một vật trước đây còn giấu kín thành vật thấy được. Dần dần, các nguyên tố lại bị phân tán, hình thể lại biến đi, nhưng thực ra không có cái gì bị mất hay bị tiêu diệt. Những hình thể và những sự hóa hợp mới lại luôn luôn từ những cái hư mất của

quá khứ mà phát xuất. Đức Baha'u'llah xác nhận giả thuyết của các nhà khoa học ước lượng trái đất đã được tạo nên không phải mới 6000 năm, mà hàng triệu năm, hàng tỷ năm. Thuyết tiến hóa đó không phủ nhận quyền năng sáng tạo. Thuyết đó chỉ mô tả thể thức phát hiện của năng lực sáng tạo. Nếu người ta biết nhận định đúng giá trị diệu huyền của lịch sử vũ trụ vật chất mà các nhà thiên văn học, địa chất học, sinh vật học, vật lý học đã lần lần phát lộ cho chúng ta thì chúng ta sẽ thấy rằng lịch sử đó còn muôn phần xứng đáng, để thức tỉnh lòng thờ phụng và tôn kính, hơn là các câu chuyện cổ lỗ từ lúc ban sơ thuật lại sự tạo lập vũ trụ, lưu truyền trong kinh sách Do Thái. Tuy nhiên, bức tranh mô tả cổ kính trong Sáng thế ký cũng có lợi là chỉ rõ bằng vài nét tượng trưng chính yếu, ý nghĩa thiêng liêng thiết yếu của lịch sử. Sự mô tả đó cũng giống như một họa sĩ thiên tài, biết dùng vài nét chấm phá để ghi lại cảm tưởng, còn một nghệ sĩ tầm thường thì dù có chú trọng đến chi tiết bao nhiêu cũng dễ bị thất bại hoàn toàn. Nếu các chi tiết vật chất làm cho ta không hiểu nổi ý nghĩa thiêng liêng, thì thà đừng biết đến còn hơn, nhưng nếu chúng ta đã hiểu thấu ý nghĩa chính yếu của toàn bộ phác họa, thì sự hiểu biết các chi tiết lại càng làm cho sự nhận thức của ta được gia tăng và sáng sủa lạ lùng, còn bức phác họa thì trở thành một bức danh họa.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Phải biết rằng một trong những chân lý tâm linh trừu tượng nhất là thể giới sinh tồn, tức vũ trụ vô biên này, lại không có khởi thủy... Phải biết rằng một Đấng Sáng tạo mà không có tạo vật là một điều không thể hiểu được, hay là một người cấp phát mà không có ai thụ lãnh là một điều không tưởng tượng nổi; vì tất cả danh hiệu và đặc tính của Thượng Đế đều đòi hỏi phải có tạo vật. Nếu có thể tưởng tượng được một thời kỳ nào không có sinh vật thì sẽ đi tới chỗ chối bỏ thân tính của Thượng Đế. Hơn nữa, cái gì vốn tuyệt đối không có thì cũng không thể trở thành có được. Nếu tuyệt đối không có sinh vật thì sự sống đã không bao giờ phát hiện. Bởi Bản thể của Đấng Thuần nhất, tức là sự thực hữu của Thượng Đế vĩnh viễn, bất diệt - nghĩa là không có đầu và cuối - thì thế giới sinh tồn này, chắc chắn cũng không có đầu tiên, không có cuối cùng... Tuy nhiên, một phần vũ trụ, tỉ như một hành tinh có thể vừa mới tạo thành hay sắp sửa tan rã, nhưng các hành tinh khác vẫn tồn tại... Mỗi hành tinh đã có đầu tiên tất phải có cuối cùng, vì mọi vật hóa hợp, chung hay riêng, đều phải tan rã, chỉ khác là cái thì tan rã nhanh chóng, cái thì tan rã lâu hơn. Dầu vậy, không thể tưởng tượng được một hợp chất có thể không bị tan rã.”

-Một số câu hỏi đã được trả lời, trang 209-210-

SỰ TIẾN HÓA CỦA LOÀI NGƯỜI

Đức Baha'u'llah xác nhận kết luận của nhà sinh học đã xét ngược trở lên những sự biến hóa của các chủng loại và ước lượng lịch trình tiến triển của cơ thể con người có thể lâu hàng triệu năm. Từ một hình thức rất đơn giản có vẻ như vô nghĩa, thân thể đã phát triển từng giai đoạn, qua muôn vàn thế hệ, mỗi ngày mỗi

thêm phức tạp và kết cấu khéo léo hơn, cho đến khi đạt tới trạng thái hiện thời. Thân thể mỗi người phát triển riêng biệt theo từng giai đoạn, từ một tiểu bộ phận tròn bằng chất keo cho đến con người phát triển đầy đủ. Nếu điểm này đúng với cá thể - điều mà không ai có thể chối cãi - thì tại sao công nhận một tiến trình tương tự đối với chủng loại, lại là điều trái với nhân phẩm? Điều này khác xa thuyết cho rằng thủy tổ loài người là khỉ. Ở một giai đoạn phát triển nào đó, phôi thai con người có thể giống hình con cá có vi và đuôi, nhưng không phải là cá. Đó là phôi thai của con người. Kinh qua các giai đoạn phát triển khác nhau, nhân loại³⁷ trông bề ngoài có thể giống vài sinh vật hạ đẳng, nhưng bấy giờ cũng đã là nhân loại rồi, một nhân loại có tiềm năng nhiệm mầu đạt được những đặc tính con người mà ta biết hiện nay, hơn nữa có tiềm năng sau này phát triển tới một trình độ thượng đẳng tiến hóa.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Địa cầu, dưới hình thức hiện thời, rõ ràng không phải được tạo nên cùng một lúc; trái lại, nó đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau từ trình độ này sang trình độ nọ, tới khi đạt được trạng thái rực rỡ ngày nay... Từ lúc phát sinh và nảy nở trong lòng trái đất, con người giống hệt như phôi thai của mình hiện thời trong bụng mẹ, đã phát triển từng trình độ, chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác... cho tới khi xuất hiện chứa chan vẻ đẹp và hoàn hảo, sức lực và quyền năng. Ban đầu, chắc chắn nó không có vẻ duyên dáng, cao quý, thanh lịch đó, dần dần nó mới đạt đến cái hình thức, cái bóng dáng mỹ miều hữu duyên kia... Sự hiện hữu của con người trên hành tinh từ khởi thủy đến trạng thái, hình dạng và điều kiện hiện thời, ắt đã phải trải qua một thời gian dài... Nhưng từ khởi thủy của sự hiện hữu, con người đã là một chủng loại riêng biệt... Khi công nhận rằng trong thân thể người ta hiện thời có dấu vết của nhiều cơ quan đã biến mất, thì đó không phải là bằng chứng chủng loại không có bất biến tính và căn nguyên tính. Những sự đó chỉ để chứng minh sự biến hóa về hình thức, về cách kết cấu và về các cơ quan nơi con người. Tuy vậy, con người vẫn là một chủng loại khác biệt: một người chứ không phải là một con vật.”

-Một số câu hỏi đã được trả lời, trang 211-214-

Đức Abdul-Baha dạy về câu chuyện ông Adam và bà Eve như sau:

“Nếu ta hiểu câu chuyện đó theo nghĩa đen, theo sự giải thích thường được công nhận, thì câu chuyện thực dị kỳ. Trí óc thông minh không thể tiếp thụ, xác nhận và tưởng tượng như thế được, vì các sự chuẩn bị những chi tiết, những ngôn ngữ và những sự trách móc như thế không xứng với một sinh vật thông minh, huống chi là với Đấng Thần linh - là Đấng đã tổ chức nên vũ trụ vô biên này một cách cực kỳ hoàn hảo, đã tổ chức dân cư vô vàn trên thế giới đó theo một trật tự rất có hệ thống, rất hùng mạnh, rất hoàn hảo... Do đó câu chuyện Adam và Eve ăn trái cấm rồi bị trục xuất khỏi thiên đường phải hiểu theo nghĩa hoàn toàn tượng trưng. Câu chuyện đó chứa đựng nhiều nhiệm mầu về Thượng Đế, nhiều ý nghĩa tổng quát, và có thể giải thích nhiều cách kỳ diệu.”

THÂN THỂ VÀ LINH HỒN

Các giáo lý Baha'i liên hệ đến thân thể và linh hồn cùng đời sống sau khi chết, hoàn toàn phù hợp với kết quả các cuộc khảo sát về tâm linh. Như chúng ta đã thấy, các giáo lý đó giải thích sự chết là một cuộc tân sinh - là sự giải thoát khỏi tù ngục thể xác để đến một đời sống khoáng đạt hơn; các giáo lý đó coi sự tiến bộ trong thế giới bên kia là vô biên.

Theo ý kiến của các nhà khảo cứu vô tư và có óc phê phán nhất, các bằng chứng khoa học tích lũy dần dần, cũng thừa đủ để chứng minh sự thực của cuộc sống sau cái chết, để chứng minh rằng linh hồn hữu thức, chắc chắn sẽ tiếp tục sống và hoạt động sau khi thể xác bị tan rã. Như F. W. H. Myers nói trong cuốn “Tính cách Con người”, tóm tắt nhiều cuộc tìm tòi của Hội Khảo sát về Tâm linh:

“Sự quan sát, thực nghiệm, diễn dịch đã khiến nhiều nhà khảo cứu, cả tôi trong đó, tin rằng có một thân giao cách cảm trực tiếp, chẳng những giữa tâm linh các người còn sống trên mặt đất, mà còn giữa người sống với người chết. Một phát minh như thế cũng có thể giúp hiểu được ý tưởng về Mặc khải...”

“Chúng tôi đã chứng minh rằng, giữa vô số sai lầm chung hay chủ quan, gian lận hay ảo tưởng, cũng vẫn có những cuộc giao cảm thực sự liên lạc với chúng ta từ thế giới bên kia...”

“Nhờ các sự phát minh và mặc khải, nhiều thuyết đã được tạm thời nêu lên về vấn đề linh hồn của những người quá cố mà ta đã được gặp. Theo ý kiến của tôi thì sự kiện được chứng minh rõ rệt nhất là tình trạng của họ có vẻ như là một trạng thái tiến bộ vô tận trong con đường khôn ngoan và yêu thương. Tình luyện ái của họ khi còn ở trần thế vẫn y nguyên, nhất là tánh tình cao thượng được tỏ ra trong sự sùng bái và phụng thờ...”

“Họ coi điều ác như một sự ghê tởm thì ít, mà coi như là ách nô lệ thì nhiều. Điều ác không phải là một thực thể quyền năng xuất hiện, mà nó chỉ hình dung sự cuồng loạn cá nhân; linh hồn nào hư hỏng đều được những minh trí tiến hóa hơn cố gắng giải thoát cho khỏi bệnh cuồng loạn đó. Hình phạt bằng lửa chẳng hề cần đến, sự khám phá ra bản ngã đó là hình phạt hay là phần thưởng của con người cũng như sự biết mình và biết tình thân hay sợ của các linh hồn bạn. Vì trong thế giới đó, tình yêu thực sự là một điều kiện để bảo vệ cá nhân, sự thông công của các thánh không phải chỉ để tô điểm mà còn tạo thành đời sống vĩnh viễn. Hơn nữa, luật thần giao cách cảm còn khiến cho sự linh giao đó có giá trị với chúng ta ngay từ bây giờ ở nơi thế hạ này. Ngay từ bây giờ, tình yêu thương của các linh hồn đã siêu thoát, đáp lại lời khẩn cầu của chúng ta. Ngay từ bây giờ lòng tưởng nhớ thiết tha của chúng ta - vì tình yêu vốn nó là một lời cầu nguyện - nâng đỡ và tiếp sức cho các linh hồn đã được giải thoát trên bước đường siêu thăng.”

Quan niệm này dựa trên những cuộc khảo cứu kỹ lưỡng về phương diện khoa học, phù hợp lạ lùng với quan niệm Baha'i.

NHÂN LOẠI ĐỒNG NHẤT

“Toàn thể các người là trái cùng một cây, lá cùng một cành, hoa cùng một vườn”. Đó là một trong những lời dạy đặc sắc của Đức Baha'u'llah, cũng như câu sau đây: “Chớ lấy làm vinh hạnh với lòng yêu nước, nhưng với tình yêu toàn thể nhân loại”. Đồng nhất tính của nhân loại và của toàn thể sinh vật được tạo thành trong Thượng Đế là vấn đề chính yếu trong giáo huấn của Ngài. Tại đây nữa, tôn giáo chân thực và khoa học chân chính hiển nhiên hòa hợp. Mỗi lần khoa học khám phá thêm được điều gì thì tính cách đồng nhất của vũ trụ và sự liên hệ giữa các thành phần cấu tạo vũ trụ lại càng rõ rệt. Phạm vi của nhà thiên văn không thể tách khỏi phạm vi của nhà hóa học, phạm vi của nhà hóa học không thể tách khỏi phạm vi của nhà sinh vật học, phạm vi của nhà sinh vật học không thể tách khỏi phạm vi của nhà tâm lý học v.v... Mỗi phát minh mới ở trong phạm vi khảo sát này, lại rọi một ánh sáng mới vào các phạm vi khác. Khoa học vật lý chứng tỏ rằng mỗi tiểu bộ phận vật chất trong vũ trụ đều hấp dẫn và ảnh hưởng đến một tiểu bộ phận khác, dầu bộ phận này nhỏ bé và ở cách xa mấy đi nữa. Cùng một thể ấy, khoa tâm linh học cũng tìm thấy rằng trong vũ trụ, mỗi linh hồn đều kích thích và ảnh hưởng đến toàn thể các linh hồn khác. Hoàng Tử Kropotkin, trong cuốn sách nhan đề “Tương trợ”, trình bày rất rõ ràng: “Ngay nơi động vật hạ đẳng, sự tương trợ cũng tuyệt đối cần thiết để sự sống được còn mãi; còn về loài người, lòng ghen ghét có nhường chỗ cho tình tương trợ thì văn minh mới có cơ tiên bộ.” “Mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người”, đó là nguyên tắc duy nhất có thể làm cho một xã hội thịnh vượng hơn.

KỶ NGUYÊN THỐNG NHẤT

Toàn thể các dấu hiệu của thời đại đều chứng tỏ rằng, chúng ta đang ở vào buổi bình minh của một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại. Cho tới bây giờ, con phụng hoàng tơ, tức nhân loại này, cứ bám vào tổ cũ, ở trên nền đá cứng vị kỷ và duy vật chất. Nó mới thử dùng đôi cánh một cách rụt rè. Nó luôn luôn khát vọng những điều mà nó chưa đạt được. Mỗi ngày nó càng nổi giận nghịch cùng các giáo điều và các tôn giáo chính thống cổ xưa đang bó buộc nó. Nhưng giờ đây, thời kỳ giam hãm sắp cáo chung, và nó có thể dùng đôi cánh đức tin và lý trí, bay bổng lên những nước cao viễn hơn của tình yêu thiêng liêng và chân lý. Nó sẽ không còn bị cột vào đất như lúc lông cánh chưa đủ, nhưng nó sẽ tự do, vinh hiển bay lượn trong những vùng bao la, những chân trời bát ngát. Tuy nhiên, nếu nó muốn bay được vững chắc và lâu dài, thì không phải chỉ có đôi cánh mạnh là đủ, mà đôi cánh đó còn phải hiệp sức đập bay đều đặn mới được. Như Đức Abdul-Baha đã phán:

“Nó không thể dùng một cánh mà bay được. Nếu nó định chỉ dùng cánh tôn giáo mà bay, nó sẽ hạ xuống vũng bùn mê tín dị đoan; còn nếu nó định chỉ dùng cánh khoa học mà bay thì sẽ rớt xuống đồng lầy vật chất hoang phế.”

-Sự khôn sáng của Đức Abdul-Baha, trang 132-

Đối với nhân loại tôn giáo và khoa học hoàn toàn hòa hợp là điều kiện tất yếu của một đời sống cao thượng hơn. Khi những điều kiện đó sung mãn, khi mỗi đứa trẻ chẳng những biết chú tâm đến việc học khoa học hay nghệ thuật, mà còn biết chú tâm đến tình yêu nhân loại, hơn hờ tuân theo ý muốn của Thượng Đế, đã được mặc khải trong các trình độ tiến hóa và trong giáo huấn của các Đấng Tiên tri, thì bây giờ, và chỉ bây giờ thôi, nước Thượng Đế sẽ đến và Thánh ý của Ngài sẽ được tuân hành trên đất cũng như trên trời, bây giờ và chỉ bây giờ thôi, Tội đại Hòa bình mới giáng phúc xuống cho trần thế.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Bao giờ tôn giáo lột bỏ mê tín dị đoan, lột bỏ cố tục và giáo điều hẹp hòi, để tỏ rõ sự thích hợp với khoa học, bấy giờ thiên hạ sẽ thấy đại thống nhất, sẽ thấy một mãnh lực luyện lọc trên thế giới, tẩy sạch chiến tranh, kiêu căng, chia rẽ và xung đột; và bấy giờ nhân loại sẽ kết hợp trong uy lực tình yêu của Thượng Đế.”

-Sự khôn sáng của Đức Abdul-Baha, trang 135-

CHƯƠNG XIII: CÁC LỜI TIÊN TRI ỨNG NGHIỆM VÀO MẶC KHẢI BAHÁ'Í

“Về sự biểu hiện của Đấng Tối Đại Danh (Baha'u'llah): Đây là Đấng mà Thượng Đế đã hứa trong tất cả các Thánh kinh và Thánh thư của Ngài, như Cựu ước, Tân ước và Kinh Quran.”

-Đức Abdul-Baha-

GIẢI THÍCH CÁC LỜI TIÊN TRI

Ai nấy đều biết: Giải thích các lời tiên tri là một việc khó, và không có vấn đề nào làm cho các học giả có ý kiến khác nhau một cách lớn lao như thế. Cái đó không có gì lạ vì do chính uy lực tâm linh của các kinh sách đã được mặc khải, mà nhiều lời tiên tri được trình bày dưới một hình thức bí ẩn không ai có thể hiểu trọn vẹn trước khi ứng nghiệm, và ngay lúc ứng nghiệm rồi cũng chỉ những người có tâm hồn trong trắng và không có óc thành kiến mới hiểu được thôi. Vì thế, ở cuối những sự hiện thấy, tiên tri Daniel được nghe phán bảo:

“Còn như ngươi, hỏi Daniel, ngươi hãy đóng lại những lời này, và đóng ấn sách này cho đến kỳ cuối cùng. Nhiều kẻ sẽ đi qua đi lại, và sự học thức sẽ được thêm lên... và Ta, Daniel, nghe những điều đó, nhưng Ta không hiểu. Lạy Chúa tôi, cuối cùng các sự này sẽ ra thế nào? Người trả lời rằng: Hỏi Daniel, hãy đi; bởi vì những lời này đã đóng lại và đóng ấn cho đến kỳ cuối cùng.”

-Daniel, XII, 4-9-

Nếu Thượng Đế niêm phong các lời tiên tri đến một thời kỳ nhất định, và nếu Ngài cũng không mặc khải hoàn toàn ý nghĩa cho chính các Tiên tri đã truyền rao các lời đó, thì chúng ta có thể tin rằng, trừ Đấng Sứ giả do Ngài chỉ định, sẽ không ai có thể mở ấn niêm phong và tiết lộ ý nghĩa ẩn tàng trong cái hộp của những lời ẩn dụ tiên tri được. Sự suy gẫm về các lời tiên tri và những sự giải thích sai lầm trải qua các thời đại và những Kỳ Cứu độ trước, cùng chính lời của các Tiên tri đã long trọng dặn dò ta phải đề phòng cẩn thận, khiến ta dè dặt trước khi chấp nhận những lý luận của các nhà thần học về ý nghĩa thực của các Thánh ngôn và về cách thức ứng nghiệm của các Thánh ngôn đó. Và lại, khi một nhân vật nào xuất hiện và tự nhận là mình đến để ứng nghiệm vào các lời tiên tri đó, thì ta cần xét lời công bố đó với trí óc cởi mở và không thành kiến. Nếu người ấy là bịp bợm, thì sự gian dối sẽ bị phát giác và không gây hại gì; nhưng nếu đó là một Đấng Sứ giả thật của Thượng Đế thì thật vô phúc cho kẻ nào khinh suất quay mặt đi, vì Ngài đến dưới một hình thức và trong một lúc bất ngờ.

Đời sống và ngôn ngữ của Đức Baha'u'llah chứng tỏ Ngài là Đấng đã được hứa hẹn mà toàn thể các Thánh thư đều báo trước, là Đấng có quyền mở ấn của

các lời tiên tri và rút ra thứ “tuyển tử niêm phong” của những sự nhiệm mầu thiêng liêng. Vậy chúng ta hãy kịp nghe lời giải thích của Ngài, và căn cứ vào đó mà xem xét lại những lời quen thuộc nhưng đầy mầu nhiệm của các Đấng Tiên tri xưa.

NGÀY CHÚA ĐẾN

“Việc Chúa đến vào ngày sau rốt” là một biến động thiêng liêng xa xưa mà toàn thể các Đấng Tiên tri đều đã báo trước và chúc tụng bằng những lời ca vịnh tuyệt mỹ. Nhưng “sự giáng sinh của Chúa” có nghĩa là gì? Thực ra, Thượng Đế bao giờ cũng ở cùng các tạo vật, hiện diện trong mọi vật, qua mọi vật và trên mọi vật: “Ngài ở gần ta hơn hơi thở, gần ta hơn chân tay.”

Đúng thế, nhưng loài người không thể thấy hay nghe Thượng Đế nội tại và cao siêu, hoặc cảm thấy sự hiện diện của Ngài, trừ phi Ngài dùng một hình thức thấy được để tỏ mình ra và dùng một thứ tiếng của loài người để nói. Thượng Đế bao giờ cũng dùng một công cụ thuộc loài người để biểu thị các đặc tính siêu việt của Ngài. Mỗi Đấng Tiên tri là một Đấng Trung bửu mà Thượng Đế dùng để viếng thăm và phán với dân Ngài. Đối với người Thiên Chúa giáo, Đức Chúa là một Đấng Trung bửu, họ coi sự xuất hiện của Ngài như cuộc viếng thăm của Thượng Đế là hữu lý. Họ nhìn thấy Thánh nhan của Thượng Đế trên Thánh nhan Ngài, và qua môi Ngài, họ nghe thanh âm của Thượng Đế. Đức Baha’u’llah dạy ta rằng, theo lời của toàn thể các Đấng Tiên tri, “Chúa sẽ tới vào ngày sau rốt”, và việc Chúa các Cơ binh, Cha Đồi đồi, Đấng Tạo dựng và Cứu chuộc trần gian đến, chỉ có nghĩa là Ngài sẽ biểu hiện trong một Đền thờ nhân thân, như Ngài đã biểu hiện trong đền thờ Chúa Jesus xứ Nazareth, nhưng lần này Ngài biểu hiện trong một Mặt khải trọn vẹn, vinh hiển hơn, vì Chúa Jesus cùng toàn thể các Đấng Tiên tri trước đã chuẩn bị tâm hồn và trí óc người đời để đón nhận Mặt khải đó.

CÁC LỜI TIÊN TRI LIÊN QUAN ĐẾN CHÚA CỨU THẾ

Vì không thể hiểu nổi ý nghĩa chân xác của các lời tiên tri liên quan đến sự ngự trị của Đấng Cứu thế, nên người Do Thái chối bỏ Đức Chúa. Đức Abdul-Baha dạy:

“Người Do Thái vẫn còn trông đợi Đấng Cứu thế tới và ngày đêm cầu khẩn Thượng Đế cho ngày Giáng lâm của Ngài mau đến. Khi Đức Chúa tới, họ không công nhận Ngài và xử tử Ngài. Họ bảo: “Người này không phải Đấng chúng tôi mong đợi. Phải biết rằng khi Chúa Cứu thế xuất hiện thì có những dấu hiệu và hiện tượng diệu kỳ chứng tỏ Ngài thật là Đấng Chúa... Chúa Cứu thế sẽ xuất hiện tại một đô thị xa lạ. Ngài sẽ ngự trên ngôi David và phải biết rằng Ngài sẽ tới với một thanh gươm thép, và sẽ trị vì bằng một cây gậy sắt. Ngài sẽ hoàn thành luật pháp của các Đấng Tiên tri. Ngài sẽ chinh phục Đông, Tây và Ngài sẽ làm cho tuyên dân của Ngài, là dân Do Thái, được quang vinh. Ngài sẽ đem lại một thời

thái bình, thịnh trị và trong thời đó ngay đến thú vật cũng không còn nghịch ác với loài người nữa. Vì phải biết: “Sói và chiên con uống chung một dòng suối... và toàn thể các tạo vật của Thượng Đế sẽ được an nghỉ...”

“Người Do Thái nghĩ và nói thế, vì họ không hiểu Kinh thánh và các chân lý vinh quý ẩn giấu trong sách đó. Họ thuộc lòng nguyên văn còn về Thần linh sự sống thì họ không hiểu tí gì.

“Hãy để ý nghe, Ta sẽ chỉ vạch cho các ngươi ý nghĩa của tất cả các điều đó: Chúa Cứu thế tuy xuất hiện từ Nazareth là một nơi chốn người ta biết nhưng cũng từ trời mà giáng hạ. Thân Ngài do Đức mẹ Maria sinh ra, nhưng Linh Ngài thì đến từ Nước trời. Thanh kiếm Ngài mang là cái lưỡi. Ngài dùng nó để phân thiện ác, giả chân, tin đồ với kẻ dị giáo, ánh sáng với tối tăm. Lời Ngài thật là một thanh kiếm sắc bén! Ngài Ngài ngự trị là thứ ngai Đấng Cứu thế ngự trị đời đời, là Ngai Trời chứ không phải ngai ở dưới đất, vì sự vật trần gian thì qua đi, còn sự việc thuộc về trời thì bất biến. Ngài giải thích lại và bỏ tước luật pháp của Đấng Moses và hoàn thành luật pháp của các Đấng Tiên tri. Lời Ngài đã chinh phục Đông, Tây. Nước Ngài bắt diệt, Ngài nâng cao những người Do Thái nhận biết Ngài. Những người đó là những người đàn ông, đàn bà hạ lưu, nhưng sự tiếp xúc với Ngài làm cho họ trở thành vĩ đại và nâng phẩm cách họ lên vĩnh viễn. Giống cầm thú sẽ cùng nhau chung sống chỉ về các nòi giống và các bè phái khác nhau, trước kia vẫn thường tranh chấp, nhưng từ nay sẽ sống trong yêu thương và bác ái, cùng nhau uống nước hồi sinh trong dòng suối bất diệt của Đấng Cứu thế!”

-Sự khôn sáng của Đức Abdul-Baha, trang 48-

Đa số tín đồ Thiên chúa giáo chấp nhận sự áp dụng cho Đức Chúa những sự giải thích các lời tiên tri này về Đấng Cứu thế, nhưng về các lời tiên tri tương tự liên quan đến “Đấng Cứu thế của ngày sau rốt” thì nhiều người lại có thái độ giống như người Do Thái, là mong đợi một cuộc biểu dương kỳ lạ, theo phương diện vật chất, sự ứng nghiệm hoàn toàn các lời tiên tri đó theo nghĩa đen.

CÁC LỜI TIÊN TRI LIÊN QUAN ĐẾN ĐỨC BAB VÀ ĐỨC BAHA’U’LLAH

Theo sự giải thích Baha’i, các lời tiên tri nói về “thời kỳ cuối cùng”, về “những ngày sau rốt”, về sự hiện diện của “Chúa các Cơ binh”, của “Đấng Cha Đời đời”, không phải ứng nghiệm vào sự giáng lâm của Đức Chúa mà ứng nghiệm đặc biệt vào sự giáng lâm của Đức Baha’u’llah. Tỉ như lời tiên tri quen thuộc này của Ê-sai:

“Dân chúng đi trong tối tăm đã thấy sự sáng lớn; sự sáng đã chiếu trên những kẻ ở xứ thuộc về bóng của sự chết... Vì Chúa đã bẻ cái ách họ mang, cái roi đánh trên vai họ, cái gậy của kẻ hà hiếp, như trong ngày của Midian. Cả giày dép của kẻ đánh giặc trong khi giao chiến, cùng cả áo xông vậy máu, đều dùng để đốt và làm đồ chum lửa. Vì có một con trẻ sanh cho chúng ta, tức là một con trai ban cho

chúng ta; quyền cai trị sẽ nẩy trên vai Ngài. Ngài sẽ được xưng là Đấng Lạ lùng, là Đấng Mưu luận, là Đức Chúa Trời Quyền năng, là Cha Đòi đòi, là Chúa Bình an. Quyền cai trị và sự bình an của Ngài cứ thêm mãi không thôi, ở trên ngôi David và ở trên nước Ngài, đặng làm cho nước bền vững, và lập lên trong sự chánh trực công bình, từ nay cho đến đời đời. Thật lòng sốt sắng của Đấng Chúa sẽ làm nên sự ấy!”

-Ê-sai IX, 1-7-

Lời tiên tri trên đây là một trong những tiên tri thường được coi như liên quan đến Chúa Jesus và phần lớn có thể ứng dụng cho Ngài, nhưng xét kỹ hơn sẽ thấy nó ứng dụng toàn vẹn, xác thực hơn vào Đức Baha'u'llah. Chúa Jesus hẳn giáng thế đến giờ đã gần hai ngàn năm, đa số các dân tộc trên thế giới vẫn còn bước đi trong bóng tối, con cái Israel, và nhiều con cái khác của Thượng Đế chưa hết rên la dưới ách áp bức. Vậy mà trong mấy chục năm đầu của kỷ nguyên Baha'i, ánh sáng chân lý đã soi rọi Đông Tây, tin mừng về tình phụ tử của Thượng Đế và tình huynh đệ giữa loài người đã được truyền bá khắp nơi trên địa cầu, các đại chính thể quân phiệt bị lật đổ, ý thức về đại đồng thế giới được phát sinh, và làm cho toàn thể các dân tộc bị áp bức, ngược đãi, có hy vọng cuối cùng sẽ được giải thoát. Trong cuộc đại chiến đã từng xáo trộn thế giới từ năm 1914 đến năm 1918, người ta được thấy sử dụng các thứ súng đạn, dầu xăng, bom lửa, súng phóng hỏa; ứng nghiệm với ý: “sẽ bị liệng vào lửa để lửa thiêu hủy đi.”³⁸

Trong các Thánh thư của Ngài, Đức Baha'u'llah luận bàn kỹ lưỡng đến các vấn đề chính quyền và nền quản trị, cùng ấn định rõ rệt các phương thức trọn vẹn để giải quyết các vấn đề đó, tức là Ngài đã “gánh vác chính quyền trên vai”, còn Chúa Jesus không hề làm như vậy. Về các danh hiệu “Cha Đòi đòi”, “Hoàng tử của Hòa bình” thì nhiều lần Đức Baha'u'llah đã tự ám chỉ vào mình, coi mình là Biểu hiện của Đấng Cha mà Chúa Jesus cùng Tiên tri Esaiah thường nói tới, và Đức Chúa luôn xưng mình là Con. Đức Baha'u'llah công bố rằng sứ mạng của Ngài là thiết lập hòa bình trên trái đất, trong khi Đức Chúa dạy: “Ta đến không phải vì hòa bình mà vì đao kiếm”, và cụ thể là suốt kỷ nguyên Thiên chúa giáo, chiến tranh và các sự xung đột phe phái vẫn còn nhiều.

VINH QUANG THƯỢNG ĐẾ

Tôn hiệu “Baha'u'llah” là tiếng Á-rập, có nghĩa là “Vinh quang của Thượng Đế.” Các Đấng Tiên tri Do Thái thường dùng tôn hiệu đó để chỉ Đấng được hứa sẽ xuất hiện vào ngày sau rốt. Trong chương XL sách Esaiah có viết như thế này:

“Đức Chúa Trời của các ngươi phán rằng: Hãy an ủi, hãy an ủi dân ta. Hãy nói cho thấu lòng Giê-ru-sa-lem, và rao rằng sự chiến tranh của nó đã trọn; tội lỗi của nó đã được tha; nó đã chịu gấp hai từ tay Đấng Chúa vì các tội mình. Có tiếng kêu rằng: Hãy mở đường trong đồng vắng cho Đấng Chúa; hãy ban bằng đường cái trong đất hoang cho Đức Chúa Trời vì chúng ta! Mọi nơi sùng thấp sẽ được cao lên; mọi núi, mọi gò sẽ bị hạ xuống; các nơi gập ghềnh sẽ làm cho bằng, các

nơi dốc hãm sẽ thành đồng nội. Bấy giờ sự vinh hiển của Đấng Chúa sẽ hiện ra, và mọi xác thịt đều sẽ xem thấy.”

-Esaiah XL, 1-5-

Lời tiên tri này giống như lời tiên tri trước, cũng ứng nghiệm một phần vào sự giáng lâm của Chúa Jesus và vị Tiên hô của Ngài là Thánh Giăng Báp-tít, nhưng chỉ ứng nghiệm một phần thôi, vì trong thời Chúa Cứu thế các cuộc chiến tranh của Giê-ru-sa-lem chưa kết liễu; và trải bao thế kỷ về sau Giê-ru-sa-lem còn phải chịu đựng nhiều cơn thử thách và nhục nhã cay đắng. Tuy nhiên, với sự giáng lâm của Đức Bab và Đức Baha'u'llah, thì sự ứng nghiệm được bộc lộ một cách trọn vẹn, vì Giê-ru-sa-lem đã được sống những ngày tươi sáng hơn, và viễn tượng một tương lai hòa bình và vinh quang sẽ hiện ra có vẻ vững chắc hơn.

Nhiều lời tiên tri khác về Đấng Cứu chuộc của Israel, “Sự Vinh hiển của Thượng Đế” sẽ đến Thánh địa từ phương Đông, từ phía mặt trời mọc. Mà Đức Baha'u'llah thì xuất hiện tại Ba Tư, là nước ở về phía đông Palestine, về phía mặt trời mọc. Ngài tới Đất thánh và sống tại đó 24 năm. Nếu Ngài đến đó như một người tự do thì thiên hạ có thể nghi ngờ đây là một mưu mô bịp bợm, để cho hợp với các lời tiên tri, nhưng Ngài đã tới đó là một người bị lưu đày, một người tù. Ngài bị Quốc vương Ba Tư và Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ truyền giải tới, mà Quốc vương Ba Tư và Hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ thì không có thể ngờ là đã cố ý giúp cho Đức Baha'u'llah có những lý cứ để bênh vực yêu sách của Ngài về tôn hiệu là “Vinh quang của Thượng Đế” mà các Đấng Tiên tri đã báo trước sẽ xuất hiện.

CÀNH CÂY

Trong các lời tiên tri của Esaiah, của Jeremiah, của Ezekiel và của Zechariah, có ám chỉ đến một người tên là “Cành Cây”. Tín đồ Thiên chúa thường coi như là ám chỉ về Đức Chúa, nhưng tín đồ Baha'i thì coi như có liên quan đặc biệt tới Đức Baha'u'llah.

Lời tiên tri dài nhất về Cành Cây là ở chương XI của sách Esaiah:

“Có một chồi sẽ nứt lên từ gốc Jesse, một nhánh từ rễ nó sẽ ra trái. Thần của Đấng Chúa sẽ ngự trên Ngài, tức là thần khôn ngoan và thông sáng, thần mưu toan và mạnh sức, thần hiểu biết và kính sợ Đấng Chúa... Sự công bình sẽ làm dây thắt lưng của Ngài, sự thành tín sẽ làm dây ràng hông. Bấy giờ muông sói sẽ ở với chiên con, beo nằm với dê con; bò con, sư tử con với bò nuôi mập cùng chung một chỗ, một đứa con trẻ sẽ dắt chúng nó đi... Nó chẳng làm hại, chẳng giết ai trong cả núi thánh của Ta; vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đấng Chúa, như các dòng nước che lấp biển...”

“Trong ngày đó, Chúa còn đặt tay một lần nữa đặng chuộc dân sót của Ngài, tức là kẻ sót lại bởi Assyria, Egypt, Pathros, Cush, Elam, Shinar, Hamath cùng

các cù lao biển. Chúa sẽ dựng một cây cờ cho các nước, nhóm những người Israel bị đuổi, thâu những người Judah lưu lạc từ bốn góc đất.”

-Ê-sai XI, 1-12-

Về đoạn này và các lời tiên tri khác liên quan đến Cành Cây, Đức Abdul-Baha nhận xét như sau:

“Toàn thể các dân tộc sẽ treo cao cờ lệnh của Thượng Đế, đó là một trong những biến động lớn sẽ xảy ra trong ngày Cành tuyệt đối đó xuất hiện, nghĩa là toàn thể các dân tộc và các bộ lạc sẽ tới núp dưới bóng linh kỳ kia, mà ngọn linh kỳ này lại chính là Cành uy nghi đó; và các dân tộc cùng các bộ lạc sẽ hiệp thành một dân tộc duy nhất. Sẽ không còn sự tương phản giữa tín ngưỡng và tôn giáo, không còn sự hiềm thù giữa nòi giống và dân tộc, và cũng không còn sự chia rẽ vì lòng ái quốc giữa loài người. Họ sẽ được phối hợp trong một tôn giáo, một tín ngưỡng, một nòi giống, một dân tộc duy nhất, ở trong một quê hương duy nhất là địa cầu. Sự bình an và đoàn kết sẽ thực hiện trên khắp vũ trụ, Cành cây vô song đó sẽ tập trung cả nhà Israel, điều đó cũng có nghĩa là, trong chu kỳ ấy, người Do Thái tản mát tại phương Đông, phương Tây, phía Nam, phía Bắc, đều sẽ được tập trung tại Thánh địa.

“Bây giờ hãy nhận định điều này: các biến động đó không xảy ra trong chu kỳ Chúa Jesus, vì các dân tộc không qui tụ dưới ngọn cờ duy nhất là Cành Thiêng liêng. Còn trong chu kỳ của Chúa các Cơ binh này, toàn thể các quốc gia và các dân tộc sẽ tề chỉnh hàng ngũ dưới bóng cờ đó. Cũng trong kỷ nguyên Chúa Jesus, dân Do Thái phân tán trên khắp thế giới không thấy tập trung tại Thánh Địa, còn từ đầu chu kỳ của Đức Baha’u’llah, lời hứa này của Thượng Đế đã ghi chép rõ rệt trong toàn thể những kinh sách của các tiên tri, bắt đầu được thực hiện. Hãy nhìn xem từ khắp tứ phương thiên hạ, từng chi phái Do Thái đang tiến về phía Thánh Địa; họ ở từng làng, từng vùng, và trở thành chủ nhân các làng, các vùng đó; mỗi ngày dân số của họ tăng lên đến nỗi chẳng bao lâu đất Palestine hoàn toàn trở thành chỗ ở của họ.”

-Trả lời vài câu hỏi, trang 75-

NGÀY CỦA THƯỢNG ĐẾ

Tiếng “Ngày” trong các thành ngữ như “Ngày của Thượng Đế” và “Ngày cuối cùng”, phải hiểu theo nghĩa “Kỳ Cứu độ”. Mỗi Đấng Sáng lập đại tôn giáo đều có “Ngày” của mình. Mỗi Đấng giống như một vàng thái dương. Các giáo lý của Ngài, ban đầu giống như buổi bình minh, cứ lần lần soi sáng tâm trí loài người, cho đến khi chân lý của các lời giáo huấn đó đã đạt tới chỗ tuyệt điểm của ảnh hưởng. Sau đó, dần dần các giáo lý ấy lại trở nên mờ tối, và bị giải thích sai lạc và hư hoại, và bóng tối lại bao trùm mặt đất cho tới khi Mặt trời của một Ngày mới mọc lên. Ngày của Đấng Biểu hiện Tối cao của Thượng Đế là Ngày Cuối cùng, vì Ngày đó không bao giờ hết và sẽ không có ban đêm. Mặt trời của Ngày

đó không bao giờ lặn mà còn soi sáng linh hồn mọi người, ở thế giới này cũng như ở thế giới bên kia. Sự thực thì không có Mặt trời thiêng liêng nào lặn bao giờ. Những Mặt trời như Moses, Chúa Jesus, Muhammad và tất cả các Đấng Tiên tri khác vẫn còn chói lọi trên trời như xưa. Nhưng mây mù từ đất kéo lên đã che khuất ánh tỏa soi của các Mặt trời đó đối với các dân tộc trên thế giới. Mặt trời Tối cao Baha'u'llah, sẽ làm tiêu tan những mây mù đó, để toàn thể tín đồ các tôn giáo, sẽ cùng nhau hòa vui trong Ánh sáng của Thượng Đế do toàn thể các Đấng Tiên tri phản chiếu, và để mọi người đồng tâm thờ phụng Đấng Thượng Đế duy nhất.

NGÀY PHÁN XÉT

Trong các ngụ ngôn, Đức Chúa thường ám chỉ Ngày Phán xét Lớn lao, Ngày mà “Con của Người sẽ tới trong Vinh quang của Đức Chúa Cha... và... Ngài sẽ thưởng cho từng người, tùy việc họ làm.” (Matthew XVI, 27). Ngài so sánh Ngày đó với mùa gặt hái, cỏ xấu bị thiêu hủy còn lúa thì đổ vào kho lẫm:

“...thì ngày tận thế cũng sẽ như vậy. Con của Người sẽ sai các thiên sứ, Ngài thu mọi gương xấu và những kẻ làm ác khỏi nước Ngài, và quăng những người đó vào lò lửa, là nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng. Khi ấy, những người công bình sẽ chói rạng như mặt trời trong nước của Cha mình.”

-Matthew XIII, 40-43-

Thành ngữ “tận thế” dùng trong câu này trích ở bản dịch Thánh kinh chính thức và trong nhiều đoạn tương tự, làm cho nhiều người tưởng rằng đến Ngày Phán xét, trái đất sẽ đột nhiên bị thiêu hủy, nhưng điều ấy là sai lầm rõ rệt. Tiếng đúng nhất để dịch thành ngữ đó có lẽ là “chung kết hay cuối cùng của thời đại”. Đức Chúa dạy rằng Nước của Đức Chúa Cha phải được thiết lập trên mặt đất cũng như trên trời. Người dạy ta cầu nguyện: “Xin Nước Cha trị đến, Ý Cha được thành sự ở dưới đất cũng như ở trên trời”. Trong ví dụ Vườn nho, khi Người Cha, Chúa Tể vườn nho tới, trừng phạt bọn quản lý hung ác, Ngài không tiêu hủy vườn nho (thế giới) lúc đó, nhưng Ngài ủy thác cho quản lý khác và bọn này sẽ nộp hoa trái cho Ngài khi tới mùa. Trái đất sẽ không bị tiêu hủy mà sẽ được đổi mới và tái tạo. Chỗ khác, Đức Chúa nói đến Ngày đó như Ngày “tái tạo khi Con của Người ngồi trên ngai Vinh hiển”. Thánh Phê-rô nói tới ngày đó như “thời kỳ tân tạo”, như “thời trùng hưng vạn vật, mà Thượng Đế đã dùng miệng toàn thể các Đấng Tiên tri nói ra từ buổi sáng thế”. Ngày Phán xét, Đức Chúa phán ra đây phù hợp rõ ràng với Ngày của Đấng Chúa các Cơ binh, ngày Đức Chúa Cha hiện đến, ngày đó đã được Esaiiah và các tiên tri thời Cựu ước tiên đoán; đó là thời kỳ trừng phạt ghê gớm đối với bọn ác, nhưng cũng trong thời kỳ đó sự công bình sẽ được thiết lập và sự chính trực sẽ ưu thắng ở trên đất cũng như ở trên trời.

Theo sự giải thích Baha'i, mỗi khi có Đấng Biểu hiện của Thượng Đế tới thì đó là Ngày Phán xét, mà thời kỳ Biểu hiện Tối cao của Đức Baha'u'llah là Ngày

Phán xét lớn thuộc chu kỳ thế giới mà ta đang sống. Tiếng Kèn lớn mà Đức Chúa, Đức Muhammad và nhiều Đấng Tiên tri khác đã báo trước chính là tiếng kêu gọi của Đấng Biểu hiện này vang lên cho mọi kẻ ở trên trời và dưới đất - người còn trong thân xác và người đã thoát xác. Sự gặp gỡ Thượng Đế qua Đấng Biểu hiện của Ngài là dành cho những người tìm kiếm Ngài, là cái cửa mở vào Thiên đường này. Nhận biết, kính yêu Thượng Đế, sống hòa hợp với toàn thể các tạo vật của Ngài, đó là Thiên đường. Ngược lại, kẻ nào yêu chuộng con đường riêng của mình hơn Đường của Thượng Đế do Đấng Biểu hiện mặc khải, tức là tự đọa mình vào địa ngục ích kỷ, lầm lạc và oán thù.

ĐẠI PHỤC SINH

Ngày Phán xét cũng là Ngày Phục sinh, Ngày kẻ chết được làm sống lại. Trong bức thư thứ nhất gửi cho tín đồ Cô-rinh-tô, Thánh Phao-lô viết:

“Này, là sự mâu nhiệm tôi tỏ cho anh em: chúng ta không ngủ hết, nhưng hết thảy đều sẽ biến hóa, trong giây phút, trong nháy mắt, lúc tiếng kèn chót; vì kèn sẽ thổi kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sẽ biến hóa. Vả, thể hay hư nát này phải mặc lấy sự hư hay không hư nát, về thể hay chết này phải mặc lấy sự không hay chết.”

-1 Cô-rinh-tô XV, 51-53-

Còn về ý nghĩa các đoạn liên quan đến sự sống dậy của các người chết, Đức Baha'u'llah viết trong Kinh xác tín rằng các từ ngữ “sự sống” và “sự chết” chép trong các kinh sách, ám chỉ sự sống đức tin và sự chết vô tín. Đa số người đời không hiểu ý nghĩa các lời đó nên đã bài xích Đấng Biểu hiện, không chịu để ánh sáng thiêng liêng của Ngài hướng dẫn mình và từ chối theo gương mẫu Đấng Mỹ Lệ bất diệt đó...

Như Đức Jesus dạy: “Các ngươi phải sanh lại.” (Giăng III-7), và Ngài lại phán: “Nếu một người chẳng nhờ nước và thánh linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời. Hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt; hễ chi sanh bởi Thánh linh là thần.” (Giăng III, 5-6)

Nói một cách khác:

“Trong mỗi kỳ phân phát, kẻ nào do Thánh linh mà sinh ra và được Đấng Biểu hiện Thánh thiện hà hơi sống thì kẻ ấy thuộc trong vòng những người được lãnh “sự sống” và “sự phục sinh”, được vào “thiên đường” tình yêu của Thượng Đế. Kẻ nào không thuộc trong số đó thì tự hãm thân mình trong cõi “chết”, ở cảnh “thiếu hụt”, nơi “lửa” vô tín và chịu cơn “thịnh nộ” của Thượng Đế...”

Trong các thời đại và thế kỷ trước kia, mục đích các Đấng Tiên tri của Thượng Đế và những người được các Ngài lựa chọn, là xác định ý nghĩa thiêng

liêng của các từ ngữ “sự sống”, “phục sinh” và “phán xét”... Nếu các người chỉ uống một giọt sương trong nguồn nước trong trẻo về tri thức của Thượng Đế thì các người sẽ hiểu ngay rằng sự sống thật sự không phải là sự sống xác thịt, mà là sự sống tâm linh. Vì sự sống thể xác thì chung cho cả loài vật lẫn loài người, còn sự sống thiêng liêng là đặc điểm của riêng những kẻ có tâm hồn trong trắng, đã từng giải khát trong đại dương đức tin, và đã ném quả của sự xác tín. Sự sống đó không biết có sự chết, sự sinh tồn đó được tôn lên bất diệt. Vì sách có chép: “Ai là người tín đồ chân chính thì được sống trong thế giới này và cả trong thế giới kia”. Nếu hiểu “sự sống” là cuộc đời trần thế thì dĩ nhiên phải có sự chết để chấm dứt sự sống ấy.”

-Kitab-i-Iqan của Đức Baha’u’llah, trang 114, 118, 120-

Theo giáo huấn Baha’i, sự phục sinh chẳng liên quan gì đến hình hài thô kệch này. Khi chết rồi thì hình hài đó bị gạt bỏ. Nó bị tan rã và các nguyên tử của nó cũng sẽ không bao giờ hợp lại thành thể xác cũ.

Sự Phục sinh là cá nhân được sanh lại trong đời sống thiêng liêng, nhờ ân sủng của Thánh linh, được ban cho qua Đấng Biểu hiện của Thượng Đế. Năm mờ người vừa ra khỏi là năm mờ của sự ngu dốt và sự lãng quên Thượng Đế. Giác ngộ mà người vừa tỉnh dậy là trạng thái mê thiếp tinh thần của nhiều kẻ đang mong chờ buổi bình minh vào Ngày của Thượng Đế. Buổi Bình minh đó sẽ soi rọi tất cả những người còn có hoặc không còn có thân xác, nhưng những kẻ mù về tâm linh thì không nhận thấy ánh sáng đó. Ngày Phục Sinh không phải là một ngày 24 giờ, mà đó là một Kỳ nguyên đã bắt đầu và sẽ còn kéo dài suốt chu kỳ của thế giới hiện nay. Nó sẽ cứ tiếp tục tồn tại trong khi những vết tích của nền văn minh hiện thời sẽ bị xóa sạch khỏi mặt đất.

ĐỨC CHÚA TÁI LÂM

Trong nhiều cuộc giảng dạy, Đức Chúa có đề cập tới Đấng Biểu hiện tương lai của Thượng Đế, khi thì dùng Ngôi thứ ba, có khi dùng Ngôi thứ nhất. Ngài phán: “Ta đi sắm sẵn cho các người một chỗ. Khi Ta đã đi và đã sắm sẵn cho các người một chỗ rồi, Ta sẽ trở lại đem các người đi với Ta”.

-Giăng XIV, 2-3-

Trong chương đầu cuốn Công vụ các Tông đồ, chúng ta đọc thấy khi Đức Chúa thăng thiên, các môn đệ Ngài được bảo rằng: “Jesus này đã được cất lên trời khỏi giữa các người, cũng sẽ trở lại như cách các người đã thấy Ngài lên trời vậy.”

Căn cứ vào mấy lời đó và những lời tương tự, nhiều tín đồ Thiên chúa giáo luận rằng, khi Con của Người sẽ tới “trong đám mây trên trời, vinh quang rất mực, và họ sẽ thấy chính Chúa Jesus trong thể xác của Người cách đây hai ngàn năm, đã từng đi lại trên đường phố Giê-ru-sa-lem, đã chịu đau đớn và đổ huyết trên thập tự giá. Họ tưởng sẽ có thể đặt ngón tay vào vết đinh nơi chân tay và vết dáo đâm ở cạnh sườn Ngài. Vậy mà, nếu chịu suy nghĩ một chút về chính những lời phán

của Đức chúa, người ta sẽ không còn tưởng như vậy được. Về thời Đức Chúa, người Do Thái cũng từng biện thuyết như vậy về việc Ê-li tái hồi, nhưng Đức Chúa đã chỉ chỗ sai lầm cho họ và tỏ cho họ biết rằng, lời tiên tri nói về việc “Ê-li phải tới trước” đã ứng nghiệm nhưng không phải là chính con người hay thân thể của Ê-li cũ tái hồi, nhưng chính trong bản thân của Giăng Tây giả, người đã đến “với tinh thần và quyền phép của Ê-li.” Đức Chúa phán rằng: “Nếu các người hiểu được thì Giăng là Ê-li tái hồi. Ai có tai để nghe, hãy nghe.” Cho nên, việc Ê-li tái hồi có nghĩa là một nhân vật khác xuất hiện, do cha mẹ khác sinh ra, nhưng được Thượng Đế ban cho cùng một tinh thần, cùng một quyền phép. Những lời phán đó của Đức Chúa hẳn có ẩn ý rằng, Ngày Đức Chúa tái hồi cũng sẽ được ứng nghiệm bởi một nhân vật khác, do một bà mẹ khác sinh ra, nhưng cũng bộc lộ chính tinh thần và quyền phép của Đấng Thượng Đế như đã có trong Đức Chúa.

Đức Baha'u'llah giải thích rằng sự “tái lâm” của Đức Chúa thật sự đã xảy ra, ứng vào sự giáng thế của Đức Bab và sự xuất hiện của chính Ngài. Ngài dạy:

“Hãy xem xét mặt trời. Nếu nó bảo “Ta là mặt trời hôm qua” thì quả nó đã nói thực. Nếu nó để ý đến từng chuỗi ngày mà nói “Ta là mặt trời khác”, thì đó cũng là sự thực. Đối với các ngày cũng thế, nếu người ta nói rằng mọi ngày là một ngày như nhau thì điều đó vẫn đúng và hợp lý. Còn nếu quả quyết rằng ngày nọ khác ngày kia vì tên gọi và cách định tính khác nhau thì vẫn đúng.

Thật vậy, tuy ngày nào cũng giống ngày nào, nhưng mỗi ngày lại có một tên gọi khác, một biểu hiện và một tính cách riêng biệt. Hãy cố gắng tìm hiểu các biến thiên và sự thống nhất của các Đấng Biểu hiện Thánh thiện để các người có thể hiểu những ẩn dụ của Đấng Thượng Đế của tất cả các Danh và các Đặc tính về những màu nhiệm của sự khác biệt và sự thống nhất, và người sẽ khám phá ra lời giải đáp cho câu người hỏi tại sao Đấng Mỹ lệ đời đời ấy lại mang nhiều Danh khác nhau qua từng thời đại.”

-Kitab-i-Iqan, trang 21-22-

Đức Abdul-Baha dạy:

“Phải biết rằng sự tái lâm của Đấng Cứu thế không có nghĩa như người ta tưởng, nhưng phải hiểu đó là sự tiên báo về Đấng Hứa hẹn sẽ đến sau Ngài. Ngài sẽ tới với Nước Trời, và quyền uy của Ngài trùm khắp thế gian. Nước ấy là thế giới của tâm hồn và tinh thần, chứ không phải thế giới vật chất; vì dưới mắt Thượng Đế thế giới vật chất không bằng một cánh ruồi, phải chi các người thuộc vào hàng những kẻ có trí để hiểu! Thật vậy, Đấng Cứu thế đã tới, với Nước của Ngài từ buổi ban đầu không có khởi thủy và Ngài sẽ còn tới với Nước của Ngài trong cõi đời đời vô cùng, vì Danh “Đấng Cứu thế” hiểu theo nghĩa là sự Biểu hiện Bản thể Thượng Đế, là Thể yếu Thuần túy và Thực thể Thiêng liêng vốn không có bắt đầu và kết thúc. Ngài xuất hiện, thăng tiến, tự biểu hiện và rút lui qua từng chu kỳ.”

-Các Kinh bản của Đức Abdul-Baha, quyển I, tr. 138-

THỜI CUỐI CÙNG

Đức Chúa và các tông đồ của Ngài, báo cho biết nhiều dấu hiệu đặc biệt về thời kỳ Con của Người “tái lâm” trong Vinh quang của Đức Chúa Cha. Đức Chúa dạy:

“Và khi các ngươi sẽ thấy quân lính vây thành Giê-ru-sa-lem, hãy biết sự tàn phá thành ấy gần đến... Vì những ngày đó là ngày báo thù, hầu cho mọi lời đã chép được ứng nghiệm... Vì sẽ có tai nạn lớn trong xứ, và cơn thanh nộ nghịch cùng dân này. Họ sẽ bị ngã dưới lưỡi guom, sẽ bị đem đi làm phu tù giữa các dân ngoại, thành Giê-ru-sa-lem sẽ bị dân ngoại giày đạp, cho tới chừng nào các kỳ dân ngoại được trọn.”

-Luca XXI, 20-24-

Ngài còn dạy:

“Hãy giữ, kẻo có kẻ dỗ dành các ngươi. Vì nhiều người sẽ mạo danh Ta đến mà nói rằng: Ta là Đấng Christ, và sẽ dỗ dành nhiều người. Các ngươi sẽ nghe nói về giặc và tiếng đồn về giặc; hãy giữ mình đừng bối rối; vì những sự ấy phải đến; song chưa là cuối cùng đâu. Dân này sẽ dấy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia; nhiều chỗ sẽ có đói kém và động đất. Song mọi điều đó chỉ là đầu sự tai hại. Bây giờ, người ta sẽ nộp các ngươi trong sự hoạn nạn và giết đi; các ngươi sẽ bị mọi dân ghen ghét vì danh Ta. Khi ấy sẽ có nhiều kẻ sa vào chước cám dỗ, phản nghịch nhau và ghen ghét nhau. Nhiều tiên tri giả sẽ nổi lên và dỗ dành lắm kẻ. Lại vì có tội ác sẽ thêm nhiều thì lòng yêu mến của phần nhiều người sẽ nguội lặn. Những kẻ nào bền chí cho đến cuối cùng, thì sẽ được cứu. Tin lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất để làm chứng cho muôn dân. Bây giờ sự cuối cùng sẽ đến.”

-Ma-thi-ơ XXIV, 4-14-

Trong hai đoạn này Đức Chúa báo trước rõ ràng, không úp mở giấu diếm, các biến cố sẽ xảy ra trước khi Con của Người tới. Trong các thế kỷ qua, từ khi Đức Chúa phán những lời này, từng dấu hiệu đã ứng nghiệm. Cuối mỗi đoạn đó, Đức Chúa đề cập đến một biến động sẽ đánh dấu thời kỳ Ngài giáng lâm. Trong đoạn này, thời kỳ lưu lạc của người Do Thái được chấm dứt, và sự trùng hưng Giê-ru-sa-lem; trong giai đoạn khác, là việc Phúc âm được truyền bá khắp thế gian. Những dấu hiệu đó được ứng nghiệm trong thời này. Nếu các phần khác trong lời tiên tri đều đúng cả như phần này thì chắc hẳn chúng ta đang sống trong “thời kỳ cuối cùng” mà Đức Chúa đã nói tới.

Đức Muhammad cũng báo trước một số dấu hiệu sẽ xảy ra cho đến Ngày Phục sinh. Trong Kinh “Quran” ta đọc thấy:

“Khi Đấng Allah phán: Hỡi Jesus! Ta sẽ cho Ngươi qua đời để cất Ngươi lên gần Ta. Ta sẽ giải sạch cho Ngươi mọi cáo buộc của bọn vô tín, và đặt những kẻ theo Ngươi lên trên những kẻ không tin, cho đến Ngày Phục sinh; bây giờ các ngươi sẽ tới trước mặt Ta và Ta sẽ phân xử các vụ tranh chấp giữa các ngươi.”

-Sura III, 54-

Người Do Thái bảo: “Tay Thượng Đế bị xiềng xích.” Nhưng chính tay chúng sẽ bị xiềng xích và chúng sẽ bị nguyên rủa vì những điều chúng đã nói. Không! Tay Ngài vẫn dang rộng! Ngài ban phát ân huệ tùy theo ý thích của Ngài. Những điều Chúa Ngươi ban xuống cho Ngươi chắc chắn sẽ tăng thêm sự phiền loạn và vô tín của nhiều kẻ trong bọn chúng. Ta đã gieo ác cảm và thù oán giữa bọn chúng cho đến Ngày Phục sinh. Và hễ chúng còn chằm nọn lửa chiến tranh thì Đức Thượng Đế lại sẽ dập tắt.”

-Sura V, 69-

“Về những kẻ nói: “Chúng tôi là người Thiên chúa giáo, chúng tôi đã kết ước. Nhưng họ cũng quên một phần các điều truyền cho họ; vì thế cũng gieo rắc ác cảm và thù oán giữa bọn chúng cho đến Ngày Phục Sinh, và cuối cùng Thượng Đế sẽ bảo cho chúng biết chúng đã làm những gì.”

-Sura V, 17-

Những lời này cũng đều ứng nghiệm sát nghĩa, vì dân Do Thái giáo đã bị sa vào ách nô lệ của dân Thiên chúa giáo và Hồi giáo, vì sự phân phái và xung đột đã gây chia rẽ người Do Thái giáo và người Thiên chúa giáo suốt bao thế kỷ, từ khi Đức Muhammad báo trước những điều đó. Chỉ từ khi bước sang kỷ nguyên Baha'i (Ngày Phục sinh), các dấu hiệu báo trước sự cáo chung của tình trạng đó mới xuất hiện.

CÁC DẤU HIỆU TRÊN TRỜI VÀ DƯỚI ĐẤT

Các kinh sách Do Thái giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo và nhiều kinh sách khác, mô tả các dấu hiệu sẽ xảy ra khi Đấng Hứa hẹn xuất hiện, phù hợp nhau một cách lạ lùng.

“Ta sẽ tỏ những sự lạ ra trong các tầng trời và trên đất: tức là máu, lửa và những trụ khói. Mặt trời sẽ đổi ra tối tăm, mặt trăng ra máu, trước khi ngày lớn và kinh khiếp của Đấng Chúa chưa đến...”

-Joel II, 30-31-

“Vì này, trong những ngày đó và trong kỳ đó, khi Ta sẽ đem phu tù của Giu-đa và Giê-ru-sa-lem trở về, thì Ta sẽ nhóm hết thảy các nước lại, và đem chúng nó xuống trong trũng Giô-sa-phát. Tại đó, Ta sẽ phán xét chúng...”

-Joel III, 1-2-

“Đoàn người đông dường nào, đoàn người đông dường nào tại trong trũng đoán định! Vì trong trũng đoán định ngày Đấng Chúa đã gần. Mặt trời và mặt trăng tối tăm, các ngôi sao thâu sự sáng lại. Đấng Chúa gầm thét từ Zion; Ngài làm cho vang tiếng mình ra từ Giê-ru-sa-lem; các tầng trời và đất đều rung động. Nhưng Đấng Chúa là nơi ẩn náu cho dân mình, là đồn lũy cho con cái Israel.”

-Joel III, 14-16-

Đức Chúa dạy:

“Sự tai nạn của những ngày đó vừa mới qua, thì mặt trời liền tối tăm, mặt trăng không sáng, các ngôi sao từ trên trời sa xuống, và thế lực của các tầng trời rung động. Khi ấy, đien Con của Người sẽ hiện ra ở trên trời, mọi dân tộc dưới đất sẽ đấm ngực, và thấy Con của Người lấy đại quyền đại vinh ngự trên mây trời mà xuống.”

-Ma-thi-ơ XXIV, 29-30-

Kinh Quran có chép:

“Khi mặt trời trở nên tối tăm,
Và khi sao rụng xuống,
Và khi núi non bị bạt bằng, ...
Và khi các trang sách mở ra,
Và khi các tầng trời khai rộng,
Và khi địa ngục cháy lên rừng rực”

- Sura LXXXI, 1-12-

Trong kinh “Kitab-i-Iqan”, Đức Baha’u’llah giải thích các lời tiên tri liên quan đến mặt trời, mặt trăng và các vì sao, bầu trời và trái đất là tượng trưng, không phải chỉ hiểu theo nghĩa đen. Các Đấng Tiên tri ưu tiên chú trọng đến các điều thuộc linh chứ không phải các điều thuộc thể, đến ánh sáng tinh thần chứ không phải đến ánh sáng vật chất. Khi các Đấng ấy nói đến Mặt trời và Ngày Phán xét cùng một lúc, là có ý nói đến Mặt trời Công bình. Mặt trời là nguồn gốc tối cao của ánh sáng, do đó Đức Moses là mặt trời của người Do Thái, Đức Chúa là mặt trời của người Gia Tô giáo, và Đức Muhammad là mặt trời của người Hồi giáo. Khi các Đấng Tiên tri nói đến mặt trời bị mờ tối, là ám chỉ những giáo huấn thuần túy của các Mặt trời thiêng liêng bị các lời giải thích sai, các sự hiểu lầm và các thành kiến làm cho mờ tối, đến nỗi loài người phải bị ở trong sự tối tăm về tinh thần. Mặt trăng và các vì sao là những nguồn ánh sáng ít quan trọng, chỉ về những nhà lãnh đạo tôn giáo và những thầy thông thái hướng dẫn và khuyến khích người đời. Khi nói mặt trăng không soi sáng nữa, hay là biến thành máu và tinh tú trên trời rơi xuống, có nghĩa là các vị lãnh đạo giáo hội bị sa đọa, tranh chấp và thù nghịch nhau, các tu sĩ mất hết tinh thần tôn giáo, chỉ chú trọng đến việc trần thế mà không lo đến việc trên trời.

Tuy nhiên, không thể dùng một lối giải thích mà lột tả hết ý nghĩa các lời tiên tri đó; các tượng trưng ấy còn có thể giải thích nhiều cách khác, Đức Baha'u'llah chỉ vẽ một ý nghĩa khác của các tiếng “Mặt trời”, “Mặt trăng”, “Tinh tú”; những tiếng đó thích ứng với các huấn thị và giới răn do mỗi tôn giáo ban hành. Vì lễ nghi, hình thức, tục lệ, huấn thị của các Biểu hiện trước đều được thay đổi tùy theo nhu cầu của thời đại khi một Đấng Biểu hiện mới xuất hiện, nên theo nghĩa này thì, mặt trời, mặt trăng đã biến đổi, tinh tú rơi rụng.

Trong nhiều trường hợp, sự ứng nghiệm các lời tiên tri đó, hiểu theo nghĩa đen, sẽ thành phi lý hay là không thể có được; ví dụ mặt trăng biến thành máu hay là sao trên trời rớt xuống đất. Ngôi sao nhỏ nhất mà mắt trông thấy được cũng lớn hơn trái đất này bao nhiêu ngàn lần; nếu chỉ một ngôi sao rớt xuống thì trái đất cũng đủ biến mất, còn đâu mà chịu đựng các ngôi sao khác. Dầu vậy, trong nhiều trường hợp khác, lời tiên tri cũng được ứng nghiệm theo nghĩa vật chất cũng như theo nghĩa thiêng liêng. Ví dụ Thánh địa hoàn toàn hoang phế suốt bao thế kỷ, đúng như lời tiên tri đã báo trước, nhưng đến Ngày Phục sinh, nó đã bắt đầu “hoan lạc và nảy nở như bông hồng”, đúng như Esaiiah đã tiên báo. Nhiều đoàn di cư sung túc đã định cư tại đó, đất được dẫn thủy và trồng cây; nhiều vùng, nửa thế kỷ trước chỉ là vùng đất cát bỏ hoang, bây giờ đã thấy trồng nho, ô liu, và vườn tược rất nhiều. Chắc hẳn, khi con người lấy gươm đao rên lưỡi cày, lấy dao thương rên móc tỉa nho, thì những hoang địa và sa mạc ở khắp thế giới sẽ biến thành đất phì nhiêu; những luồng gió nóng và những trận bão cát từ những nơi khô hạn đó thổi vào làm cho mọi vật xung quanh không gì sống nổi, sau này chỉ còn là những kỷ niệm trên mặt đất mà thôi. Khí hậu sẽ mát mẻ và điều hòa hơn; bầu trời đỏ thì sẽ không còn bị khói và hơi độc vẫn nhớp, sẽ có “trời mới và đất mới” theo đúng nghĩa đen và vật chất.

ĐÁNG ĐƯỢC HỨA HẸN SẼ TỚI NHƯ THẾ NÀO

Đức Chúa nói về việc Người tới vào lúc tận thế:

“Khi ấy, diêm Con của Người sẽ hiện ra ở trên trời, mọi dân tộc dưới đất sẽ đăm ngực, và thấy Con của Người lấy đại quyền đại vinh ngự trên mây trời mà xuống. Ngài sẽ sai thiên sứ mình dùng tiếng kèn rất lớn mà nhóm lại những kẻ đã được lựa chọn của Ngài ở khắp bốn phương, từ cuối phương trời này đến tận phương trời kia”.

-Ma-thi-ơ XXIV, 30 và 31-

“Khi Con của Người ngự trong sự vinh hiển mình mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngôi vinh hiển của Ngài. Muôn dân nhóm lại trước mặt Ngài, rồi Ngài sẽ chia người này với người khác như kẻ chăn chiên chia chiên ra với dê”.

-Ma-thi-ơ XXV, 31 và 32-

Bình luận ý nghĩa những đoạn này và các đoạn tương tự, Đức Baha'u'llah viết trong cuốn Kitab-i-Iqan:

“Từ “Trời” chỉ sự rộng lớn và cao cả, vì đó là chỗ Mặc khải các Biểu hiện Thánh thiện, là nơi Phát lưu của Cựu Vinh quang. Các Đấng khả kính kỳ cựu đó tựa như sinh ra từ lòng mẹ, nhưng thực là từ trời giáng hạ, do Tôn ý của Thượng Đế. Tuy sống dưới trần gian, nhưng nhà thực của các Đấng ấy là những lâu đài vinh quang trên thiên quốc. Các Đấng ấy dù đi lại trên đất của kẻ phù du, đồng thời vẫn bay lượn trên cõi trời Hiện diện thiêng liêng. Các Đấng ấy chân không phải bước mà vẫn qua lại trên đường. Thần linh, không cần cánh mà vẫn bay bổng trên các thượng tầng cao tuyệt của Đơn Nhất Tính thiêng liêng. Trong chớp mắt, các Đấng ấy lướt trên cả khoảng không gian rộng lớn, trong giây phút, các Ngài vượt qua các nước hữu hình và vô hình...”

“Từ “Mây” chỉ về tất cả những gì trái với thói quen và ước vọng của người đời, như Người đã tỏ ra trong câu trích dẫn này: “Mỗi lần có vị Sứ Đồ nào đến với các người để tặng những cái mà linh hồn các người không thích, thì các người sinh lòng kiêu ngạo, buộc tội những Người này là bịp bợm và tàn sát những Người khác”.

-Quran 2:87-

“Hiểu theo nghĩa này, thì từ “Mây” ám chỉ sự thủ tiêu các luật lệ, sự bãi bỏ các Phân phát trước, sự dẹp sạch các lễ nghi và tục lệ hiện hành giữa người đời, sự cất nhắc các tín đồ vô học lên trên các nhà bác học nghịch đạo. Hiểu theo nghĩa khác, “Mây” chỉ sự hoài nghi ám ảnh tâm trí người đời vì có sự kiện này: “Áy là Đấng Mỹ lệ bất diệt thường xuất hiện dưới hình thể con người, chịu những hạn chế giống như con người, như phải ăn, uống, chịu cảnh nghèo hay giàu, vinh hay nhục, ngủ nghỉ và đi lại, và có nhiều đặc điểm khác khiến loài người chối bỏ đạo. Vậy “Mây” là một từ ngữ để chỉ các màn u ám đó.”

“Giống như Mây che khuất làm cho loài người không thấy mặt trời, thì những điều này cũng che khuất khiến tâm trí loài người không nhận được ánh sáng của Vàng Thái dương thiêng liêng. Có những lời do miệng kẻ vô tín thốt ra làm chứng cho điểm này, như Thánh thư đã tiết lộ: “Họ bảo: Sứ đồ này là ai? Ông ta cũng ăn uống như chúng tôi. Ông ta cũng đi lại trong các phố xá... Chúng tôi không thể tin, trừ phi, có thiên sứ từ trời xuống và làm theo lời ông ấy.”

-Quran 25:7-

Nhiều Đấng Tiên tri khác cũng phải chịu nghèo khó, phiền não, đói khát, bệnh hoạn và lăm nổi thặng trầm của thế gian. Thánh nhân mà cũng buộc phải có mọi nhu cầu như thế là một điều dễ làm cho các dân tộc lạc hướng trong sa mạc hoài nghi, và trong sự hỗn độn, hoang mang. Họ tự hỏi làm sao mà một người như thế lại do Thượng Đế sai xuống, quả quyết mình có quyền tối thượng trên mọi dân tộc và bộ lạc trên thế giới, tự cho rằng muôn vật đều thuộc về mình, vì có lời phán: “Nếu không phải vì người, thì Ta đã không tạo lập trời đất”, lại có thể lệ thuộc các điều nhu cầu tâm thường như vậy? Chắc các người cũng biết các Đấng Tiên tri và bạn hữu các Ngài đã phải chịu nhiều tai nạn, nghèo khó, bệnh tật và nhục nhã như

thể nào. Các người hẳn đã nghe, thù cấp các môn đệ của những Đấng ấy đã được gởi làm tặng phẩm trong các thành phố ra làm sao, các người lại biết thiên hạ đã chống nghịch sứ mạng của các Đấng ấy cách tàn bạo thế nào. Và tất cả các Đấng ấy đã bị biến thành đích điểm cho bọn thù nghịch Chánh Đạo của Thượng Đế, cùng phải chịu hành hạ, khôn khổ ra làm sao...”.

“Đấng Toàn vinh đã định rằng, tất cả những trạng huống mà bọn ác nhân vốn không ưa sẽ là viên đá thử vàng, là cán cân Ngài dùng để thử thách các tội tở Ngài, để phân biệt người công bình với kẻ gian ác, người trung tín với kẻ bất trung...”

“Bây giờ bàn đến các lời Ngài phán dạy: “Và Ngài sẽ phái các Thiên sứ xuống...” Tiếng “Thiên sứ” phải hiểu là những người được quyền năng của Thánh Linh bổ sức để đem ngọn lửa tình yêu của Thượng Đế thiêu hủy mọi giới hạn, mọi tính riêng của con người, và mặc lấy các đặc tính của những Đấng Thượng đẳng và của Thiên thần Cherubim...”

“Vì các tín đồ của Đức Chúa không hề hiểu ý nghĩa ẩn bí của các lời đó và vì các dấu hiệu đó mà họ cùng các nhà lãnh đạo của họ vẫn trông đợi, không thấy xảy ra nên cho đến ngày nay họ còn từ chối không chịu tin các Biểu hiện thánh thiện chính thức đã xuất hiện từ thời Đức Chúa. Như thế là họ tự ý bỏ mất các nguồn ơn thánh hóa của Thượng Đế và các suối Thánh ngôn kỳ diệu của Ngài. Đó là tình trạng thấp kém của họ trong Ngày Phục sinh này! Họ không hiểu rằng, nếu các dấu hiệu về Đấng Biểu hiện Thượng Đế trong mỗi thời đại lại phát lộ ra một cách rõ rệt, theo như nguyên văn của các truyền thuyết thông thường, thì đã không ai có thể chối bỏ hoặc làm ngơ, và người ta không thể phân biệt người thiện với kẻ ác, tội nhân với người biết sợ Thượng Đế.

“Hãy suy xét công bình: nếu các lời tiên tri ghi chép trong Sách Phúc âm được ứng nghiệm theo nguyên văn, nếu Đức Chúa, con bà Maria, từ bầu trời ngự xuống trên những đám mây, có các thiên thần tùy tùng, thì ai dám chối bỏ chân lý và tỏ ra ngạo mạn? Trái lại, toàn thể dân chúng trên trái đất sẽ kinh hoàng đến nỗi không thể thốt ra một lời, còn nói gì đến chối bỏ hay công nhận chân lý nữa.”

-Kinh Kitab-i-Iqan, trang 67, 71-73, 76, 78-79, 80-81-

Theo lời giải thích trên đây thì Con của Người tới với một hình người tầm thường do một phụ nữ sinh ra, nghèo khó, thất học, bị áp bức và không có nghĩa gì đối với các kẻ quyền thế trên thế gian, tất cả những cảnh huống ấy của các Đấng Biểu hiện Thượng Đế quả là viên đá thử vàng, Ngài dùng để phán xét các dân tộc trên thế giới và phân biệt người này với người nọ, như mục đồng phân chia chiên với dê. Những người có linh nhơn sáng suốt có thể nhìn qua “Mây mù” và hưởng niềm hoan lạc “về oai quyền và đại vinh quang”, chính là Vinh quang của Thượng Đế mà Ngài vừa biểu lộ; những kẻ khác mà mắt còn bị che mờ vì thành kiến và làm lạc, chỉ có thể thấy mây đen kịt và cứ vẫn vợ trong đêm tối, không được hưởng hồng ân của mặt trời.

“Này, Ta sai sứ giả Ta, người sẽ dọn đường trước mặt Ta; và Chúa mà các ngươi tìm kiếm sẽ thành linh vào trong đền thờ Ngài, tức là thiên sứ của sự giao ước mà các ngươi trông mong... Nhưng ai sẽ đương nổi ngày Ngài tới? và ai đứng được khi Ngài hiện ra? Vì Ngài giống như lửa của thợ luyện, như tro thợ giặt...”

-Malachi III, 1-2-

“Vì này, ngày đến cháy như lò lửa. Mọi kẻ kiêu ngạo, mọi kẻ làm sự gian ác sẽ như rơm cỏ... Nhưng về phần các ngươi là kẻ kính sợ danh Ta, thì mặt trời công bình sẽ mọc lên cho, trong cánh nó có sự chữa bệnh...”

-Ma-la-Chi IV, 1-2-

Ghi chú: Đề tài “Sự ứng nghiệm những lời tiên tri” là quá rộng lớn, cần trình bày nhiều tập sách mới xứng. Tất cả các điều gom gọn trong chương này chỉ nêu ra phần nào những nét chính của cách giải thích theo Đạo Baha’i. Những chi tiết theo Khải huyền của Daniel và Thánh Giăng còn chưa đụng đến. Độc giả sẽ tìm thấy một số chương Khải huyền được giải thích trong quyển “Một số câu hỏi đã được trả lời”. Trong kinh “Kitab-i-Iqan” của Đức Baha’u’llah, “Bảng chứng Baha’i” của Mirza Abul Fadl và trong nhiều Kinh bản khác của Đức Baha’u’llah và của Đức Abdul-Baha cũng có giải thích một số lời tiên tri khác.

CHƯƠNG XIV: LỜI TIÊN TRI CỦA ĐỨC BAHA'U'LLAH VÀ ĐỨC ABDUL-BAHA

“Nếu người nói trong lòng rằng: làm sao chúng ta nhìn biết lời nào là lời của Đấng Chúa không có phán? Khi kẻ tiên tri nhân danh Đấng Chúa nói, ví bằng lời người nói không xảy đến và không ứng nghiệm, ấy là lời mà Đấng Chúa không có phán. Kẻ tiên tri đó bởi sự kiêu ngạo mà nói ra: chớ sợ người.”

-Phục truyền Luật lệ Ký, Deuteronomy XVIII, 21-22-

THÁNH NGÔN CỦA THƯỢNG ĐẾ CÓ NĂNG LỰC SÁNG TẠO

Thượng Đế, và chỉ có Thượng Đế mới có quyền năng làm điều Ngài muốn; năng lực sáng tạo của lời nói, quyền phép biến hóa và canh cải mọi điều thuộc về con người, công cuộc chiến thắng mọi đối lập trần thế, là bằng chứng rõ rệt nhất của Đấng Biểu hiện Thượng Đế. Lời của các Đấng Tiên tri thông báo Ý chí của Thượng Đế; lời đó ứng nghiệm tức khắc hay về sau, là bằng chứng rõ ràng nhất về lời tuyên bố của Đấng Tiên tri và xác nhận nguồn cảm hứng của Đấng ấy là chân chính.

“Và, như mưa và tuyết rơi xuống từ trên trời và không trở lại nữa, mà đượm nhuần đất đai, làm cho sanh hoa và kết nụ, đặng có giống cho kẻ gieo, có bánh cho kẻ ăn, thì lời nói của Ta cũng vậy, đã ra từ miệng Ta, thì chẳng trở về luống, nhưng mà chắc sẽ làm trọn điều Ta muốn, thuận lợi công việc Ta đã sai khiến nó.”

-Ê-sai LV, 10-11-

Khi môn đệ của Thánh Giảng Tẩy giả tới hỏi Đức Chúa: “Ngài có phải là Đấng phải tới không, hay chúng tôi phải đợi vị khác?”, Đức Chúa chỉ trả lời đủ để chứng tỏ hiệu lực của Lời Ngài phán:

“Hãy về, thuật lại cùng Giảng những điều các người nghe và thấy: kẻ mù được thấy, kẻ què được đi, kẻ dơ bệnh được sạch sẽ, kẻ điếc được nghe, kẻ chết được sống lại, kẻ khó khăn được nghe giảng tin lành. Phước cho ai chẳng vấp phạm vì có Ta.”

-Ma-thi-ơ XI, 4-6-

Bây giờ ta hãy xét xem những biểu hiện nào có thể chứng tỏ rằng những Lời nói của Đức Baha'u'llah, cũng có quyền năng sáng tạo vốn là đặc điểm Lời phán của Thượng Đế.

Đức Baha'u'llah kêu gọi các nhà cầm quyền thiết lập nền hòa bình thế giới, và sự kéo dài chiến tranh của họ vào những năm 1869-1870 đã khiến nhiều triệu đại bị sụp đổ, trong khi mỗi cuộc chiến tranh kế tiếp càng ít mang lại thành quả

cho kẻ chiến thắng, mãi đến khi cuộc chiến tranh châu Âu 1914-1918 đã bộc lộ sự kiện lịch sử nổi bật, rằng chiến tranh là điều tàn hại đối với kẻ chiến thắng.³⁹

Đức Baha'u'llah cũng khuyên các nhà cầm quyền hành động như là những người bảo vệ quyền lợi cho dân chúng dưới quyền họ, tạo quyền uy chính trị thành phương tiện cho sự công ích chân chính. Sự tiến bộ về qui chế xã hội đã đạt tới mức chưa từng có.

Đức Baha'u'llah đã qui định mức nghèo nhất và mức giàu nhất, từ đó một pháp chế nhằm mục đích thiết lập mức sinh hoạt tối thiểu, và thuế lũy tiến đánh vào lợi tức và các di sản càng ngày càng được áp dụng rộng thêm. Ngài đã truyền bãi bỏ chế độ nô lệ kinh tế và tích trữ tài nguyên, từ đó cuộc giải phóng thợ thuyền cứ phát triển không ngừng khắp thế giới.

Đức Baha'u'llah đã truyền dạy sự bình đẳng nam nữ, tức là bình đẳng về trách nhiệm, quyền hạn và đặc ân, từ đó các xiềng xích ngàn xưa cầm giữ đàn bà trong một tình trạng thấp kém, đã bị phá vỡ, và người đàn bà không bao lâu đã chiếm được địa vị chính đáng và là người hợp tác bình đẳng với đàn ông.

Ngài công bố sự đồng nhất căn bản của các tôn giáo, và trong nhiều giai đoạn sau đó, người ta đã chứng kiến những nỗ lực đầy quyết tâm của những linh hồn chân thành trên khắp thế giới, để đạt tới mức độ mới về sự bao dung, sự hiểu biết lẫn nhau, và sự hợp tác trong những mục tiêu hoàn cầu. Khắp nơi, thái độ bẻ phái đã bị coi nhẹ, và luân hồi vị trí lịch sử của nó không còn giữ vững được. Nền tảng của sự độc quyền tôn giáo đã bị hủy diệt, bởi chính những lực lượng đã làm sụp đổ cả chủ nghĩa quốc gia nữa.

Ngài truyền thực hiện sự giáo dục phổ thông, và khiến sự tìm hiểu chân lý một cách độc lập thành bằng chứng của sinh lực tinh thần. Nền văn minh hiện đại đã bị rung chuyển tận gốc rễ bởi thứ men mới này. Giáo dục bắt buộc đối với trẻ em và việc mở rộng tiện nghi giáo dục cho người lớn đã trở thành chính sách ưu tiên của các chính phủ! Các nước đã gò bó quá đáng sự độc lập trí tuệ và tinh thần của nhân dân, họ đã làm dấy lên cuộc cách mạng ở bên trong và sự nghi ngờ ở bên ngoài biên giới nước họ.

Đức Baha'u'llah đã truyền chấp nhận một thế giới nữ phụ, và tiến sĩ Zamenhof cùng các người khác đã vâng theo tiếng gọi của Ngài, dâng hiến cuộc đời và tài năng của họ cho sự nghiệp và cơ hội lớn lao này.

Trên hết, Đức Baha'u'llah truyền cho nhân loại một tinh thần mới, khơi dậy những ước vọng mới trong trí óc và tâm hồn con người và lý tưởng mới về xã hội. Suốt lịch sử chưa từng có giai đoạn nào bi hùng và gây ấn tượng mạnh bằng chuỗi biến cố diễn ra từ buổi bình minh của Mạc Khải Baha'i năm 1844. Từng năm từng năm, năng lực của một quá khứ chết, kéo dài qua những ý tưởng, thói quen, thái độ, cơ cấu lỗi thời, cứ suy yếu dần, cho đến hiện nay mỗi người đàn ông, đàn bà thông minh trên trái đất nhận thức rằng nhân loại đang trải qua một cuộc khủng

hoảng ghê gớm nhất. Ở mặt này, ta thấy sự sáng tạo mới dấy lên, như ánh sáng giáo lý của Đức Baha'u'llah đã mặc khải con đường chân chính của sự tiến hóa. Mặt khác, ta không thấy gì ngoài sự sụp đổ và rối loạn trong tất cả các nước mà nguồn ánh sáng này bị lơ là hoặc chối bỏ.

Tuy vậy, đối với một người Baha'i trung tín, những bằng chứng này và vô số bằng chứng khác, dù rất hùng hồn, cũng chưa nêu bật được hết tầm vóc sự uy nghi tâm linh thực sự của Đức Baha'u'llah. Cuộc đời của Ngài tại thế gian, và sức mạnh không thể cưỡng lại của Thánh ngôn Ngài là tiêu chuẩn chân chính duy nhất của Ý chí Thượng Đế.

Sự nghiên cứu tỉ mỉ hơn các lời tiên tri của Đức Baha'u'llah và sự ứng nghiệm của các lời đó sẽ làm tăng thêm niềm tin một cách mãnh liệt.

Đây là vài thí dụ về các lời tiên tri không ai có thể hoài nghi. Các điều tiên đoán này lan tràn rộng rãi và được công bố khắp nơi trước ngày ứng nghiệm rất lâu.

Đa số các lời tiên tri đều ở trong những bức thư Đức Baha'u'llah gửi cho các vua chúa trên thế gian; các thư đó đã được gộp lại thành một cuốn sách (Suratul Haykal), xuất bản lần thứ nhất tại Bombay vào cuối thế kỷ 19. Cuốn sách ấy đã tái bản nhiều lần. Chúng tôi cũng sẽ đưa ra vài thí dụ về các lời tiên tri kỳ diệu nhất của Đức Abdul-Baha.

NAPOLEON ĐỆ TAM

Năm 1869, Đức Baha'u'llah viết cho Napoleon Đệ tam, trách vua quá ưa chiến tranh và khinh bỉ bức thư mà Đức Baha'u'llah gửi cho trước đó. Trong thư có lời cảnh cáo nghiêm trọng như sau:

“Các hành vi của ngươi sẽ làm cho nước ngươi rơi vào tình trạng hỗn độn. Chủ quyền sẽ lọt khỏi tay ngươi, đó là hình phạt tính vô hạnh của ngươi. Bây giờ, ngươi sẽ thật rõ mình đã sai lầm như thế nào. Trong khắp nước nhân dân sẽ biến động, nếu ngươi không đứng dậy bên vực Chánh Đạo này và theo bước chân Đấng Thánh linh của Thượng Đế (Chúa Jesus) trong con đường ngay thẳng ấy. Sự xa hoa tráng lệ làm cho ngươi say sưa hay sao? Than ôi! Vinh quang của ngươi thật là phù vân, nó sẽ qua đi, nếu ngươi không bám vào cái Dây bèn chắc này. Chúng Ta thấy sự tủ nhục đang theo sau ngươi, vậy mà ngươi tỏ ra hờ hững.”

Không cần nói rõ cũng biết rằng, lúc bấy giờ Napoleon uy quyền tột bậc nên không thèm để ý đến lời cảnh cáo đó. Năm sau, ông khai chiến với nước Phổ, tin chắc rằng quân đội ông có thể dễ dàng chiếm lấy Bá linh (Berlin), nhưng tấn bi kịch đã diễn ra như Đức Baha'u'llah tiên đoán. Ông bị thua ở Saarbruck, ở Weissenburg, ở Metz, và cuối cùng thảm bại ở Sedan. Lúc đó, ông bị bắt làm tù binh đem sang Phổ và hai năm sau kết liễu cuộc đời một cách khốn khổ ở Anh cát lợi.

NƯỚC ĐỨC

Sau đó, Đức Baha'u'llah cũng đưa ra lời cảnh cáo nghiêm trọng như thế đối với những kẻ chiến thắng Napoleon, nhưng họ cũng giả điếc, nên cũng thấy ứng nghiệm lời tiên tri ghê gớm của Ngài. Trong cuốn “Kitab-i-Aqdas” (Thánh kinh Thiên liêng Nhất của Đức Baha'u'llah, khởi sự viết ở Adrianople và hoàn thành trong mấy năm đầu bị cầm tù tại Akka). Đức Baha'u'llah viết cho Hoàng đế Đức quốc như sau:

“Hỡi Vua của Bá linh... Người còn nhớ chăng kẻ quý phái hơn người và chiếm một địa vị cao sang hơn người (Napoleon Đệ tam), bây giờ ông ấy ở đâu? Sản nghiệp của ông ra sao? Và hãy nghe lời cảnh cáo và đừng như kẻ mê ngủ. Ông ấy trước đây đã vứt bỏ Kinh bản của Thượng Đế khi Chúng Ta báo cho ông biết các điều áp bức mà Chúng Ta phải chịu dưới tay tập đoàn các bạo chúa. Vì thế, sự nhục nhã đã bao vây ông ấy tứ bề, cho đến khi ông trở về cát bụi trong sự mất mát lớn lao. Hỡi nhà Vua, người hãy nghĩ đến người đó và nghĩ đến những người (những kẻ giống như người) đã xâm chiếm các thị trấn và cai trị con người. Những người đó đã bị Đấng Toàn năng ném từ lâu đài xuống huyết mộ của họ. Người hãy lưu tâm, hãy chứng tỏ mình là người biết nghĩ...”

“Hỡi đôi bờ sông Rhine! Ta thấy người ngập máu vì guom đao đã tuốt ra để trừng phạt người, và người còn phải chịu như thế nữa. Chúng Ta sẽ nghe tiếng Bá linh rên siết mặc dù hiện nay nó đang ở trong thời vinh quang rõ rệt.”

Hội Đại chiến 1914-1918, trong giai đoạn quân đội Đức thắng lợi, và nhất là lúc quân đội Đức đại tấn công mùa xuân năm 1918, lời tiên tri rất đáng truyền tụng đó đã được những kẻ thù nghịch Chánh Đạo Baha'i nhắc lại khắp nơi trên đất nước Ba Tư, với hy vọng làm cho Đức Baha'u'llah mất tín nhiệm, nhưng khi cuộc tiến quân như vũ bão của bọn người chiến thắng bỗng biến thành một cuộc thất bại hoàn toàn vô phương cứu chữa, thì các nỗ lực của kẻ thù nghịch Chánh Đạo Baha'i trở ngược chống lại họ, thành ra họ đem truyền bá lời tiên tri kia chỉ là làm cho uy danh của Đức Baha'u'llah lừng lẫy thêm.

NƯỚC BA TƯ

Trong Thánh Kinh “Kitab-i-Aqdas”, viết vào thời cực thịnh của Bạo chúa Nasirid-Din Shah, Đức Baha'u'llah đã ban phúc cho Tihran là nơi Ngài sinh trưởng và là thủ đô Ba Tư, Ngài phán:

“Hỡi xứ Ta (Tihran), đừng phiền não vì Thượng Đế chọn người làm nguồn vui cho nhân loại. Nếu Ngài muốn, Ngài sẽ ban phúc cho ngài vàng của người bằng cách đặt lên đó một người biết cai trị một cách công bình, người đó sẽ tập

trung các chiên của Thượng Đế bị chó sói phân tán. Một vì vua như thế sẽ công nhận dân chúng Baha'i và sẽ vui mừng, hoan lạc ban phát ân đức cho họ. Thực thế, trước mắt Thượng Đế, vị vua ấy giống như một viên ngọc báu giữa loài người.

“Ngươi hãy hoan ca với nỗi vui mừng lớn, vì Thượng Đế đã biến ngươi thành Buổi Bình minh Ánh sáng của Ngài, vì Đấng Biểu hiện Vinh quang của Người đã ra đời nơi ngươi. Hãy vui mừng vì Danh này đã được ban cho ngươi. Danh mà qua đó Ngôi Sao mai thiên phước đã tỏa ánh huy hoàng, nhờ đó mà cả đất và trời đều được chiếu sáng. Tình trạng hiện thời ở nơi ngươi, chẳng bao lâu sẽ thay đổi, chánh quyền sẽ chuyển sang tay dân chúng. Quả thật, Chúa ngươi là Đấng Toàn tri, Quyền lực của Ngài bao trùm muôn vật. Ngươi hãy vững tin nơi thiên sủng bao la của Chúa ngươi. Mắt từ ái của Ngài sẽ âu yếm chăm sóc đến ngươi vĩnh viễn. Sắp đến lúc tình trạng hỗn loạn của ngươi sẽ biến thành tình trạng yên tĩnh, hòa bình. Điều đó đã được thiên định trong Sách Kỳ Diệu”.

-Trích Thánh thư Đức Baha'u'llah, trang 110-111-

Đến bây giờ, nước Ba Tư mới bắt đầu nhoi ra khỏi thời kỳ hỗn loạn mà Đức Baha'u'llah đã báo trước, nhưng một chánh thể lập hiến đã thành lập, và người ta đã thoáng thấy nhiều kết quả đầu tiên của một kỷ nguyên xán lạn.

NƯỚC THỔ NHĨ KỲ

Đức Baha'u'llah, năm 1868, trong khi bị giam tại một đê lao Thổ Nhĩ Kỳ, đã gửi cho Quốc vương Thổ và Tể tướng Ali Pasha những lời cảnh cáo rất uy nghi và nghiêm trọng. Ngài viết cho Quốc vương từ trại lính Akka:

“Hỡi ngươi là kẻ tưởng mình cao trọng nhất trong nhân loại... Chẳng bao lâu nữa tên tuổi ngươi sẽ bị quên lãng, và ngươi sẽ bị thất thế. Ngươi cho rằng Đấng Tạo dựng Hòa bình và Đấng Bồi dưỡng sinh lực cho thế giới là có tội và đang bị lên án. Còn những đàn bà, trẻ nhỏ và các ấu nhi khôn khổ đã phạm tội gì đáng để ngươi phải thịnh nộ, áp bức và thù ghét? Ngươi đã bách hại nhiều linh hồn không bao giờ chống lại đất nước và không có mưu đồ cách mạng nào đối với chánh quyền của ngươi, trái lại, ngày đêm họ chỉ chuyên lo cầu nguyện Thượng Đế một cách hòa bình. Ngươi đã tàn phá nhà cửa ruộng vườn của họ, họ đã bị bóc lột hết sản nghiệp vì những hành vi bạo ngược của ngươi... Trước mắt Thượng Đế, một nắm bụi còn lớn hơn đất nước ngươi, vinh quang, quyền hành và nền thống trị của ngươi, và nếu Ngài muốn, Ngài có thể phân tán ngươi như cát trong sa mạc. Không bao lâu nữa, Ngài sẽ đẩy con thịnh nộ trên ngươi, cách mạng sẽ bùng nổ, sự ngự trị của ngươi sẽ bị phá vỡ. Bây giờ ngươi sẽ khóc lóc, than van mà không ai giúp đỡ, bênh vực... Ngươi hãy thức canh vì con thịnh nộ của Thượng Đế đang sửa soạn tới, và cái gì do Ngài bút Thiên mệnh viết ra chẳng bao lâu sẽ xảy đến.”

-Ngôi sao Tây phương, quyển II, trang 3-

Ngài viết cho Ali Pasha:

“Hỡi người cầm đầu chính phủ, người đã phạm tội làm cho Đức Muhammad, Đấng Tiên tri của Thượng Đế, phải rên siết trong Thiên đường Tối cao. Thế gian đã làm cho người thành kiêu ngạo đến nỗi người quay lưng lại không thèm nhìn mặt Đấng Chiếu sáng cho quần hội thiêng liêng. Không bao lâu nữa, người sẽ bị mất quyền. Người đã hợp tác với Quốc vương Ba Tư để làm hại Ta, dù rằng Ta đến từ chốn Bình minh của Đấng Toàn năng, Đấng Tối cao, và Ta giáng hạ với một nền Chánh Đạo đã mở mắt những người được Thượng Đế sủng ái...”

“Người há tưởng người có thể dập tắt ngọn lửa mà Thượng Đế đã đốt lên trong vũ trụ hay sao? Không, Ta nhân danh Thánh Danh của Ngài mà tuyên bố như thế - ước gì người thuộc vào hàng những kẻ hiểu biết. Hơn nữa, những việc người đã làm khiến lửa càng hồng thêm, ngọn lửa càng cháy mạnh. Chẳng bao lâu ngọn lửa đó sẽ bao trùm toàn thế giới và các dân tộc trên đó... Chẳng bao lâu nữa, Vùng Đất Màu nhiệm (tức Adrianople) và nhiều miền khác sẽ thay đổi và lột khỏi tay người; sẽ có nhiều cuộc biến động, tiếng than vãn sẽ nổi lên, khắp nơi nạn tham nhũng bắt đầu hoành hành, mọi việc sẽ lâm vào tình trạng hoàn toàn hỗn loạn, vì có những hành vi của bọn áp bức đối với các người bị giam hãm này (Đức Baha’u’llah và các bạn hữu Ngài). Mọi việc sẽ thay đổi. Tình thế sẽ nghiêm trọng đến nỗi cát trên đồi hoang phải phát ra tiếng rên siết, cây cối núi non phải khóc lóc, máu chảy khắp nơi. Người sẽ thấy nhân dân rơi vào cảnh sầu thảm...”

“Đấng An bài, Đấng Thượng trí đã truyền lệnh như thế; lệnh của Ngài hạ xuống, quân đội thiên cung và quân đội trần thế cũng không cưỡng nổi, tất cả vua chúa và tất cả các nhà cầm quyền cũng không ngăn cản nổi, ý muốn của Ngài phải thực hiện. Hoạn nạn là dấu của ngọn Đèn này, nhờ đó nó càng chói lọi, ước gì người hiểu được điều này. Mọi cuộc chống đối do bọn áp bức gây nên, thực ra đã báo trước về nền Chánh Đạo này, và nhờ đó sự xuất hiện của Thượng Đế và nền Chánh Đạo của Ngài được truyền bá rộng rãi trong nhân dân thế giới...”

Đức Baha’u’llah còn viết trong cuốn “Kitab-i-Aqdas”:

“Hỡi vùng đất ở trên hai bờ bể (tức Constantinople)! Ngai bất công được thiết lập trên người, ngọn lửa hận thù nhóm khơi trong lòng người, đến nỗi Quần hội Thiêng liêng và tất cả những người quay quần chung quanh Ngai Tối cao đều phải thổn thức và khóc than. Ta nhận thấy nơi người đũa dầy dạy người khôn, tôi tằm thống trị ánh sáng. Nơi người chứa đầy sự kiêu ngạo lộ liễu. Sự rục rờ bề ngoài của người, làm cho người tự cao tự đại chẳng? Xin Chúa tể muôn loài chúng giám, chẳng bao lâu nữa người sẽ tận số; các thiếu nữ và các góa phụ của người và tất cả dân chúng sống nơi người sẽ phải than khóc. Đấng Toàn trí, Đấng Toàn trí đã báo trước cho người như vậy.”

Từ khi các lời cảnh cáo đó được công bố, đế quốc trước kia to lớn thế, đã gặp tai họa liên tiếp và các tai họa đó biện luận hùng hồn cho tính cách tiên tri của các lời cảnh cáo nêu trên.

MỸ CHÂU

Trong cuốn “Kitab-i-Aqdas”, mặc khải ở Akka năm 1873. Đức Baha’u’llah gọi cho châu Mỹ lời kêu gọi sau đây:

“Hỡi các nhà cầm quyền ở Mỹ châu, Tổng thống các nước cộng hòa nơi đó...! Hãy nghe lời kêu gọi xuất phát từ chốn Bình minh Tối thượng: “Quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta, là Đấng Chúa của Ngôn từ, Đấng Toàn tri... Hãy đem tay công bình băng bó các bộ phận giập gãy và lấy trượng chỉ huy của Chúa các ngươi, là Đấng Truyền lệnh, Đấng Toàn trí, mà đập tan những bộ phận áp bức”

Trong các bài diễn văn đọc tại châu Mỹ và các nơi khác, Đức Abdul-Baha thường nhắc nhở tới hy vọng, lời nguyện cầu và lòng tin tưởng của Ngài được thấy ngọn cờ hòa bình quốc tế sẽ được dựng lên trước nhất tại châu Mỹ. Ngày mùng 5 tháng 11 năm 1912, tại Cincinnati, bang Ohio, Ngài dạy:

“Mỹ quốc là một quốc gia cao thượng, là người phát cờ hòa bình khắp thế giới, gieo rắc ánh sáng khắp mọi vùng. Các dân tộc khác chưa thoát ly được các âm mưu như Hoa kỳ, nên không thể đem lại hòa bình thế giới. Nhưng, tạ ơn Thượng Đế, Mỹ quốc giao hảo với tất cả thế giới nên xứng đáng nêu cao ngọn cờ bác ái và hòa bình quốc tế. Khi lời kêu gọi hòa bình quốc tế được cất lên từ Mỹ quốc, toàn thể địa cầu sẽ kêu to: “Vâng, chúng tôi chấp thuận”. Các nước rải rác khắp nơi, bấy giờ sẽ đoàn kết lại để tiếp nhận các giáo lý đã được Đức Baha’u’llah mặc khải trong thế kỷ trước. Trong các thư từ của Ngài, Ngài yêu cầu nghị viện các nước cử những đại diện có uy tín và khôn ngoan nhất vào một nghị viện quốc tế, để tham khảo tất cả những vấn đề liên quan đến các dân tộc và thiết lập hòa bình... Bấy giờ, chúng ta sẽ có nghị viện chung của nhân loại mà các Đấng Tiên tri đã dự kiến”.

-Ngôi sao Tây phương, quyển VI, trang 81-

Hoa Kỳ đã đáp lại khá nhiều những lời kêu gọi của Đức Baha’u’llah và Đức Abdul-Baha và không nước nào trên thế giới đón nhận các lời giáo huấn Baha’i một cách ân cần bằng nước ấy. Mỹ quốc chưa hoàn thành nhiệm vụ kêu gọi các nước cùng thực hiện nền hòa bình quốc tế, nhưng tín đồ Baha’i chờ đợi một cách hào hứng các cuộc tiến triển trong tương lai.⁴⁰

CHIẾN TRANH 1914-1918

Đức Baha’u’llah và Đức Abdul-Baha đã nhiều lần tiên đoán với mức chính xác đáng kinh ngạc về Đại chiến 1914-1918 sắp xảy ra. Ngày 26 tháng 10 năm 1912, tại Sacramento, bang California, Đức Abdul-Baha dạy:

“Ngày nay lục địa Châu Âu giống như một xưởng chế tạo vũ khí. Đó là một kho thuốc súng sẵn sàng bùng nổ khi có một tia lửa châm vào. Chỉ một tia lửa thôi

cũng đủ đốt cháy toàn thể Châu Âu, nhất là lúc này là lúc vấn đề Balkan đang được đặt ra trước thế giới.”

Ngài cũng tuyên bố những lời cảnh cáo như thế trong nhiều buổi diễn thuyết bên Mỹ và bên châu Âu. Trong một buổi giảng khác tại California, hồi tháng 10 năm 1912, Đức Abdul-Baha dạy:

“Chúng ta đang sống những ngày trước khi xảy ra cuộc chiến tranh Armageddon mô tả trong chương 16, sách Khải huyền. Trong hai năm nữa sẽ đến lúc chỉ một tia lửa cũng đủ làm cho Châu Âu bùng cháy. Tình trạng xã hội rối loạn khắp các nước và tinh thần hoài nghi đối với tôn giáo mỗi ngày một lớn - dấu hiệu trước thời kỳ Ngàn Năm Hạnh phúc - sẽ làm cho cả Châu Âu bùng cháy như lời tiên tri trong sách Daniel và sách Khải huyền của Thánh Giăng. Khoảng năm 1917, nhiều nước sẽ sụp đổ và nhiều thiên tai sẽ làm chấn động trái đất.”

-Do Bà Corinne True thuật lại trong Tạp chí Bắc Ngạn, ngày 26 tháng 9 năm 1914, Chicago, Hoa Kỳ-

Trước ngày Đại chiến, Ngài nói:

“Người ta đã trông thấy các nước văn minh đang cùng nhảy vào vòng chiến. Một cuộc chiến tranh kinh khủng. Thế giới sắp bước vào một trong những cuộc đấu tranh bi thảm nhất... Những đoàn quân đông đảo hàng triệu người bị động viên và tập trung tại biên giới, sửa soạn tham chiến khủng khiếp. Một cử chỉ khiêu khích nhỏ nhất cũng sẽ làm cho họ xung đột kinh khủng và đưa đến một cuộc chiến tranh vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại”

-Tại Haifa, ngày mùng 3 tháng 8, năm 1914, Ngôi sao Tây phương, quyển V, trang 163-

CÁC BIẾN LOẠN XÃ HỘI SAU CHIẾN TRANH

Cả Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha đều cùng báo trước một thời biến loạn xã hội, xung đột và thảm họa, là kết quả không thể tránh được của tinh thần vô tôn giáo và của óc thành kiến, của tâm trí mông muội và sự mê tín dị đoan đang thắng thế khắp nơi trên thế giới. Cuộc đại chiến thế giới chỉ là một giai đoạn trong thời kỳ đảo lộn đó. Trong một Kinh bản đề tháng giêng, năm 1920, Đức Abdul-Baha viết:

“Hỡi những người yêu chuộng chân lý! Hỡi các nô bộc của nhân loại! Trong khi hương thơm ngào ngạt của các tư tưởng và ý định cao quý của các người thổi đến Ta. Ta thấy tâm hồn thông cảm với các người, không thể nào đùng.

“Tâm hồn các người hãy suy gẫm về tình trạng rối loạn xã hội trầm trọng mà thế giới đang phải trải qua, các dân tộc trên trái đất bị vấy máu người và tệt hơn nữa, đất cũng tràn ngập máu đông đặc. Ngọn lửa chiến tranh đã gây ra một cuộc

bùng nổ mà thời thái cổ, thời trung cổ hay thời cận kim chưa bao giờ thấy. Cối xay chiến tranh đã nghiền nát nhiều đầu người. Ta biết nói gì bây giờ, số phận các nạn nhân ấy còn kinh khủng hơn nữa. Nhiều nước phú cường bị điều linh tàn phá, nhiều tỉnh bị san bằng, nhiều làng xinh đẹp bị tiêu hủy. Nhiều người cha mất con. Mẹ nhỏ máu mắt khóc con, trẻ con trở thành cô cút, đàn bà thành kẻ lang thang không nhà. Tóm lại, nhân loại sa đọa về mọi phương diện. Tiếng nức nở rên la của trẻ mồ côi vang lên ầm ĩ trong khi bầu trời dội lại âm hưởng những tiếng khóc than cay đắng của các bà mẹ.”

“Nguyên do chính của tất cả các biến cố đó là thành kiến chủng tộc, quốc gia, tôn giáo và chính trị. Gốc rễ các thành kiến đó phát sinh từ các phong tục thâm căn cố đế và lỗi thời, dù đó là phong tục thuộc tôn giáo, chủng tộc, quốc gia hay chính trị. Khi nào các cố tục đó còn tồn tại thì nền tảng lâu đài nhân loại còn bất an và loài người luôn luôn bị nguy cơ hãm dọa.”

“Ngày nay, giữa thời đại xán lạn này, trong khi bản chất của toàn thể sinh vật đã bộc lộ rõ rệt, trong khi bí mật của mọi tạo vật đã được phát giác, trong khi bình minh chân lý chiếu sáng xua đuổi tối tăm khỏi mặt đất, thì một cuộc tàn sát khủng khiếp làm cho thế giới điều tàn, không phương cứu chữa như thế, có thể có được và thích đáng không? Nhân danh Thượng Đế, không thể như thế được.

“Đức Chúa đã kêu gọi toàn thể các dân tộc hãy sống với nhau trong cảnh thái bình hòa thuận. Ngài đã ra lệnh cho thánh Phê-rô phải tra kiếm vào vỏ. Đó là nguyện vọng và lời khuyên cáo của Ngài, vậy mà nhiều kẻ mang danh Ngài lại dùng tới gươm đao! Hành động tương phản biết bao với ý nghĩa rõ rệt của lời trong Sách Phúc âm.

“Cách đây 60 năm, Đức Baha'u'llah như vàng thái dương rực rỡ, chói lọi trên bầu trời Ba Tư, Ngài tuyên bố rằng thế giới đang bị màn tối tăm bao phủ, nặng trĩu hậu quả tai hại, có thể đưa đến một cuộc chiến tranh khủng khiếp. Ngài trong thành phố lao tù Akka, Ngài cảnh cáo Hoàng đế nước Đức bằng những lời rất rõ rệt, báo trước cho vua ấy biết một cuộc chiến tranh kinh khủng sẽ bùng nổ và Bá linh sẽ vang tiếng rên siết khóc than. Cũng thế, trong khi bị Quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ giam cầm trong thành Akka, Ngài vẫn dùng những lời minh bạch và cương quyết báo cho vua biết trước Constantinople sẽ trải qua những cơn rối loạn trầm trọng đến nỗi đàn bà, trẻ con kêu than thảm thiết. Tóm lại, Ngài đã viết thư cho tất cả các nhà cầm quyền và vua chúa thế giới, và tất cả những gì Ngài tiên báo với họ đều đã xảy ra. Từ Ngài bút Vinh quang của Ngài tuôn tràn những lời khuyên bảo để ngăn ngừa chiến tranh, những lời giáo huấn đó càng ngày càng lan tràn rộng rãi thêm.

“Nguyên lý đầu tiên của Ngài là sự kiếm tìm chân lý. Ngài tuyên bố rằng mọi sự bất chước mù quáng đều giết chết tinh thần con người, còn sự tìm tòi chân lý thì giải thoát thế giới khỏi cảnh tối tăm của thành kiến.

“Nguyên lý thứ hai của Ngài là nhân loại đại đồng. Tất cả mọi người đều thuộc về đàn chiên duy nhất mà Thượng Đế là Đấng Chăn chiên Thiện hảo. Ngài mở lượng hải hà khoan dung mọi người; và Ngài coi tất cả đều như một. “Các

ngươi đừng phân biệt các tạo vật của Thượng Đế”. Toàn thể là nô bộc của Ngài và toàn thể cầu mong lòng từ bi của Ngài.

“Nguyên lý thứ ba của Ngài dạy rằng tôn giáo là thành trì kiên cố nhất. Tôn giáo phải đưa đến đại đồng, chứ không phải đến ác cảm và căm thù. Nếu tôn giáo gây ra oán thù và căm hờn thì thà không có tôn giáo còn hơn. Vì người ta có thể so sánh tôn giáo với y dược: nếu nó làm cho bệnh thêm trầm trọng thì thà bỏ đi còn hơn.

“Cũng thế các thành kiến tôn giáo, chủng tộc, quốc gia và chính trị cũng phá hoại nền móng xã hội loài người; tất cả các thành kiến đều đem đến cuộc đổ máu. Tất cả các thành kiến đều chồng chất điêu tàn trên nhân loại. Khi nào còn thành kiến thì nguy cơ chiến tranh còn tồn tại. Phương thuốc duy nhất là hòa bình quốc tế. Mà hòa bình thế giới chỉ có thể thực hiện được bằng cách thành lập một tòa án tối cao đại diện cho toàn thể các chính phủ và các dân tộc. Tất cả vấn đề quốc gia và quốc tế phải đem ra đó nghị xử, tòa án quyết định thế nào thì phải coi đó như một đạo luật cần chấp hành. Nếu một chính phủ hay một dân tộc nào bất tuân thì cả thế giới phải hợp nhau chống lại!

“Trong các giáo huấn của Ngài còn có nguyên tắc nam nữ bình đẳng và nhiều giáo huấn cùng một tính chất do Ngôi bút của Ngài mặc khải.

“Ngày nay, hiển nhiên là sự sống còn của thế giới tùy thuộc các nguyên lý đó, tức là hiện thân của tinh thần chân chính thế giới. Từ nay các ngươi là nô bộc của nhân loại, các ngươi phải cố gắng, cả linh hồn lẫn thể xác, giải thoát thế giới khỏi sự tối tăm của chủ nghĩa duy vật chất và các thành kiến của con người, để thế giới ngời chói ánh sáng Kinh thành của Thượng Đế.

“Hãy tán dương Thượng Đế! các ngươi đã biết những nguyên tắc, chế độ và trường phái trên thế giới, ngày nay, ngoài các giáo huấn thiêng liêng này, không gì có thể thiết lập hòa bình và yên tĩnh trong nhân loại. Không có các nguyên tắc đó thì tối tăm không bao giờ biến mất; bệnh hoạn không bao giờ khỏi, trái lại, mỗi ngày mỗi trầm trọng hơn. Vùng Balkan không bao giờ yên ổn; tình hình miền đó sẽ nghiêm trọng thêm. Các quốc gia chiến bại không chịu nguôi lòng, trái lại, sẽ tìm mọi cơ hội châm lại ngòi lửa chiến tranh. Những phong trào mới khởi phát mà hoạt động tràn khắp thế giới, sẽ cố gắng đạt mục đích, thực hiện kế hoạch của họ. Hiện tượng thiên tả càng thêm rõ rệt và nhiều ảnh hưởng tả phái sẽ lan rộng.

“Vì thế, các ngươi hãy cố gắng đem tâm hồn sáng suốt, tinh thần cao thượng, sức lực siêu phàm, và nhờ ân sủng của Thượng Đế trợ giúp, mà cố gắng ngay từ bây giờ, gieo rắc ân lành của Thượng Đế trên thế giới... ơn lành hạnh phúc và an lạc cho toàn thể nhân loại.”

Trong một buổi nói chuyện vào tháng 11 năm 1919, Ngài dạy:

“Đức Baha'u'llah nhiều lần tiên đoán một thời ưu thắng của tinh thần vô tôn giáo và tình trạng vô chính phủ do tinh thần đó gây nên. Tình trạng hỗn loạn phát sinh do chỗ có tự do quá lớn giữa những người chưa đủ tư cách sử dụng nó, do đó

phải tạm thời dùng những chánh sách độc tài vì quyền lợi của dân chúng, và để đối phó lại sự vô trật tự và biến loạn.

“Mỗi dân tộc hiện thời đều đòi quyền tự trị và quyền tự do hoàn toàn để hành động riêng cho mình. Đó là điều hiển nhiên, nhưng có một số chưa sẵn sàng. Tình trạng ưu thắng trên thế giới là tình trạng vô tôn giáo, tình trạng đó tất nhiên phải phát sinh ra vô trật tự và hỗn loạn. Bao giờ Ta cũng nói rằng, các đề nghị hòa bình sau cuộc đại chiến chỉ là một tia sáng bình minh chứ không phải là lúc mặt trời mọc.”

THỜI THÀNH LẬP VƯƠNG QUỐC CỦA THƯỢNG ĐẾ ĐÃ TỚI

Giữa những thời hỗn loạn đó, nền Chánh Đạo của Thượng Đế sẽ phát triển mạnh. Những tai họa do lòng vị kỷ của các cá nhân tranh đấu cho sự sống còn của mình hay cho quyền lợi phe đảng, bè phái hay quốc gia gây ra, làm cho con người vô kế khả thi, phải quay về tìm phương thuốc do Thánh ngôn của Thượng Đế cung hiến. Các thiên tai càng nhiều thì các dân tộc càng quay về phương thuốc thần hiệu duy nhất. Trong thư gửi cho Quốc vương Ba Tư, Đức Baha'u'llah dạy:

“Thượng Đế đã sinh ra khổ não như trận mưa rào buổi sáng để làm cho cây cỏ tươi xanh, và như tim đèn của Ngài để soi sáng trời đất... Ánh sáng của Người chói lọi nhất và sự ca tụng Người vang lên không ngừng trong thời khổ não, đó là phương pháp của Ngài trong các thế kỷ trước, trong các thời đại đã qua.”

Đức Baha'u'llah cũng như Đức Abdul-Baha đều tiên đoán rất rõ rằng tâm linh tính sẽ thắng mau chóng tính tham hám vật chất và do đó nền hòa bình lớn nhất sẽ được thiết lập. Đức Abdul-Baha viết năm 1904:

“Phải biết rằng khổ nạn và tai ương càng ngày càng nhiều và nhân loại sẽ chìm đắm trong nguy khốn. Cửa vui mừng và hạnh phúc đóng chặt khắp nơi. Nhiều cuộc chiến tranh kinh khủng sẽ bùng nổ. Các dân tộc chán nản và tuyệt vọng phải quay về với Thượng Đế. Bây giờ ánh sáng của hạnh phúc lớn chiếu sáng chân trời, đến nỗi tiếng hoan hô “Ya-Baha'u'l-Abhá!” vang dậy khắp nơi.”

-Bản gửi L.D.B. trưng dẫn trong cuốn Suru tâm về Chiến tranh và Hòa bình, trang 187-

Tháng hai năm 1914, với câu hỏi liệu có nước nào trong số các cường quốc sẽ trở nên một nước có tín ngưỡng không, Ngài đáp:

“Tất cả dân tộc trên thế giới sẽ là những dân tộc có tín ngưỡng. Nếu so sánh lúc khởi thủy và tình trạng hiện tại của Chánh Đạo, các người sẽ thấy ảnh hưởng của Thánh ngôn này lan tràn mau chóng biết bao, và ngay từ bây giờ Chánh Đạo của Thượng Đế đang bao trùm khắp thế gian... Hiển nhiên là toàn thể nhân loại sẽ đến nương mình dưới bóng Chánh Đạo của Thượng Đế.”

-Ngôi sao của Tây phương, quyển XI, trang 31-

Ngài tuyên bố việc thiết lập thế giới thống nhất sẽ xảy ra trong thế kỷ này. Trong bức thư gửi cho các nhà Thông thiên học hồi tháng 2 năm 1913, Ngài viết:

“Tất cả các thành phần của gia đình nhân loại, dù là nhân dân hay chính phủ, thành phố hay làng mạc, đã càng lúc càng trở nên liên lập. Vì không ai có thể tự túc nữa, khiến các mối quan hệ chính trị đã kết hợp các dân tộc và các nước, và các mối giao hảo về thương mại, kỹ nghệ, canh nông và giáo dục ngày càng được củng cố. Vì thế sự thống nhất toàn thể nhân loại có thể hoàn tất trong ngày này. Đây quả là một kỳ quan của thời đại kỳ diệu này, của thế kỷ vinh quang này. Các thế kỷ qua không có được ân huệ này, vì thế kỷ này - thế kỷ ánh sáng - đã được ban cho sự giác ngộ, quyền lực và vinh quang duy nhất và vô tiền. Bởi vậy, hằng ngày đều bộc lộ kỳ diệu một kỳ quan mới. Rồi người ta sẽ thấy những ngọn nến của thế kỷ sẽ rực sáng như thế nào ở giữa loài người.”

Trong hai câu chót ở sách Daniel, có những lời bí ẩn này:

“Hạnh phúc thay cho kẻ nào đợi chờ đến một nghìn ba trăm hai mươi lăm ngày. Còn người, hãy tiếp tục con đường của người, và rốt cuộc người sẽ được nghỉ ngơi và sẽ nhận được gia tài của người trong ngày sau rốt ấy.”

Bao nhiêu nhà bác học đã khổ công để tìm hiểu ý nghĩa của những lời này. Trong một cuộc đàm đạo mà chính tác giả sách này cũng được hân hạnh tham dự, Đức Abdul-Baha đã giải thích rằng, đó là sự hoàn thành lời tiên tri của Daniel từ lúc bắt đầu kỷ nguyên Hồi giáo.

Các Kinh bản của Đức Abdul-Baha còn giải thích rõ ràng rằng lời tiên tri đó chỉ về kỷ niệm đệ nhất bách chu niên Ngày Tuyên ngôn của Đức Baha'u'llah tại Baghdad, hay là năm 1963.

Nay về câu Thánh thi của Daniel mà người xin được giải thích là câu “Phước thay cho kẻ nào chờ đến một ngàn ba trăm hai mươi lăm ngày. Những ngày này được hiểu là những năm dương lịch chứ không phải năm âm lịch. Vì theo sự tính toán này thì một thế kỷ sẽ trôi qua trước khi Mặt trời Chân lý xuất hiện, lúc đó các giáo lý của Thượng Đế sẽ được thiết lập vững chắc trên mặt đất, và ánh sáng thiêng liêng sẽ tràn ngập thế giới từ Đông sang Tây. Bởi vậy, vào ngày này, kẻ sùng tín sẽ mừng vui!”

AKKA VÀ HAIFA

Mirza Ahmad Sohrab có thuật trong nhật ký của ông lời tiên tri về Akka và Haifa. Một hôm, vào ngày 14 tháng 2 năm 1914, trong lúc ngồi tựa cửa sổ tại một Nhà Hành hương Baha'i ở Haifa, Đức Abdul-Baha phát biểu những lời tiên tri đó như sau:

“Từ cửa sổ nhà nhìn ra thì phong cảnh tuyệt đẹp, nhất là nơi bao quanh Thánh lăng thiêng liêng của Đức Baha'u'llah. Rồi đây nhà cửa sẽ mọc lên chiếm cả

khoảng rộng bao la từ Akka đến Haifa. Hai thành phố này sẽ nối liền nhau, cùng bắt tay nhau tạo thành hai cực điểm của một đô thị hùng cường. Nhìn qua phong cảnh lúc này, Ta trông thấy rõ ràng nơi đây sẽ trở nên một trong các khu trung tâm thương mại thế giới. Cái vịnh hình vòng cung to lớn này sẽ biến thành vịnh tráng lệ nhất, nơi tàu thuyền mọi xứ đến trú ẩn và nương tựa. Tàu thuyền to lớn khắp nơi sẽ cập bến ở hải cảng này, chở hàng ngàn người, đàn ông, đàn bà từ khắp nơi trên thế giới. Trên núi và dưới đồng bằng sẽ mọc lên những lâu đài, dinh thự tối tân nhất. Kỹ nghệ sẽ phát triển và nhiều cơ sở từ thiện sẽ được dựng lên ở đây. Hoa thơm của mọi nền văn minh khác nhau và nền văn hóa từ tất cả các nước sẽ được mang đến đây, cùng kết hợp mùi hương thơm ngát, để trang hoàng đường đi cho tình huynh đệ nhân loại.

“Các vườn cây ăn quả, hoa viên, những khu rừng nhỏ, công viên huyền diệu sẽ được gây dựng khắp nơi. Ban đêm toàn thể thành phố vĩ đại này sẽ rực sáng ánh điện. Toàn khu hải cảng từ Akka đến Haifa sẽ là một con đường sáng rực. Những ngọn hải đăng cực mạnh đặt hai bên sườn núi Carmel sẽ soi đường cho tàu thuyền qua lại trong vùng. Chính núi Carmel từ đỉnh đến chân cũng chìm trong một đại dương ánh sáng. Người đứng trên đỉnh núi Carmel, và những hành khách trên boong những chiếc tàu tiến vào vịnh, sẽ được chứng kiến một quang cảnh cao cả và oai nghiêm nhất thế giới.

“Trên mọi phía của ngọn núi, khúc nhạc hòa tấu những lời ngợi khen “Yá-Baha’u’l-Abhá” sẽ vang lên, và lúc trời sắp bình minh, điệu nhạc thâm nhuần vào tận tâm hồn hòa theo những điệu du dương vắng vắng lên nơi ngự trị của Đấng Toàn Năng.

“Hẳn nhiên các con đường của Thượng Đế vẫn còn bí mật và không thể vào được. Giữa Shiraz và Tihran, giữa Baghdad và Constantinople, Adrianople, Akka và Haifa có mối liên hệ hiển nhiên nào? Thượng Đế đã kiên nhẫn làm việc, đi từng bước một qua những thành phố khác nhau đó theo đúng chương trình tinh vi và trường cửu của Ngài, để cho những lời tiên tri và dự đoán của các Đấng Tiên tri được thực hiện. Chuỗi kim ngôn hứa hẹn về Thời kỳ Ngàn Năm Hạnh phúc của Đấng Cứu thế được ghi chép khắp Thánh kinh, và thời kỳ đó sẽ hiện ra lúc mà Thượng Đế cho là thích đáng. Không một lời nào là vô nghĩa hoặc không thực hiện được.”

CHƯƠNG XV: NHẬN XÉT VỀ QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI

“Hỡi các bạn! Ta chứng cho rằng ân huệ thật là thâm trọng, lý luận thật là chính xác, bằng cứ thật là rõ ràng và chân lý được minh định. Bây giờ các người hãy cho thấy những cố gắng của các người trên con đường giải thoát đem lại được gì. Như vậy là ân huệ thiêng liêng đã được ban tứ cho các người và cho tất cả những ai ở trên trời và dưới đất. Tất cả lời ca ngợi xin dâng lên Thượng Đế, Đấng Chúa tể của Vũ trụ!”

-Đức Baha'u'llah, Ân Ngôn-

PHÁT TRIỂN CHÁNH ĐẠO

Thực đáng tiếc, vì không thể nào tả tỉ mỉ được sự phát triển của Đạo Baha'i trên thế giới trong một quyển sách tóm tắt. Người ta có thể dành nhiều chương để thuật lịch sử hào hứng đó, và có thể kể lại nhiều chuyện rất thương cảm của những nhà xung phong truyền giáo và các vị tuấn đạo, nhưng một đoạn rất tóm tắt tưởng cũng đủ.

Những tín đồ đầu tiên của Mặc khải này đã gặp tại Ba Tư sự chống nghịch dữ dội nhất. Họ đã bị bắt bớ hành hạ bởi đồng bào họ, nhưng trước những tai họa, những thử thách đó, họ đã tỏ một thái độ quả cảm, kiên định, nhẫn nhục vô cùng. Họ đã chịu tâm lễ bằng chính huyết của họ vì có hàng vạn người đã tử vì đạo. Hàng vạn người khác bị đánh đập, cầm tù, của cải bị cướp, gia đình tan nát, bị hành hạ đủ mọi cách. Trong hơn 60 năm, hễ ai dám bày tỏ lòng trung thành đối với Đức Bab và Đức Baha'u'llah thì đều bị mất gia tài, tự do và ngay cả tính mạng nữa. Tuy vậy, sự chống đối dai dẳng và dã man đó không cản trở được đà phát triển của Chánh Đạo, cũng như đám bụi mù kia không thể ngăn trở được mặt trời mọc lên.

Bây giờ người ta gặp tín đồ Baha'i ở khắp nước Ba Tư,⁴¹ trong khắp các đô thị, các tỉnh, làng mạc và ngay cả trong những bộ lạc du mục. Có nhiều nơi cả làng đều là người Baha'i, có nhiều nơi khác đa số là tín đồ Baha'i. Phần đông đều thuộc những giáo phái đối lập trước kia kinh chống nhau rất dữ tợn, mà bây giờ hợp thành một đại tổ chức cộng đồng huynh đệ, và họ tỏ tình thân ái không những đối với nhau mà đối với cả mọi người ở khắp nơi. Họ hợp tác để xây dựng thống nhất, biến cải nhân loại, loại bỏ thành kiến xung đột, và xây dựng Vương quốc của Thượng Đế trên mặt đất. Còn có phép lạ nào lớn hơn phép lạ này không? Có điều duy nhất sau đây là trội hơn cả mà thôi, đó là sự hoàn thành trên khắp thế giới cái công việc mà tín đồ Baha'i ở đây đương hy sinh để làm. Và hiện thời không thiếu gì dấu hiệu chứng minh rằng phép lạ lớn lao này sắp được ứng nghiệm.

Nền Chánh Đạo đang bộc lộ một sinh lực phi thường và đang lan rộng, giống như men trong khối bột nhân loại, nó đang biến cải dân chúng trong khi nó phát triển.⁴²

Số tín đồ Baha'i tương đối nhỏ, thấy như vô nghĩa so với số tín đồ các tôn giáo xưa, nhưng họ vững tin rằng quyền năng thiêng liêng đã phúc ban cho họ đặc ân cao cả là phụng sự một nền trật tự mới mà quần chúng Đông phương và Tây phương sẽ hội nhập vào đó trong một ngày không xa.

Bởi vậy, trong khi sự thật rõ ràng là Thánh linh phân chiếu qua những tâm hồn trong sạch ở khắp các nước mà họ chưa rõ nguồn gốc, và sự phát triển Chánh Đạo đã được chứng kiến qua nhiều nỗ lực cả ở bên ngoài cộng đồng Baha'i, để quảng bá giáo lý của Đức Baha'u'llah, hơn nữa sự thiếu một nền tảng vững chắc trong nền trật tự cũ là bằng chứng đầy thuyết phục rằng những lý tưởng về Vương quốc của Thượng Đế chỉ trở thành kết quả cụ thể trong khuôn khổ cộng đồng Baha'i.

ÂN TƯ TIÊN TRI CỦA ĐỨC BAB VÀ ĐỨC BAHÁ'U'LLAH

Càng nghiên cứu về thân thể và giáo lý của Đức Bab và Đức Baha'u'llah, người ta càng thấy khó giải thích sự vĩ đại của hai Ngài, nếu không phải là nhờ sự soi dẫn của Thượng Đế. Chịu sự nuôi dưỡng trong bầu không khí cuồng tín mê hoặc, hai Ngài chỉ hấp thụ sự giáo dục sơ đẳng, không tiếp xúc với văn hóa Âu Tây, không được sự giúp đỡ về chính trị hay tài chánh, hai Ngài không xin gì nơi con người và chỉ gặp những sự bất công và đàn áp. Những người có quyền lực không nhận biết các Ngài hoặc chống đối các Ngài. Các Ngài bị hành hạ, đánh đập, giam cầm và bắt phải chịu nhiều tai họa khốc liệt nhất trong khi thi hành sứ mạng. Hai Ngài phải đương đầu với cả thế giới, không có một sự phù trợ nào ngoài Thượng Đế. Sự chiến thắng của hai Ngài, tuy vậy, thực là rực rỡ hiển nhiên và kỳ diệu.

Sự vĩ đại và cao cả trong lý tưởng của các Ngài, sự tôn quý và xả kỷ trong đời các Ngài, sự can đảm và đức tin không lay chuyển của các Ngài, tri thức và sự khôn sáng kỳ diệu của các Ngài, sự biết trước về những điều cần yếu của các dân tộc Đông và Tây, sự bao quát và quý giá của những giáo lý, uy đức cảm hóa tín đồ có lòng hăng hái tôn sùng vô bờ bến, mãnh lực thấu cảm bởi ảnh hưởng của các Ngài, sự phát triển Chánh Đạo mà các Ngài đã khai sáng, tất cả những điều đó là những bằng chứng rõ rệt về sứ mạng tiên tri của các Ngài, có tính cách thuyết phục cũng giống như bất cứ bằng chứng nào khác mà lịch sử tôn giáo có thể nêu ra.

VIỄN ẢNH TRÁNG LỆ

Tin mừng Baha'i đã tiết lộ cho thấy lượng khoan hồng của Thượng Đế và sự tiến bộ của nhân loại tương lai. Quả thực, đây là một Mặc khải lớn lao, vinh hiển nhất xưa nay đối với nhân loại, đây là sự phát triển và hoàn thành tất cả những Mặc khải trước. Mục đích của Mặc khải chủ yếu là cải tạo loài người và khai sáng “trời mới và đất mới.” Chính vì công việc này mà Đức Chúa và tất cả các Đấng Giáo tổ đã hy sinh thân thể; vì lẽ đó nên không có sự ganh đua giữa các Đấng Đại Giáo huấn. Công việc này không phải là việc riêng của một Đấng Biểu hiện nhất định này hay một Đấng Biểu hiện khác, nhưng công việc được hoàn thành là nhờ công đức tất cả các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế.

Đức Abdul-Baha dạy:

“Sự cần thiết không phải là hạ Đức Abraham để đề cao Đức Chúa hoặc là hạ Đức Chúa để công nhận Đức Baha'u'llah. Chúng ta phải tiếp nhận chân lý của Thượng Đế bất cứ từ nơi nào. Tinh hoa của vấn đề là tất cả các Đấng Đại Sứ giả đó đều giảng phạm để nêu cao linh kỳ thiện mỹ của Thượng Đế. Tất cả các Đấng Đại Sứ giả đều rực rỡ như các vì tinh tú trên bầu trời Ý chí thiên thượng. Tất cả các Ngài đều soi sáng thế giới.”

-Ngôi sao của Tây phương, quyển III, số 8, trang 8-

Công việc này là công việc của Thượng Đế, Ngài kêu gọi không những các Đấng Tiên tri mà tất cả nhân loại cùng hợp tác để hoàn thành tiến trình sáng tạo đó. Nếu chúng ta không hưởng ứng Lời Ngài kêu gọi, thì chúng ta cũng không thể nào cản trở sự tiến triển của công trình này, vì điều Thượng Đế quyết đoán chắc chắn sẽ phải xảy ra. Nếu chúng ta không đóng vai trò của mình, thì Ngài có thể khiến những dụng cụ khác thực hiện mục đích của Ngài; và như thế chúng ta đã mất mục đích và đối tượng thực sự của đời mình. Hiệp nhất với Thượng Đế, trở nên người yêu của Ngài, làm tôi tớ Ngài, dẫn lộ trung gian tự nguyện cho quyền phép sáng tạo của Ngài, ngõ hầu chúng ta nhận biết không có sự sống nào trong chúng ta ngoài sự sống dư dật thiêng liêng của Ngài. Và điều ấy, theo giáo lý Baha'i, là tuyệt điểm vinh quang của đời sống con người.

Tuy vậy, nhân loại vốn có một tấm lòng khôn sáng vì đã được tạo nên “giống với hình ảnh của Thượng Đế”, khi thấy được chân lý, họ sẽ không miệt mài trong sự cuồng dâng nữa. Đức Baha'u'llah đã đoán quyết với chúng ta rằng, chẳng bao lâu nữa, Tiếng gọi của Thượng Đế sẽ được chấp nhận khắp nơi, và tất cả nhân loại sẽ đồng tâm đi theo con đường công nghĩa và tuân phục. “Tất cả buồn phiền sẽ trở nên vui tươi, và tất cả bệnh tật sẽ trở nên khỏe mạnh” và các vương quốc của thế giới này sẽ trở nên “nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời.” (Khải huyền XI, 15) Không riêng những người sống trên mặt đất, nhưng mọi người dưới đất cũng như trên trời sẽ nên một trong Thượng Đế và vui sướng đời đời trong Ngài.

SỰ CANH TÂN TÔN GIÁO

Hiện tình hình thế giới cho ta thấy một cách hiển nhiên rằng, ngoại trừ vài trường hợp đặc biệt, còn các dân tộc thuộc mọi tôn giáo đều cần thức tỉnh mà hướng về ý nghĩa chân chính của tôn giáo mình. Sự thức tỉnh đó là một phần quan trọng trong công cuộc của Đức Baha'u'llah. Ngài giảng phạm để làm cho những tín đồ Thiên chúa giáo trở thành những con chiên tốt hơn, cho những người Hồi giáo thành những tín đồ Hồi giáo chân chính, cho mọi người trở nên thành tín với Thánh linh đã cảm ứng cho các Đấng Giáo tổ. Đức Baha'u'llah cũng làm ứng nghiệm lời hứa của các Đấng Tiên tri này, tức là lời hứa về Đấng Biểu hiện Vinh quang hơn sẽ xuất hiện vào “thời viên mãn”, lúc hoàn tất các thời đại, để hoàn thành và tôn vinh công việc của các Đấng ấy. Đức Baha'u'llah phát huy trọn vẹn những chân lý thiêng liêng hơn các Đấng tiền nhiệm. Ngài mặc khải ý chí của Thượng Đế đối với tất cả những vấn đề xã hội và cá nhân, đương làm rối tung đầu óc chúng ta trong thế giới hiện nay. Ngài đã ban một giáo lý đại đồng làm nền móng vững chắc, trên đó một nền văn minh mới và tốt hơn có thể được thiết lập, giáo lý này thích ứng với nhu cầu thế giới trong tân kỷ nguyên vừa bắt đầu.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI CÓ MỘT TÂN MẶC KHẢI

Sự thống nhất thế giới loài người, sự hợp nhất các tôn giáo khác nhau trên thế giới, sự hòa hợp tôn giáo và khoa học, sự thiết lập nền hòa bình thế giới, cơ quan trọng tài quốc tế, tối cao pháp viện quốc tế, áp dụng thế giới ngữ, giải phóng phụ nữ, giáo dục phổ thông, xóa bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ và nô lệ kỹ nghệ, tổ chức nhân loại thành một khối duy nhất, với sự tôn trọng đúng mức quyền lợi và tự do cá nhân, đó là những vấn đề rất vĩ đại và khó khăn lạ thường. Trong những vấn đề đó, ta thấy người Thiên chúa giáo, Hồi giáo và những tín đồ các tôn giáo khác phát biểu các ý kiến rất phức tạp và thường đối chọi nhau kịch liệt, nhưng Đức Baha'u'llah đã mặc khải rõ ràng những nguyên lý nhất định, mà khi áp dụng khắp nơi, chắc chắn sẽ biến đổi thế giới thành một thiên đường thực sự.

CHÂN LÝ CHUNG CHO MỌI NGƯỜI

Nhiều người sẵn sàng nhìn nhận rằng giáo lý Baha'i hoàn toàn là điều kỳ diệu đối với Ba Tư và Á đông, nhưng họ lại tưởng tượng rằng nó không thích hợp hoặc cần thiết đối với các nước Tây phương.

Một ngày kia, Đức Abdul-Baha đã trả lời một người phát biểu ý kiến trên như sau:

“Theo ý nghĩa của Chánh Đạo Đức Baha'u'llah thì tất cả những gì tốt đẹp cho thế giới đều thuộc về Thượng Đế; và những gì thuộc về Thượng Đế tất phải tốt đẹp cho toàn thể thế giới. Nếu nó là thật, thì đó là lẽ thật cho mọi người. Bằng

không như vậy, nó chẳng phải là thật đối với ai cả. Bởi vậy, nên Chánh Đạo thiêng liêng vì sự tốt đẹp chung, không thể đặt giới hạn ở Đông phương hay Tây phương, vì ánh Thái dương Chân lý soi sáng phương Đông cũng như phương Tây, và khí nóng của nó được cảm nhận ở phương Nam cũng như phương Bắc - không thể có sự phân biệt giữa cực này với cực kia. Trong thời kỳ Biểu hiện của Đấng Cứu thế, người La mã và Hy Lạp tưởng rằng sứ mạng của Ngài chỉ dành riêng cho người Do Thái. Họ cho nên văn minh của họ là hoàn hảo và coi giáo lý của Đức Chúa là không xứng đáng để dạy họ; và vì sự ức đoán lầm lạc đó, họ đã đánh mất phúc lành Ngài ban. Cũng vậy, nên hiểu rằng những nguyên tắc của Đức Chúa và điều răn của Đức Baha'u'llah đều giống y nhau và Chánh đạo của các Ngài cũng thế, mỗi ngày một tiến bộ. Xưa kia, cơ chế thiêng liêng này (tức là sự Biểu hiện liên tục) còn ở thời kỳ phôi thai, rồi dần dần đến thời thơ ấu, thời niên thiếu, tiếp đến là tuổi thanh xuân khôn lớn, nhưng đến kỷ nguyên này thì Biểu hiện đó đã đến thời rực rỡ mỹ lệ và chiếu sáng với vẻ huy hoàng lớn nhất. Phúc thay cho ai hiểu được điều bí ẩn này và giữ được chỗ của mình trong thế giới của những người được soi sáng.”

CHỨC THƯ VÀ GIAO ƯỚC CỦA ĐỨC ABDUL-BAHA

Sau khi vị lãnh đạo tâm linh khả kính Abdul-Baha thăng thiên, Đạo Baha'i bắt đầu bước vào một giai đoạn lịch sử mới. Giai đoạn này biểu dương một trạng thái sinh hoạt cao hơn của cơ cấu thiêng liêng này, khiến các tín đồ cảm nhận một sự biểu lộ đức tin trưởng thành hơn và có trách nhiệm hơn. Đức Abdul-Baha đã hiển năng lực siêu phàm và những khả năng độc nhất để làm tròn nhiệm vụ này: là truyền lòng yêu kính Đức Baha'u'llah của chính Ngài cho các nước khắp Đông phương và Tây phương. Ngài đã thấp sáng ngọn nến đức tin trong vô số linh hồn. Ngài đã hướng dẫn và huấn luyện những linh hồn đó để hấp thụ những đặc tính về đời sống thiêng liêng của mỗi người. Xét vì tầm quan trọng lớn lao của Chức thư và Giao ước Đức Abdul-Baha, do khối lượng lớn của các vấn đề được nêu trong đó, và sự khôn sáng sâu xa nêu bật trong từng điều khoản, chúng tôi xin trích ra đây một số đoạn tiêu biểu cho tinh thần và nguyên tắc chủ yếu đã thúc đẩy và dắt dẫn Đức Abdul-Baha và đã được truyền đạt như một di sản phong phú cho các tín đồ của Ngài:

“Hỡi các con, những người thân yêu của Thượng Đế! Trong Mặc khải thiêng liêng này, sự xung đột và thù nghịch hoàn toàn bị cấm chỉ. Mọi kẻ gây hấn đều tự tước bỏ ân huệ của Thượng Đế. Mỗi người bắt buộc phải bày tỏ tình yêu cao cả nhất, sự ngay thẳng trong hạnh kiểm, sự cương trực và lòng từ ái chân thành đối với mọi dân tộc, mọi giống nòi trên thế giới, bất kể họ là bạn hữu hay là người lạ. Tình yêu và lòng từ ái phải mạnh mẽ đến nỗi người lạ cũng nhận thấy mình là bạn, và kẻ thù cũng thấy mình là người anh em thực sự, không kể giữa họ có sự khác biệt gì. Bởi vì tính bao quát thì thuộc về Thượng Đế và các giới hạn thì thuộc về thế gian...”

“Bởi vậy, hỡi các bạn yêu dấu của Ta, hãy giao tiếp với mọi dân tộc, giống nòi và tôn giáo trên thế giới với lòng trung thực, ngay thẳng, thành tín, tử tế, thiện

chí và thân ái tốt bụng, để cho cả thế giới được tràn đầy sự hoan lạc thánh thiện của hồng ân Đấng Baha, để cho sự dốt nát, thù hận, oán ghét và đối nghịch bị xóa bỏ hoàn toàn khỏi thế giới, và bóng tối ghê lạnh giữa các dân tộc và giống nòi trên thế giới nhường đường cho Ánh sáng của sự thống nhất. Nếu có dân tộc hay quốc gia nào tỏ sự bất tín đối với các người, các người hãy giữ lòng trung thành với họ, nếu họ giữ sự xa cách đối với các người, các người hãy thu hút họ đến với mình, nếu họ tỏ rõ sự thù nghịch, các người hãy thân thiện với họ; nếu họ đầu độc mạng sống các người, các người hãy làm ngọt ngào linh hồn họ; nếu họ gây thương tích cho các người, các người hãy thành thuốc xoa dịu những đốm đau của họ. Đó là những đặc tính của kẻ chân thật. Đó là những đặc tính của kẻ trung tín.

“Hỡi các con, những người thân yêu của Thượng Đế! Các con bắt buộc phải vâng phục tất cả các vị vua công minh và bày tỏ sự trung thành đối với mọi vị vua chính trực. Các con hãy phụng sự các vua chúa trên thế giới với sự thành tín và trung nghĩa tốt bụng. Hãy tỏ sự vâng phục đối với họ và hãy là những người chúc phúc cho họ. Nếu không được sự ủy nhiệm hay sự cho phép của họ, thì đừng dưng vào các việc chính trị, vì sự bất trung đối với một vị vua công chính là sự bất trung đối với chính Thượng Đế.

“Đây là lời khuyên của Ta và là giới răn của Thượng Đế dành cho các con. Phước cho ai biết hành động một cách thích đáng.

“Lạy Thượng Đế! Ngài thấy mọi vật đều khóc cho con và những đồng tộc của con lại vui mừng trên sự đau khổ của con. Bởi Vinh quang Ngài, lạy Thượng Đế của con! Ngay cả trong vòng những người thù nghịch con, cũng có mấy kẻ đau buồn vì những khó khăn và những nỗi phiền muộn của con, và trong vòng những người ghen tị cũng có kẻ đã nhỏ lệ vì sự lo âu, sự lưu đày, sự tai ương của con. Họ làm thế vì họ thấy nơi con không có gì ngoài lòng yêu thương chăm sóc, và không chứng kiến gì khác ngoài lòng từ ái và khoan dung. Vì họ thấy con bị cuốn hút vào con lũ tai ương và nghịch cảnh, và bị phơi bày làm mục tiêu cho những mũi tên của định mệnh, lòng họ đã rung động với tình thương, lệ đã dâng lên trong mắt họ và họ làm chứng rằng: “Thượng Đế làm chứng cho chúng tôi; chúng tôi không thấy nơi Ngài điều gì ngoài sự thành tín, độ lượng và tình thương tốt lành”. Thế mà những kẻ phản ước, những kẻ báo điềm dữ càng trở nên hung bạo hơn trong sự hiểm thù, và họ vui mừng trước những sự việc xé lòng xảy ra quanh con.

“Lạy Chúa, Đấng Thượng Đế của con, con khẩn cầu Ngài, bằng lưỡi con và bằng tất cả tâm hồn con, xin đừng trừng phạt họ vì sự hung bạo và vì việc làm sai quấy của họ, vì mưu mô và thủ đoạn của họ, vì họ khùng điên và thiển cận, và họ không biết việc họ làm. Họ không phân biệt được điều thiện với điều ác, họ cũng không nhận định được điều đúng với điều sai, hoặc điều công chính với sự bất công. Họ tuân theo dục vọng của họ và đi theo bước chân của những kẻ khiếm khuyết và khùng điên nhất trong bọn họ. Lạy Thượng Đế của con! Xin Ngài dành sự khoan dung cho họ và che chở cho họ khỏi mọi tai ương trong những thời buổi hỗn loạn này, và xin cho mọi thử thách và khó nhọc chỉ dành cho kẻ này, kẻ Tôi tớ Ngài, kẻ đã rơi vào hố thẳm tối tăm này. Xin tách con ra riêng để nhận lãnh mọi sự đau buồn và biến con thành vật hy sinh cho tất cả những kẻ thân yêu của

Ngài, lạy Thượng Đế của con, Đấng Tối cao! Xin cho linh hồn con, mạng sống con, con người con, được dâng tặng hết vì họ. Lạy Thượng Đế, Thượng Đế của con! Trong trạng thái thấp kém, van nài và xấp mặt xuống đất, với tất cả lòng nhiệt thành khẩn nguyện, con cầu xin Ngài tha thứ cho bất cứ ai đã làm con bị tổn thương, bỏ qua cho kẻ âm mưu chống lại con và làm nhục con, và xóa sạch những hành vi xấu của những kẻ đã tạo sự bất công đối với con. Xin Ngài ban cho họ những ân huệ thánh thiện của Ngài, xin cho họ niềm vui, giải thoát họ khỏi phiền muộn, ban cho họ sự bình an và thịnh vượng, cho họ sự hoan lạc, và tuân đồ xuống họ ân huệ của Ngài.

“Ngài là Đấng Hùng mạnh, Đấng Ban phước, Đấng Cứu nạn, Đấng Tự tồn.

“Các tông đồ Đấng Christ đã quên mình và tất cả mọi sự thuộc về thế gian, vứt bỏ hết mọi sự lo âu và của cải, tự thanh lọc bản ngã và dục vọng, và với sự dứt bỏ hoàn toàn, họ phân tán khắp mọi miền và dẫn thân vào việc kêu gọi các dân tộc trên thế giới quay về với ơn Hướng dẫn Thiên liêng, cho đến cuối cùng họ đã biến thế giới thành một thế giới khác, làm rực sáng mặt địa cầu và cả đến giờ phút chót của đời họ, họ đã chứng tỏ sự xả thân trên đường Đấng Kính yêu của Thượng Đế. Sau hết, họ đã nhận sự tử đạo vinh quang ở khắp các nước. Hỡi ai là những con người hành động, hãy đi theo bước chân của họ. Lạy Thượng Đế! Thượng Đế của con, con kêu xin Ngài, cùng các Đấng Tiên tri của Ngài, các Đấng Sứ giả của Ngài, các Thánh của Ngài và những con người thánh thiện của Ngài, làm chứng cho rằng con đã công bố cụ thể những bằng chứng của Ngài cho những người thân yêu của Ngài và nêu rõ mọi sự trước mắt họ để họ coi sóc Chánh Đạo của Ngài, canh giữ con đường thẳng của Ngài và bảo vệ luật pháp huy hoàng của Ngài. Quả thực, Ngài là Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí!”

Với sự thăng thiên của Đức Abdul-Baha, đã đến lúc phải xây dựng Nền Quản trị được mô tả như là khuôn mẫu và là nòng cốt của Nền Trật tự Thế giới. Đó là sứ mạng đặc biệt mà tôn giáo của Đức Baha'u'llah sẽ thiết lập. Chúc thư và Giao ước của Đức Abdul-Baha như thế là đã đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử Baha'i, phân chia kỷ nguyên non trẻ và chưa trách nhiệm với kỷ nguyên mà chính những người Baha'i phải thành đạt đức tính tâm linh bằng cách mở rộng nhãn quan từ thế giới của kinh nghiệm riêng sang thế giới của sự hợp tác và thống nhất xã hội. Ba thành tố chính của kế hoạch Quản trị do Đức Abdul-Baha để lại là:

- Đức Giáo hộ của Chánh Đạo Thượng Đế;
- Các vị Giáo thủ (tức Trụ cột của Chánh Đạo Thượng Đế);
- Các Tòa Công lý Địa phương, Quốc gia và Quốc tế.⁴³

VỊ GIÁO HỘ CỦA THƯỢNG ĐẾ

Đức Abdul-Baha đã chỉ định Đức Shoghi Effendi, cháu ngoại lớn nhất của Ngài, giữ nhiệm vụ Giáo hộ của Chánh Đạo Baha'i (Valiyy-i-Amru'lláh). Đức Shoghi Effendi là con đầu lòng của Diya'iyyih Khánum, trưởng nữ của Đức Abdul-Baha. Thân phụ Đức Shoghi Effendi là Mizza Hádi, cháu họ Đức Bab (không trực hệ vì người con trai độc nhất của Đức Bab đã mất từ nhỏ). Khi ông

ngoại qua đời, Đức Shoghi Effendi được 25 tuổi, đương học tại trường Đại Học Balliol, Oxford.

Trong Chúc thư, Đức Abdul-Baha đã nêu rõ ý định của Ngài như sau:

“Hỡi các bạn thân mến của Ta! Khi kẻ bất hạnh này không còn nữa, bốn phận các Afnan (nhánh) và các Aghsan (cành) của Linh thụ, các Vị Giáo thủ (Trụ cột) Chánh Đạo của Thượng Đế, những người thân yêu của Đấng Phục Mỹ, phải hướng về Shoghi Effendi, là Cành non, phát sinh do hai Linh thụ đã được thánh hóa (Đức Bab và Đức Baha’u’llah), kết quả do phối hợp giữa hai dòng hậu duệ của Cây Thánh. Vì người là dấu hiệu của Thượng Đế, Cành được chọn, vị Giáo hộ của Chánh Đạo Thượng Đế mà tất cả các Aghsan, Afnan (Cành, Nhánh), các vị Giáo thủ, những người thân yêu của Thượng Đế phải hướng theo. Người là vị giải thích Lời Thượng Đế, và sau người thì con trưởng của người sẽ nối nghiệp người.

“Cành non và thiêng liêng, vị Giáo hộ của Chánh Đạo và Tòa Công lý Quốc tế (Baytu’l Adl) sẽ được thành lập bởi cuộc tổng tuyển cử toàn thế giới, sẽ nhận được sự gìn giữ bảo hộ của Đấng Mỹ lệ Abhá, sẽ được sự che chở và dẫn dắt vô ngộ của Đấng Thánh thiện Chí tôn (ước gì đời Ta được hy sinh cho Đấng ấy). Tất cả những điều gì các vị ấy quyết định đều do Thượng Đế...

“Hỡi những kẻ được Thượng Đế thương yêu! Bốn phận của vị Giáo hộ của Chánh Đạo là phải chỉ định người nối nghiệp mình từ lúc còn sống, để tránh sự phân tranh sau khi người từ trần. Người được suy tôn phải biểu lộ sự thoát tục, phải là tinh hoa trong trắng, người đó phải kính sợ Thượng Đế, có tri thức, khôn sáng và có học vấn. Nếu không được như vậy, nếu con trai vị Giáo hộ của Chánh Đạo không chứng thực được ý nghĩa của những lời này: “Người con là tinh hoa truyền thống của người cha”, nghĩa là nếu người đó không thừa hưởng được đặc tính thiêng liêng của thân phụ (vị Giáo hộ), và nếu không có nhân cách cao quý, không xứng đáng với dòng dõi hiển vinh, thì vị Giáo hộ phải chọn người thuộc Cành khác để kế vị.

“Những vị Giáo thủ của Chánh Đạo phải bầu chín người trong hàng ngũ mình để luôn luôn phụ giúp vị Giáo hộ trong các việc hệ trọng. Việc bầu chín người đó phải được toàn thể hay đa số Hội đồng Giáo thủ ưng chuẩn. Rồi chín Vị này hoặc đồng thanh hoặc do đa số sẽ phê chuẩn người kế vị do vị Giáo hộ lựa chọn. Sự phê chuẩn này phải thực hiện theo cách thức mà sự đồng ý hay bất đồng ý không tỏ lộ ra ngoài (nghĩa là bỏ phiếu kín).”

NHỮNG VỊ GIÁO THỦ CỦA CHÁNH ĐẠO

Lúc sinh thời Đức Baha’u’llah đã chọn một số người tín cẩn và trưởng thành để giúp vào việc điều khiển và phát triển Đạo, Ngài đã ban cho danh hiệu Ayadiyi-Amru’lláh (Bàn tay của Chánh Đạo). Trong Chúc thư, Đức Abdul-Baha đã dự trù thiết lập một ban thường trực để phụng sự Chánh Đạo và giúp đỡ vị Giáo hộ, Ngài viết:

“Hỡi các bạn! Những vị Giáo thủ của Chánh Đạo Thượng Đế phải được vị Giáo hộ tuyển chọn và chỉ định... Những vị Giáo thủ có nhiệm vụ rải hương thiêng, xây dựng rực rỡ linh hồn con người, quảng bá học thuật, cải thiện tính hạnh mọi người và bất cứ lúc nào, bất cứ trong trường hợp nào, cũng biệt khỏi thế tục và được thánh hóa. Bằng đức hạnh, thái độ, hành động và ngôn ngữ, những người đó phải luôn luôn tỏ lòng kính sợ Thượng Đế.

“Chính vị Giáo hộ điều khiển các vị Giáo thủ và luôn luôn khuyến khích họ cố gắng hành đạo, hết sức nỗ lực để rải hương thơm của Thượng Đế và hướng dẫn tất cả các dân tộc trên thế giới; vì chính ánh sáng của sự hướng dẫn thiêng liêng sẽ làm rạng ngời cả hoàn vũ.”⁴⁴

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ BAHÁ'Í⁴⁵

Đặc điểm chung của tôn giáo xưa là việc tổ chức đã làm gián đoạn ảnh hưởng tâm linh thực sự và ngăn cản sự quảng bá động cơ nguyên thủy ra khắp thế giới. Việc tổ chức thường đã thế chỗ của tôn giáo thay vì làm phương pháp hay công cụ để gieo rắc ảnh hưởng của tôn giáo. Việc dân chúng bị phân chia bởi các phong tục khác nhau, không được kết hợp nhờ sự giao tiếp có tính xây dựng hòa bình, khiến cho các khuyết điểm trên không thể tránh được. Cho đến nay, trên thực tế, không có Đảng Sáng lập tôn giáo thiên khai nào đặt ra những nguyên tắc rõ ràng để hướng dẫn cơ cấu quản trị của nền Đạo do các Ngài sáng lập.

Trong Đạo Baha'í, những nguyên tắc của nền quản trị thế giới đều do Đức Baha'u'llah đề xướng và những nguyên tắc này đều được Đức Abdul-Baha khai triển trong những kinh sách của Ngài, và đặc biệt trong Chúc thư và Giao ước của Ngài.

Mục đích của sự tổ chức là đưa các chủng tộc không cùng quyền lợi, chủng tộc, giai cấp, tín ngưỡng cổ truyền đến chỗ thống nhất thực sự và trường cửu. Một sự nghiên cứu kỹ lưỡng và thật tâm về khía cạnh này của Đạo Baha'í sẽ minh chứng cho mục tiêu và phương pháp quản trị Baha'í là hoàn toàn thích hợp với tinh thần căn bản của Mặc khai, đến nỗi có thể ví mối liên quan của nó như linh hồn liền với thân thể vậy. Về tính chất, những nguyên tắc quản trị Đạo Baha'í thể hiện khoa học hợp tác; về thực hành, những nguyên tắc ấy sẽ làm căn bản cho một nền đạo lý mới mẻ, cao siêu hơn và hợp với trình độ của thế giới...

Cộng đồng Baha'í khác với những hội thiện nguyện khác ở chỗ nó được thiết lập trên những nền tảng sâu xa và mở ra rộng rãi, khiến có thể đón nhận tất cả các linh hồn thành thật. Trong khi các tổ chức khác có tính chất chấp nhất trong đường lối và hành động, hoặc trong lý tưởng hay ý định, thì trái lại, Đạo Baha'í lại bao quát. Đạo Baha'í không bó hẹp tình huynh đệ với bất cứ linh hồn thành thật nào. Trong tất cả các hội đoàn, thường có một sự tuyển lựa căn bản ngấm ngấm hay rõ rệt. Trong một giáo hội, căn bản đó là sự tin tưởng nhất định do tính chất lịch sử của đạo ấy; trong chính trị là tính cách đảng hay chương trình; trong kinh tế là sự

bất hạnh hay quyền lợi hõ tương. Cũng như trong các ngành nghệ thuật và khoa học, căn bản đó dựa trên những sự nghiên cứu đặc biệt, trên những hoạt động hay lợi ích nhất định. Về những vấn đề đó, căn bản chọn lựa càng chấp nhất bao nhiêu thì sự vận động càng mạnh bấy nhiêu, và đó là điều trái hẳn với Chánh Đạo Baha'i. Cho nên, mặc dầu Đạo Baha'i có tinh thần trưởng thành và tiến bộ, số tín đồ hoạt động vẫn tăng thêm chậm. Vì người ta thường quen với chủ trương chấp nhất và chia rẽ trong mọi công tác, và sự chia rẽ lại thường được thừa nhận, bảo đảm và chứng thực. Cho nên, tin nhận Đạo Baha'i tức là xóa bỏ hết các sự thừa nhận ấy, đó là một thái độ Baha'i luôn luôn khiến họ phải gặp nhiều thử thách và đau đớn khác. Vì lòng ích kỷ của người đời luôn luôn chống đối luật tối cao là tình yêu thương nhân loại.

Những nhà thông thái, những kẻ ít học, những người chất phác phải đoàn kết với nhau; cũng như những người giàu, người nghèo, người da trắng, người da đen, người chủ trương tâm linh hay hình thức, người Công giáo hay Do Thái giáo, những người theo Hồi giáo hay Bái Hỏa giáo, tất cả phải đoàn kết để xóa bỏ mọi ưu thế do những yêu sách và đặc quyền đã đạt được từ lâu.

Nhưng sự thử nghiệm khó khăn ấy sẽ đem lại nhiều bù đắp vinh quang. Chúng ta không nên quên rằng nghệ thuật sẽ thành vô hiệu, nếu nó không phục vụ toàn thể nhân loại. Chúng ta cũng chớ nên quên rằng một nền triết học xây dựng trong một tình trạng tách biệt ắt có những quan điểm sai lạc, còn một chế độ chính trị hay một tôn giáo, nếu bỏ qua những sự đòi hỏi thiết thực của con người, cũng sẽ thất bại. Chúng ta chưa hiểu gì về bản chất con người. Vì chúng ta đều sống trong tình trạng tự vệ về phương diện tinh thần, tình cảm hay xã hội, và thái độ tâm lý tự vệ sẽ dẫn tới sự ức chế. Nhưng lòng kính yêu Thượng Đế loại bỏ sự sợ hãi. Sự sợ hãi không còn, thì những tiềm lực sẽ được phóng thích. Bởi nhờ sự đoàn kết với người khác trong tình yêu thiêng liêng mà tất cả các quyền năng ấy sẽ có thể biểu lộ sự sống một cách thực tế. Cộng đồng Baha'i là một cuộc tập hợp theo tiến trình ấy có thể hoàn thành trong thời đại này; ban đầu còn chậm chạp, khi đã tiến mới đương tích lực, nhưng lần lần sẽ mau hơn khi các tín đồ Baha'i ý thức được những hiệu lực có thể làm nảy nở bông hoa thống nhất giữa nhân loại...

Trách nhiệm và sự kiểm soát các công việc địa phương của Đạo Baha'i thuộc về cơ cấu gọi là Hội đồng Tinh thần. Hội đồng này (có 9 ủy viên) được bầu hằng năm vào ngày 21 tháng 4, ngày đầu Ridvan (ngày Thánh Lễ Tuyên ngôn của Đức Baha'u'llah), do các tín đồ trưởng thành (21 tuổi trở lên) và tuyên xưng trong Chánh Đạo. Danh sách cử tri do Hội đồng sắp mãn nhiệm thiết lập. Đức Abdul-Baha đã viết về tính cách và quyền hạn của cơ quan này như sau:

“Điều bắt buộc đối với mỗi người là không được thực hiện một bước nào (trong sinh hoạt Baha'i) mà không tham khảo ý kiến Hội đồng Tinh thần, và họ phải luôn luôn vâng phục mệnh lệnh của Hội đồng với tất cả tấm lòng và linh hồn và chịu sự điều khiển của Hội đồng, để cho mọi việc được diễn ra một cách có trật tự và ngăn nắp. Bằng không, mỗi người sẽ hành động độc lập và theo sự phán đoán riêng, sẽ đi theo sở thích riêng, và gây tổn hại cho Chánh Đạo.

“Điều kiện tiên quyết khi hội ý với nhau là phải có động cơ trong sạch, tinh thần trong sáng, dứt bỏ mọi sự ngoài Thượng Đế, được hấp dẫn bởi hương thơm thiêng liêng của Ngài, khiêm tốn và nhún nhường đối với những kẻ thân yêu của Ngài, nhẫn nại và chịu đựng trong mọi cảnh khó khăn, và có lòng phụng sự trước thánh điện cao cả của Ngài. Nếu họ được thiên ân giúp đạt những đặc tính này thì sự thắng lợi từ cõi bất kiên của Vương quốc Abha sẽ được ban cho họ. Trong ngày này, việc hội ý trong các Hội đồng Tinh thần có tầm quan trọng rất lớn và có tính thiết yếu quyết định. Sự vắng phục Hội đồng là thiết yếu và bắt buộc. Các tín đồ cũng cần hội ý với nhau sao cho không còn có cơ hội cho ý xấu và sự bất hòa xảy ra nữa. Điều này sẽ đạt được khi mỗi tín đồ được tự do phát biểu ý kiến và được nêu ra lý luận của mình. Nếu có ai phản bác lại, người tín đồ không nên cảm thấy tổn thương, bởi vì khi mọi vấn đề chưa được bàn cãi về mọi mặt thì hướng đúng chưa thể biểu lộ được. Tia sáng chân lý chỉ phát ra sau khi có sự va chạm giữa các ý kiến khác nhau. Nếu sau khi thảo luận, một quyết định được đạt đến một cách đồng thanh thì hay lắm, tốt lắm; nhưng lạy Chúa, nếu có nhiều ý kiến dị biệt, thì tiếng nói của đa số có giá trị quyết định...”

“Điều kiện đầu tiên là sự tuyệt đối hòa hợp và yêu thương giữa các ủy viên trong Hội đồng. Họ phải hoàn toàn thoát khỏi sự ghẻ lạnh và phải biểu lộ tính thống nhất của Thượng Đế, vì họ là những làn sóng của một biển cả, những giọt nước của một dòng sông, những ngôi sao của một bầu trời, những tia sáng của một vầng thái dương, những cây của một ngôi vườn, những hoa của một hoa viên. Nếu thiếu sự hòa hợp tư tưởng và sự thống nhất tuyệt đối thì cuộc họp sẽ bị phân tán và Hội đồng sẽ không có lý do tồn tại nữa.

“Điều kiện thứ hai: Khi đến với nhau, họ phải hướng mặt về Vương quốc ở trên cao và cầu xin sự giúp đỡ từ Thiên quốc Vinh quang... Các cuộc thảo luận chỉ xoay quanh những vấn đề tâm linh nhằm mục đích huấn luyện những linh hồn, giáo dục trẻ em, cứu trợ người nghèo, giúp đỡ kẻ yếu đuối thuộc mọi giai cấp trên thế giới, tử tế với mọi dân tộc, phân phát hương thơm của Thượng Đế và tôn vinh Thánh ngôn của Ngài. Nếu họ cố gắng hoàn tất những điều kiện này thì những thiên ân của Thánh linh sẽ được ban xuống cho họ, và Hội đồng sẽ trở thành trung tâm của ơn phước thiêng liêng, các thiên binh của sự bổ sức thiêng liêng sẽ đến giúp đỡ họ và mỗi ngày họ sẽ nhận được thêm sự tuôn đổ mới của tinh thần.”

Minh giải đề tài này, Đức Shoghi Effendi viết:

“Mỗi cá nhân giữa các đạo hữu không được phép đưa ra trước công chúng bất cứ điều gì, trừ phi được Hội đồng Tinh thần tại địa phương cứu xét đầy đủ và chấp thuận; và nếu (chắc chắn ở trường hợp như thế) vấn đề liên quan đến quyền lợi chung của Chánh Đạo trong cả nước thì bắt buộc phải trình lên để xin sự cứu xét và chấp thuận của Hội đồng Tinh thần Quốc gia, là cơ quan đại diện cho tất cả các Hội đồng Tinh thần Địa phương. Không chỉ riêng vấn đề công bố trước quần chúng, mà tất cả các vấn đề, không trừ một ngoại lệ nào, có liên quan đến quyền lợi chung của Chánh Đạo tại địa phương, dù có tính cách cá nhân hay tập thể, đều nhất thiết phải trình lên Hội đồng tại địa phương để Hội đồng quyết định, ngoại trừ việc có liên quan đến cả nước thì phải trình lên cơ cấu (Baha'i) cấp quốc gia.

Cơ quan cấp quốc gia này còn có quyền quyết định một vấn đề nào là thuộc thẩm quyền quốc gia hay địa phương. (Những vấn đề có tính cách quốc gia không hàm nghĩa các việc có tính cách chính trị, vì các bạn hữu của Thượng Đế khắp thế giới đều bị nghiêm cấm xen vào các vấn đề chính trị dù bất cứ dưới hình thức nào, nhưng là những vấn đề có ảnh hưởng tới sinh hoạt tâm linh của khối tín đồ ở trong nước đó).

“Tuy nhiên, sự hòa hợp hoàn toàn cũng như sự hợp tác giữa các Hội đồng Địa phương và các ủy viên Hội đồng đó, và đặc biệt là giữa mỗi Hội đồng với cơ cấu quốc gia là một điều tối quan trọng, vì sự thống nhất của Chánh Đạo Thượng Đế dựa trên nền tảng đó, cũng như sự đoàn kết giữa các tín đồ, sự thực hiện hữu hiệu, nhanh chóng, đầy đủ các sinh hoạt tâm linh của những người thân yêu của Thượng Đế cũng tùy thuộc nền tảng đó. Các Hội đồng khác nhau, cấp địa phương hoặc quốc gia, ngày nay hợp thành nền móng mà trên sức mạnh đó Tòa Công lý Quốc tế trong tương lai sẽ được xây dựng, nâng cao một cách vững chắc. Chỉ khi nào những điều này vận hành một cách mạnh mẽ và hòa hợp thì mới hy vọng chấm dứt thời kỳ chuyển tiếp...

“Hãy nhớ kỹ rằng, điều then chốt trong Chánh Đạo của Thượng Đế không phải là uy quyền độc đoán mà là tình bằng hữu khiêm tốn, không phải là uy lực độc đoán, nhưng là tinh thần hội ý thẳng thắn và thân ái. Không có gì khác ngoài tinh thần Baha’i chân chính có thể hy vọng kết hợp các nguyên lý bác ái và công bằng, tự do và vâng phục, sự thánh hóa các quyền hạn cá nhân và sự quên mình, cảnh giác, kín đáo và thận trọng ở mặt này, cùng với tình bằng hữu, sự vô tư và sự dũng cảm ở mặt khác.”

Các Hội đồng Tinh thần của một nước được liên kết và phối hợp nhờ một cơ cấu quản trị công cử khác gồm chín ủy viên, đó là Hội đồng Tinh thần Quốc gia. Hội đồng thành hình do một cuộc bầu cử hằng năm được thực hiện bởi các đại biểu thay mặt cho các cộng đồng Baha’i địa phương...

Đại hội Toàn quốc là cuộc họp các đại biểu, đó là một cơ cấu công cử dựa trên nguyên tắc đại diện theo tỷ lệ... Các Đại hội Toàn quốc này thường được thực hiện vào dịp Thánh Lễ Ridvan, thời kỳ kéo dài 12 ngày kể từ 21 tháng tư. Đó là Kỷ niệm Thánh Lễ Tuyên ngôn của Đức Baha’u’llah tại vườn Ridvan ở Baghdad. Việc công nhận tư cách đại biểu thuộc thẩm quyền của Hội đồng Tinh thần Quốc gia sắp mãn nhiệm.

Đại hội Toàn quốc là dịp để hiểu biết sâu hơn các sinh hoạt Baha’i và thông báo cho nhau các báo cáo sinh hoạt cấp địa phương và quốc gia trong một năm qua... Nhiệm vụ của các đại biểu được hạn định trong thời gian Đại hội Toàn quốc và trong việc tham gia bầu cử tân Hội đồng Tinh thần Quốc gia. Trong khi hội họp với nhau, các đại biểu là một cơ cấu hội ý và tư vấn. Các đề nghị của họ sẽ được các ủy viên Hội đồng Tinh thần Quốc gia vừa đắc cử cứu xét kỹ.

Sự liên hệ giữa Hội đồng Tinh thần Quốc gia với các Hội đồng Tinh thần Địa phương và khối tín đồ cả nước được Đức Giáo hộ của Chánh Đạo minh định như sau trong một bức thư của Ngài:

“Về vấn đề thiết lập các “Hội đồng Tinh thần Quốc gia”, đó là điều tối hệ trọng cho một quốc gia khi có đủ những điều kiện thuận lợi và một số giáo hữu khá đông, là phải thành lập ngay một “Hội đồng Tinh thần Quốc gia” để đại diện cho tất cả những tín đồ của nước này.

“Mục đích khẩn thiết của Hội đồng này là nhờ những sự tư vấn thường xuyên để cố võ, hiệp nhất và phối hợp những hoạt động đa diện của các bạn hữu cũng như Hội đồng Tinh thần Địa phương; và nhờ sự liên lạc chặt chẽ thường xuyên với Thánh địa, để phát khởi đường lối và điều khiển mọi quyền lợi chung của nền Chánh Đạo ở trong nước.

“Hội đồng còn có mục đích khác quan trọng không kém mục đích trên, vì với thời gian Hội đồng này sẽ biến thành “Tòa Công lý Quốc gia” (Tòa này đã được Đức Abdul-Baha ghi chú trong Chúc thư của Ngài là Tòa Công lý đệ nhị cấp). Theo Chúc thư thì Tòa này cùng với các Hội đồng Tinh thần Quốc gia khác trên khắp thế giới, sẽ bầu cử trực tiếp các ủy viên của Tòa Công lý Quốc tế. Tòa Công lý Quốc tế là Hội đồng Tối cao, có nhiệm vụ điều khiển, tổ chức và thống nhất mọi công việc của Chánh Đạo trên khắp thế giới...

“Trong thời kỳ chờ đợi thiết lập Tòa Công lý Quốc tế, Hội đồng Tinh thần Quốc gia cứ hằng năm phải bầu lại và có những trách nhiệm vô cùng nặng nề, vì Hội đồng này có toàn quyền điều khiển các Hội đồng Tinh thần Địa phương, và cũng chính Hội đồng này sẽ điều khiển các sinh hoạt của tín đồ, bảo vệ Chánh Đạo của Thượng Đế, nói một cách chung, là kiểm soát và chăm sóc mọi công việc của Chánh Đạo.

“Tất cả những vấn đề quan hệ mật thiết đến quyền lợi của Chánh Đạo trong nước, như các vấn đề phiên dịch và phát hành kinh sách, việc xây dựng Đền thờ, việc truyền giáo và những vấn đề tương tự ngoài phạm vi công việc của Địa phương, phải tuyệt đối đặt dưới sự kiểm soát của Hội đồng Tinh thần Quốc gia.

“Hội đồng Tinh thần Quốc gia sẽ hội ý kiến một Ủy ban đặc biệt, như Hội đồng Tinh thần Địa phương thường làm. Ủy ban đặc biệt do các ủy viên Hội đồng Tinh thần Quốc gia tuyển lựa trong số những tín đồ hiện ở trong nước, và trực thuộc Hội đồng, cũng như các Ủy ban địa phương trực thuộc các Hội đồng Tinh thần Địa phương.

“Hội đồng Tinh thần Quốc gia còn có trách nhiệm xét định vấn đề nào hiện đương khảo sát có tính chất thuần túy địa phương, nghĩa là thuộc thẩm quyền của Hội đồng Tinh thần Địa phương, hay là thuộc thẩm quyền và cần đến sự lưu ý đặc biệt của Hội đồng Tinh thần Quốc gia.

“...Các Ủy viên của Hội đồng Tinh thần Quốc gia đã được bầu cử do Đại hội Toàn quốc cần phải ý thức rõ bổn phận nghiêm ngặt của mình đối với Đạo, một nền Đạo mà tất cả tín đồ đều kính mến và phụng sự, phải biết tìm hiểu và ân cần

thọ lãnh, riêng hay chung, những ý kiến, những tư tưởng đã được suy nghĩ chín chắn, cùng tâm tình chân thật của các vị đại biểu nhóm Đại hội.

“Phải từ bỏ mọi thái độ huyền bí, mọi lối nói mập mờ vô nghĩa và sự độc đoán kiêu ngạo, các Ủy viên Hội đồng phải tức khắc báo cáo rộng rãi những chương trình, nguyện vọng và những điều thắc mắc của mình cho các vị Đại biểu đã bầu mình. Họ phải làm cho những đại biểu quen với các vấn đề khác cần xét trong niên khóa, họ phải nghiên cứu cân nhắc một cách bình tĩnh và thiện tâm những ý kiến và lời phán đoán của các vị đại biểu. Trong những ngày mà Đại hội Toàn quốc nhóm họp cũng như khi các đại biểu đã ra về, tân Hội đồng Tinh thần Quốc gia cần phải tìm cách hiểu nhau hơn, để sự trao đổi ý kiến được thuận tiện và duy trì, để gia thêm lòng tin cậy, để chứng tỏ đích thực rằng ước vọng tha thiết nhất của họ là phụng sự và nâng cao quyền lợi chung...”

“Vì có buộc phải hạn chế những sự triệu tập thường xuyên và phải rút ngắn thì giờ những kỳ nhóm của Đại hội Toàn quốc, nên chính các Hội đồng Tinh thần Quốc gia phải phán định chung thẩm tất cả các vấn đề liên hệ tới quyền lợi của Đạo... như xét xem một Hội đồng Tinh thần Địa phương nào đó có hoạt động đúng theo những nguyên tắc đã ban bố cho sự tiến triển của Chánh Đạo hay không?”

Việc lập danh sách tín đồ cho cuộc bầu cử hằng năm ở địa phương là nhiệm vụ của các Hội đồng Tinh thần Địa phương, nhưng để hướng dẫn Hội đồng Tinh thần Địa phương làm tròn trách nhiệm, Đức Giáo hộ đã ban các điều chỉ giáo sau:

“Rất phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, đây là những yếu tố chính rất tóm tắt nhưng cũng đầy đủ, cần phải chú ý trước khi quyết định người nào là tín đồ chân thật hay không. Sự thừa nhận đầy đủ cương vị của Đấng Tiên phong, Đấng Sáng lập và Đấng Chân Gương mẫu của Tôn giáo Baha’i, như đã được ấn định trong Chúc thư của Đức Abdul-Baha; sự tán đồng hoàn toàn và phục tùng tất cả các điều do các Đấng ấy viết ra, sự chấp nhận một cách trung thành và kiên định mỗi điều khoản trong Chúc thư thiêng liêng của Đấng Kính yêu của chúng ta; phải kết hợp chặt chẽ về tinh thần cũng như về hình thức với nền quản trị Baha’i hiện hành trên khắp thế giới, tất cả các điều đó, theo ý tôi, là những điều căn bản và chủ chốt mà chúng ta phải xem xét một cách ngay thẳng, cẩn thận và rất khôn khéo trước khi quyết định một điều hệ trọng dường ấy.”

Những huấn thị của Đức Abdul-Baha còn tiên liệu sự phát triển tổ chức Tôn giáo Baha’i sâu rộng hơn sau này:

“Còn về “Tòa Công lý Quốc tế”⁴⁶ mà Thượng Đế đã thiết định làm nguồn hạnh phúc và đã được Ngài giúp cho thoát khỏi mọi lỗi lầm; Tòa Công lý này phải được bầu theo lối phổ thông đầu phiếu, nghĩa là do tất cả các tín đồ.

“Những Ủy viên Tòa này phải là những biểu hiện trọn vẹn của lòng kính sợ Thượng Đế và là nguồn của mọi hiểu biết, phải kiên định trong Chánh Đạo của Thượng Đế và là những người chúc phúc cho cả nhân loại.

“Bởi Tòa này là Tòa Công lý Quốc tế; trong mỗi quốc gia còn phải thiết lập một Tòa Công lý Đệ nhị cấp và tất cả các Tòa Công lý Đệ nhị cấp phải bầu Tòa Công lý Quốc tế.

“Tất cả các công việc đều đặt dưới sự kiểm soát của cơ cấu quốc tế này. Chính Tòa Công lý Quốc tế sẽ lập các luật lệ và quy tắc mà ở trong Kinh bản không định rõ. Tòa Công lý sẽ giải quyết tất cả các vấn đề khó khăn và Đức Giáo hộ sẽ là Vị Thủ lãnh thiêng liêng và là Ủy viên tối cao thường trực của cơ quan này. Khi nào Đức Giáo hộ không thể đích thân tham dự các cuộc thảo luận, người sẽ cử một đại diện thay thế... Cơ quan này sẽ chế định các luật lệ và là cơ quan hành pháp thi hành các luật ấy. Cơ quan lập pháp cùng cơ quan hành pháp, cơ quan hành pháp phải hỗ trợ cơ quan lập pháp, hầu cho nhờ sự liên kết hòa hiệp chặt chẽ của hai lực lượng này mà các nền tảng công bình chính trực trở nên vững mạnh, và chính thể gian này sẽ biến thành thiên đàng đích thực...

“Mọi người phải hướng về Thánh kinh Thiêng liêng Nhất, và điều nào không ghi rõ trong đó, thì phải thỉnh ý Tòa Công lý Quốc tế. Những điều mà Tòa Công lý Quốc tế đã định đoạt, dù được biểu quyết đồng thanh hay theo đa số phiếu thuận, cũng đều là chân lý và là mục đích của Thượng Đế. Cho nên, những tín đồ nào không tuân theo các quyết định đó thì thật sự là kẻ gây rối, tự tỏ ra tánh độc hiểm và rời xa Đấng Chúa của Giao ước.”

Ngày nay, những tín đồ Baha'i khắp nơi trên thế giới vẫn giữ được mối liên lạc mật thiết và thân hữu với nhau là nhờ những thư từ trao đổi qua lại thường xuyên và những cuộc viếng thăm riêng. Sự thân mật đó giữa các giáo hữu thuộc mọi nòi giống, mọi quốc tịch và mọi gốc đạo cổ truyền khác nhau, minh chứng rằng những điều chương ngại như là thành kiến và những yếu tố chia rẽ lịch sử đều có thể loại bỏ được nhờ tinh thần thống nhất do Đức Baha'u'llah ban phát.

NỀN TRẬT TỰ THẾ GIỚI CỦA ĐỨC BAHÁ'U'LLAH

Về điểm này, những điều phụ giải của Đức Shoghi Effendi đã được ghi từ tháng 2 năm 1929, trong các Thông điệp kế tiếp gửi cho cộng đồng Baha'i như sau:

“Tôi xin gửi lời kêu gọi khẩn cấp tới những ai muốn hòa nhập vào Chánh Đạo của mình để dẹp bỏ những ý tưởng đang có và những tục lệ chóng qua của thời này, mà hiểu rõ hơn bao giờ hết, rằng những lý thuyết không vững vàng và những cơ cấu thiếu chắc chắn của nền văn minh hiện thời là tương phản rõ ràng với các cơ cấu mà Thượng Đế đã ban cho và cần được xây dựng trên những sự đồ nát của các cơ cấu cũ.

“Đức Baha'u'llah... không những chỉ truyền vào nhân loại một Linh mới và tạo sinh, Ngài không chỉ công bố một số nguyên tắc tổng quát, hay trình bày một môn triết học riêng biệt, dầu là mạnh mẽ, sâu sắc và phổ quát. Thêm vào đó, Ngài và cả Đức Abdul-Baha sau Ngài, đã chế định một cách rõ ràng và cụ thể một hệ thống giáo luật, thiết lập những cơ cấu nhất định, và cung cấp những nguyên lý

căn bản cho nền kinh tế thiêng liêng, mà người ta không tìm thấy trong những Tôn giáo trước.

“Những luật lệ và chế độ này sẽ dùng làm kiểu mẫu cho xã hội tương lai. Kiểu mẫu này sẽ là lợi khí tuyệt phẩm để thiết lập nền “Tối Đại Hòa bình”, tức là yếu tố để thống nhất thế giới và tuyên cáo một thời đại chính trực và công bình trên mặt đất...”

“Những điều mà các Kỳ Cứu độ của Đức Chúa cũng như của Đức Muhammad hay là một Kỳ Cứu độ nào thuở xưa chưa hề biểu thị, thì các tông đồ của Đức Baha’u’llah ở khắp nơi hiện nay đang cần cù hoạt động, đều thấy ghi chép trong Kinh sách một cách minh bạch, chớ không hoa mỹ hay mập mờ. Đó là tất cả những luật, những lệnh, những nguyên tắc, những cơ cấu, và lời chỉ dẫn cần thiết để làm tròn nhiệm vụ...”

“Đó là đặc điểm Mặc khải Baha’i. Do đặc điểm này mà có sự hiệp nhất mạnh mẽ trong đức tin, mà Mặc khải này rất có giá trị, vì Mặc khải này không có ý định tiêu hủy hay làm lu mờ các Mặc khải trước, nhưng chính là để liên kết, thống nhất và làm ứng nghiệm đầy đủ trọn vẹn các Mặc khải đó...”

“Dầu hiện nay Chánh Đạo chúng ta có vẻ còn yếu trước mắt mọi người; họ coi đây như là một nhánh của Hồi giáo, hay không thèm biết đến, lầm tưởng Chánh Đạo như vô số giáo phái tầm thường khác ở Tây phương; viên ngọc vô cùng quý giá, là Biểu hiện của Thượng Đế, sẽ từ địa vị phôi thai tiến lên mãi, nhờ sự che chở của thành lũy luật pháp thiêng liêng; Chánh Đạo sẽ tự vươn lên, không phân chia, không dời đổi cho đến khi bao gồm cả hoàn vũ. Chỉ những ai đã tin nhận cương vị tối cao của Đức Baha’u’llah, những ai mà lòng đã rung động bởi tình yêu đối với Ngài, chỉ những ai thường sống gần gũi với quyền phép của Thánh linh Ngài, mới nhận thức đúng mức giá trị của tổ chức thiêng liêng này - đó là ân tứ tối cao Ngài ban cho nhân loại.”

-Trích thư ngày 21-3-1930-

“Chính nhằm đạt tới mục đích này - mục đích thiết lập Nền Trật tự Mới cho Thế giới, có nguồn gốc thiêng liêng, có qui mô rộng khắp, có nguyên tắc công bình, có đặc điểm đầy thử thách - mà một nhân loại đau khổ cần phải cố gắng vươn lên...”

“Thật là đau buồn cho những nỗ lực của các vị thủ lĩnh những cơ cấu của nhân loại, những người hoàn toàn không hiểu được tinh thần của thời đại chúng ta, toan áp dụng những phương pháp quốc gia của thời dĩ vãng, khi mọi nước còn tự túc tự cấp, cho thời đại chúng ta, một thời đại cần phải thực hiện sự thống nhất thế giới như Đức Baha’u’llah đã vạch ra, hay phải chết.

“Trong giai đoạn rất nguy cấp của lịch sử văn minh như lúc này, các nhà lãnh đạo tất cả các quốc gia trên thế giới, tiểu quốc cũng như cường quốc, Đông cũng như Tây, kẻ chiến thắng cũng như người chiến bại, cần phải chú ý đến tiếng kèn hiệu triệu của Đức Baha’u’llah. Các nhà lãnh đạo quốc gia phải thấu hiểu nghĩa hợp quần thế giới là điều kiện tất yếu của lòng trung tín đối với Đạo Ngài,

và dũng cảm đứng lên đem trọn phương thuốc thần diệu của Đức Baha'u'llah, Đấng Lương y Thiêng liêng, đi chữa bệnh cho một nhân loại đang đau khổ.

“Các vị ấy cần phải dứt khoát xóa bỏ mọi thiên vị, mọi thành kiến quốc gia và phải sẵn sàng nghe lời khuyên cao cả của Đức Abdul-Baha, vì chính Đức Abdul-Baha là Đấng Giải thích có thẩm quyền về giáo lý của Đức Baha'u'llah.

Một quan chức cao cấp trong Chính phủ Hoa Kỳ hỏi mình làm thế nào để phụng sự có hiệu quả chính phủ và nhân dân, Đức Abdul-Baha trả lời (năm 1912) rằng:

“Muốn phụng sự tốt nhất đất nước của ông, thì ông hãy lấy tư cách là một công dân thế giới, cố gắng giúp đỡ phát triển nguyên tắc hiện thời về chế độ liên bang, căn bản hiện hữu của Chính phủ Hoa Kỳ, tới chỗ giao hảo với các dân tộc và các quốc gia trên thế giới...”

“Một hình thức Chính phủ Quốc tế tất phải được thiết lập. Để giúp đỡ chính phủ này, tất cả các quốc gia trên thế giới cần phải tự nguyện nhượng bỏ quyền thu thuế, quyền tuyên chiến và tất cả các quyền duy trì lực lượng quân sự, chỉ trừ những đơn vị để bảo vệ an ninh trong nước. Chính phủ ấy phải thiết lập trong phạm vi hoạt động của mình, một cơ quan hành pháp quốc tế có thể sử dụng quyền hành tối cao và không thể bác bỏ đối với các thành viên của cộng đồng.

“Lại phải có một Nghị viện Thế giới mà các nghị sĩ sẽ được bầu theo dân số của từng quốc gia, với sự chấp thuận sau đó của các chính phủ liên quan. Cuối cùng phải có một Tòa án Tối cao với những sự xét xử cưỡng bách, mặc dầu có khi đương sự nguyên cáo không thỏa thuận đặt việc của họ dưới sự trọng tài của Tòa án này. Trong cộng đồng thế giới này, tất cả những hàng rào làm trở ngại sự phát triển kinh tế đều bị xóa bỏ, chế độ lao tư cộng tác phải được nhìn nhận, tất cả những tiếng gào thét của lòng cuồng tín và những cuộc thánh chiến sẽ bị loại bỏ vĩnh viễn, ngọn lửa oán hận chủng tộc sẽ bị dập tắt. Một nền luật pháp quốc tế do đại diện của liên bang thế giới biên soạn chín chắn sẽ dùng làm tiêu chuẩn thưởng phạt, làm phương tiện can thiệp cấp tốc với sự hỗ trợ của các lực lượng thế giới; và cuối cùng chủ nghĩa quốc gia hay thay đổi và gây hấn sẽ được thay thế bằng ý thức công dân thế giới. Thật ra, nền Trật tự mà Đức Baha'u'llah thiết lập sẽ được thừa nhận là quả tốt đẹp nhất của thời đại trưởng thành...”

“Mục tiêu minh bạch của nền luật pháp thế giới do Đức Baha'u'llah đưa ra không gây nên mối lo ngại nào. Không nhắm mục tiêu lật đổ các nền tảng xã hội hiện tại, nó sẽ phát triển những nền tảng đó, đồng thời thích ứng các chế độ của những nền tảng đó với nhu cầu của thế giới vốn thay đổi thường xuyên. Nó không chống lại lòng trung trực chân thành, chính đáng. Mục đích của quy luật này không phải để dập tắt ngọn lửa ái quốc chân chính sáng suốt trong lòng người, hay xóa bỏ chế độ tự trị quốc gia rất cần yếu, miễn là tránh được những hiểm họa của chính sách trung ương tập quyền quá độ. Nó không làm ngơ hoặc có ý xóa bỏ sự khác biệt về nguồn gốc chủng tộc, khí hậu, lịch sử, ngôn ngữ, truyền thống, tư tưởng, phong tục của các quốc gia trên thế giới. Nó chỉ đòi hỏi sự trung thành và nguyện

vọng rộng rãi hơn lòng trung thành và những nguyện vọng mà loài người ôm ấp bấy lâu nay...

“Trước hết, Đức Baha’u’llah cảnh cáo mọi quan niệm thiên cận, mọi đặc thù chủ nghĩa và thành kiến. Vì những tiêu chuẩn pháp lý, những chủ thuyết chính trị và kinh tế cốt để bảo vệ quyền lợi của toàn khối nhân loại; chứ nhân loại không phải hy sinh để bảo vệ một luật lệ hay một học thuyết riêng biệt nào... Nguyên tắc thống nhất nhân loại, trụ cột của giáo lý Đức Baha’u’llah, không phải là sự bông bột tình cảm mù quáng, cũng không phải là sự biểu hiện của mỗi hi vọng mập mờ và tính hẹp hòi... Nguyên tắc này bao hàm và biểu lộ ý nghĩa sâu sắc hơn, một yêu sách vượt hẳn những điều mà các Đấng Tiên tri xưa kia đã bày tỏ. Sứ điệp của Mặc Khải này không phải chỉ áp dụng được đối với cá nhân, mà trước hết là sự liên quan với những mối liên lạc thiết yếu ràng buộc chặt chẽ tất cả các xứ sở và quốc gia, như những thành viên trong gia đình nhân loại...”

“Nguyên tắc đó biểu hiện sự hoàn thành cuộc tiến hóa của nhân loại...”

“Chỉ những áp lực của một cuộc biến động thế giới mới có thể thúc đẩy tư tưởng con người tới giai đoạn mới mẻ ấy, và tiếc thay điều đó càng ngày càng thấy rõ. Chỉ một thử thách gay go, vừa là hình phạt, vừa là sự tẩy uế nhân loại, mới có thể đánh thức cái tinh thần trách nhiệm mà các nhà lãnh đạo của kỷ nguyên mới này phải đứng lên gánh vác...”

“Chính Đức Abdul-Baha há chẳng tuyên bố rõ ràng rằng “một trận chiến tranh khác, dữ dội hơn trước, chắc chắn sẽ xảy ra” đó sao?”

(28-11-1931).

“Khi những thành phần, những cơ quan của tổ chức bắt đầu hoạt động mạnh mẽ và có hiệu lực, Nền Quản trị này sẽ xác định chủ trương và chứng tỏ khả năng trở thành không những là một trung tâm, mà còn là một kiểu mẫu của nền Trật tự Thế giới Mới có sứ mạng bao trùm khắp nhân loại trong thời kỳ thích đáng...”

“Trong tất cả các Mặc Khải, chỉ có nền Chánh Đạo này là xây dựng được một cơ cấu, mà các tín đồ hoang mang của những tín ngưỡng lỗi thời và suy đồi, có thể đến gần để nhận định bằng óc phê phán, và tìm ở đây sự bảo vệ an ninh hoàn toàn trước khi quá muộn...”

“Các Lời phán của Đức Baha’u’llah đã chỉ rõ về quyền năng và sự uy nghiêm của Nền Quản trị này - những nguyên tắc cơ bản của khối cộng đồng Baha’i tương lai:

“Sự thăng bằng của thế giới đã bị đảo lộn bởi ảnh hưởng chấn động của nền Trật tự Thế giới mới mẻ và tối cao này. Đời sống có tổ chức của nhân loại đã biến đổi triệt để bởi hoạt động của Hệ thống duy nhất và tuyệt diệu mà chưa hề có mắt phàm nào được chiêm ngưỡng”...

“Trên lý thuyết cũng như trên thực hành, khối cộng đồng Baha’i tương lai, do Nền Quản trị rộng lớn này làm rường cột, là duy nhất không những trong lịch sử các chế độ chính trị, mà cả trong biên niên sử các đạo giáo khác trên hoàn cầu. Không hình thức chính phủ dân chủ nào, không chế độ chuyên chế hoặc độc tài

quân chủ hay cộng hòa nào, không hệ thống trung gian thuần túy quý tộc nào, không chế độ thần quyền nào như cộng đồng Do Thái giáo hay các tổ chức tu sĩ Cơ đốc giáo, hay cả chế độ Giáo vương trong Hồi giáo, có thể coi như đồng nhất hoặc phù hợp với Nền Quản trị do bàn tay siêu phàm của Đấng Kiến trúc sư hoàn hảo tạo nên...

“Đừng để cho bất cứ ai làm giảm ý nghĩa và nhận định lệch lạc bản chất, hoặc trình bày sai lầm các mục tiêu của nền Quản trị, khi hệ thống Quản trị này còn trong thời non trẻ. Nền tảng trên đó thiết lập hệ thống Quản trị này là ý định bất di dịch của Thượng Đế dành cho Nhân loại trong thời đại chúng ta... Nguồn gốc cảm hứng khiến nó phát sinh chính là Đức Baha’u’llah vậy... Mục tiêu trung tâm và căn bản là sự thiết lập một nền Trật tự Thế giới Mới như Đức Baha’u’llah từng phác họa. Những phương pháp đặc biệt, mức sinh hoạt tiêu chuẩn của cơ quan này không thiên về Đông hay Tây, không lợi cho Do Thái hơn những kẻ ngoại đạo, không chú trọng về người giàu hơn kẻ nghèo, người da trắng hơn người da màu... Khẩu hiệu của cơ quan này là sự thống nhất nhân loại, ngọn cờ dẫn đạo của nó là Nền “Tối Đại Hòa bình”.

“Sự tương phản giữa một bên là những bằng chứng súc tích của sự củng cố bền vững, đi đôi với sự phát triển Nền Quản trị của Chánh Đạo Thượng Đế, và một bên là những lực lượng tàn phá tận gốc rễ của một xã hội kiệt quệ. Trong và ngoài thế giới Baha’i, các dấu hiệu và bảo đảm tăng thêm mỗi ngày, tiên báo một cách huyền bí việc khai sinh Nền Trật tự Thế giới mà sự thiết lập đánh dấu Thời đại Hoàng kim của Chánh Đạo Thượng Đế...

“Chẳng bao lâu nữa nền Trật tự hiện tại sẽ được thu lại và một nền Trật tự mới sẽ thay thế nó”, đây chính là lời tuyên bố của Đức Baha’u’llah...

“Mặc khải của Đức Baha’u’llah phải được xem như là đánh dấu ngày xuất hiện tuổi trưởng thành của toàn nhân loại. Nó không thể xem chỉ như là thêm một cuộc phục hưng tinh thần tầm thường trong vận mệnh bình thường của nhân loại, hay chỉ là một giai đoạn cao hơn trong chuỗi Mặc khải tiến bộ, cũng không phải chỉ là một cực điểm của một loạt những chu kỳ tiên tri có định kỳ; nhưng là giai đoạn chót và cao nhất của sự tiến hóa kỳ diệu trong cuộc sống tập thể của loài người trên hành tinh này. Những ai có tương quan đến sự sống trên hành tinh này đều phải xem sự khai sinh cộng đồng thế giới, ý thức công dân thế giới, sự thiết lập một nền văn minh và văn hóa thế giới, như là giới hạn xa nhất mà tổ chức xã hội nhân loại có thể đạt tới... Tuy nhiên, một cá nhân rất có thể nhờ sự hoàn thành đó mà tiếp tục phát triển và tiến bộ không ngừng...

“Sự Thống nhất loài người, như Đức Baha’u’llah đã nhận định, bao hàm sự thiết lập một khối cộng đồng thế giới, trong đó tất cả các quốc gia, dân tộc, tín ngưỡng và giai cấp đều đoàn kết chặt chẽ và bền bỉ, và ở đó nền tự trị của các quốc gia thành viên, sự tự do và sáng kiến cá nhân được qui định rõ ràng và bảo vệ đầy đủ. Khối cộng đồng ấy, theo chúng ta hình dung phải gồm có một cơ quan lập pháp quốc tế, mà các nghị viên là những người đại diện cho toàn thể nhân loại, có quyền kiểm soát tối hậu tất cả những tài nguyên của các quốc gia thành viên, và ban hành những bộ luật khả dĩ điều hòa xã hội, thỏa mãn các nhu cầu và duy trì tình giao hảo giữa tất cả các dân tộc, các nòi giống.

“Một quyền hành pháp quốc tế, dựa trên một lực lượng quốc tế sẽ thi hành những quyết định và áp dụng những luật lệ do cơ quan lập pháp ban hành và bảo vệ sự thống nhất hữu cơ của toàn khối cộng đồng.

“Một tòa án quốc tế sẽ xét xử và tuyên án cưỡng chế chung thẩm trong mọi trường hợp tương tranh có thể xảy ra giữa các thành viên của cộng đồng quốc tế này.

“Một hệ thống giao thông thế giới sẽ được thiết lập, không lệ thuộc vào các hạn chế và chướng ngại quốc gia, và vận hành với một tốc độ lạ lùng và đều đặn trọn vẹn.

“Một thủ đô thế giới, như là trung tâm chỉ huy nền văn minh thế giới, sẽ là nơi tập hợp mọi lực lượng cuộc sống và cũng là chỗ tỏa ra sinh lực.

“Thế giới ngữ sẽ được sáng tạo hay lựa chọn giữa những ngôn ngữ hiện có và sẽ được dạy làm sinh ngữ chính bên cạnh tiếng mẹ đẻ của mỗi dân tộc. Một thứ chữ viết chung, một nền văn học quốc tế, một hệ thống đồng nhất về tiền tệ, về đo lường, sẽ làm dễ dàng và đơn giản sự trao đổi và thông cảm giữa các quốc gia và các chủng tộc.

“Trong một xã hội như vậy, khoa học và tôn giáo, hai lực lượng mạnh nhất của nhân sinh sẽ hòa hợp, cộng tác với nhau và phát triển nhịp nhàng.

“Trong một tổ chức như vậy, báo chí tự do diễn đạt mọi xu hướng, mọi tín ngưỡng của nhân loại, không bị lệ thuộc quyền lợi tư nhân hay công cộng nào, và không chịu ảnh hưởng của các chính phủ và dân tộc bất hòa với nhau. Các tài nguyên kinh tế thế giới sẽ được tổ chức lại, những nguồn nguyên liệu sẽ được khai thác và sử dụng triệt để, các thị trường sẽ phối hợp và phát triển, sự phân phối sản phẩm sẽ được quy định thích đáng.

“Sự tương tranh, thù hận và âm mưu giữa các quốc gia sẽ chấm dứt, ác cảm và thành kiến chủng tộc sẽ nhường chỗ cho tình đồng loại, sự thông cảm và hợp tác. Những nguyên nhân tranh chấp tôn giáo sẽ bị loại bỏ vĩnh viễn, những chướng ngại và hạn chế kinh tế bị tiêu hủy hoàn toàn, và sự phân cách giữa các giai cấp bị xóa bỏ. Sự bành trướng quá độ quyền tư hữu bên cạnh tầng lớp bị bóc lột tàn tệ sẽ không còn nữa. Nguồn năng lượng vĩ đại tiêu phí cho chiến tranh trên hai bình diện chính trị và kinh tế sẽ được sử dụng cho những mục tiêu khác, như mở rộng những lãnh vực phát minh của con người, phát triển chuyên môn, tăng mức sản xuất, diệt trừ bệnh tật, mở rộng các trung tâm nghiên cứu khoa học, nâng cao sức khỏe vật chất, giúp đỡ trí óc con người trở nên sắc bén và minh mẫn hơn, khai thác những tài nguyên chưa được sử dụng của trái đất, tăng tuổi thọ của con người, và tạo điều kiện thuận lợi cho sự tiến bộ bằng mọi phương tiện có thể kích thích cuộc sống trí tuệ, đạo đức và tâm linh của toàn thể loài người.

“Một hệ thống liên bang quốc tế quản trị toàn thể thế giới, có một quyền hạn tối cao trên mọi tài nguyên phong phú của cả thế giới, dung hòa và thể hiện mọi tư tưởng Đông và Tây, chế ngự mọi tai họa chiến tranh và nghèo khổ, tăng cường khai thác các tài nguyên hiện hữu trên mặt đất. Trong hệ thống đó Sức mạnh phục vụ Công lý và cuộc sống được duy trì bởi sự công nhận một Đấng Thượng Đế duy

nhất và lòng trung thành với Mặt khải chung; đó là mục tiêu mà loài người, thúc đẩy bởi lực lượng đoàn kết của cuộc sống đang theo đuổi.

“Toàn thể nhân loại than khóc và khao khát đạt tới sự thống nhất, chấm dứt những chuỗi ngày tuấn đạo. Tuy vậy nhân loại lại ngoan cố từ chối ánh sáng và không chấp nhận một Quyền lực tối cao có thể giải thoát họ khỏi vòng lẩn quẩn khó khăn, khỏi những tai họa kinh khủng đang đe dọa chôn vùi nhân loại...”

“Sự thống nhất toàn nhân loại là đích điểm của giai đoạn mà xã hội loài người đang tiến tới. Sự thống nhất gia đình, bộ lạc, thị quốc và quốc gia, đã được toan tính và thực hiện hoàn hảo. Sự thống nhất thế giới là mục tiêu mà loài người đau khổ đang cố gắng đạt tới. Phần xây dựng quốc gia đã hoàn tất. Sự hỗn loạn thuộc về chủ quyền quốc gia gần tới cực điểm của nó. Một thế giới tiến tới trưởng thành phải từ bỏ sự sùng bái ấy để thừa nhận sự thuần nhất của toàn thể gia đình nhân loại, và thiết lập một lần cho xong những cơ cấu khả dĩ thể hiện tốt nhất nguyên tắc căn bản của đời sống.”

(11-3-1936)

LỜI BẠT

Dưới sự hướng dẫn đầy cảm hứng của Đức Shoghi Effendi, Chánh Đạo Baha'i phát triển vững chắc về tầm cỡ, cũng như thiết lập Nền Quản trị, nên đến năm 1951 đã có mười một Hội đồng Tinh thần Quốc gia hoạt động. Ở điểm phát triển này, Đức Giáo hộ mở rộng những cơ cấu Chánh Đạo trên tầm vóc quốc tế, người chỉ định Hội đồng Baha'i Quốc tế, tiền thân của Tòa Công lý Quốc tế, và liền sau đó, người bổ nhiệm các vị Giáo thủ. Trước đó, Đức Giáo hộ cũng đã nâng lên hàng Giáo thủ một số những người Baha'i lỗi lạc đã quá cố (một trong những vị đó là Tiến sĩ John E. Esslemont, tác giả sách này), nhưng đến năm 1951, xét rằng thời gian đã chín muồi để phát triển đầy đủ cơ cấu quan trọng này, trong một thời gian ngắn, từ 1951 đến 1957, người đã chỉ định ba mươi hai vị Giáo thủ và mở rộng tầm hoạt động của các vị ấy bằng việc thiết lập tại mỗi lục địa một Ban Tùy viên gồm những tín đồ do các Giáo thủ chỉ định để làm trợ lý, cố vấn cho các vị ấy. Khi Đức Giáo hộ qua đời trên thế giới còn được hai mươi bảy vị Giáo thủ.

Qua nhiều loạt thư từ, một số gửi cho những người Baha'i trên khắp thế giới, một số gửi cho các quốc gia riêng biệt, Đức Giáo hộ nâng cao sự hiểu biết của họ về giáo lý, xây dựng các cơ cấu quản trị của Chánh Đạo, đào luyện các tín đồ để thực hiện nhiệm vụ của họ một cách chính đính và có hiệu quả, và vào năm 1937, người đặt Cộng đồng Baha'i Mỹ châu vào nhiệm vụ thực thi Kế hoạch Thiêng liêng là phổ biến sâu rộng Sứ điệp của Đức Baha'u'llah. Kế hoạch Thiêng liêng này đã được Đức Abdul-Baha mặc khải qua một số Thư Ngài viết trong thời gian Thế chiến thứ I cấu thành hiến ước của sự quảng bá Chánh Đạo.

Trong khuôn khổ của hiến ước này một số Kế hoạch truyền giáo đã được thực hiện, trước hết ở Tây Bán cầu rồi đến Châu Âu, Châu Á, Châu Úc, Châu Phi, cho đến năm 1953 thì Đức Giáo hộ kêu gọi thực hiện Kế hoạch Thánh chinh toàn cầu "dài một thập kỷ" để đem nền Chánh Đạo đến tất cả các quốc gia độc lập và lãnh thổ ủy trị trên khắp thế giới.

Năm 1957, khi kế hoạch mười năm mới sắp tới nửa đường, thì Đức Giáo hộ kiệt sức sau ba mươi sáu năm lao động liên tục, đã qua đời khi Ngài viếng thăm Luân đôn.

Đức Shoghi Effendi không có người thừa kế, công việc của Chánh Đạo sau tháng mười một năm 1957 đã được điều phối và lãnh đạo bởi Hai mươi bảy vị Giáo thủ cho đến khi hoàn thành thắng lợi Kế hoạch Mười năm Thánh chinh vào tháng tư năm 1963, đó là lúc Tòa Công lý Quốc tế được bầu cử bởi năm mươi sáu Hội đồng Tinh thần Quốc gia hội họp tại trung tâm Baha'i Thế giới ở Haifa do các vị Giáo thủ triệu tập.

Ngay sau cuộc bầu cử lịch sử này, nhiều người Baha'i trên khắp hoàn cầu đã về dự cuộc Đại hội Quốc tế đầu tiên tại Luân đôn để đón mừng Thánh lễ Tuyên ngôn của Đức Baha'u'llah lần thứ một trăm và để mừng nền Chánh Đạo của Ngài phổ biến khắp thế giới.

Cơ cấu tối cao của Chánh Đạo hiện nay là Tòa Công lý Quốc tế do Đức Baha'u'llah thiết định trong Thánh kinh Thiên liêng Nhất của Ngài, được ban cho quyền lập pháp về mọi vấn đề không nêu trong các Thánh thư Baha'i, và chính các Thánh thư bảo đảm sự hướng dẫn thiêng liêng. Đức Abdul-Baha, trong Chúc thư và Giao ước của Ngài, đã thiết định thể thức bầu cử Tòa Công lý Quốc tế, định nghĩa rõ ràng hơn cương vị và nhiệm vụ của cơ cấu này, và đoán chắc rằng Tòa Công lý Quốc tế được đặt dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Đức Bab và Đức Baha'u'llah và đó là cơ cấu mà mọi người phải hướng về.

Đặc điểm nổi bật và độc đáo của Chánh Đạo Baha'i là Giao ước của Đức Baha'u'llah làm nền tảng vững chắc, trên đó Chánh Đạo xây dựng mọi cấu trúc và thực hiện sự phát triển. Tính chất độc đáo ở đây là lần đầu tiên trong lịch sử tôn giáo, Đấng Biểu hiện Thượng Đế bằng ngôn ngữ rõ ràng và chính xác đã dựng lên cơ cấu có thẩm quyền giải thích Lời Ngài và bảo đảm sự liên tục của thẩm quyền thiêng liêng được chỉ định xuất phát từ Nguồn của Chánh Đạo.

Việc giải thích Thánh thư trong các tôn giáo trước luôn luôn là nguồn gốc sản sinh sự phân phái. Đức Baha'u'llah, trong Kinh Giao ước của Ngài, đã trao cho trưởng nam của Ngài, Đức Abdul-Baha trọn quyền giải thích các Thánh thư của Ngài và quyền lãnh đạo nền Chánh Đạo. Đức Abdul-Baha, trong Chúc thư và Giao ước của Ngài đã chỉ định cháu đích tôn của Ngài, Đức Shoghi Effendi, làm Giáo hộ của Chánh Đạo và làm người duy nhất giải thích Thánh thư. Trong Đạo không có giới tu sĩ và không có cá nhân nào có thể tự gán cho mình cương vị hoặc quyền hướng dẫn đặc biệt; thẩm quyền được trao cho các cơ cấu tạo nên trong qui định của các Thánh thư.

Do tính chất các qui định độc đáo này, nền Chánh Đạo của Đức Baha'u'llah tránh được sự phân phái, sự mất giá trị của cấp lãnh đạo thẩm quyền, và trên hết là sự xâm nhập của các chủ thuyết và triết lý nhân tạo. Thuần khiết và không bị xâm phạm, Lời thiên khai của Đức Baha'u'llah, với sự giải thích có thẩm quyền, sẽ tồn tại suốt Kỳ Cứu độ là nguồn sống tâm linh không hư hoại và không thể bị phá hoại của con người.

Năm 1968, Tòa Công lý Quốc tế đã quyết định trao nhiệm vụ đặc biệt về truyền giáo và bảo vệ tôn giáo cho hậu thế, bằng cách thành lập các Ban Cố vấn Vùng. Mỗi Ban bao gồm một số vị Cố vấn do Tòa Công lý Quốc tế chỉ định, và Cố vấn hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ với các vị Giáo thủ. Việc chỉ định và điều khiển các Tùy viên hiện là nhiệm vụ của các Ban Cố vấn, và hoạt động của các vị Giáo thủ được mở rộng ra toàn thế giới.

Đức Giáo hộ đã viết về các kế hoạch truyền giáo toàn cầu trong tương lai sẽ được thực hiện dưới sự lãnh đạo của Tòa Công lý Quốc tế, và kế hoạch đầu tiên là Kế hoạch Chín năm được phát động năm 1964. Đến nay, năm 2006 đã có người Baha'i ở tại 116.000 địa phương tại 236 quốc gia, lãnh thổ và vùng đất ủy trị trên

thế giới. Kinh sách Baha'i đã được dịch ra 800 thứ tiếng. Đền thờ Baha'i đã được xây dựng khắp năm châu và nhiều địa phương. Tôn giáo Baha'i được truyền đến Việt Nam năm 1954 và năm 2008 chính thức được nhà nước Việt Nam công nhận đầy đủ pháp nhân theo giấy phép số 150/QĐ-TGCP của Ban Tôn giáo chính phủ

Điều đáng khích lệ nhất là sự hưởng ứng của quần chúng ở các nơi như Phi châu, Ấn độ, Đông Nam Á và châu Mỹ La tinh, ở đó dân chúng địa phương đã nhận đạo hàng loạt đông đảo, đưa cộng đồng Baha'i lên giai đoạn phát triển về quản trị và sinh hoạt xã hội.

CHÚ THÍCH:

¹ Viết không lâu sau Thế chiến Thứ nhất

² Ngày nay đã có những bản dịch vô song của Đức Shoghi Effendi từ những Văn phẩm tiếng Ba Tư và tiếng Ả rập của Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha. Những bản dịch này cùng với những tác phẩm khác của Ngài về Lịch sử Chánh Đạo, những phát biểu và gợi ý về những chân lý căn bản, sự triển khai của Nền Quản trị, đã giúp cho công việc của người tìm tòi hiện nay được dễ dàng hơn nhiều so với thời của Tiên sĩ Esslemont.

³ Chữ a đọc như trong từ Sháh

⁴ Một trong hai giáo phái lớn, Shi'ih và Sunni đã phân chia Hồi giáo không lâu sau khi Đức Muhammad thăng thiên. Người Hồi giáo Shi'ih tin rằng Ali, con rể của Đức Muhammad, là người kế vị hợp pháp của Đấng Tiên tri, và chỉ có hậu duệ của người mới là Caliph chân chính.

⁵ Ngày đầu tháng Muharram, năm 1235 A. H (Lịch Hồi giáo).

⁶ Về điểm này một sử gia nhận định: “Tín ngưỡng của nhiều người ở Đông phương, đặc biệt là những tín đồ của Đức Bab (nay là tín đồ Baha'i) là như vậy: Đức Bab không hề nhận sự giáo dục nào của người đời, nhưng các Mulla (tu sĩ Hồi giáo) vì muốn hạ thấp Ngài trước mắt mọi người, nên đã rao rằng sự hiểu biết và khôn ngoan mà Ngài có được là do ở sự giáo dục của người đời. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng để tìm sự thật trong vấn đề này chúng tôi đã tìm được bằng chứng cho thấy là hồi nhỏ trong một thời gian ngắn Ngài thường đến nhà của Shayk Muhammad (cũng nổi tiếng là Abid), ở đó Ngài được dạy đọc và viết bằng tiếng Ba Tư. Về điểm này Đức Bab có nhắc tới khi Ngài viết trong Kinh Bayan: “Hồi Muhammad, Hồi Thầy Ta!...”

“Tuy nhiên điều đáng lưu ý là chính ông Shayk này, trước là thầy Ngài, đã trở thành một môn đồ tận tụy của học trò mình, và cậu của Đức Bab người được coi là thân phụ Ngài, tên là Haji Siyyid Ali, cũng đã trở thành tín đồ sùng đạo và tử đạo như một Babi”.

“Người tìm chân lý sẽ thấu hiểu những điều huyền bí này, nhưng chúng ta chỉ nhận được là ở cấp sơ đẳng, còn bất cứ dấu hiệu nào về sự hiểu biết và sự vĩ đại xuất hiện nơi Ngài thì có tính chất biết điều này là sự học mà Đức Bab đã nội tại và đến từ Thượng Đế.”

⁷ “Bút ký của người du lịch viết để minh họa một Giai đoạn trong đời Đức Bab” với lời giới thiệu của E. G. Browne, sau đó được trích dẫn như “Một giai đoạn trong đời Đức Bab”.

⁸ Ngày 23 tháng 5 năm 1844.

⁹ Vị Imam của người Hồi giáo Shi'ih là người kế vị Đấng Tiên tri theo sự truyền phán thiêng liêng, người mà tất cả tín đồ phải tuân theo. Mười một người đã kế tục nhau giữ chức vụ Imam, người đầu tiên là Ali, là anh em họ và cũng là con rể của Đấng Tiên tri. Phần lớn người Shi'ih tin rằng vị Imam thứ 12 mà họ tôn xưng là Imam Midhi đã biến đi như một đứa trẻ theo một con đường vào lòng đất năm 329 (Lịch Hồi giáo), và khi đúng lúc vị ấy sẽ đến, loại trừ những kẻ bất tín, và mở đầu kỷ nguyên phúc lạc.

¹⁰ Đọc với dấu nhấn ở vần thứ hai và vần thứ tư, vần thứ nhất gần như câm và cả hai chữ L phải phát âm rõ ràng.

¹¹ Lúc này là đầu năm 1853, hoặc 9 năm sau Tuyên ngôn của Đức Bab, như vậy là đã ứng nghiệm một số lời tiên tri của Đức Bab về “năm thứ 9”.

¹² Kinh Iqan, Kitab-i-Iqan, và “Kinh Xác tín” tất cả chỉ là cùng một bộ kinh.

¹³ Đọc là Rizwan (Ri-đơ-von)

¹⁴ Tác giả pho sử đầu tiên của Chánh Đạo “The Dawn Breakers” (Những Người Khai sáng), Nabil có dự phần trong những trạng huống mà ông mô tả và ông sống rất gần gũi với nhiều người tín đồ đầu tiên.

¹⁵ Kinh Aqdas, Kitab-i-Aqdas, Thánh kinh Aqdas, Thánh kinh Thiêng liêng Nhất, tất cả chỉ là cùng một bộ kinh.

¹⁶ Jamal-i-Mubarak (nghĩa là Đấng Phúc Mỹ) đó là tước hiệu mà tín đồ và bạn hữu thường dùng để chỉ Đức Baha’u’llah.

¹⁷ Khi được hỏi liệu Đức Baha’u’llah có đặc biệt nghiên cứu các văn phẩm của phương Tây và xây dựng giáo lý của Ngài dựa trên đó, Đức Abdul-Baha trả lời rằng các sách của Đức Baha’u’llah, được viết và phổ biến khá lâu vào những năm 70 của thế kỷ 19, chứa đựng những lý tưởng hiện nay trở thành quen thuộc ở phương Tây, dù rằng hồi đó những lý tưởng này ở phương Tây chưa được in ra, chưa có ai nghĩ tới.

¹⁸ Thứ năm, ngày 5 tháng Jamadi I, năm 1260 lịch Hồi giáo (gọt tắt là năm sáu mươi)

¹⁹ Truyền thuyết này được trích dẫn trong một Bản Kinh của Đức Baha’u’llah; xem ở chương V sách này.

²⁰ Có thể là điều thích thú nếu so sánh chuyện này với chuyện ra đời của thánh Giảng Tầy Giã, (đọc sách Phúc âm của Thánh Luca, chương I).

²¹ Trong năm 1969, 139 quốc gia độc lập và 173 lãnh thổ, hải đảo có tầm quan trọng đã đón nhận Chánh Đạo.

²² Sách này còn được phát hành dưới nhan đề “Những bài giảng ở Paris”

²³ Về vấn đề Kinh Cầu Thay, coi chương XI

²⁴ Về những chi tiết đặc biệt, xem các bài diễn thuyết của Đức Abdul-Baha đã xuất bản, nhất là những bài đọc ở bên Mỹ

²⁵ Cuộc chiến tranh Ý - Thổ Nhĩ Kỳ nổ ra ngày 29-9-1911

²⁶ Con gái của bác sĩ Zamenhof là Lydia đã trở thành một tín đồ Baha’i tích cực

²⁷ Từ 1868 tới 1870

²⁸ Tác giả viết đoạn này năm 1919-1920

²⁹ Xem thêm chương về Cách đối xử với phạm nhân.

³⁰ Ngày này cũng là ngày Giáng sinh của Đức Abdul-Baha

³¹ Đọc là Azkar nghĩa là Đền hay Nhà Thống Nhất

³² Thật thú vị khi so sánh Mashriqu’l-Adhkar với hình ảnh được tả trong thơ của Tennyson sau đây: “Tôi mơ đến việc xây dựng một đền thờ thiêng liêng với từng phiến đá. Một chiếc đền, không phải là chùa, không phải thánh đường Hồi giáo, không phải nhà thờ Gia Tô giáo, nhưng cao hơn, giản dị hơn và luôn luôn mở rộng đón tất cả các cơn gió tự các bầu trời đến, và sự thật, hòa bình, tình yêu, công lý đều tìm đến đây sống chung.”

Giấc mơ của Akbar, năm 1892

³³ Ngôi Đền thờ phương đã bị hư hỏng nặng vì một cơn động đất năm 1948 và bị phá hủy luôn vào mấy năm sau đó.

³⁴ Ngôi Đền thờ này được hoàn thành năm 1953. Từ đó, những Đền thờ Baha'i khác đã được xây dựng ở Kampala, Uganda; Sydney, Australia; Frankfurt, Germany; Panama, Panama. Vào lúc này (1969) năm mươi khu đất xây đền thờ ở các nơi khác đã được tạo mãi xong.

³⁵ Bản gửi cho Rais.

³⁶ Bản gửi cho Đức Giáo Hoàng

³⁷ Từ loại (chủng loại) dùng ở đây cắt nghĩa sự khác biệt vốn có giữa loài người và loài thú, dù bề ngoài thì có vẻ giống nhau. Không nên hiểu từ này theo nghĩa dùng trong ngành sinh vật học.

³⁸ Thế chiến II về sau chứng minh sự ứng nghiệm lời tiên tri này cách rõ ràng hơn, với sự dùng bom nguyên tử.

³⁹ Điều này càng bộc lộ rõ hơn trong thế chiến II.

⁴⁰ Điều đáng lưu ý là cuộc họp dự thảo Hiến chương Liên Hợp Quốc đã diễn ra ở San Francisco

⁴¹ Lord Curzon trong quyển sách của ông nhan đề “NƯỚC BA TƯ VÀ VẤN ĐỀ BA TƯ”, ấn hành năm 1892 là năm Đức Baha'u'llah Thăng thiên đã viết: “Mức ước lượng thấp nhất về số tín đồ Babi hiện nay ở Ba Tư là nửa triệu người. Do những cuộc đàm đạo với những người có tư cách thẩm định, tôi nghĩ rằng tổng số tín đồ Babi phải tới gần một triệu. Họ có mặt trong mọi tầng lớp xã hội, từ các thượng thư và các nhà quý tộc trong triều cho đến người phu quét đường và người lính hầu, và sinh hoạt truyền giáo của họ diễn ra ngay cả trong giới tu sĩ Hồi giáo...”

Nếu đạo Babi tiếp tục phát triển theo đà hiện nay, thì có thể ước tính lúc số tín đồ này vượt cao hơn số tín đồ Hồi giáo ở Ba Tư. Tôi nghĩ điều này khó xảy ra, vì Đạo này đã xuất hiện nơi vùng đất dưới ngọn cờ của một đức tin đối nghịch. Nhưng vì lẽ những người được chọn đã được chinh phục trong số những chiến sĩ giỏi nhất của đạo quân đang tấn công mình, đó là lý do mạnh mẽ để tin rằng sự phát triển có thể thực hiện.

Tập I, Trang 499-502

⁴² Số tín đồ Baha'i đang tăng nhanh mỗi ngày và vào năm 1979 số các địa phương trên khắp thế giới có người Baha'i cư ngụ đã lên tới 103.000.

⁴³ Các Tòa Công lý Địa phương và Quốc gia hiện nay còn giữ danh xưng là Hội đồng Tinh thần Địa phương và Hội đồng Tinh thần Quốc gia.

⁴⁴ Về các Vị Phụ Tá do Đức Giáo hộ chỉ định trong 36 năm hành đạo của Ngài, hai mươi bảy vị vẫn còn sống lúc Đức Giáo hộ qua đời. Năm 1954, Ngài còn thiết lập các Ban Tùy viên (Auxiliary Board) do các Vị Phụ tá chỉ định, và các Ban này là các đại diện, trợ lý và cố vấn của các Vị Phụ tá.

⁴⁵ Đoạn này nói về Nền Quản trị được rút ra từ luận đề của Horace Holley về “Nền Quản trị Ngày nay của Đạo Baha'i” phổ biến năm 1933 trong Tuyển tập Thế giới Baha'i, quyển V, trang 191 và... Những đoạn văn Baha'i trích dẫn ở đây đã được thay bằng những đoạn mới dịch lại.

⁴⁶ Tòa Công lý Quốc tế được bầu lần đầu vào tháng tư năm 1963 bởi các Ủy viên của năm mươi sáu Hội đồng Tinh thần Quốc gia.